

TÀI LIỆU

HỘI THẢO KHOA HỌC “NGHỀ LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN AI VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ: THÁCH THỨC, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”



HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2026

MỤC LỤC

TT	Tên tham luận	Tên tác giả	Số trang
1	Tham luận 1: Luật Trí tuệ nhân tạo - các tác động tới giáo dục đại học và đào tạo luật ở Việt Nam	- NGƯT.PGS.TS. Nguyễn Thị Quế Anh - PGS. TS. Nguyễn Bích Thảo Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	3
2	Tham luận 2: Tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh đối với nghề luật - Từ công cụ hỗ trợ đến tái cấu trúc thị trường dịch vụ pháp lý	- PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh - PGS. TS. Nguyễn Văn Quân Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	27
3	Tham luận 3: Trách nhiệm đạo đức mới của nghề luật trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo - Yêu cầu kiểm chứng, trách nhiệm giải trình và suy xét nhân văn	- PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn - CN. Trần Nam Anh Khoa Lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	40
4	Tham luận 4: Đổi mới hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp trong bối cảnh phát triển AI và chuyển đổi số toàn diện	- NGƯT. PGS.TS. Nguyễn Minh Hằng - ThS. Vũ Thị Thu Thủy Học viện Tư pháp	59
5	Tham luận 5: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử của tòa án: Kinh nghiệm của một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam	- TS. Lê Thị Thúy Nga - TS. Nguyễn Thị Minh Huệ Học viện Tư pháp	79
6	Tham luận 6: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động công tố và kiểm sát: Kinh nghiệm quốc tế và giá trị tham khảo cho Việt Nam	TS. Hoàng Anh Tuyên Trường Đại học Kiểm sát	115
7	Tham luận 7: Ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động hành nghề luật sư: Kinh nghiệm của một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam	- TS. Ngô Thị Ngọc Vân - ThS. Lưu Ngọc Liên Học viện Tư pháp	135
8	Tham luận 8: Ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động công chứng, đấu giá: Kinh nghiệm của một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam	- TS. Phạm Thị Thúy Hồng Học viện Tư pháp - CCV. Nguyễn Chí Khang Văn phòng Công chứng Nguyễn Chí Khang, tỉnh Khánh Hòa	151

9	Tham luận 9: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động nghiệp vụ thi hành án và thừa hành viên: Kinh nghiệm của một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam	ThS. NCS. Huỳnh Nữ Khuê Các Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	166
---	---	--	-----

THAM LUẬN 1

LUẬT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO - CÁC TÁC ĐỘNG TỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ ĐÀO TẠO LUẬT Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ QUẾ ANH
Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
PGS. TS. Nguyễn Bích Thảo
Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Sự ra đời của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 (Luật số 134/2025/QH15) đánh dấu một cột mốc lịch sử trong tiến trình hoàn thiện thể chế số của Việt Nam, thiết lập một “kiến trúc thượng tầng” mới điều chỉnh toàn diện hoạt động trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên cách tiếp cận rủi ro và nguyên tắc lấy con người làm trung tâm. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học, đào tạo luật và nghề luật không tồn tại biệt lập mà kết cấu thành một vòng lặp hữu cơ, chịu tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất từ đạo luật này. Đây là ba mắt xích then chốt: (i) nơi tạo lập nguồn nhân lực, (ii) nơi hình thành tư duy pháp lý và (iii) nơi thực thi công lý. Tất cả đều phải chuyển mình để tương thích với các chuẩn mực mới của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025. Tham luận tập trung phân tích các tác động mang tính chuyển dịch hệ thống của đạo luật này đối với lĩnh vực giáo dục đại học và đào tạo luật. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng việc chủ động thực thi các tiêu chuẩn về đạo đức và trách nhiệm giải trình của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 chính là chìa khóa để bảo vệ tính nhân bản của giáo dục luật học và khẳng định vị thế chủ thể của chuyên gia pháp lý trước làn sóng công nghệ. Kết quả nghiên cứu không chỉ cung cấp góc nhìn toàn cảnh về hành lang pháp lý mới mà còn đưa ra các định hướng thực tiễn để các cơ sở giáo dục đại học nói chung và các cơ sở đào tạo luật nói riêng chủ động thích ứng, biến thách thức từ Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 thành động cơ thúc đẩy sự phát triển bền vững và nhân văn trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Luật Trí tuệ nhân tạo 2025; giáo dục đại học; đào tạo luật; năng lực chủ thể số (Digital Agency); liên chính học thuật; quản trị rủi ro AI.

Đặt vấn đề:

Vào ngày 10/12/2025, Quốc hội đã tạo nên một cột mốc lịch sử trong tiến trình hoàn thiện thể chế số bằng việc chính thức thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/03/2026). Đạo luật này thiết lập một hành lang pháp lý toàn diện, điều chỉnh xuyên suốt vòng đời của hệ thống AI - từ giai đoạn nghiên cứu, thiết kế, huấn luyện đến khi thương mại hóa và ứng dụng thực tiễn. Bên cạnh việc xác lập quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong và ngoài nước, Luật còn định hình cơ chế quản lý nhà nước nghiêm ngặt nhưng linh hoạt, ngoại trừ các lĩnh vực đặc thù như quốc phòng, an ninh và cơ yếu. Đây chính là nền tảng pháp lý quan trọng nhất để định hướng cho sự phát triển an toàn và bền vững của AI tại Việt Nam trong tương lai.

Sự ra đời của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 không chỉ đơn thuần là việc bổ sung một văn bản quy phạm pháp luật vào hệ thống pháp luật, mà là sự xác lập một “kiến trúc thượng tầng” mới, tái định nghĩa các giá trị cốt lõi của tri thức, kỹ năng và trách nhiệm con người trong xã hội số. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học, đào tạo luật và nghề luật không tồn tại biệt lập mà kết cấu thành một vòng lặp hữu cơ, chịu tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất từ đạo luật này.

1. Tổng quan về Luật Trí tuệ Nhân tạo năm 2025 và các nguyên tắc cốt lõi

Để hiểu rõ tác động của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đối với các định chế giáo dục và thực thể nghề nghiệp, trước hết cần giải mã triết lý quản trị mà các nhà lập pháp Việt Nam đã gửi gắm. Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 không tiếp cận công nghệ theo hướng cấm đoán cực đoan, cũng không buông lỏng hoàn toàn, mà chọn một lộ trình trung dung: quản lý dựa trên rủi ro, lấy con người làm trung tâm và đề cao sự minh bạch.

1.1. Cách tiếp cận dựa trên rủi ro: Phân tầng quản lý và vị thế đặc thù của ngành giáo dục

Trọng tâm xuyên suốt của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 chính là phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro (Risk-based approach) được quy định tại Điều 9. Đây là tư duy quản trị hiện đại, cho phép Nhà nước tập trung nguồn lực vào những hệ thống có khả năng gây hại lớn nhất, đồng thời tạo không gian tự do cho các đổi mới sáng tạo ít rủi ro. Luật phân định rõ ba cấp độ:

- Hệ thống rủi ro cao: Những hệ thống có thể xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe hoặc các quyền cơ bản của công dân.
- Hệ thống rủi ro trung bình: Những hệ thống có khả năng thao túng hoặc gây nhầm lẫn cho người sử dụng.
- Hệ thống rủi ro thấp: Những ứng dụng phổ thông, mang tính hỗ trợ thuần túy.¹

Đáng chú ý, tại điểm b Khoản 2 Điều 6, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã định danh giáo dục là một trong những lĩnh vực thiết yếu phải chịu sự quản lý rủi ro ở mức độ chặt chẽ hơn.² Việc xếp giáo dục vào nhóm rủi ro cao không phải để hạn chế ứng dụng công nghệ, mà nhằm bảo vệ người học trước các rủi ro về “định kiến thuật toán” trong đánh giá và phân loại. Một hệ thống AI dùng để chấm điểm hoặc xét tuyển đại học nếu mang thiên kiến sẽ ảnh hưởng đến cả một lộ trình phát triển của cá nhân. Do đó, Luật yêu cầu các hệ thống này phải được đánh giá sự phù hợp (Điều 13) và quản trị dữ liệu huấn luyện một cách khắt khe nhằm đảm bảo tính công bằng tuyệt đối.

¹ Xem: Điều 9 Luật AI 2025

² Xem: điểm b khoản 2 điều 6 Luật AI 2025

1.2. Nguyên tắc “Lấy con người làm trung tâm”: Ranh giới giữa hỗ trợ công nghệ và thẩm quyền quyết định

Khi chuyển từ tư duy phân loại sang tư duy ứng dụng, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 xác lập một “điểm tựa” đạo đức quan trọng tại Điều 4 “*Nguyên tắc lấy con người làm trung tâm*”.³ Điều này khẳng định một chân lý pháp lý: Trí tuệ nhân tạo, dù thông minh đến đâu, cũng chỉ là công cụ phục vụ con người, không bao giờ được phép thay thế hoàn toàn thẩm quyền và trách nhiệm của chủ thể người.

Nguyên tắc này trở thành “kim chỉ nam” cho việc áp dụng AI trong hai môi trường nhạy cảm nhất là nhà trường và tòa án. Trong giáo dục, AI có thể hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình học tập, nhưng quyết định cuối cùng về việc công nhận học vị hay đánh giá đạo đức sinh viên/học viên phải thuộc về giảng viên và hội đồng sư phạm. Tương tự trong nghề luật, các hệ thống AI hỗ trợ tư pháp có thể tra cứu hàng vạn quy định pháp luật và án lệ trong giây lát, nhưng thẩm quyền ra phán quyết thuộc Thẩm phán - người sở hữu sự thấu cảm và lương tâm pháp lý mà máy móc không bao giờ có được. Luật khẳng định sự kiểm soát của con người phải được duy trì trong mọi giai đoạn, nhằm đảm bảo rằng AI không trở thành một “thực thể tối cao” nằm ngoài tầm kiểm soát của luật pháp.

1.3. Nghĩa vụ minh bạch và trách nhiệm giải trình: Nền tảng của niềm tin trong kỷ nguyên số

Để hiện thực hóa việc kiểm soát của con người, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã thiết lập các công cụ kỹ thuật, pháp lý thông qua nghĩa vụ minh bạch và trách nhiệm giải trình quy định tại Điều 11 và Điều 14. Đây chính là cách tiếp cận chính thức để giải bài toán “black box” của thuật toán, biến AI từ một hệ thống bí ẩn thành một công cụ có thể hiểu và kiểm soát được.

Theo Điều 11, nghĩa vụ có tính quan trọng quyết định đã được đặt ra: mọi nội dung âm thanh, hình ảnh, văn bản, video do AI tạo ra hoặc chỉnh sửa (như Deepfake hoặc các mô hình ngôn ngữ lớn) đều phải được gắn nhãn minh bạch.⁴ Điều này đặc biệt quan trọng trong đào tạo luật và nghề luật, giúp nhận diện đâu là trí tuệ của con người và đâu là sản phẩm mô phỏng, từ đó bảo vệ liêm chính học thuật, sự thật khách quan trong tranh tụng.

Đi xa hơn nữa, tại Điều 14 đã thiết lập yêu cầu các nhà cung cấp hệ thống AI rủi ro cao phải có trách nhiệm giải trình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mục đích sử dụng, nguyên lý hoạt động ở mức độ mô tả chức năng, dữ liệu đầu vào chủ yếu, các biện pháp quản lý và kiểm soát rủi ro. Bên cạnh đó, quy định này cũng xác lập nghĩa vụ của nhà cung cấp hệ thống AI có rủi ro cao trong việc cung cấp cho người sử dụng và người bị ảnh hưởng các thông tin công khai ở mức mô tả chức năng, cách thức vận hành và

³ Xem: Điều 4 Luật AI 2025

⁴ Xem: Điều 11 Luật AI 2025

cảnh báo rủi ro để bảo đảm an toàn trong sử dụng.⁵ Nghĩa vụ giải trình, cung cấp thông tin này buộc các trường đại học và tổ chức hành nghề luật khi sử dụng AI phải hiểu rõ “tại sao máy đưa ra kết quả như vậy?”. Nếu một luật sư sử dụng AI để tư vấn sai, hoặc một trường đại học dùng AI để loại sinh viên mà không giải thích được lý do kỹ thuật, họ sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định về bồi thường thiệt hại tại Điều 29 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025.

Như vậy, các nguyên tắc cốt lõi của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã tạo ra một khung pháp lý vừa thúc đẩy, vừa kiểm soát. Việc hiểu rõ cơ chế rủi ro, nguyên tắc lấy con người làm trung tâm và nghĩa vụ giải trình chính là điều kiện tiên quyết để chúng ta phân tích sâu hơn những chuyển dịch cụ thể trong giáo dục đại học, đào tạo luật và nghề luật ở các phần tiếp theo của bài viết này.

2. Tác động của Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 tới giáo dục đại học Việt Nam

Trong cấu trúc của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, giáo dục không chỉ là một lĩnh vực ứng dụng đơn thuần mà được xếp vào nhóm hệ thống cần quản trị rủi ro chặt chẽ (Khoản 2 Điều 6). Đạo luật này tạo ra một “luồng gió mới” buộc các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) phải tái cấu trúc toàn diện từ tư duy quản trị, phương thức đào tạo đến chiến lược nghiên cứu khoa học.

2.1. Chuyển đổi tư duy quản trị: Từ “Hệ thống thông tin” sang “Quản trị thuật toán có trách nhiệm”

Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 không chỉ buộc các CSGDĐH phải cập nhật phần mềm, mà quan trọng hơn là buộc phải thay đổi tư duy quản trị đại học.

Thứ nhất, xác lập nguyên tắc “Con người trong vòng lặp” (Human-in-the-loop): Như đã đề cập ở trên, theo khoản 2 Điều 4, “Trí tuệ nhân tạo phục vụ con người, không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người” - AI chỉ đóng vai trò hỗ trợ, không thay thế thẩm quyền của con người. Điều này dẫn đến sự thay đổi trong các quyết định quản trị (tuyển sinh, xếp loại, dự báo thôi học, ...). Mọi hệ thống quản lý thông tin (MIS - Management Information System hay LMS - Learning Management System) hiện nay phải được thiết kế lại để AI là “trợ lý”, còn con người là chủ thể duy nhất có quyền “bấm nút cuối cùng”. Việc này đảm bảo tính nhân văn, loại bỏ các định kiến (bias) và xác định rõ trách nhiệm pháp lý khi có sai sót xảy ra.

Thứ hai, xác lập tiêu chuẩn “Kiểm toán thuật toán” cho hệ thống MIS/LMS: Vì giáo dục thuộc nhóm rủi ro cao nên các hệ thống đánh giá người học phải trải qua quy trình đánh giá sự phù hợp (Điều 13). Hệ thống không còn là một “hộp đen” bí ẩn mà phải đảm bảo tính minh bạch (Điều 11), có nhật ký giải trình (Audit Trail) để trả lời câu hỏi: “Tại sao AI đưa ra kết quả này?”.

⁵ Xem: Điều 14 Luật AI 2025

Thứ ba, sự xuất hiện của các định chế quản trị mới: Để tuân thủ Điều 7 (các hành vi bị nghiêm cấm) và Điều 26 (Khung đạo đức AI Quốc gia đã được ban hành theo Thông tư số 05/2026/TT-BKHCN ngày 10.3.2026), hệ thống tổ chức của các trường đại học có thể sẽ phải xuất hiện thêm *Hội đồng Đạo đức và Tuân thủ AI* cùng *Bộ phận Bảo vệ dữ liệu*. Các bộ phận này đóng vai trò “gác cổng”, đảm bảo mọi luồng dữ liệu huấn luyện AI đều tuân thủ pháp luật về quyền riêng tư và an ninh mạng.

2.2. Cách mạng trong hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

Dưới tác động của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, vị thế của giảng viên dịch chuyển từ người “tự do thử nghiệm công nghệ” sang “chủ thể vận hành hệ thống AI có trách nhiệm”. Theo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, sự thay đổi trong giảng dạy không chỉ dừng lại ở việc áp dụng công nghệ, mà là một cuộc tái định nghĩa về ”bản sắc trí tuệ” và ”năng lực tự chủ” của cả giảng viên lẫn người học.

2.2.1. Thiết kế chương trình đào tạo và nghĩa vụ minh bạch trong giảng đường số với sự hiện diện của AI

Theo Điều 11, giảng viên có nghĩa vụ gắn nhãn mọi học liệu do AI tạo ra. Từ đó, việc thiết kế chương trình đào tạo (CTĐT) đòi hỏi chúng ta phải nhìn nhận dưới góc độ quản trị học thuật và trách nhiệm pháp lý của nhà giáo. Thiết kế chương trình và nghĩa vụ minh bạch trong giảng đường số với sự hiện diện của AI có liên quan đến những hoạt động cơ bản như sau:

Thứ nhất, xác lập ranh giới giữa trí tuệ con người và sản phẩm thuật toán thông qua nghĩa vụ gắn nhãn AI

Điều 11 của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đặt ra nghĩa vụ minh bạch, yêu cầu mọi nội dung do AI tạo ra hoặc chỉnh sửa đáng kể phải được gắn nhãn nhận diện. Trong môi trường đại học, quy định này tạo ra những tác động mang tính văn hóa và pháp lý sâu sắc về:

- *Minh bạch hóa học liệu:* Giảng viên khi sử dụng AI để soạn thảo bài giảng, tạo hình ảnh mô phỏng hay tóm tắt tài liệu bắt buộc phải công khai nguồn gốc. Việc này không đơn thuần là “dán nhãn”, mà là sự xác lập trách nhiệm, giúp sinh viên hiểu rõ: đâu là quan điểm cá nhân, kinh nghiệm nghề nghiệp của thầy cô (trí tuệ con người) và đâu là nội dung được tổng hợp bởi mô hình ngôn ngữ lớn (AI).

- *Bảo vệ liêm chính học thuật từ phía người dạy:* Nghĩa vụ gắn nhãn giúp ngăn chặn hiện tượng “lười biếng trí tuệ” ở giảng viên. Khi một bài giảng được gắn nhãn “có sự hỗ trợ của AI”, giảng viên đồng thời phải đóng vai trò là người kiểm chứng (fact-checker) tối cao. Nếu thông tin AI cung cấp bị sai lệch mà giảng viên không hiệu đính, họ không thể đổ lỗi cho máy tính vì Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã xác định họ là “bên triển khai” và có trách nhiệm giám sát.

Thứ hai, dịch chuyển từ “kỹ năng sử dụng” sang “thẩm quyền hành động số” (Digital Agency) cho người học

Trước đây, các trường đại học tập trung dạy sinh viên cách dùng phần mềm. Tuy nhiên, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 với nguyên tắc “Lấy con người làm trung tâm” (như đã đề cập) buộc chương trình đào tạo (CTĐT) phải hướng tới “thẩm quyền số”⁶, bao gồm:

- Năng lực quyết định và kiểm soát: Thẩm quyền số không chỉ là biết cách đặt câu lệnh (Prompting), mà là biết khi nào không được dùng AI và khi nào phải “ghi đè” quyết định của AI. Sinh viên phải được đào tạo để trở thành người giám sát máy móc, có khả năng phản biện lại các kết quả đầu ra của thuật toán.

- Tư duy thực thi trách nhiệm: Trong kỷ nguyên AI, năng lực quan trọng nhất của người tốt nghiệp đại học là khả năng giải trình. CTĐT mới phải giúp sinh viên hiểu rằng: “Dù công cụ là AI, nhưng trách nhiệm cuối cùng là của bạn”. Đây là sự chuyển dịch từ tư duy “người dùng thụ động” sang “người quản trị có trách nhiệm”.

Thứ ba, sự xuất hiện các nội dung cốt lõi mới về đạo đức AI và quản trị rủi ro

Căn cứ vào Điều 23 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 về phát triển nhân lực chất lượng cao, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học được khuyến khích xây dựng chương trình đào tạo về trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu và các chuyên ngành liên quan; ..., các cơ sở giáo dục (CSGD) nghề nghiệp và CSGD đại học cần thiết phải đưa các nội dung pháp lý và đạo đức AI vào cấu trúc chương trình bắt buộc.

Ví dụ:

Học phần: Môn học Luật Trí tuệ nhân tạo và quản trị rủi ro. Thay vì chỉ là môn tự chọn, các nội dung về phân loại rủi ro, quy trình đánh giá sự phù hợp, trách nhiệm bồi thường phải trở thành kiến thức nền tảng. Sinh viên (đặc biệt là khối ngành Luật, Kinh tế, Kỹ thuật) cần hiểu rõ hành lang pháp lý để vận hành AI một cách an toàn trong nghề nghiệp tương lai.

Học phần: Đạo đức AI (AI Ethics) – Từ lý thuyết đến thực hành: Dựa trên Khung đạo đức AI quốc gia, các môn học này sẽ dạy sinh viên cách nhận diện và loại bỏ định kiến, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường thuật toán, Đây không còn là những triết lý xa vời mà là những bộ quy tắc ứng xử thực tiễn mà Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 khuyến khích áp dụng (riêng đối với hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công là bắt buộc).

⁶ Digital Agency – thẩm quyền số (thẩm quyền hành động số) nhấn mạnh vào việc sinh viên có quyền và khả năng kiểm soát, điều khiển và chịu trách nhiệm về hành động của mình khi tương tác với công nghệ. Nó nói về sự tự chủ (autonomy) của con người trước máy móc. Đây là khái niệm chuyển đổi những người tiêu thụ thông tin thụ động thành những người sáng tạo và nghiên cứu chủ động. Nó hướng đến việc phát triển năng lực kỹ thuật số, nơi sinh viên chủ động quản lý mục tiêu và lộ trình học tập của mình. Хем: В. И. Блинова, ДИДАКТИЧЕСКАЯ КОНЦЕПЦИЯ ЦИФРОВОГО ПРОФЕССИОНАЛЬНОГО ОБРАЗОВАНИЯ И ОБУЧЕНИЯ. Издательство «Перо». Москва 2019, С.54.

Như vậy, việc thực thi các quy định về trách nhiệm minh bạch và phát triển nguồn nhân lực AI của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 trong giảng đường đại học không chỉ là tuân thủ pháp luật, mà là một bước đi chiến lược để tạo ra một thế hệ lao động mới - những người không chỉ “biết dùng AI” mà còn “biết quản trị AI” dựa trên nền tảng đạo đức và thượng tôn pháp luật. Sự dịch chuyển này sẽ tạo ra giá trị khác biệt cho giáo dục đại học Việt Nam trong bản đồ trí tuệ toàn cầu.

Thứ tư, tái cấu trúc chuẩn đầu ra (PLOs/CLOs) và chiến lược thiết kế phương thức đánh giá

Sự ra đời của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 không chỉ thay đổi công cụ giảng dạy mà còn buộc các CSGD đại học phải định nghĩa lại “năng lực” của người học thông qua việc tái cấu trúc chuẩn đầu ra (CĐR) và thay đổi căn bản triết lý thiết kế đánh giá.

- *Tái định nghĩa CĐR*: cần dịch chuyển tiếp cận từ “sở hữu kiến thức” sang “thẩm quyền hành động số và tư duy Meta (Metacognitive Skills)⁷“. Dưới tác động của Điều 23 (Phát triển nguồn nhân lực AI) của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, CĐR của các CTĐT không thể chỉ dừng lại ở việc yêu cầu sinh viên “ghi nhớ” hay “hiểu”, thậm chí “phân tích” kiến thức chuyên môn thuần túy – những thứ mà AI có thể truy xuất trong vài giây.

+ Chuyển dịch ma trận kỹ năng: CĐR hiện nay phải được tích hợp thêm các năng lực về “thẩm quyền số” và “tư duy Meta”. Sinh viên không chỉ học “luật” hay “kinh tế”, mà phải đạt được CĐR về khả năng *phê duyệt, giám sát và chịu trách nhiệm* đối với các quyết định do AI hỗ trợ.

+ Bổ sung các CĐR về đạo đức và tính tuân thủ: Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 yêu cầu nhân lực phải có hiểu biết về đạo đức công nghệ. Do đó, CĐR của chương trình (PLOs) phải xác lập rõ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng nhận diện định kiến thuật toán, bảo vệ dữ liệu cá nhân và thực thi Khung đạo đức AI quốc gia trong hoạt động nghề nghiệp.

- *Thiết kế phương thức đánh giá bảo đảm liên chính học thuật trước sự gia tăng của AI*

Khi AI có khả năng tạo ra sản phẩm (bài luận, mã nguồn, đồ án...) đạt mức hoàn hảo, có thể sẽ cần xem xét lại các tiêu chí đánh giá cũ dựa trên “sản phẩm cuối cùng”. Các

⁷ Tư duy Meta là khả năng của một người nhận thức và kiểm soát quá trình suy nghĩ của chính mình. Nói một cách đơn giản, đó là khả năng suy nghĩ về cách bạn suy nghĩ: tại sao bạn đưa ra những quyết định nhất định, cách bạn tập trung, những thái độ nào ảnh hưởng đến kết luận của bạn. Tư duy Meta (còn gọi là tư duy “siêu nhận thức”) tượng trưng cho sự nhận thức về các cách tiếp cận tư duy khả thi có thể hữu ích trong bất kỳ bối cảnh nào và sau đó chủ động áp dụng một trong số chúng. Nó là nền tảng của việc sử dụng và ứng dụng thông tin và là một kỹ năng quan trọng. Siêu nhận thức có nghĩa là sử dụng một ý tưởng hoặc kỹ năng (hoặc sự kết hợp của cả hai) để giải quyết vấn đề tạo ra một cái gì đó mới. Điều này có nghĩa là bạn sẽ không bao giờ thiếu ý tưởng về cách học hỏi điều gì đó mới. Xem: Haileybury Almaty. Метамышление - Высокоэффективное обучение (HPL). Nguồn: <https://www.haileybury.kz/ru/almaty/meta-thinking>

nhà thiết kế chương trình phải thay đổi phương thức kiểm chứng năng lực theo hướng phương thức đánh giá chú trọng năng lực thực chất và tư duy độc lập của người học:

+ *Ưu tiên đánh giá thực chứng và hiện trường*: CĐR các học phần phải được thiết kế để đo lường qua các hoạt động mà AI không thể thay thế: thi vấn đáp, tranh biện trực tiếp, thực hành tại hiện trường hoặc giải quyết các tình huống giả định đòi hỏi sự thấu cảm và tư duy linh hoạt. Đây là cách thực thi nguyên tắc “Con người là trung tâm” của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, nơi giá trị của sự hiện diện và tương tác giữa người với người được đề cao hơn bao giờ hết.

+ *Đánh giá quá trình thay vì đánh giá sản phẩm*: Ma trận đánh giá của học phần phải phân chia các công đoạn hình thành nên một sản phẩm. Giảng viên không chỉ chấm điểm kết quả cuối cùng mà chấm điểm sự tiến bộ, nhật ký tư duy và cách thức sinh viên xử lý vấn đề trong suốt học kỳ. Điều này giúp loại bỏ việc sinh viên dùng AI “làm hộ” toàn bộ bài tập mà không có sự tham gia trí tuệ.

- *Tích hợp năng lực “cộng tác với AI” vào chuẩn đầu ra nghề nghiệp*

Thay vì cấm đoán tuyệt đối – vốn đi ngược lại xu hướng làm chủ công nghệ (Điều 18 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025), các CTĐT hiện đại cần hướng tới CĐR liên quan đến “khả năng cộng tác hiệu quả và có trách nhiệm với AI”.

+ AI như một “cộng sự” trong đánh giá: Trong cấu trúc bài thi, sinh viên có thể được phép (thậm chí yêu cầu) sử dụng AI để tạo ra bản dự thảo ban đầu. Tuy nhiên, CĐR sẽ yêu cầu chấm điểm dựa trên khả năng của sinh viên trong việc tinh chỉnh, phản biện, gắn nhãn và đặc biệt là giải trình về tính xác thực của sản phẩm đó.

+ *Đánh giá năng lực “giám sát thuật toán”*: Một CĐR mới cần dần được hình thành: sinh viên phải chứng minh được khả năng kiểm chứng lỗi của AI và đưa ra các quyết định điều chỉnh phù hợp. Đây chính là việc đào tạo “Bên triển khai” có trách nhiệm như cách Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã định nghĩa.

2.2.2. Đánh giá kết quả học tập: từ chấm điểm tự động đến trách nhiệm giải trình của con người

Nếu như việc thiết kế chương trình đào tạo là bước định hình năng lực, thì hoạt động đánh giá kết quả học tập chính là công đoạn xác lập giá trị pháp lý đối với lộ trình phát triển của người học. Trước đây, điểm số thường được coi là quyền quyết định chuyên môn của giảng viên, nhưng dưới ánh sáng của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, quy trình này đã trở thành một không gian quản trị minh bạch và có kiểm soát. Đạo luật này xác lập một khuôn khổ mới, nơi các công cụ AI không được phép vận hành như những “vị trọng tài độc đoán” trong bóng tối, mà phải đặt dưới sự giám sát nghiêm ngặt của chủ thể con người nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của sinh viên. Hoạt động đánh giá kết quả học tập là nơi thể hiện rõ nét nhất sự tương tác giữa công nghệ và quyền lợi hợp pháp của người học.

Để hiện thực hóa triết lý quản trị mới này, quy trình đánh giá kết quả học tập cần được tái cấu trúc dựa trên bốn trụ cột trọng yếu sau đây:

Thứ nhất, xác lập vị thế của con người thông qua nguyên tắc “Human-in-the-loop”

Khoản 2 Điều 4 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 khẳng định: “*Trí tuệ nhân tạo phục vụ con người, không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người*”. Điều này loại bỏ hoàn toàn khả năng các cơ sở giáo dục để AI đưa ra quyết định “Đạt/Không đạt” hay “Xếp loại học lực” một cách hoàn toàn tự động mà không có sự phê duyệt cuối cùng của giảng viên.

- *Trách nhiệm phê duyệt*: Mọi hệ thống chấm thi tự động (từ trắc nghiệm phức hợp đến chấm bài luận bằng AI) chỉ được coi là công cụ hỗ trợ đưa ra “gợi ý”. Giảng viên, với tư cách là “Bên triển khai”, phải là người thực hiện bước phê duyệt cuối cùng.

- *Khả năng “ghi đề”*: Hệ thống đánh giá phải cho phép giảng viên can thiệp để điều chỉnh điểm số trong các trường hợp đặc biệt (ví dụ: sinh viên có cách giải sáng tạo mà thuật toán chưa được huấn luyện để nhận diện). Điều này đảm bảo tính nhân văn và sự thấu cảm trong giáo dục – những giá trị mà máy móc không thể thay thế.

Thứ hai, trách nhiệm minh bạch và “quyền được giải thích” của sinh viên

Một trong những bước tiên quan trọng của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 là việc bảo vệ người bị ảnh hưởng bởi hệ thống AI (trong đó có người học). Như đã phân tích ở trên, theo các quy định tại Điều 11 và Điều 14 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, trách nhiệm giải trình và minh bạch trong lĩnh vực này được đẩy lên mức cao nhất, có thể thể hiện qua các khía cạnh sau:

- *Công khai tham số đánh giá*: Nếu giảng viên sử dụng AI để hỗ trợ chấm điểm, họ có nghĩa vụ cung cấp cho sinh viên thông tin về “nguyên lý hoạt động ở mức mô tả chức năng”. Sinh viên có quyền biết bài làm của mình đã được AI phân tích dựa trên những tiêu chí nào (từ vựng, cấu trúc, logic, đạo văn...)

- *Cơ chế khiếu nại thuật toán*: Khi một sinh viên nhận kết quả không như ý, Luật trao cho họ quyền yêu cầu giải trình. Nếu giảng viên hoặc nhà trường không thể giải thích được logic mà AI đã sử dụng để trừ điểm, kết quả đó có thể bị tuyên bố là thiếu căn cứ pháp lý. Điều này buộc các trường đại học phải sử dụng các hệ thống “AI có thể giải thích được” (Explainable AI - XAI)⁸ thay vì các mô hình “hộp đen” (black box)⁹.

⁸ AI có thể giải thích (XAI) là một tập hợp toàn diện các quy trình, công cụ và phương pháp được thiết kế để giúp người dùng hiểu được kết quả đầu ra của các hệ thống AI. Khi các tổ chức ngày càng triển khai các mô hình học máy phức tạp, đặc biệt là trong lĩnh vực học sâu (deep learning), các hệ thống này thường hoạt động như “hộp đen”. Mặc dù mô hình hộp đen có thể đưa ra các dự đoán có độ chính xác cao, nhưng logic đằng sau quá trình ra quyết định nội bộ của nó vẫn không rõ ràng. XAI nhằm mục đích làm sáng tỏ quá trình này, giúp các bên liên quan hiểu được lý do tại sao một quyết định cụ thể được đưa ra, điều này rất quan trọng để xây dựng lòng tin, đảm bảo an ninh và tuân thủ quy định. Xem: Explainable AI (XAI). Nguồn: <https://www.ultralytics.com/ru/glossary/explainable-ai-xai/#%D0%B2%D0%B0%D0%B6%D0%BD%D0%BE%D1%81%D1%82%D1%8C->

Thứ ba, đảm bảo tính công bằng và chống định kiến thuật toán

Với vai trò ngày càng sâu sắc của công nghệ trên thực tế đời sống và tác động của chúng đối với hệ thống giáo dục - và rộng hơn là đối với cả hệ thống giá trị của người học qua các thế hệ - cần có sự công bằng, minh bạch và hệ thống giám sát hiệu quả để đảm bảo rằng các công nghệ hỗ trợ AI góp phần bảo vệ các quyền con người và củng cố cho khả năng thực hiện quyền trong tương lai của mỗi cá nhân.¹⁰ Hệ thống AI trong giáo dục thường được huấn luyện trên dữ liệu quá khứ, vốn có thể chứa đựng những định kiến ngầm định. Khoản 3 Điều 4 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 ghi nhận một trong những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động AI là: *”Bảo đảm công bằng, minh bạch, không thiên lệch, không phân biệt đối xử...”*. Do vậy, trách nhiệm minh bạch nhằm bảo đảm tính công bằng và chống định kiến thuật toán trong giáo dục đại học có thể được thể hiện thông qua các nội dung về:

- Kiểm soát định kiến: Các công cụ chấm điểm AI phải được kiểm định định kỳ để đảm bảo không có sự phân biệt đối xử về giới tính, vùng miền, dân tộc hay hoàn cảnh kinh tế của sinh viên.

- Trách nhiệm của cơ sở đào tạo: Trường đại học phải thực hiện “Đánh giá sự phù hợp” (theo Điều 13 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025) đối với các phần mềm chấm thi trên nền tảng AI trước khi đưa vào sử dụng rộng rãi, nhằm ngăn ngừa rủi ro hệ thống gây thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của người học.

Thứ tư, sự chuyển dịch tất yếu trong hình thức thi và kiểm tra

Để tuân thủ các quy định về liên chính học thuật và ngăn chặn gian lận công nghệ cao (được quy định tại Điều 7 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 về các hành vi bị nghiêm cấm), hoạt động đánh giá kết quả học tập tại các trường đại học sẽ phải chứng kiến một cuộc chuyển dịch lớn:

- *Từ đánh giá sản phẩm sang đánh giá quá trình*: Thay vì chỉ chấm điểm một bài luận cuối kỳ (thứ mà AI có thể làm hộ), giảng viên sẽ tập trung hơn vào việc quan sát quá trình hình thành ý tưởng, các bài kiểm tra ngắn tại lớp và các hoạt động thuyết trình trực tiếp.

- *Sự lên ngôi của thi vấn đáp và thực hành*: Các hình thức thi đối diện trực tiếp giữa người với người trở thành giải pháp tối ưu để kiểm chứng năng lực thực chất của sinh viên, đồng thời đáp ứng yêu cầu “giám sát và can thiệp của con người” mà Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đòi hỏi.

[%D0%BE%D0%B1%D1%8A%D1%8F%D1%81%D0%BD%D0%B8%D0%BC%D0%BE%D1%81%D1%82%D0%B8](#) (truy cập 10.6.2026)

⁹ Xem: Головин К. С. Необходимость правового регулирования «черного ящика» искусственного интеллекта. Вестник Костромского государственного университета. 2024. Т. 30, № 3. ISSN 1998-081. С. 291. Nguồn: <https://vestnik.kosgos.ru/attachments/article/1386/Golovin-KS-vestnik-ksu-2024-3-ru.pdf> (truy cập: 10.6.2026)

¹⁰ Xem: Nguyễn Thị Quế Anh và Nguyễn Bích Thảo (đồng chủ biên). Phát triển trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm – tiếp cận từ khía cạnh đạo đức, xã hội và pháp lý. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2024. Tr.375-376.

Như vậy, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã biến quy trình đánh giá kết quả học tập của người học từ một “đặc quyền riêng tư” của giảng viên thành một “quy trình hành chính minh bạch”. Việc đánh giá học tập giờ đây không chỉ là đo lường kiến thức, mà còn là một bài kiểm tra về năng lực quản trị công nghệ và đạo đức nghề nghiệp.

2.2.3. Xác lập ranh giới sở hữu trí tuệ và liêm chính học thuật

Song hành với những thay đổi về phương thức kiểm chứng năng lực, sự bùng nổ của AI còn đặt giáo dục đại học trước một thách thức mang tính bản chất: Ai là tác giả của tri thức trong kỷ nguyên máy tính có thể sáng tạo? Nếu như hoạt động đánh giá (Mục 3.2.2) tập trung vào quy trình kiểm soát con người, thì việc xác lập ranh giới giữa sở hữu trí tuệ (SHTT) và liêm chính học thuật chính là nỗ lực của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 nhằm bảo vệ giá trị cốt lõi của sự sáng tạo và tính chính danh trong môi trường học thuật.

Sự giao thoa giữa quyền SHTT và trách nhiệm đạo đức trong bối cảnh mới này được Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 cụ thể hóa thông qua bốn phương diện trọng yếu sau đây:

Thứ nhất, phân định ranh giới giữa công cụ và chủ thể sáng tạo

Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, khi đặt trong mối quan hệ tương hỗ với Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT), đã tạo ra một lần ranh pháp lý mới đối với các sản phẩm học thuật của giảng viên và sinh viên:

- *Từ chối bảo hộ đối với sản phẩm thuần túy do thuật toán tạo ra:* Theo tinh thần của Luật SHTT, các công trình nghiên cứu, bài báo hoặc giáo trình được tạo ra hoàn toàn bởi AI mà không có sự tham gia trí tuệ đáng kể của con người sẽ không được công nhận quyền tác giả.¹¹ Điều này ngăn chặn việc “công nghiệp hóa” bài báo khoa học và bảo vệ giá trị của tư duy con người.

- *Bảo hộ sản phẩm có sự hỗ trợ của AI:* Ngược lại, nếu giảng viên hoặc sinh viên chứng minh được vai trò “đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo” (theo quy định của Luật SHTT năm 2025 và văn bản hướng dẫn thi hành), trong đó AI chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ để thực hiện ý tưởng và cấu trúc do con người xác lập, thì

¹¹ Theo quy định tại Điều 4 NĐ 134/2026/NĐ-CP ngày 6.4.2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26.4.2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan: Quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong trường hợp con người có sử dụng hệ thống AI để sáng tạo, định hình hoặc thực hiện chỉ phát sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 1. Con người đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo tác phẩm, định hình hoặc thực hiện cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; 2. Con người chịu trách nhiệm về nội dung và tính hợp pháp của đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan do mình tạo ra có sử dụng hệ thống; 3. Không gây phương hại đến quyền tác giả, quyền liên quan đối với các đối tượng được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho hệ thống AI.

sản phẩm đó vẫn được bảo hộ. Điều này thúc đẩy việc ứng dụng AI để tăng năng suất nghiên cứu nhưng vẫn giữ vững vị thế chủ thể của nhà khoa học.

Thứ hai, tái định nghĩa “liêm chính học thuật”: từ cấm đoán sang sử dụng có trách nhiệm

Dưới tác động của Điều 7 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 về gian lận và giả mạo nội dung, “liêm chính học thuật” trong nhà trường cần được hiểu theo một tiêu chuẩn mới:

- *Gian lận công nghệ cao*: Việc sử dụng AI để ngụy tạo dữ liệu nghiên cứu, giả mạo bằng chứng thực nghiệm hoặc “viết thuê” toàn bộ luận văn mà không khai báo được coi là vi phạm nghiêm trọng hành lang pháp lý về đạo đức AI.

- *Nghĩa vụ công bố và minh bạch*: Liêm chính học thuật giờ đây gắn liền với nghĩa vụ gắn nhãn và khai báo (theo Điều 11 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025). Một sinh viên sử dụng AI để tóm tắt tài liệu không bị coi là vi phạm liêm chính nếu họ khai báo minh bạch công cụ và phương pháp sử dụng. Sự trung thực về mặt quy trình trở thành thước đo mới cho đạo đức người học.

Thứ ba, nhật ký nghiên cứu - chứng cứ pháp lý về công sức sáng tạo

Để bảo vệ quyền SHTT và chứng minh tính liêm chính, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã gián tiếp thúc đẩy việc hình thành một văn hóa nghiên cứu mới:

- *Lưu trữ tiến trình tư duy*: Giảng viên và sinh viên cần hình thành thói quen lưu trữ các bản nháp, các câu lệnh (prompts) và lịch sử chỉnh sửa kết quả đầu ra của AI. Trong trường hợp có tranh chấp hoặc nghi ngờ về liêm chính, những dữ liệu này chính là bằng chứng xác thực về vai trò “kiểm soát của con người” (theo yêu cầu Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025) và vai trò “đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo” (theo yêu cầu Luật SHTT năm 2025).

- *Vai trò của nhà trường*: Các cơ sở đào tạo cần xây dựng hệ thống lưu trữ số học thuật để bảo vệ tài sản trí tuệ của mình, tránh việc bị các hệ thống AI bên ngoài “học quét” dữ liệu mà không có sự cho phép, đồng thời là công cụ để đối soát liêm chính học thuật một cách công bằng.

Thứ tư, công cụ kiểm soát và giới hạn của công nghệ

Mặc dù Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 khuyến khích sử dụng các công cụ giám sát, nhưng cũng đặt ra những rào cản để bảo vệ quyền con người:

- Không tuyệt đối hóa công cụ dò tìm AI: Các phần mềm phát hiện AI chỉ được coi là nguồn bằng chứng tham khảo. Dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, giảng viên không được dùng kết luận của máy tính để kỷ luật sinh viên nếu không có sự đối chứng, phân tích và kết luận cuối cùng của hội đồng chuyên môn (con người).

- Phòng ngừa “định kiến công nghệ”: Nhà trường phải đảm bảo các công cụ kiểm soát liêm chính không gây hại hoặc phân biệt đối xử đối với những sinh viên có phong cách viết đặc biệt hoặc những người sử dụng AI một cách hợp lệ để hỗ trợ ngôn ngữ.

Cuộc cách mạng trong giảng dạy và đánh giá dưới tác động của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 thực chất có thể được coi là là quá trình ”Nhân bản hóa công nghệ”¹². Bằng cách xác lập rõ trách nhiệm giải trình, nghĩa vụ minh bạch và ranh giới sở hữu, Luật không kìm hãm sự phát triển của AI mà trái lại, đang tạo ra một nền móng vững chắc để tri thức con người vẫn là giá trị tối cao trong một thế giới đầy rẫy những bản sao thuật toán.

2.3. Động lực mới cho hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo

Nếu các quy định về đạo đức và trách nhiệm giải trình được ví như “hệ thống phanh” đảm bảo sự an toàn, thì các chính sách thúc đẩy tại Chương IV của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 chính là “động cơ” mạnh mẽ để hoạt động nghiên cứu khoa học tại các đại học bứt phá. Đạo luật này đã vượt ra khỏi tư duy quản lý thuần túy để chủ động kiến tạo những cơ chế đặc thù, biến các cơ sở giáo dục đại học thành các hạt nhân cốt lõi của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Sự bứt phá này được cụ thể hóa thông qua ba nhóm giải pháp mang tính đột phá về thể chế, nguồn lực và mô hình liên kết như sau:

Thứ nhất, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox)

Căn cứ vào Điều 21, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 thiết lập hành lang pháp lý cho phép thử nghiệm các hệ thống AI trong môi trường thực tế với các quy định miễn trừ hoặc linh hoạt. Đối với các đại học trọng điểm, đây là một đặc quyền vô giá nhằm:

- *Giải phóng tiềm năng nghiên cứu rủi ro cao:* Các lĩnh vực như AI trong y khoa, năng lượng hạt nhân hay điều khiển giao thông thông minh vốn thường bị trì trệ bởi các thủ tục hành chính khắt khe. Cơ chế Sandbox cho phép các nhà khoa học đại học vận hành các “Vùng xanh nghiên cứu”, nơi họ có thể thực hiện các thử nghiệm đột phá mà chưa cần đáp ứng ngay lập tức toàn bộ các tiêu chuẩn kỹ thuật thông thường, miễn là đảm bảo các giới hạn an toàn đã thỏa thuận.

- *Thu hút hợp tác quốc tế:* Việc vận hành Sandbox giúp các đại học Việt Nam trở thành nơi thử nghiệm lý tưởng cho các tập đoàn công nghệ toàn cầu. Điều này không chỉ mang lại nguồn đầu tư lớn mà còn tạo cơ hội cho giảng viên, sinh viên tiếp cận với những công nghệ tiên phong nhất thế giới ngay tại lab của nhà trường.

¹² “Nhân bản hóa công nghệ” - Đó là quá trình điều chỉnh các giải pháp công nghệ cho phù hợp với nhu cầu của con người, ưu tiên các giá trị truyền giáo, đạo đức, sinh thái và sự thoải mái, thuận tiện. Mục tiêu của khái niệm này là làm cho công nghệ trở nên an toàn, dễ hiểu và có lợi cho sự phát triển cá nhân chứ không chỉ tiết kiệm chi phí. Xem: [IPSOS. Аналитический Центр. Гуманизация ИИ: Реальные данные для генерации и прогнозирования успеха инноваций.](https://www.ipsos.com/ru-kz/gumanizaciya-ii-realnye-dannye-dlya-generacii-i-prognozirovaniya-uspekha-innovaciy) Nguồn: <https://www.ipsos.com/ru-kz/gumanizaciya-ii-realnye-dannye-dlya-generacii-i-prognozirovaniya-uspekha-innovaciy> (truy cập 10.6.2026)

Thứ hai, giải cơn khát nguồn lực thông qua Quỹ Phát triển AI và Hạ tầng dữ liệu quốc gia

Nghiên cứu AI là một cuộc chơi tốn kém về năng lực tính toán và dữ liệu. Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã tháo gỡ nút thắt này thông qua Điều 17 (Cơ sở dữ liệu phục vụ AI) và Điều 22 (Quỹ Phát triển AI Quốc gia), trong đó ghi nhận các nội dung như:

- *Cơ chế “AI Voucher” từ Quỹ Phát triển AI quốc gia:* Thay vì phải chờ đợi ngân sách đầu tư thiết bị rời rạc, các nhóm nghiên cứu có thể sử dụng “Phiếu hỗ trợ AI” (AI Voucher) để thuê năng lực tính toán hiệu năng cao từ các trung tâm dữ liệu quốc gia. Điều này giúp bình đẳng hóa cơ hội nghiên cứu, cho phép cả những phòng thí nghiệm quy mô nhỏ cũng có thể thực hiện các dự án phức tạp.

- *Khai thác dữ liệu sạch:* Thông qua việc kết nối liên thông dữ liệu giữa các Bộ, ngành và kho dữ liệu mở quốc gia (Điều 17), các nhà khoa học đại học có thể tiếp cận được nguồn dữ liệu thực tế, chất lượng cao để huấn luyện mô hình. Đây là bước ngoặt giúp các công trình nghiên cứu thoát khỏi tình trạng “thực nghiệm trên dữ liệu giả lập”, nâng cao tính ứng dụng của các sản phẩm khoa học.

Thứ ba, mô hình “Cụm liên kết trí tuệ nhân tạo”

Điều 24 của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 xác lập địa vị pháp lý cho các Cụm liên kết AI, tạo ra một mô hình “Ba nhà” (Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp) bền vững. Luật quy định các chính sách ưu đãi thuế và đất đai cho các doanh nghiệp đặt hàng nghiên cứu tại các trường đại học thuộc cụm liên kết AI. Điều này chuyển dịch vai trò của nhà trường từ người “đi xin tài trợ” thành đối tác chiến lược cung cấp giải pháp, giúp đa dạng hóa nguồn thu cho đại học thông qua chuyển giao công nghệ.

Người học trong các cụm liên kết AI sẽ được trực tiếp giải quyết các bài toán của doanh nghiệp, đảm bảo đầu ra sát với nhu cầu thị trường. Đồng thời, nhà trường có thể tham gia vào cơ chế chia sẻ, khai thác dữ liệu thương mại, biến kho học liệu và dữ liệu nghiên cứu khổng lồ thành tài sản có giá trị, tái đầu tư cho hoạt động khoa học.

Việc khai thác hiệu quả các cơ chế đột phá nêu trên đòi hỏi sự hiện diện của một đội ngũ nhân sự liên ngành, những người không chỉ làm chủ công nghệ cốt lõi mà còn có năng lực quản trị rủi ro trên nền tảng hành lang pháp lý mới. Từ mối liên hệ biện chứng đó, nội dung tiếp theo của bài viết sẽ tập trung làm rõ những chuyển biến trọng yếu trong đào tạo luật, cũng như những thách thức và cơ hội mới đối với nghề luật tại Việt Nam dưới tác động của đạo luật này.

3. Tác động đặc thù của Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 tới đào tạo pháp luật – Cuộc Cách mạng từ tư duy đến kỹ năng

Nếu giáo dục đại học nói chung coi AI là một công cụ hỗ trợ, thì đối với đào tạo luật, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 chính là một “bản quy hoạch lại” tư duy nghề

nghiệp. Tài liệu nghiên cứu từ một số học giả Nga¹³ chỉ ra rằng chúng ta đang bước vào giai đoạn “Cách mạng trong đào tạo luật”, nơi ranh giới giữa luật học thuần túy và công nghệ bị xóa bỏ. Theo Sarantseva S. G., để phân biệt các giai đoạn số hóa trong đào tạo pháp luật với các lĩnh vực khác, cần xem xét yếu tố lịch sử của nó. Học giả này xác định ba giai đoạn phát triển chính trong đào tạo pháp luật như sau:

Giai đoạn 1: Giáo dục truyền thống, không sử dụng công nghệ thông tin, đã kết thúc vào giữa những năm 1980 với sự ra đời của các phòng máy tính trong các trường đại học và trường học.

Giai đoạn 2: Giáo dục hiện đại đang phát triển mạnh mẽ nhờ sự tích hợp các giải pháp công nghệ thông tin (CNTT) vào quá trình đào tạo. Điều này bao gồm việc sử dụng các tạp chí điện tử, nền tảng học tập từ xa, trang web của các cơ sở giáo dục và các công cụ khác giúp cuộc sống của sinh viên và giảng viên dễ dàng hơn.

Giai đoạn 3: Số hóa hoàn toàn và tối ưu hóa quá trình giáo dục có nghĩa là tất cả các cấp độ học tập sẽ được hỗ trợ bởi các công cụ CNTT. Các giải pháp này không chỉ cung cấp tài liệu đào tạo mà còn hỗ trợ người học ở mọi giai đoạn học tập, bao gồm trả lời câu hỏi, đánh giá kiến thức và cấp chứng chỉ. Quá trình đào tạo trở nên tự động hóa hơn, giảng viên giám sát và quản lý việc học bằng cách sử dụng các công cụ chuyển đổi số¹⁴.

Tại Việt Nam, sự tác động này không chỉ dừng lại ở việc thêm môn học mới, mà là sự thay đổi toàn diện từ cấu trúc chương trình đến phương pháp rèn luyện tư duy cho thế hệ luật gia số. Sự dịch chuyển mang tính hệ thống này được cụ thể hóa thông qua bốn trụ cột cốt lõi, phản ánh sự tương tác sâu sắc giữa khung khổ pháp lý mới và lộ trình hiện đại hóa mô hình đào tạo pháp luật tại Việt Nam hiện nay:

3.1. Tái cấu trúc chương trình đào tạo luật - từ “tư duy pháp lý thuần túy” sang “tư duy pháp lý tích hợp công nghệ”

Căn cứ vào Điều 18 và Điều 23 của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 về phát triển nhân lực chất lượng cao, chương trình đào tạo luật cần có những bước chuyển dịch mang tính hệ thống. Thay vì chỉ tập trung vào việc rèn luyện tư duy pháp lý trên các quan hệ xã hội truyền thống, chương trình cần được nâng cấp để hình thành năng lực quản trị thực thể số. Các CTĐT luật cần có những bước chuyển dịch mang tính hệ thống:

¹³ Xem: Саранцева С. Г. Искусственный интеллект в юридическом образовании: революция в обучении и практике. Nguồn: https://elib.utmn.ru/jspui/bitstream/ru-tsu/36962/1/978-5-400-01824-4_221_224.pdf (truy cập 2.6.2026); А. С. Даниелян. Юридическое образование и искусственный интеллект: векторы взаимодействия. Russian Journal of Economics and Law. 2024;18(3):804-823. Nguồn: <https://www.rusjel.ru/jour/article/view/2580> (truy cập 2.6.2026)

¹⁴ Xem: Саранцева С. Г. Искусственный интеллект в юридическом образовании: революция в обучении и практике. С. 222-223. Nguồn: https://elib.utmn.ru/jspui/bitstream/ru-tsu/36962/1/978-5-400-01824-4_221_224.pdf (truy cập 2.6.2026)

Thứ nhất, tích hợp các môn học giao thoa, liên ngành

Việc rà soát, tái cấu trúc các CTĐT luật đòi hỏi phải đáp ứng một số điều kiện cụ thể như: *Trước hết*, phải tiến hành những thay đổi trong phương pháp luận nghiên cứu luật học nhằm đảm bảo tính bao quát liên ngành. Điều này hàm ý việc tích hợp các học phần về tin học, kỹ thuật robot và đạo đức học vào chương trình đào tạo ngành luật. Mục tiêu cốt lõi của hành động này là cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức để thấu hiểu và đánh giá được các vấn đề trọng yếu liên quan đến việc ứng dụng AI. *Thứ hai*, sinh viên luật cần có sự hiểu biết đầy đủ về bối cảnh công nghệ trong mối tương quan giữa AI và pháp luật. Sinh viên phải tham gia các khóa học nhập môn về tin học và đạo đức để tiếp nhận các kiến thức và năng lực cần thiết, từ đó nâng cao trình độ chuyên môn của một luật sư. *Thứ ba*, các khóa học bắt buộc về công nghệ số phải hỗ trợ sinh viên luật thấu hiểu các vấn đề và đặc điểm của AI nói chung, cũng như tác động của chúng đối với nghề luật. Theo Fornasier, M. de Oliveira, việc nắm vững bản chất của AI sẽ cho phép nhận thức một cách thỏa đáng các vấn đề chính phát sinh từ việc sử dụng rộng rãi AI trong xã hội, đồng thời tạo lập nền tảng cho việc thực thi các hoạt động áp dụng pháp luật một cách công bằng và khách quan bởi các chủ thể liên quan.¹⁵

Thay vì các khối kiến thức tách biệt, chương trình cần đưa vào các học phần bắt buộc, ví dụ như: Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 và Quản trị thuật toán, trách nhiệm dân sự trong kỷ nguyên số, đạo đức và quyền riêng tư về dữ liệu... Sinh viên luật không chỉ học cách áp dụng luật, mà phải học cách “giải mã” các rủi ro pháp lý phát sinh từ hệ thống AI rủi ro cao.

Thứ hai, đào tạo kỹ năng LegalTech thực chiến

Legal Tech (viết tắt của từ tiếng Anh legal technology) bao gồm nhiều nền tảng, chương trình, sản phẩm và công cụ được thiết kế đặc biệt để đơn giản hóa và tối ưu hóa các quy trình cấu thành công việc chuyên môn của luật sư. Legal Tech đại diện cho các giải pháp công nghệ được tạo ra cho các luật sư chuyên nghiệp và các doanh nghiệp pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả của các dịch vụ pháp lý hoặc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.¹⁶ Trên thế giới, các trường luật đang có xu hướng thành lập các phòng thí nghiệm chuyên biệt để giới thiệu cho sinh viên về các phần mềm tự động hóa pháp lý. Sự xuất hiện của công nghệ pháp lý trong các trường luật sẽ đảm bảo rằng sinh viên tốt nghiệp sẽ am hiểu về các giải pháp tuân thủ dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI), hệ thống tự động hóa tài liệu và phần mềm quản lý pháp lý.¹⁷ Sinh viên sẽ cần được làm quen với các hệ thống AI chuyên biệt cho nghề luật như: tự động hóa soạn thảo hợp đồng, phân tích án lệ bằng Big

¹⁵ Fornasier, M. de Oliveira. (2021). Legal education in the 21st century and the artificial intelligence. Revista Opinião Jurídica, 19(31). Nguồn: <https://doi.org/10.12662/2447-6641oj.v19i31.p1-32.2021> (truy cập 10.6.2026)

¹⁶ Xem: M. A. Рожкова. О правовых аспектах использования технологий legaltech и lawtech. Хозяйство и право. С. 3-4. Nguồn: <https://rozhkova.com/pdf/2020-3.pdf> (truy cập 10.6.2026)

¹⁷ Xem: How Artificial Technology (AI) is Reshaping Legal Education. Nguồn: <https://geetalawcollege.in/blog/how-ai-is-reshaping-legal-education/> (truy cập 10.6.2026)

Data, và quản lý quy trình hồ sơ. Đây không còn là kỹ năng hỗ trợ mà là yêu cầu sống còn để đáp ứng tiêu chuẩn của “Luật sư công nghệ”.

Bên cạnh đó, theo Abdul Ghani, một số kỹ năng thông thường được học tại các trường luật trước đây có thể được thay thế bằng các hệ thống tự động. Đặc biệt, các nhiệm vụ thường nhật và lặp đi lặp lại, chẳng hạn như phân tích tài liệu lập pháp, chuẩn bị văn bản và đơn giản là phân tích các phán quyết của tòa án, có thể được thực hiện hiệu quả bởi các hệ thống tự động. Trước những thay đổi này, các trường luật nên chú trọng hơn vào việc phát triển các kỹ năng phức tạp mà không thể dễ dàng tự động hóa, bao gồm các kỹ năng như: hòa giải, đàm phán, tố tụng và các lĩnh vực khác đòi hỏi trí tuệ cảm xúc, đạo đức và sự đồng cảm¹⁸.

Thứ ba, năng lực thẩm định sự giao thoa pháp lý – kỹ thuật và kỹ năng kiểm soát hồ sơ kỹ thuật AI

Trong bối cảnh Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 xác lập quy trình đánh giá sự phù hợp (Điều 13) là điều kiện tiên quyết để lưu hành các hệ thống AI rủi ro cao, các CTĐT luật cần bổ sung một cấu phần năng lực hoàn toàn mới: năng lực thẩm định giao thoa pháp lý – kỹ thuật. Đây không còn là kiến thức tin học cơ bản, mà là khả năng “giải mã” các tài liệu kỹ thuật dưới lăng kính pháp lý. Cụ thể, các CTĐT phải cung cấp kiến thức đủ sâu để sinh viên luật có khả năng đọc hiểu và phản biện một hồ sơ kỹ thuật (Technical Documentation) của hệ thống AI. Một luật sư trong kỷ nguyên mới không thể chỉ dựa vào lời khai của chuyên gia công nghệ, mà phải tự mình xác định được liệu các bước huấn luyện mô hình, chất lượng dữ liệu đầu vào và các biện pháp giảm thiểu rủi ro có tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hay không. Năng lực này cho phép luật sư thực hiện vai trò “người gác cổng” về mặt pháp lý: từ việc tư vấn cho nhà phát triển hoàn thiện hồ sơ để đáp ứng yêu cầu kiểm định, cho đến việc bảo vệ quyền lợi khách hàng bằng cách phát hiện các sai sót kỹ thuật dẫn đến vi phạm nghĩa vụ minh bạch và an toàn. Việc làm chủ kỹ năng thẩm định giao thoa này chính là chìa khóa để chuyển hóa Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 từ những quy định trên giấy thành các công cụ bảo vệ công lý hữu hiệu trong thực tế. Như các học giả A. V. Malko và A. Yu. Salomatín đã chỉ ra, việc tăng cường các mối liên kết liên ngành và xây dựng các hồ sơ năng lực giáo dục hỗn hợp (hybrid) là nhu cầu cấp thiết trong đào tạo luật sư; bởi lẽ trên một thị trường lao động không ngừng biến đổi, các chuyên gia sở hữu kiến thức chuyên sâu trong những lĩnh vực phức tạp luôn được săn đón. Những tri thức như vậy không chỉ nâng cao chất lượng các kỹ năng chuyên môn nhờ tính đa diện của chúng, mà còn mang lại những đảm bảo bổ sung về cơ hội việc làm.¹⁹

¹⁸ Xem: Abdul Ghani, A. I. M. (2020). Challenges for legal education in the era of I.R.4.0. UUM Journal of Legal Studies (UUMJLS) Vol. 11(2), July 2020. Nguồn: <https://doi.org/10.32890/uumjls.11.2.2020.7731> (truy cập 11.6.2026)

¹⁹ Xem: Малько, А. В., Саломатин, А. Ю. (2017). Юридическое образование в глобализирующемся обществе. Известия высших учебных заведений. Правоведение, 5, С. 26-27. Nguồn:

3.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy luật - giải quyết mâu thuẫn giữa xu hướng phụ thuộc công nghệ và yêu cầu tư duy phản biện độc lập

Sự chuyển dịch về nội dung đào tạo tại Mục 4.1 chỉ thực sự mang lại hiệu quả khi được vận hành trên một hệ phương pháp giảng dạy tương xứng. Trong kỷ nguyên AI, phương pháp dạy luật không còn đơn thuần là việc số hóa học liệu, mà phải trở thành một chiến lược sư phạm chủ động nhằm đối trọng với hội chứng ”ngoại hóa tư duy” – xu hướng người học giao phó toàn bộ tiến trình lập luận cho thuật toán. Dựa trên các nghiên cứu về “cách dạy luật sáng tạo” của các học giả Nga và phương Tây, việc cải cách phương pháp dạy luật hiện nay phải được xây dựng dựa trên sự cân bằng biện chứng: một mặt tận dụng tối đa sức mạnh của AI trong việc mô phỏng thực tiễn, mặt khác thiết lập các “rào chắn” pháp lý và đạo đức để bảo vệ liêm chính trí tuệ của nhà luật học tương lai.²⁰

Tiến trình đổi mới phương pháp giảng dạy luật được cụ thể hóa thông qua việc triển khai đồng bộ các chiến lược sau đây, nhằm đảm bảo sự cộng hưởng giữa hiệu quả công nghệ và giá trị cốt lõi của tư duy luật học độc lập:

Thứ nhất, hệ sinh thái công cụ hỗ trợ giảng dạy luật với sự trợ giúp của AI

Việc ứng dụng AI mang lại những cơ hội tiềm năng cho cả giảng viên và sinh viên luật như sau:

- Tổ chức và phân tích tài liệu học tập: Hệ thống AI có thể được sử dụng để xử lý và cấu trúc hóa khối lượng lớn thông tin học tập, bao gồm việc nhận diện các mẫu hợp đồng, các văn bản tố tụng cũng như phân tích chúng nhằm hỗ trợ việc phân loại và sắp xếp học liệu. Việc ứng dụng AI không chỉ giúp cấu trúc hóa và phân tích tài liệu mà còn tối ưu hóa quá trình dạy và học thông qua việc cá nhân hóa tư liệu theo nhu cầu riêng biệt của từng sinh viên. Các hệ thống AI có khả năng phát hiện những lỗ hổng kiến thức của sinh viên, từ đó đề xuất các nguồn lực bổ trợ nhằm đào sâu sự thấu hiểu về các chủ đề phức tạp.

- Học tập tương tác và tham vấn: Hệ thống hỗ trợ bởi AI có thể hoạt động như một trợ lý ảo, giải đáp các thắc mắc của sinh viên và cung cấp tư vấn trong thời gian thực. AI hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập bằng cách đưa ra các giải thích, ví dụ minh họa và các khuyến nghị thực hành. Các ví dụ điển hình cho mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) loại này bao gồm ChatGPT, Gemini, Copilot và các hệ thống tương tự. Ngoài ra, các chương trình dựa trên nền tảng AI có khả năng mô phỏng các cuộc đối thoại dựa trên các vụ việc pháp lý thực tế, cho phép sinh viên “trò chuyện” với các khách hàng hoặc luật sư ảo. Điều

<https://cyberleninka.ru/article/n/yuridicheskoe-obrazovanie-v-globaliziruyuschemsya-obschestve> (truy cập: 11.6.2026)

²⁰ Xem: A. С. Даниелян. Юридическое образование и искусственный интеллект: векторы взаимодействия. *Russian Journal of Economics and Law*. 2024;18(3):804-823. Nguồn: <https://www.rusjel.ru/jour/article/view/2580> (truy cập 12.6.2026)

này không chỉ giúp cải thiện kỹ năng giao tiếp mà còn mang lại kinh nghiệm thực tiễn trong việc giải quyết nhiệm vụ trong bối cảnh tiệm cận với môi trường hoạt động nghề nghiệp thực tế.

- Tự động hóa đánh giá và phản hồi: Hệ thống AI có thể được sử dụng để tự động hóa quy trình đánh giá bài tập và bài kiểm tra, đồng thời cung cấp phản hồi cho sinh viên. AI có khả năng xây dựng các bài kiểm tra và nhiệm vụ cá nhân hóa, tự động điều chỉnh theo câu trả lời của sinh viên (tăng độ khó hoặc đơn giản hóa tùy theo năng lực thực hiện). Cách tiếp cận này cho phép đánh giá chính xác hơn trình độ kiến thức và kỹ năng của từng sinh viên, đồng thời thúc đẩy việc tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc hơn.

- Phân tích và nghiên cứu pháp lý: Các hệ thống hỗ trợ bởi AI có thể hỗ trợ sinh viên và giảng viên thực hiện các nghiên cứu pháp lý thông qua việc cung cấp quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu thực tiễn xét xử và phân tích các bản án, quyết định của tòa án. AI có thể được sử dụng để thiết lập các mạng lưới liên kết giữa các văn bản quy phạm pháp luật và án lệ khác nhau, từ đó phát hiện ra những mối liên hệ và sự phụ thuộc không hiển ngôn (ngầm định). Điều này giúp đơn giản hóa việc thấu hiểu các vấn đề pháp lý phức tạp và thúc đẩy phân tích sâu sắc về hệ thống pháp luật cũng như thực tiễn xét xử - điều đặc biệt quan trọng khi chuẩn bị cho các vụ án có tình tiết phức tạp.

- Diễn tập và mô phỏng pháp lý ảo: Thông qua việc sử dụng công nghệ thực tế ảo/thực tế tăng cường (AR/VR), AI có khả năng tạo ra các mô phỏng thực tế về các phiên tòa hoặc các cuộc đàm phán, cho phép sinh viên thực hành các thủ tục pháp lý trong một môi trường an toàn và có kiểm soát. Những hoạt động diễn tập này giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện, kỹ năng lập luận và thuyết trình trước công chúng - vốn là những thành phần then chốt để hành nghề luật thành công. Theo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các mô phỏng này phải tuân thủ nghiêm ngặt khung đạo đức AI quốc gia, buộc sinh viên không chỉ giải quyết vụ việc mà còn phải xử lý các tình huống xung đột đạo đức giữa người và máy.

Thứ hai, quản trị rủi ro và kỹ năng kiểm chứng

Trong bối cảnh các hệ thống AI đang dần trở thành “cộng sự” đắc lực trong giảng đường và văn phòng luật, rủi ro lớn nhất không nằm ở sự yếu kém của công nghệ mà nằm ở sự tin tưởng tuyệt đối và thiếu phê phán của con người vào thuật toán. Giáo dục luật hiện đại, vì thế, phải gánh vác một sứ mệnh mới: không chỉ dạy sinh viên cách khai thác AI, mà quan trọng hơn, là dạy cách nghi ngờ, quản trị rủi ro và hình thành kỹ năng kiểm chứng (fact-checking) như một bản năng nghề nghiệp bắt buộc để bảo vệ liêm chính học thuật và công lý thực chất.

- Đối diện với hiện tượng “Ảo giác AI” và sự nguy tạo pháp lý

Một trong những rủi ro kỹ thuật nghiêm trọng nhất mà người học luật phải đối mặt là hiện tượng “ảo giác” (hallucinations) — thuật ngữ chỉ việc AI tự tạo ra các thông tin

không có thực nhưng được trình bày một cách đầy thuyết phục.²¹ Mạng lưới thần kinh có khả năng tạo ra các sự kiện hư cấu, đạo luật hoặc quyết định giả định (viễn tưởng) hoặc dữ liệu sai lệch với độ chính xác tuyệt đối, khiến phản hồi của chúng có vẻ chuyên nghiệp và không thể sai sót. Theo A. S. Danielyan, hiện tượng này có thể dẫn đến việc giải thích sai lệch các quy phạm pháp luật và tạo ra các sai sót trong thuật toán, gây ra những hệ lụy nghiêm trọng về mặt tư pháp.²² Do đó, kỹ năng kiểm chứng thông tin phải được đưa lên hàng đầu trong quy trình đào tạo, buộc sinh viên phải đối soát mọi kết quả từ AI với các nguồn văn bản quy phạm pháp luật chính thống.

- Rào cản “hộp đen” và tư duy lệ thuộc công nghệ

Sự thiếu minh bạch của các thuật toán, hay còn gọi là vấn đề “hộp đen” (black box), đặt ra thách thức lớn đối với khả năng phân tích độc lập của sinh viên luật. A. S. Danielyan đã cảnh báo về tình trạng “siêu thực” (hyperreality) khi AI tạo ra những bản sao tri thức không có thực thể gốc, dẫn đến cái mà các chuyên gia gọi là “sa sút trí tuệ kỹ thuật số”. Sinh viên có nguy cơ mất đi khả năng phân tích phê phán và tự chủ, trở thành “nô lệ” cho các phán quyết của máy móc nếu không được đào tạo bài bản về cách thức vận hành và giới hạn của thuật toán.²³ Bên cạnh đó, theo Sarantseva S. G., mặc dù có những ưu điểm rõ ràng, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục pháp luật vẫn phải đối mặt với một số thách thức, trong đó có “nguy cơ nghiện công nghệ - nguy cơ việc quá phụ thuộc vào AI có thể dẫn đến sự suy giảm khả năng tư duy phản biện ở sinh viên”²⁴ Vì vậy, giáo dục luật phải thiết lập các quy trình kiểm soát chặt chẽ, coi kết quả đầu ra của AI chỉ là “nguyên liệu thô” cần được kiểm chứng bởi trí tuệ con người trước khi đưa vào ứng dụng thực tế.

- Thực thi trách nhiệm giải trình và liêm chính trong đào tạo (Điều 11 & 14)

Quản trị rủi ro trong dạy học luật không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là nghĩa vụ pháp lý theo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025. Việc giảng viên và sinh viên thực hiện kỹ năng kiểm chứng chính là cách thức thực thi nghĩa vụ minh bạch (Điều 11) và trách nhiệm giải trình (Điều 14). Khi một hệ thống AI đưa ra một lập luận pháp lý, người sử dụng phải có năng lực giải thích được logic phía sau và cam đoan về tính chính xác của dữ liệu đầu vào. Do vậy, đào tạo luật cần phát triển các bộ quy tắc đạo đức nghiêm ngặt, các tòa án trên thế giới đã bắt đầu áp dụng các hình phạt đối với những đại diện pháp lý sử dụng các tài liệu do AI soạn thảo mà không qua kiểm chứng. Điều này đòi hỏi sinh

²¹ Xem: Ciubotaru, B. I. (2025). The hallucination problem in generative artificial intelligence: Accuracy and trust in digital learning. In International Conference on Virtual Learning (Vol. 20, pp. 35-45), p. 35.

²² Xem: A. C. Даниелян. Юридическое образование и искусственный интеллект: векторы взаимодействия. *Russian Journal of Economics and Law*. 2024;18(3):804-823. Nguồn: <https://www.rusjel.ru/jour/article/view/2580> (truy cập 12.6.2026)

²³ Tlđđ.

²⁴ Xem: Саранцева С. Г. Искусственный интеллект в юридическом образовании: революция в обучении и практике. С. 224. Nguồn: https://elib.utmn.ru/jspui/bitstream/ru-tsu/36962/1/978-5-400-01824-4_221_224.pdf (truy cập 2.6.2026)

viên luật phải hiểu rằng: trong kỷ nguyên AI, liên chính không chỉ là không gian lận, mà là sự can thiệp tối đa trong việc xác thực tri thức.

Thứ ba, duy trì phương pháp Socratic và sự kiểm soát của con người

Trong nỗ lực dung hòa giữa bước tiến vũ bão của công nghệ và các giá trị kinh điển của giáo dục luật học, việc kiên định với phương pháp Socratic (dạy học qua vấn đáp phản biện) không chỉ là sự bảo tồn một truyền thống lâu đời, mà còn là phương thức tối ưu để hiện thực hóa nguyên tắc kiểm soát của con người đối với AI trong môi trường học thuật. Điều này đảm bảo rằng giảng đường luật không biến thành nơi chuyển giao tri thức thụ động từ máy móc, mà là “đấu trường trí tuệ” nơi con người giữ vai trò chủ thể tối cao trong việc định hình các phán quyết pháp lý.

Để bảo vệ tính nhân bản và sự minh bạch trong đào tạo pháp luật, việc duy trì phương pháp Socratic trong kỷ nguyên AI cần được triển khai thông qua ba định hướng chiến lược sau đây:

Bảo tồn bản chất tư duy pháp lý trước nguy cơ “cơ giới hóa” trí tuệ

Phương pháp Socratic tập trung vào việc đặt câu hỏi liên tục để đào sâu logic và phát hiện các kẽ hở trong lập luận. Đây chính là “vũ khí” quan trọng nhất để chống lại xu hướng đã cảnh báo: sự thay thế tư duy pháp lý bằng tư duy lệ thuộc máy móc. Khi AI cung cấp câu trả lời nhanh chóng, sinh viên dễ rơi vào tình trạng “tư duy bề mặt”, bỏ qua việc phân tích định tính và mối quan hệ nhân quả. Việc duy trì đối thoại Socratic buộc sinh viên phải giải trình về logic phía sau những kết luận mà AI đưa ra, từ đó kéo người học ra khỏi sự lệ thuộc vào các kết quả có sẵn của thuật toán. Khi áp dụng phương pháp Socratic, một điều cần luôn ghi nhớ là giảng viên đang giảng dạy kỹ năng tư duy, lập luận, và quá trình tìm ra câu trả lời đúng thường quan trọng hơn bản thân câu trả lời. Sai lầm, hay chính xác hơn là những bước đi thử nghiệm hướng tới giải pháp, có thể dẫn người học vào những con đường tuy không đem lại kết quả nhưng giàu tính khai phá và khai phóng. Đó cũng là một phần của việc học.²⁵ Sarantseva S. G. đã nhấn mạnh sự biến đổi của hệ thống “con người - môi trường số” thành một hệ thống tương tác đa chủ thể.²⁶ Trong hệ thống đó, phương pháp Socratic giúp giảng viên và sinh viên khẳng định quyền tự chủ (autonomy), đảm bảo con người không trở thành “nô lệ” của các hệ thống ra quyết định tự động.

- AI trong vai trò “đối trọng biện luận”

Thay vì loại bỏ AI, giáo dục luật hiện đại sử dụng AI như một thực thể để sinh viên phản biện, từ đó nâng cao năng lực chủ thể số (Digital Agency). Giảng viên có thể yêu cầu AI đưa ra một lập luận pháp lý cho một vụ việc phức tạp, sau đó sử dụng phương pháp Socratic để yêu cầu sinh viên tìm ra điểm yếu, định kiến hoặc sai lầm trong logic

²⁵ Garrett E. (2013), *Becoming Lawyers: The Role of the Socratic Method in Modern Law Schools*, <https://www.law.uchicago.edu/socratic-method>, truy cập ngày 16/6/2026.

²⁶ Tlđđ, c. 221-222

của máy. Cách tiếp cận này biến AI từ một “người thầy ảo” thành một “đối trọng” để sinh viên rèn luyện kỹ năng tranh biện. Bên cạnh đó, việc tương tác với cơ sở dữ liệu tri thức hỗ trợ sinh viên xây dựng cấu trúc logic trong đầu mình “từ dưới lên”. Phương pháp Socratic giúp tinh chỉnh cấu trúc này, khuyến khích sinh viên đưa ra những giải pháp sáng tạo và nhân văn mà thuật toán – vốn dựa trên dữ liệu quá khứ – không thể tạo ra được.

- Thực thi quyền can thiệp và trách nhiệm sự phạm

Việc duy trì sự tương tác trực tiếp giữa người với người trong giảng đường luật chính là sự cụ thể hóa khoản 2 Điều 4 Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 về duy trì sự kiểm soát và khả năng can thiệp của con người.

+ Về trách nhiệm ra quyết định: Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 khẳng định AI không thay thế thẩm quyền của con người. Trong đào tạo luật, điều này có nghĩa là mọi kết luận pháp lý trong quá trình học tập phải được tôi luyện qua sự thẩm định của giảng viên và sự phản biện của sinh viên. Giảng viên không chỉ là người truyền đạt mà đóng vai trò là người kiểm soát, đảm bảo các giá trị về công lý, sự thấu cảm và lương tâm pháp lý luôn hiện diện trong mọi tình huống giả định.

+ Giáo dục qua sự thấu cảm: cần đặc biệt lưu ý đến sự thay đổi trong thế giới quan của con người trong môi trường số. Phương pháp Socratic giúp duy trì khía cạnh “nhân văn” của nghề luật, nơi sinh viên học cách cân nhắc các yếu tố về đạo đức và hoàn cảnh xã hội – những điều mà AI chỉ có thể mô phỏng chứ không thể thực sự cảm thụ.

Kết luận:

Sự ra đời của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 không chỉ là một cột mốc lịch sử trong tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật số của Việt Nam, mà còn là một “bản quy hoạch lại” mang tính chiến lược đối với tương lai của giáo dục đại học nói chung và đào tạo luật nói riêng. Qua việc phân tích các quy định cốt lõi của đạo luật, có thể khẳng định rằng chúng ta đang đứng trước một cuộc cách mạng tự thân: nơi AI không còn là một công cụ hỗ trợ ngoại vi, mà đã trở thành một thực thể pháp lý được quản trị chặt chẽ, buộc toàn bộ hệ thống giáo dục phải chuyển mình để thích ứng.

Thứ nhất, đối với giáo dục đại học nói chung, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã thiết lập một hành lang an toàn nhưng đầy thách thức. Việc xếp giáo dục vào lĩnh vực rủi ro cao đòi hỏi các cơ sở đào tạo phải từ bỏ tư duy quản trị cảm tính để bước sang kỷ nguyên của trách nhiệm giải trình và minh bạch thuật toán. Những cơ chế đột phá như “Thử nghiệm có kiểm soát” (Sandbox) hay “Quỹ phát triển AI quốc gia” chính là những động cơ mạnh mẽ để các đại học bứt phá, trở thành hạt nhân của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tháo gỡ những nút thắt về hạ tầng dữ liệu và năng lực tính toán bấy lâu nay.

Thứ hai, riêng với lĩnh vực đào tạo luật, tác động của đạo luật này mang tính sống còn. Sự dịch chuyển từ tư duy pháp lý thuần túy sang năng lực chủ thể số (Digital Agency) không chỉ là việc bổ sung kiến thức công nghệ, mà là sự định vị lại vị thế của người luật gia tương lai: từ người giải quyết tranh chấp hiện hữu sang người quản trị và

kiểm soát rủi ro thuật toán. Việc kiên định duy trì phương pháp Socratic nâng cao và các tiêu chuẩn khắt khe về liên chính học thuật - chính là “hệ miễn dịch” cần thiết để bảo vệ sinh viên trước hội chứng “ngoại hóa tư duy” và những ảo giác sai lệch của máy móc.

Cuối cùng, triết lý “Lấy con người làm trung tâm” xuyên suốt Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã gửi đi một thông điệp đanh thép: AI có thể thay thế những công việc lặp lại, thậm chí có thể mô phỏng một số tiến trình tư duy, nhưng không bao giờ có thể thay thế được lương tâm pháp lý, sự thấu cảm và năng lực phán quyết tối cao của con người. Trong kỷ nguyên này, những nhà luật học không biết sử dụng AI có thể bị tụt hậu, nhưng những nhà luật học chỉ biết dựa dẫm vào AI mà thiếu đi năng lực thẩm định độc lập sẽ trở nên vô dụng.

Tóm lại, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 vừa là “vòng kim cô” kỷ luật đạo đức, vừa là “đòn bẫy” kiến tạo phát triển. Việc chủ động nắm bắt, nghiên cứu và thực thi đạo luật này ngay từ trong giảng đường đại học chính là chìa khóa để Việt Nam không chỉ làm chủ công nghệ mà còn bảo vệ được các giá trị nhân văn và công lý trong một tương lai số đầy biến động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Quế Anh và Nguyễn Bích Thảo (đồng chủ biên), Phát triển trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm – tiếp cận từ khía cạnh đạo đức, xã hội và pháp lý. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2024
2. В. И. Блинова. ДИДАКТИЧЕСКАЯ КОНЦЕПЦИЯ ЦИФРОВОГО ПРОФЕССИОНАЛЬНОГО ОБРАЗОВАНИЯ И ОБУЧЕНИЯ. Издательство «Перо». Москва 2019
3. Haileybury Almaty. Метамышление - Высокоэффективное обучение (HPL). Nguồn: <https://www.haileybury.kz/ru/almaty/meta-thinking>
4. Головин К. С. Необходимость правового регулирования «черного ящика» искусственного интеллекта. Вестник Костромского государственного университета. 2024. Т. 30, № 3. ISSN 1998-081. С. 291. Nguồn: <https://vestnik.kosgos.ru/attachments/article/1386/Golovin-KS-vestnik-ksu-2024-3-ru.pdf> (truy cập: 10.6.2026)
5. IPSOS. Аналитический Цент. Гуманизация ИИ: Реальные данные для генерации и прогнозирования успеха инноваций. Nguồn: <https://www.ipsos.com/ru-kz/gumanizaciya-ii-realnye-dannye-dlya-generacii-i-prognozirovaniya-uspekha-innovaciy> (truy cập 10.6.2026)
6. Саранцева С. Г. Искусственный интеллект в юридическом образовании: революция в обучении и практике. Nguồn: https://elib.utmn.ru/jspui/bitstream/ru-tsu/36962/1/978-5-400-01824-4_221_224.pdf (truy cập 2.6.2026);
7. А. С. Даниелян. Юридическое образование и искусственный интеллект: векторы взаимодействия. Russian Journal of Economics and Law. 2024;18(3):804-823. Nguồn: <https://www.rusjel.ru/jour/article/view/2580> (truy cập 2.6.2026)

8. Fornasier, M. de Oliveira. (2021). Legal education in the 21st century and the artificial intelligence. *Revista Opinião Jurídica*, 19(31). Nguồn: <https://doi.org/10.12662/2447-6641oj.v19i31.p1-32.2021> (truy cập 10.6.2026)
9. М. А. Рожкова. О правовых аспектах использования технологий legaltech и lawtech. *Хозяйство и право*. С. 3-4. Nguồn: <https://rozhkova.com/pdf/2020-3.pdf> (truy cập 10.6.2026)
10. How Artificial Technology (AI) is Reshaping Legal Education. Nguồn: <https://geetalawcollege.in/blog/how-ai-is-reshaping-legal-education/> (truy cập 10.6.2026)
11. Abdul Ghani, A. I. M. (2020). Challenges for legal education in the era of I.R.4.0. *UUM Journal of Legal Studies (UUMJLS)* Vol. 11(2), July 2020. Nguồn: <https://doi.org/10.32890/uumjls.11.2.2020.7731> (truy cập 11.6.2026)
12. Малько, А. В., Саломатин, А. Ю. (2017). Юридическое образование в глобализирующемся обществе. *Известия высших учебных заведений. Правоведение*, 5, С. 26-27. Nguồn: <https://cyberleninka.ru/article/n/yuridicheskoe-obrazovanie-v-globaliziruyuschemsya-obschestve> (truy cập: 11.6.2026)
13. Ciubotaru, B. I. (2025). The hallucination problem in generative artificial intelligence: Accuracy and trust in digital learning. In *International Conference on Virtual Learning* (Vol. 20, pp. 35-45).
14. Garrett E. (2013), *Becoming Lawyers: The Role of the Socratic Method in Modern Law Schools*, <https://www.law.uchicago.edu/socratic-method>, truy cập ngày 16/6/2026.

THAM LUẬN 2

TÁC ĐỘNG CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH ĐỐI VỚI NGHỀ LUẬT: TỪ CÔNG CỤ HỖ TRỢ ĐẾN TÁI CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ

PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh

Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

PGS.TS. Nguyễn Văn Quân

Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative Artificial Intelligence - Generative AI) đang tạo ra những thay đổi sâu sắc đối với nghề luật trên phạm vi toàn cầu. Nếu trong giai đoạn trước năm 2020, các công nghệ pháp lý chủ yếu được sử dụng để hỗ trợ lưu trữ, tìm kiếm và quản lý dữ liệu, thì sự xuất hiện của các mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models - LLMs) như ChatGPT, Claude, Gemini hay Harvey AI đã mở rộng đáng kể khả năng ứng dụng của AI trong hoạt động pháp lý. Các hệ thống này không chỉ hỗ trợ nghiên cứu pháp luật, rà soát hợp đồng và phân tích hồ sơ mà còn có khả năng tham gia vào nhiều công đoạn của quá trình tư vấn pháp lý và giải quyết tranh chấp. Bài viết phân tích những thay đổi của nghề luật trong giai đoạn 2019-2026 dưới tác động của AI tạo sinh. Trên cơ sở đánh giá sự chuyển đổi từ LegalTech truyền thống sang AI tạo sinh, bài viết làm rõ quá trình tái cấu trúc thị trường dịch vụ pháp lý, những biến đổi trong hoạt động hành nghề luật sư và xét xử, đồng thời phân tích các thách thức về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm pháp lý và bảo vệ quyền con người. Bài viết cho rằng AI không thay thế hoàn toàn luật sư và thẩm phán, nhưng đang làm thay đổi căn bản phương thức cung cấp dịch vụ pháp lý cũng như các tiêu chuẩn nghề nghiệp truyền thống của giới luật gia.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo tạo sinh, nghề luật, luật sư, thẩm phán, LegalTech, Harvey AI, đạo đức nghề nghiệp, tư pháp số.

Đặt vấn đề:

Trong một thời gian dài, lĩnh vực pháp luật được xem là một trong những ngành nghề có khả năng chống chịu tương đối cao trước các làn sóng tự động hóa. Khác với các công việc sản xuất hoặc xử lý dữ liệu đơn thuần, hoạt động pháp lý đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn, tư duy phân tích, kỹ năng giao tiếp và khả năng đánh giá các yếu tố xã hội, đạo đức trong từng vụ việc cụ thể. Chính vì vậy, trong một thời gian dài, nhiều người cho rằng trí tuệ nhân tạo khó có thể tạo ra những thay đổi mang tính đột phá đối với nghề luật.

Tuy nhiên, những diễn biến công nghệ trong giai đoạn 2022-2026 đã làm thay đổi đáng kể nhận định này. Sự xuất hiện của các mô hình ngôn ngữ lớn như ChatGPT, Claude, Gemini hay Llama đã giúp AI có khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên ở trình độ

chưa từng có trước đây. Các hệ thống này có thể đọc, tóm tắt, phân tích và tạo lập văn bản với chất lượng ngày càng tiệm cận sản phẩm do con người tạo ra²⁷.

Đối với lĩnh vực pháp luật, sự phát triển của AI tạo sinh mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi phần lớn hoạt động nghề nghiệp của luật sư, công chứng viên, chuyên viên pháp chế và thẩm phán đều gắn liền với việc xử lý văn bản. Việc AI có khả năng đọc hàng nghìn trang tài liệu trong thời gian ngắn, tìm kiếm các quy định pháp luật liên quan, tổng hợp án lệ và đề xuất phương án giải quyết vụ việc đã tạo ra những thay đổi sâu sắc trong cách thức cung cấp dịch vụ pháp lý²⁸.

Thực tiễn quốc tế cho thấy nhiều hãng luật hàng đầu thế giới đã nhanh chóng triển khai AI tạo sinh trong hoạt động chuyên môn. Năm 2023, Allen & Overy trở thành một trong những hãng luật đầu tiên tích hợp Harvey AI vào quy trình tư vấn pháp lý. Đến năm 2025, hàng trăm hãng luật lớn tại Hoa Kỳ, Anh, Úc và Singapore đã triển khai các công cụ AI chuyên biệt trong nghiên cứu pháp lý, rà soát hợp đồng và hỗ trợ tố tụng.

Song song với những cơ hội mới, AI cũng đặt ra nhiều thách thức đáng kể. Các hiện tượng “ảo giác” (hallucination), thiên vị thuật toán (algorithmic bias), nguy cơ xâm phạm bí mật khách hàng và những câu hỏi về trách nhiệm pháp lý khi sử dụng AI đã trở thành chủ đề tranh luận quan trọng trong giới học thuật và thực tiễn nghề luật. Vụ việc *Mata v. Avianca* năm 2023, trong đó luật sư sử dụng ChatGPT và trích dẫn các án lệ không tồn tại trước tòa án liên bang Hoa Kỳ, là minh chứng điển hình cho những rủi ro này²⁹.

Bên cạnh đó, sự phát triển của AI cũng thúc đẩy quá trình hình thành các khuôn khổ pháp lý mới. Việc Liên minh châu Âu thông qua Đạo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 (EU AI Act) năm 2024 cùng với hàng loạt hướng dẫn nghề nghiệp do Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ (ABA) và các tổ chức quốc tế ban hành cho thấy AI không còn đơn thuần là vấn đề công nghệ mà đã trở thành một vấn đề pháp lý và quản trị công có ý nghĩa toàn cầu³⁰.

Trong bối cảnh đó, việc đánh giá lại tác động của AI đối với nghề luật là cần thiết nhằm xác định những thay đổi đang diễn ra, nhận diện các giới hạn của công nghệ và đề xuất các định hướng thích ứng phù hợp cho giới luật gia trong thời đại số.

1. Từ LegalTech đến AI tạo sinh - sự thay đổi của nền tảng công nghệ pháp lý

1.1. Giai đoạn LegalTech truyền thống

Sự kết hợp giữa công nghệ và pháp luật không phải là hiện tượng mới. Ngay từ những năm 1990, nhiều quốc gia đã bắt đầu xây dựng các cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử nhằm thay thế cho phương thức tra cứu truyền thống bằng sách và hồ sơ giấy. Trong giai

²⁷ Ethan Mollick, *Co-Intelligence: Living and Working with AI*, Portfolio, New York, 2024, tr. 15-35.

²⁸ Richard Susskind, *Tomorrow's Lawyers: An Introduction to Your Future*, 3rd edition, Oxford University Press, Oxford, 2023, tr. 1-20.

²⁹ *Matter of Mata v. Avianca Inc.*, 678 F.Supp.3d 443 (S.D.N.Y. 2023).

³⁰ Regulation (EU) 2024/1689 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 laying down harmonised rules on artificial intelligence (Artificial Intelligence Act).

đoạn này, các giải pháp công nghệ chủ yếu tập trung vào số hóa tài liệu, quản lý hồ sơ khách hàng và hỗ trợ tìm kiếm văn bản pháp luật.

Đến thập niên 2010, thuật ngữ LegalTech dần trở nên phổ biến để chỉ các công nghệ hỗ trợ hoạt động pháp lý. Các nền tảng như Westlaw, LexisNexis hay Bloomberg Law giúp luật sư tiếp cận nhanh chóng với nguồn dữ liệu pháp luật và án lệ khổng lồ. Tuy nhiên, các hệ thống này về bản chất vẫn hoạt động dựa trên cơ chế tìm kiếm và xử lý dữ liệu theo các quy tắc được thiết lập sẵn³¹.

Mặc dù góp phần nâng cao hiệu quả làm việc, LegalTech truyền thống chưa làm thay đổi căn bản phương thức hành nghề luật. Vai trò trung tâm trong quá trình phân tích và ra quyết định vẫn thuộc về con người. Công nghệ chủ yếu đóng vai trò công cụ hỗ trợ thay vì tham gia trực tiếp vào quá trình tạo lập tri thức pháp lý.

1.2. Sự xuất hiện của AI tạo sinh

Bước ngoặt thực sự xuất hiện khi các mô hình ngôn ngữ lớn được phát triển dựa trên kiến trúc Transformer. Khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên của các hệ thống này vượt xa các công cụ LegalTech thế hệ trước. Thay vì chỉ tìm kiếm văn bản chứa từ khóa nhất định, AI tạo sinh có thể hiểu ngữ cảnh, xác định mối liên hệ giữa các quy định pháp luật và tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để tạo ra câu trả lời hoàn chỉnh³².

Trong lĩnh vực pháp luật, điều này tạo ra sự thay đổi mang tính chất lượng. AI có thể hỗ trợ:

- Nghiên cứu pháp lý và tìm kiếm quy định liên quan;
- Tóm tắt hồ sơ vụ án;
- Rà soát hợp đồng;
- Phân tích rủi ro pháp lý;
- Soạn thảo văn bản pháp lý;
- Hỗ trợ chuẩn bị chiến lược tranh tụng;
- Tư vấn tuân thủ doanh nghiệp.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm cho thấy AI tạo sinh có khả năng thực hiện một số nhiệm vụ pháp lý với tốc độ vượt trội so với con người. Theo báo cáo của McKinsey Global Institute, ngành dịch vụ pháp lý nằm trong nhóm các lĩnh vực có tiềm năng tự động hóa cao nhất từ AI tạo sinh³³.

³¹ American Bar Association, *Formal Opinion 512: Generative Artificial Intelligence Tools*, 2024.

³² Richard Susskind & Daniel Susskind, *The Future of the Professions: How Technology Will Transform the Work of Human Experts*, Oxford University Press, Oxford, 2015, tr. 35-67.

³³ OpenAI, *GPT-4 Technical Report*, 2023.

1.3. Từ công cụ hỗ trợ đến “đồng nghiệp kỹ thuật số”

Một trong những thay đổi quan trọng nhất trong giai đoạn 2023-2026 là sự xuất hiện của các nền tảng AI chuyên biệt dành riêng cho giới luật gia. Khác với các chatbot phổ thông, những hệ thống này được huấn luyện trên dữ liệu pháp lý chuyên ngành và được thiết kế để đáp ứng các yêu cầu đặc thù của nghề luật.

Harvey AI là ví dụ tiêu biểu. Được xây dựng trên nền tảng công nghệ của OpenAI nhưng được tinh chỉnh cho lĩnh vực pháp lý, Harvey AI hiện được sử dụng bởi nhiều hãng luật thuộc nhóm Magic Circle và Am Law 100. Hệ thống này có khả năng hỗ trợ nghiên cứu pháp lý, phân tích hợp đồng và soạn thảo văn bản ở mức độ chuyên sâu³⁴.

Tương tự, CoCounsel của Thomson Reuters hay Lexis+ AI cũng được phát triển với mục tiêu trở thành trợ lý nghiên cứu pháp lý cho luật sư. Sự xuất hiện của các công cụ này cho thấy AI đang chuyển từ vai trò hỗ trợ kỹ thuật sang vai trò tham gia trực tiếp vào quá trình lao động trí tuệ của giới luật gia.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng AI hiện nay vẫn chưa đạt tới khả năng thay thế hoàn toàn chuyên gia pháp lý. Các hệ thống AI hoạt động dựa trên xác suất thống kê và dữ liệu huấn luyện, trong khi nhiều quyết định pháp lý đòi hỏi sự đánh giá các yếu tố xã hội, đạo đức và chính trị nằm ngoài khả năng xử lý của thuật toán. Chính vì vậy, xu hướng chủ đạo hiện nay không phải là thay thế con người bằng AI mà là hình thành mô hình cộng tác giữa con người và trí tuệ nhân tạo.

2. Tái cấu trúc thị trường dịch vụ pháp lý và nghề luật sư

2.1. Sự thay đổi mô hình cung cấp dịch vụ pháp lý

Một trong những tác động rõ nét nhất của AI tạo sinh đối với nghề luật là sự thay đổi mô hình cung cấp dịch vụ pháp lý. Trong nhiều thập niên, hoạt động của các hãng luật lớn được tổ chức theo mô hình kim tự tháp, trong đó một số lượng lớn luật sư tập sự và luật sư cộng sự cấp thấp thực hiện các công việc như nghiên cứu pháp lý, rà soát tài liệu, kiểm tra hợp đồng hoặc chuẩn bị hồ sơ vụ việc. Các công việc này thường tiêu tốn nhiều thời gian nhưng lại tạo ra nguồn doanh thu đáng kể thông qua cơ chế tính phí theo giờ làm việc (billable hours)³⁵.

Tuy nhiên, sự xuất hiện của AI tạo sinh đang làm suy giảm lợi thế của mô hình này. Các hệ thống AI chuyên biệt có khả năng rà soát hàng nghìn trang tài liệu trong thời gian ngắn, tự động phát hiện các điều khoản bất thường trong hợp đồng hoặc tổng hợp nhanh chóng các quy định pháp luật liên quan. Điều này làm giảm đáng kể thời gian cần thiết để thực hiện nhiều công việc vốn trước đây được giao cho các luật sư trẻ hoặc trợ lý pháp lý³⁶.

³⁴ McKinsey Global Institute, *The Economic Potential of Generative AI: The Next Productivity Frontier*, 2023.

³⁵ Richard Susskind, *Tomorrow's Lawyers: An Introduction to Your Future*, 3rd edition, Oxford University Press, Oxford, 2023, tr. 85-110.

³⁶ LexisNexis, *Generative AI and the Legal Profession Survey Report*, 2024.

Sự thay đổi nói trên không đồng nghĩa với việc nhu cầu đối với luật sư giảm xuống tương ứng. Trái lại, thị trường đang chứng kiến sự dịch chuyển từ việc trả tiền cho thời gian lao động sang việc trả tiền cho giá trị mà luật sư tạo ra. Trong bối cảnh khách hàng ngày càng có khả năng tiếp cận các công cụ AI với chi phí thấp, lợi thế cạnh tranh của luật sư không còn nằm chủ yếu ở khả năng tìm kiếm thông tin pháp luật mà ở năng lực tư duy chiến lược, đánh giá rủi ro và đưa ra các giải pháp phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của khách hàng³⁷.

Do đó, nhiều hãng luật quốc tế đang chuyển dần từ mô hình tính phí theo giờ sang các hình thức tính phí cố định hoặc tính phí dựa trên kết quả và giá trị dịch vụ. Mặc dù quá trình chuyển đổi này chưa diễn ra đồng đều ở tất cả các quốc gia, nhưng xu hướng chung cho thấy AI đang thúc đẩy sự thay đổi căn bản trong cách thức tổ chức và thương mại hóa dịch vụ pháp lý.

2.2. Tác động đối với cơ cấu nhân sự của các hãng luật

Bên cạnh việc thay đổi mô hình kinh doanh, AI tạo sinh còn tác động trực tiếp đến cơ cấu nhân sự của các tổ chức hành nghề luật. Trong mô hình truyền thống, luật sư trẻ thường tích lũy kinh nghiệm thông qua việc thực hiện các công việc mang tính lặp lại như nghiên cứu hồ sơ, tra cứu quy định pháp luật hoặc rà soát hợp đồng. Đây được xem là giai đoạn đào tạo thực tiễn quan trọng trước khi họ đảm nhận các nhiệm vụ có tính chất phức tạp hơn.

Tuy nhiên, khi nhiều công việc này có thể được thực hiện bởi AI, các hãng luật đứng trước câu hỏi về cách thức đào tạo thế hệ luật sư tiếp theo. Một số học giả lo ngại rằng việc phụ thuộc quá mức vào AI có thể làm suy giảm quá trình tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp của luật sư trẻ, bởi họ không còn trực tiếp thực hiện những công việc nền tảng vốn giúp hình thành kỹ năng phân tích pháp lý³⁸.

Mặt khác, AI cũng tạo ra nhu cầu đối với nhiều vị trí việc làm mới. Các hãng luật lớn hiện nay ngày càng tuyển dụng chuyên gia công nghệ, chuyên gia quản trị dữ liệu, chuyên gia an ninh mạng và chuyên gia quản trị AI để hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp. Điều này cho thấy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực pháp luật không chỉ làm thay đổi công việc của luật sư mà còn làm thay đổi cơ cấu nghề nghiệp của toàn bộ ngành dịch vụ pháp lý³⁹.

Sẽ xuất hiện một số nghề nghiệp mang tính kết nối giữa công nghệ và luật học, ví dụ như kỹ sư pháp lý (Legal Engineer), chuyên gia tuân thủ AI (AI Compliance Officer), chuyên gia công nghệ pháp lý (Legal Technologist), kiểm toán viên thuật toán (Algorithm Auditor) hay chuyên gia chứng cứ số (Digital Evidence Specialist). Các nghề nghiệp này

³⁷ Thomson Reuters Institute, *Future of Professionals Report 2025*, Thomson Reuters, 2025.

³⁸ Perlman, A. (2023). The implications of ChatGPT for legal services and society. *The Practice*, 9(3). Harvard Law School Center on the Legal Profession. <https://clp.law.harvard.edu/knowledge-hub/insights/the-implications-of-chatgpt-for-legal-services-and-society/>.

³⁹ World Economic Forum, *The Future of Jobs Report 2025*, Geneva, 2025.

phản ánh sự chuyển dịch từ mô hình hành nghề dựa chủ yếu vào tri thức pháp luật sang mô hình hành nghề dựa trên sự kết hợp luật học và quản trị công nghệ, quản lý rủi ro và thiết kế hệ thống pháp lý số.

Trong dài hạn, nhiều nghiên cứu dự báo số lượng việc làm trong ngành luật có thể không giảm đáng kể, nhưng nội dung công việc sẽ thay đổi. Các nhiệm vụ mang tính kỹ thuật và lặp lại có xu hướng được tự động hóa, trong khi các công việc đòi hỏi tương tác với khách hàng, thương lượng, xây dựng chiến lược hoặc giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp sẽ tiếp tục do con người đảm nhiệm.

2.3. Những kỹ năng mới của luật sư trong thời đại AI

Sự phát triển của AI đặt ra yêu cầu phải xem xét lại khái niệm năng lực nghề nghiệp của luật sư. Nếu trước đây năng lực chuyên môn chủ yếu được đánh giá thông qua kiến thức pháp luật và kỹ năng hành nghề truyền thống, thì hiện nay khả năng sử dụng và kiểm soát công nghệ đang trở thành một thành tố quan trọng của năng lực nghề nghiệp⁴⁰.

Thứ nhất, luật sư cần có hiểu biết cơ bản về cách thức hoạt động, giới hạn và rủi ro của các hệ thống AI. Việc sử dụng AI mà không hiểu rõ các nguyên lý vận hành có thể dẫn đến những sai sót nghiêm trọng, đặc biệt trong bối cảnh các mô hình ngôn ngữ lớn vẫn có thể tạo ra các thông tin không chính xác hoặc không có thật.

Thứ hai, luật sư cần phát triển năng lực tương tác hiệu quả với AI. Trong những năm gần đây, thuật ngữ “prompt engineering” được sử dụng để chỉ khả năng thiết kế và xây dựng câu lệnh nhằm khai thác tối đa hiệu quả của các mô hình AI. Mặc dù đây không phải là kỹ năng pháp lý theo nghĩa truyền thống, nhưng ngày càng có vai trò quan trọng trong thực tiễn hành nghề⁴¹.

Thứ ba, luật sư cần nâng cao năng lực thẩm định và kiểm chứng thông tin. Trong môi trường mà AI có thể tạo ra các văn bản pháp lý với tốc độ rất nhanh, trách nhiệm của luật sư không còn tập trung vào việc sản xuất thông tin mà chuyển sang việc đánh giá chất lượng, tính chính xác và độ tin cậy của thông tin đó. Đây cũng là yêu cầu được nhấn mạnh trong các hướng dẫn đạo đức nghề nghiệp gần đây của Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ⁴².

Nhìn tổng thể, AI không làm mất đi vai trò của luật sư nhưng đang làm thay đổi bản chất của hoạt động hành nghề. Luật sư trong tương lai không chỉ là chuyên gia pháp lý mà còn phải trở thành người quản trị hiệu quả mối quan hệ giữa công nghệ, khách hàng và hệ thống pháp luật.

3. AI trong hoạt động xét xử và quản trị tư pháp

3.1. Xu hướng ứng dụng AI trong hoạt động xét xử

Bên cạnh lĩnh vực dịch vụ pháp lý, hoạt động xét xử và quản trị tư pháp cũng đang chịu tác động ngày càng lớn từ sự phát triển của trí tuệ nhân tạo. Trong những năm gần

⁴⁰ OECD, *Artificial Intelligence in Society*, OECD Publishing, Paris, 2023.

⁴¹ Ethan Mollick, *Co-Intelligence: Living and Working with AI*, Portfolio, New York, 2024, tr. 115-140.

⁴² American Bar Association, *Formal Opinion 512: Generative Artificial Intelligence Tools*, 2024.

đây, nhiều quốc gia đã triển khai các hệ thống AI nhằm hỗ trợ giải quyết những khó khăn về quá tải hồ sơ, thời gian xét xử kéo dài và chi phí vận hành của hệ thống tòa án.

Mức độ ứng dụng AI trong hoạt động tư pháp hiện nay rất đa dạng. Ở cấp độ thấp nhất, AI được sử dụng để số hóa hồ sơ, phân loại vụ việc, hỗ trợ quản lý lịch xét xử hoặc tìm kiếm các văn bản pháp luật liên quan. Ở cấp độ cao hơn, AI có thể tham gia phân tích hồ sơ vụ án, đề xuất các phương án giải quyết hoặc dự báo khả năng thành công của các yêu cầu tố tụng⁴³.

Một số quốc gia đã triển khai những dự án có phạm vi rộng hơn. Estonia từng công bố kế hoạch thử nghiệm AI trong giải quyết các tranh chấp dân sự có giá trị nhỏ nhằm giảm tải cho hệ thống tòa án. Trong khi đó, Trung Quốc đã xây dựng hệ thống “Tòa án thông minh” (Smart Courts) với mức độ ứng dụng công nghệ rất cao, bao gồm tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, xét xử trực tuyến và hỗ trợ ra quyết định bằng thuật toán trong một số lĩnh vực nhất định⁴⁴.

Tại Hoa Kỳ, các hệ thống dự báo nguy cơ tái phạm như COMPAS đã được sử dụng trong nhiều năm để hỗ trợ thẩm phán trong các quyết định liên quan đến bảo lãnh hoặc tuyên án. Mặc dù các hệ thống này không thay thế thẩm phán, nhưng chúng cho thấy AI đang dần tham gia vào những khâu vốn được xem là trung tâm của hoạt động tư pháp⁴⁵.

Nhìn từ góc độ quản trị công, việc ứng dụng AI trong hoạt động xét xử có thể mang lại nhiều lợi ích. AI giúp giảm thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao tính nhất quán trong việc áp dụng pháp luật và tăng khả năng tiếp cận công lý của người dân thông qua các nền tảng tư pháp số. Trong bối cảnh số lượng tranh chấp ngày càng gia tăng, đây là những lợi ích khó có thể bỏ qua.

3.2. Những giới hạn của AI trong hoạt động xét xử

Mặc dù có nhiều tiềm năng, việc sử dụng AI trong hoạt động xét xử vẫn đối mặt với những giới hạn mang tính bản chất. Khác với các lĩnh vực kỹ thuật hoặc tài chính, hoạt động tư pháp không chỉ là quá trình áp dụng máy móc các quy định pháp luật mà còn là quá trình cân nhắc giữa các giá trị xã hội, đạo đức và quyền con người.

Cụ thể đó là nguy cơ “xơ cứng” hoặc “máy móc” trong một hệ thống pháp luật dựa quá nhiều vào tiền lệ, khi các khái niệm đã được đúc kết sẵn thường vượt ra ngoài các sự kiện của vụ án trong thực tiễn, như trường hợp với khái niệm “lợi ích công cộng” đối với thẩm phán hành chính ở Pháp⁴⁶. Cuộc sống vốn dĩ luôn thay đổi và nhiều màu sắc đa dạng vô cùng, những gì dựa trên tiền lệ - nguồn dữ liệu của AI- có thể luôn không khớp với những biến đổi rất đời trong xã hội. AI khó có thể thay thế con người trong những tình huống đó.

⁴³ OECD, *Artificial Intelligence in Society*, OECD Publishing, Paris, 2023.

⁴⁴ Supreme People's Court of China, *Chinese Smart Courts and Internet Courts Development Report*, Beijing, 2023.

⁴⁵ Julia Angwin et al., “Machine Bias”, *ProPublica*, 23 May 2016.

⁴⁶ Conseil d'Etat, « L'intelligence artificielle et le raisonnement du juge », *Revue Archives de Philosophie du Droit*, tome 66, Lefebvre-Dalloz, 2025

Nhấn mạnh ý này, xin trích lời từ Jean-Étienne-Marie Portalis trong quá trình soạn thảo Bộ Luật Dân sự Napoleon: “*Sự nghiêm khắc thái quá trong việc thực hành pháp luật sẽ mang dấu hiệu của sự độc đoán chuyên quyền: summum jus, summa injuria. Cái thiện luôn nằm giữa hai giới hạn; nó sẽ kết thúc ở nơi mà sự thái quá bắt đầu*”.⁴⁷

Trong nhiều trường hợp, việc giải quyết một vụ án không chỉ phụ thuộc vào nội dung văn bản pháp luật mà còn liên quan đến việc đánh giá động cơ của các bên, hoàn cảnh xã hội, yếu tố nhân đạo hoặc lợi ích công cộng. Đây là những yếu tố rất khó lượng hóa bằng dữ liệu hoặc thuật toán.

Bên cạnh đó, AI hiện nay vẫn chưa có khả năng chịu trách nhiệm pháp lý hoặc trách nhiệm đạo đức đối với quyết định mà mình đưa ra. Nếu một hệ thống AI đưa ra khuyến nghị sai dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, câu hỏi về chủ thể chịu trách nhiệm vẫn còn rất phức tạp. Trong khi đó, trách nhiệm cá nhân của thẩm phán là một trong những nền tảng của nền tư pháp hiện đại.

Chính vì vậy, phần lớn các nghiên cứu hiện nay đều cho rằng AI chỉ nên được sử dụng với vai trò hỗ trợ chứ không thay thế hoàn toàn hoạt động xét xử của con người. Nguyên tắc này thường được gọi là “human-in-the-loop”, tức con người luôn giữ vai trò kiểm soát cuối cùng đối với các quyết định ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của cá nhân⁴⁸.

Lập luận cuối cho sự không thể thay thế của AI trong xét xử - đó là tính chính danh và uy tín chính trị - xã hội đối với phán quyết. Theo Walter Benjamin, một tác phẩm được sao chép bằng nhiếp ảnh dù tái tạo hoàn hảo đến đâu cũng mất đi vẻ đẹp “hào quang” của nó. Không nghi ngờ gì nữa, nhiếp ảnh có thể tái tạo mọi đặc điểm của một tác phẩm nghệ thuật, và một số bản sao đương đại thậm chí có thể nắm bắt được kết cấu, các vết nứt do thời gian gây ra và các nét cọ trên lớp sơn dày, nhưng những bản sao này sẽ thiếu đi hào quang vẻ đẹp trong bản gốc. Tương tự, vượt ra ngoài sự hoàn hảo của việc tái tạo lập luận pháp lý của một thẩm phán qua công cụ AI, một quyết định tư pháp được thông qua mà không có sự giám sát, xác nhận và trên hết là sự chấp thuận của một thẩm phán, với sự uy nghiêm, niềm tin và danh dự đã trao cho thẩm phán - sẽ mất đi tính chính danh, và do đó khó có tính chấp nhận về mặt chính trị - xã hội cũng như khả năng bình ổn xã hội thông qua việc áp dụng các quy tắc xử sự chung⁴⁹.

3.3. Sự hình thành các chuẩn mực quản trị AI trong lĩnh vực tư pháp

Sự phát triển nhanh chóng của AI đã thúc đẩy quá trình hình thành các chuẩn mực quốc tế mới về quản trị công nghệ. Điểm chung của các văn kiện quốc tế gần đây là đều khẳng định AI phải phục vụ con người và không được làm suy giảm các quyền cơ bản được pháp luật bảo vệ.

⁴⁷ Fenet, *Recueil complet des travaux préparatoires du code civil*, tome XIV, p. 123., dẫn theo Conseil d’Etat, sdd.

⁴⁸ Council of Europe, *Framework Convention on Artificial Intelligence and Human Rights, Democracy and the Rule of Law*, 2024.

⁴⁹ Conseil D’Etat, sdd.

Đạo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 của Liên minh châu Âu năm 2024 là ví dụ điển hình. Văn bản này xếp các hệ thống AI được sử dụng trong lĩnh vực tư pháp vào nhóm có mức độ rủi ro cao, đồng thời yêu cầu áp dụng các cơ chế minh bạch, giám sát và kiểm soát nghiêm ngặt. Đặc biệt, Đạo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 nhấn mạnh rằng các quyết định có ảnh hưởng đáng kể đến quyền cơ bản của cá nhân không được hoàn toàn phụ thuộc vào hệ thống tự động⁵⁰.

Tương tự, Công ước khung của Hội đồng châu Âu về trí tuệ nhân tạo, quyền con người, dân chủ và pháp quyền năm 2024 cũng khẳng định việc ứng dụng AI phải được đặt dưới sự kiểm soát của các nguyên tắc pháp quyền và bảo vệ quyền con người. Những phát triển này cho thấy cộng đồng quốc tế đang từng bước xây dựng một mô hình quản trị AI dựa trên sự kết hợp giữa đổi mới công nghệ và trách nhiệm pháp lý.

4. Những thách thức pháp lý, đạo đức và định hướng chính sách

4.1. Hiện tượng “ảo giác” và yêu cầu kiểm chứng thông tin

Một trong những thách thức lớn nhất của AI tạo sinh là hiện tượng “ảo giác” (hallucination). Đây là hiện tượng hệ thống AI tạo ra các thông tin có vẻ hợp lý nhưng thực tế không tồn tại hoặc không chính xác.

Trong lĩnh vực pháp luật, hậu quả của hiện tượng này có thể đặc biệt nghiêm trọng. Không giống nhiều ngành nghề khác, các sai sót pháp lý có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tài sản, quyền tự do hoặc danh dự của cá nhân. Vụ việc *Mata v. Avianca* năm 2023 cho thấy ngay cả những luật sư có kinh nghiệm cũng có thể gặp rủi ro nếu quá tin tưởng vào kết quả do AI cung cấp mà không thực hiện việc kiểm chứng độc lập⁵¹.

Do đó, nguyên tắc cơ bản được nhiều tổ chức nghề nghiệp thừa nhận hiện nay là luật sư phải chịu trách nhiệm cuối cùng đối với mọi sản phẩm chuyên môn do mình sử dụng hoặc nộp cho khách hàng và cơ quan nhà nước, kể cả khi sản phẩm đó có sự hỗ trợ của AI.

4.2. Bảo mật dữ liệu và bí mật khách hàng

Nghề luật gắn liền với nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Tuy nhiên, việc sử dụng các hệ thống AI tạo sinh đặt ra những rủi ro mới đối với nguyên tắc này.

Trong nhiều trường hợp, người sử dụng phải nhập dữ liệu, tài liệu hoặc thông tin vụ việc vào hệ thống AI để nhận được kết quả phân tích. Nếu các dữ liệu này được lưu trữ hoặc sử dụng để huấn luyện mô hình mà không có cơ chế bảo vệ phù hợp, bí mật khách hàng có thể bị xâm phạm. Vì lý do đó, nhiều tổ chức nghề nghiệp đã khuyến nghị luật sư

⁵⁰ Regulation (EU) 2024/1689 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 laying down harmonised rules on artificial intelligence (Artificial Intelligence Act).

⁵¹ Vụ việc *Mata v. Avianca, Inc.* (2023): Tòa án Liên bang Quận Nam New York đã xử phạt luật sư của nguyên đơn số tiền 5.000 USD vì lỗi cầu thả nghề nghiệp khi nộp một bản biện hộ chứa 6 án lệ hoàn toàn giả mạo do ChatGPT tự “bịa” ra (hiện tượng ảo giác AI) và không tiến hành xác minh lại nguồn gốc. Án lệ này thiết lập nguyên tắc bắt buộc các luật gia phải độc lập kiểm định (Human-in-the-loop) mọi sản phẩm do trí tuệ nhân tạo tạo ra trước khi nộp lên cơ quan tài phán. Xem: *Mata v. Avianca, Inc.*, 678 F. Supp. 3d 443 (S.D.N.Y. 2023).

cần thận trọng khi sử dụng các nền tảng AI công cộng và phải đánh giá kỹ các điều khoản bảo mật trước khi đưa dữ liệu khách hàng vào hệ thống⁵².

4.3. Thiên vị thuật toán và quyền con người

Một vấn đề quan trọng khác là nguy cơ thiên vị thuật toán. Các hệ thống AI được huấn luyện trên dữ liệu quá khứ và vì vậy có thể kế thừa những thiên kiến vốn tồn tại trong dữ liệu đó. Nếu không được kiểm soát, AI có thể tái tạo hoặc thậm chí khuếch đại các hình thức bất bình đẳng trong xã hội.

Các nghiên cứu về hệ thống dự báo tội phạm và đánh giá nguy cơ tái phạm tại Hoa Kỳ cho thấy kết quả của thuật toán có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như chủng tộc, điều kiện kinh tế hoặc khu vực cư trú. Điều này đặt ra câu hỏi quan trọng về tính công bằng và tính minh bạch của các quyết định dựa trên AI.

Từ góc độ quyền con người, vấn đề không chỉ nằm ở độ chính xác của thuật toán mà còn ở khả năng giải thích và kiểm soát các quyết định được đưa ra bởi hệ thống AI. Một nền tư pháp dựa trên pháp quyền đòi hỏi mọi quyết định ảnh hưởng đến quyền của cá nhân phải có khả năng được giải thích, kiểm tra và khiếu nại.

4.4. Định hướng chính sách đối với nghề luật trong thời đại AI

Những phân tích trên cho thấy AI không nên được tiếp cận như một mối đe dọa đối với nghề luật mà như một công nghệ cần được quản trị phù hợp. Trong thời gian tới, các cơ sở đào tạo luật cần bổ sung kiến thức về AI, dữ liệu và công nghệ số vào chương trình đào tạo. Đồng thời, các tổ chức nghề nghiệp cần xây dựng các chuẩn mực cụ thể về việc sử dụng AI trong hoạt động hành nghề.

Có một rủi ro của AI đối với các luật gia trẻ: công nghệ có thể tạo điều kiện để “nhảy cóc” về năng suất và khả năng tiếp cận tri thức, nhưng không thể thay thế quá trình học tập bài bản nhằm hình thành tư duy pháp lý. Việc sử dụng AI mà thiếu nền tảng lý luận pháp luật và phương pháp lập luận có thể dẫn đến sự phụ thuộc công nghệ, làm suy giảm năng lực phân tích độc lập và gia tăng nguy cơ chấp nhận các kết quả sai lệch của AI. Do đó, phát triển tư duy pháp lý trong kỷ nguyên AI không đồng nghĩa với việc từ bỏ các phương pháp đào tạo truyền thống, mà đòi hỏi sự kết hợp giữa nền tảng pháp lý vững chắc và năng lực sử dụng công nghệ có trách nhiệm. Luật gia của thời đại AI cần được đào tạo để biết đặt câu hỏi đúng, kiểm chứng đầu ra của AI, nhận diện thiên lệch thuật toán và thực hiện các phán đoán chuẩn tắc mà máy móc không thể thay thế. Nếu AI mở rộng năng lực xử lý thông tin của con người, thì tư duy pháp lý và trách nhiệm nghề nghiệp vẫn là những yếu tố cốt lõi quyết định giá trị và tính chính danh của nghề luật trong xã hội số. Giá trị của luật gia trong tương lai không nằm ở khả năng “biết nhiều pháp luật hơn máy”, mà ở năng lực tư duy pháp lý, lập luận phản biện, phán đoán chuẩn tắc và giải quyết các vấn đề pháp lý mới phát sinh trong bối cảnh xã hội và công nghệ không ngừng biến đổi. Do đó, giáo dục pháp lý cần chuyển dịch từ mô hình đào tạo dựa

⁵² American Bar Association, *Formal Opinion 512: Generative Artificial Intelligence Tools*, 2024

trên tri thức (knowledge-based education) sang mô hình phát triển năng lực (competency-based education), trong đó chú trọng hình thành tư duy pháp lý, năng lực lập luận, đạo đức nghề nghiệp và khả năng sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm.

Sự thay đổi này không có nghĩa là giảm bớt nền tảng lý luận pháp luật, mà ngược lại càng đòi hỏi việc đào tạo bài bản về phương pháp tư duy và lập luận pháp lý. AI có thể cung cấp câu trả lời nhanh chóng, nhưng chỉ những người được đào tạo vững chắc về lý luận pháp luật, phương pháp giải thích pháp luật và kỹ năng đánh giá chứng cứ mới có khả năng kiểm chứng, phản biện và sử dụng hiệu quả các kết quả do AI tạo ra. Mục tiêu cuối cùng không phải là đào tạo những luật gia cạnh tranh với AI, mà là đào tạo những luật gia có khả năng sử dụng AI để phục vụ công lý, bảo vệ quyền con người và duy trì tính chính danh của pháp luật trong xã hội số.

Bởi vậy trong kỷ nguyên AI, nhiệm vụ cốt lõi của đào tạo luật không còn là truyền đạt tri thức pháp luật vốn ngày càng trở nên phổ thông, phổ biến, dễ tiếp cận nhờ công nghệ, mà là đào tạo năng lực tư duy pháp lý, phán đoán chuẩn tắc và trách nhiệm nghề nghiệp – những phẩm chất làm nên tính nhân văn và tính chính danh của nghề luật.

Bên cạnh đó, nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trách nhiệm dân sự đối với hệ thống AI và các cơ chế giám sát việc sử dụng AI trong lĩnh vực tư pháp. Chỉ khi bảo đảm được sự cân bằng giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ các giá trị pháp quyền, AI mới có thể thực sự trở thành công cụ phục vụ công lý thay vì tạo ra những rủi ro mới cho xã hội.

Kết luận:

Những phát triển của trí tuệ nhân tạo sinh trong giai đoạn 2023-2026 cho thấy nghề luật đang bước vào một giai đoạn chuyển đổi có tính chất bước ngoặt. Nếu như các công nghệ pháp lý trước đây chủ yếu hỗ trợ việc quản lý và xử lý thông tin thì AI tạo sinh đã bắt đầu tham gia trực tiếp vào nhiều hoạt động cốt lõi của nghề luật như nghiên cứu pháp lý, rà soát hợp đồng, tư vấn và hỗ trợ tố tụng.

Tuy nhiên, những bằng chứng hiện nay chưa cho thấy AI có khả năng thay thế hoàn toàn luật sư hoặc thẩm phán. Các hoạt động pháp lý vẫn đòi hỏi những năng lực đặc thù của con người như tư duy đạo đức, khả năng đánh giá bối cảnh xã hội, kỹ năng thương lượng và trách nhiệm nghề nghiệp. Trong tương lai gần, xu hướng chủ đạo nhiều khả năng không phải là sự thay thế mà là sự cộng tác giữa con người và AI.

Do đó, vấn đề quan trọng nhất không còn là câu hỏi liệu AI có thay thế nghề luật hay không, mà là cách thức tổ chức lại hoạt động đào tạo, hành nghề và quản trị tư pháp trong một môi trường mà AI ngày càng trở thành hạ tầng công nghệ phổ biến. Việc xây dựng các chuẩn mực pháp lý và đạo đức phù hợp sẽ đóng vai trò quyết định trong việc bảo đảm rằng AI được sử dụng để nâng cao hiệu quả của hệ thống pháp luật mà không làm suy giảm các giá trị cốt lõi của công lý, pháp quyền và quyền con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ethan Mollick, *Co-Intelligence: Living and Working with AI*, Portfolio, New York, 2024, tr. 15-35.
2. Richard Susskind, *Tomorrow's Lawyers: An Introduction to Your Future*, 3rd edition, Oxford University Press, Oxford, 2023, tr. 1-20.
3. *Matter of Mata v. Avianca Inc.*, 678 F.Supp.3d 443 (S.D.N.Y. 2023).
4. Regulation (EU) 2024/1689 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 laying down harmonised rules on artificial intelligence (Artificial Intelligence Act).
5. American Bar Association, *Formal Opinion 512: Generative Artificial Intelligence Tools*, 2024.
6. Richard Susskind & Daniel Susskind, *The Future of the Professions: How Technology Will Transform the Work of Human Experts*, Oxford University Press, Oxford, 2015, tr. 35-67.
7. OpenAI, *GPT-4 Technical Report*, 2023.
8. McKinsey Global Institute, *The Economic Potential of Generative AI: The Next Productivity Frontier*, 2023.
9. Richard Susskind, *Tomorrow's Lawyers: An Introduction to Your Future*, 3rd edition, Oxford University Press, Oxford, 2023, tr. 85-110.
10. LexisNexis, *Generative AI and the Legal Profession Survey Report*, 2024.
11. Thomson Reuters Institute, *Future of Professionals Report 2025*, Thomson Reuters, 2025.
12. Perlman, A. (2023). The implications of ChatGPT for legal services and society. *The Practice*, 9(3). Harvard Law School Center on the Legal Profession. <https://clp.law.harvard.edu/knowledge-hub/insights/the-implications-of-chatgpt-for-legal-services-and-society/>.
13. World Economic Forum, *The Future of Jobs Report 2025*, Geneva, 2025.
14. Supreme People's Court of China, *Chinese Smart Courts and Internet Courts Development Report*, Beijing, 2023.
15. Julia Angwin et al., “Machine Bias”, *ProPublica*, 23 May 2016.
16. Conseil d’Etat, « L’intelligence artificielle et le raisonnement du juge », *Revue Archives de Philosophie du Droit*, tome 66, Lefebvre-Dalloz, 2025
17. *Fenet, Recueil complet des travaux préparatoires du code civil, tome XIV, p. 123., dân theo Conseil d’Etat, sđd.*

18. Council of Europe, *Framework Convention on Artificial Intelligence and Human Rights, Democracy and the Rule of Law*, 2024.

19. Regulation (EU) 2024/1689 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 laying down harmonised rules on artificial intelligence (Artificial Intelligence Act).

20. American Bar Association, *Formal Opinion 512: Generative Artificial Intelligence Tools*, 2024

THAM LUẬN 3

TRÁCH NHIỆM ĐẠO ĐỨC MỚI CỦA NGHỀ LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: YÊU CẦU KIỂM CHỨNG, TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH VÀ SUY XÉT NHÂN VĂN

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn

Chủ nhiệm Khoa Lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật,
Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
CN. Trần Nam Anh

Khoa Lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật,
Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức hành nghề luật, đồng thời đặt ra yêu cầu nhận thức lại trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh mới. Bài viết phân tích sự dịch chuyển của tư duy nghề luật từ xử lý thông tin pháp lý sang kiểm chứng thông tin, suy xét nhân văn và chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng công nghệ. Trên cơ sở nhận diện các rủi ro như lệ thuộc vào thuật toán, rò rỉ dữ liệu nghề nghiệp, dữ liệu hồ sơ pháp lý và thoái thác trách nhiệm cho công cụ trí tuệ nhân tạo, bài viết đề xuất khung trách nhiệm đạo đức số gồm bốn nội dung: sử dụng công nghệ an toàn; bảo đảm con người chịu trách nhiệm cuối cùng; bảo vệ dữ liệu khách hàng; và duy trì sự thấu cảm trong hoạt động nghề luật. Bài viết khẳng định rằng công nghệ có thể hỗ trợ nâng cao hiệu quả hành nghề, nhưng không thể thay thế năng lực chuyên môn, trách nhiệm cá nhân và vai trò nhân văn của người hành nghề luật.

Từ khóa: Đạo đức nghề luật; trí tuệ nhân tạo; chuyển đổi số; trách nhiệm giải trình; suy xét nhân văn.

Đặt vấn đề:

Sự phát triển nhanh chóng của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đang tác động ngày càng sâu rộng đến hoạt động nghề luật. Các công cụ số, đặc biệt là các hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo sinh, có khả năng hỗ trợ người hành nghề luật trong việc tìm kiếm, tổng hợp, xử lý thông tin, soạn thảo văn bản và phân tích dữ liệu pháp lý. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả hành nghề, giảm bớt các thao tác kỹ thuật lặp lại và mở rộng khả năng tiếp cận thông tin pháp luật. Tuy nhiên, sự thay đổi này không chỉ là thay đổi về công cụ làm việc, mà còn đặt ra yêu cầu nhận thức lại phương thức tư duy, trách nhiệm nghề nghiệp và chuẩn mực đạo đức của người hành nghề luật trong bối cảnh mới.

Trong môi trường hành nghề truyền thống, các quy tắc đạo đức nghề luật chủ yếu được xây dựng trên nền tảng quan hệ giữa con người với con người, giữa người hành nghề luật với khách hàng, cơ quan tiến hành tố tụng, đồng nghiệp và xã hội. Khi trí tuệ nhân tạo tham gia ngày càng sâu vào quá trình xử lý thông tin và hỗ trợ ra quyết định pháp lý, mô hình tương tác nghề nghiệp đã chuyển từ quan hệ “người với người” sang quan hệ phức hợp giữa “con người - công nghệ - con người”. Sự thay đổi này làm phát sinh nhiều rủi ro đạo đức mới, như sự lệ thuộc vào kết quả do thuật toán cung cấp, nguy

cơ sử dụng thông tin pháp lý chưa được kiểm chứng, rủi ro rò rỉ dữ liệu khách hàng trên các nền tảng số và xu hướng thoái thác trách nhiệm cá nhân cho công cụ công nghệ.

Thực tiễn đó cho thấy chuẩn mực đạo đức nghề luật cần được tiếp tục bổ sung để thích ứng với chuyển đổi số. Vấn đề không phải là có nên sử dụng trí tuệ nhân tạo hay không, mà là sử dụng công nghệ như thế nào để nâng cao hiệu quả chuyên môn nhưng vẫn bảo đảm trách nhiệm nghề nghiệp, bảo mật thông tin, tính độc lập trong suy xét và giá trị nhân văn của hoạt động pháp lý.

Về mặt lý luận, đạo đức nghề luật không nên được hiểu giản đơn là tập hợp các quy tắc ứng xử nghề nghiệp. Paweł Skuczyński cho rằng đạo đức nghề luật là một lĩnh vực tri thức nghiên cứu các phương diện nghĩa vụ nghề nghiệp, vai trò xã hội và đạo đức của hoạt động hành nghề luật; đồng thời có thể được hiểu như một lý thuyết về “thực hành tốt” trong các nghề luật.⁵³ Cách tiếp cận này cho thấy trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo, vấn đề đặt ra không chỉ là bổ sung một số quy tắc kỹ thuật về việc sử dụng công nghệ, mà còn là nhận diện lại nền tảng trách nhiệm, vai trò xã hội và phẩm chất đạo đức của người hành nghề luật.

Trong bài viết này, “người hành nghề luật” không chỉ được hiểu là luật sư, mà còn bao gồm các chủ thể thực hiện hoạt động nghề nghiệp pháp lý theo nghĩa rộng như thẩm phán, kiểm sát viên, công chứng viên, chấp hành viên, đấu giá viên, trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật, chuyên viên pháp chế trong doanh nghiệp, giảng viên luật và nghiên cứu viên luật. Các chức danh này có vị trí, thẩm quyền và phương thức hoạt động khác nhau, nhưng đều có điểm chung là sử dụng tri thức pháp lý để xử lý thông tin, đánh giá tình huống, đưa ra ý kiến chuyên môn, đào tạo năng lực nghề nghiệp, tạo ra tri thức pháp lý hoặc tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và lợi ích công. Vì vậy, tác động của trí tuệ nhân tạo đối với đạo đức nghề luật cần được nhìn nhận như một vấn đề chung của nhiều nghề luật, chứ không chỉ là vấn đề riêng của luật sư. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung làm rõ ba vấn đề: sự dịch chuyển của tư duy nghề luật trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo; những rủi ro đạo đức phát sinh từ việc sử dụng công nghệ trong hoạt động nghề luật; và định hướng xây dựng khung trách nhiệm đạo đức số cho người hành nghề luật ở Việt Nam. Cách tiếp cận này nhằm góp phần hoàn thiện chuẩn mực đạo đức nghề luật, bảo đảm công nghệ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ an toàn, có kiểm soát và không thay thế trách nhiệm chuyên môn, lương tri và vai trò nhân văn của con người. Do phạm vi của một bài viết Hội thảo khoa học, bài viết này không đi sâu phân tích toàn bộ quy chế pháp lý riêng của từng chức danh nghề luật, mà tập trung nhận diện các rủi ro đạo đức chung phát sinh từ việc sử dụng AI và đề xuất một khung nguyên tắc có khả năng tham khảo cho nhiều nhóm nghề luật khác nhau.

⁵³ Paweł Skuczyński, *The Status of Legal Ethics*, translated by Katarzyna Popowicz, Peter Lang, Frankfurt am Main, 2013, p. 255.

1. Kiểm chứng thông tin, giải trình và suy xét nhân văn - yêu cầu mới của tư duy nghề luật

Phương thức thực hành nghề luật luôn biến đổi cùng với sự phát triển của công cụ lao động và môi trường xã hội. Nếu sự ra đời của kỹ thuật in từng góp phần mở rộng khả năng tiếp cận tri thức pháp luật, thì ngày nay, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo đang tạo ra một bước chuyển mới trong cách thức người hành nghề luật tìm kiếm, xử lý và sử dụng thông tin pháp lý.⁵⁴ Sự tham gia ngày càng sâu của các thuật toán không chỉ làm cho công việc pháp lý được thực hiện nhanh hơn, mà còn đặt ra yêu cầu nhận thức lại cấu trúc tư duy nghề nghiệp của người hành nghề luật.

Thứ nhất, sự thu hẹp lợi thế thông tin trong nghề luật

Trong một thời gian dài, năng lực nghề nghiệp của người hành nghề luật gắn chặt với khả năng tiếp cận, ghi nhớ, tra cứu và tổng hợp thông tin pháp lý. Sự phức tạp của hệ thống pháp luật, cùng với sự phân tán của các nguồn pháp luật, từng tạo ra khoảng cách đáng kể giữa người có chuyên môn pháp lý và người dân. Trong bối cảnh đó, người hành nghề luật thường được nhìn nhận như chủ thể có khả năng định hướng người dân tiếp cận “kho tàng” quy phạm pháp luật.

Theo báo cáo phân tích tác động của AI do Ngân hàng đầu tư toàn cầu Goldman Sachs công bố tháng 3/2023, khoảng 44% khối lượng tác vụ trong ngành luật được đánh giá là có mức độ “phơi nhiễm cao” trước AI⁵⁵, tức là có khả năng chịu tác động mạnh bởi các công cụ AI trong quá trình tra cứu, đối chiếu, tổng hợp, phân loại và soạn thảo thông tin pháp lý. Điều này không có nghĩa AI sẽ thay thế tương ứng 44% nhân lực ngành luật, mà cho thấy nhiều công đoạn truyền thống của nghề luật đang đứng trước khả năng được tự động hóa hoặc tái cấu trúc sâu sắc. Tại Việt Nam, những con số biết nói đã phản ánh mức độ ứng dụng công nghệ đã đi sâu vào mọi ngóc ngách của hoạt động nghề nghiệp, từ các hãng luật, luật sư, khối cơ quan tư pháp cho đến các cơ sở đào tạo.⁵⁶ Trước đây, việc tra cứu tài liệu, rà soát hiệu lực văn bản hoặc ghi nhớ chính xác quy định pháp luật từng được xem là một biểu hiện quan trọng của năng lực hành nghề.

⁵⁴ Eisenstein, E. L. (1979), *The printing press as an agent of change: Communications and cultural transformations in early-modern Europe*, Cambridge University Press, <https://doi.org/10.1017/CBO9781107049963>, ngày truy cập 25/04/2026; Jens Frankenreiter and Julian Nyarko, “Natural Language Processing in Legal Tech”, in David Freeman Engstrom (ed.), *Legal Tech and the Future of Civil Justice*, Cambridge University Press, Cambridge, 2023, pp. 71–72, 90.

⁵⁵ “Phơi nhiễm cao trước tác động của AI” là cách dịch từ ý “high exposure to AI”. Ở đây không nên hiểu là bị AI thay thế hoàn toàn, mà nên hiểu là: một phần lớn công việc trong ngành luật có đặc điểm dễ bị AI tác động, hỗ trợ, tự động hóa một phần hoặc làm thay đổi cách thức thực hiện. Xem: Briggs, J., & Kodnani, D. (2023, March 26), *The potentially large effects of artificial intelligence on economic growth*, Goldman Sachs Global Economics Analyst, <https://www.gspublicshing.com/content/research/en/reports/2023/03/27/d64e052b-0f6e-45d7-967b-d7be35fabd16.pdf>, ngày truy cập 25/04/2026

⁵⁶ Xem: Nguyễn Hương Sang (2025), *Cơ hội và thách thức cho luật sư trong kỷ nguyên AI*, Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một, 1(74), 97-106, <https://vjol.info.vn/index.php/tdm>, ngày truy cập 25/04/2026.

Trong điều kiện chuyển đổi số, lợi thế này đang thay đổi nhanh chóng. Các hệ thống trí tuệ nhân tạo có thể xử lý khối lượng lớn dữ liệu pháp luật, tóm tắt hồ sơ, gợi ý cấu trúc lập luận và hỗ trợ soạn thảo văn bản trong thời gian rất ngắn. Tri thức pháp lý ở dạng thông tin thô ngày càng trở nên dễ tiếp cận hơn đối với công chúng. Vì vậy, giá trị cốt lõi của người hành nghề luật không còn nằm chủ yếu ở khả năng tìm kiếm và lắp ghép quy định, mà chuyển sang năng lực lựa chọn, kiểm chứng, giải thích và sử dụng thông tin pháp lý một cách có trách nhiệm.

Thứ hai, sự khác biệt về nhận thức giữa con người và máy móc

Hoạt động giải quyết vấn đề pháp lý của con người không chỉ là thao tác xử lý dữ liệu. Đó là quá trình nhận diện bản chất vụ việc, xác định quan hệ pháp luật, đánh giá chứng cứ, lý giải hành vi và lựa chọn giải pháp phù hợp với quy định pháp luật cũng như hoàn cảnh cụ thể của con người.

Chẳng hạn, trong một vụ án hình sự, thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư đều có thể sử dụng AI để tóm tắt hồ sơ, hệ thống hóa chứng cứ hoặc gợi ý các vấn đề pháp lý cần xem xét. Tuy nhiên, việc đánh giá hành vi phạm tội, lỗi, động cơ, mục đích, hậu quả, mối quan hệ nhân quả, chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội vẫn phải do con người thực hiện bằng năng lực chuyên môn độc lập.

Trong khi đó, các hệ thống trí tuệ nhân tạo không “hiểu” điều luật, sự thật vụ việc hay lẽ công bằng theo cách con người hiểu. Về bản chất, nhiều công cụ AI hiện nay vận hành dựa trên mô hình xác suất, dự đoán khả năng xuất hiện của chuỗi thông tin tiếp theo trên cơ sở dữ liệu đã được huấn luyện. Do đó, AI có thể tạo ra câu trả lời có vẻ hợp lý về mặt ngôn ngữ, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc câu trả lời ấy đúng về mặt pháp lý, phù hợp với sự thật vụ việc hoặc bảo đảm công bằng trong từng trường hợp cụ thể.

Thứ ba, năng lực kiểm chứng thông tin pháp lý trước rủi ro “ảo giác” của thuật toán

Một trong những rủi ro đáng chú ý của trí tuệ nhân tạo là hiện tượng công cụ tự tạo ra thông tin không có thật nhưng lại trình bày bằng ngôn ngữ mạch lạc, tự tin và có vẻ thuyết phục. Trong lĩnh vực pháp luật, rủi ro này đặc biệt nghiêm trọng, bởi AI có thể viện dẫn văn bản pháp luật không tồn tại, trích dẫn sai nội dung quy định, hoặc tạo ra án lệ, vụ việc, học thuyết pháp lý không có thật.

Một ví dụ điển hình là vụ *Mata v. Avianca, Inc.* tại Tòa án liên bang Quận Nam New York năm 2023. Trong vụ việc này, Thẩm phán P. Kevin Castel đã xử phạt hai luật sư vì nộp cho Tòa án bản luận cứ có viện dẫn các án lệ giả do ChatGPT tạo ra.⁵⁷ Vụ việc cho thấy trong hoạt động nghề luật, việc sử dụng AI mà thiếu kiểm chứng độc lập có thể dẫn đến hậu quả pháp lý và đạo đức nghiêm trọng.

⁵⁷ *Mata v. Avianca, Inc.*, 678 F. Supp. 3d 443 (S.D.N.Y. 2023), <https://casetext.com/case/mata-v-avianca-inc-2>, ngày truy cập 25/04/2026

Từ thực tiễn đó, khi AI có thể hỗ trợ đáng kể cho hoạt động tra cứu và tổng hợp thông tin, trọng tâm tư duy nghề luật cần chuyển từ “tìm kiếm thông tin” sang “kiểm chứng thông tin”. Kết quả do AI cung cấp chỉ nên được xem là nguồn tham khảo ban đầu, không phải căn cứ pháp lý cuối cùng. Người hành nghề luật có trách nhiệm kiểm tra văn bản được viện dẫn có tồn tại và còn hiệu lực hay không, nội dung trích dẫn có chính xác hay không, tình tiết vụ việc có bị giản lược hoặc bóp méo hay không, và lập luận được đề xuất có phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành hay không. Trong lĩnh vực pháp luật, một sai lệch nhỏ về thông tin có thể dẫn đến hệ quả lớn đối với quyền, lợi ích, tài sản, danh dự, tự do, thậm chí sinh mệnh pháp lý của con người.

Thứ tư, suy xét nhân văn như giới hạn không thể thay thế của nghề luật

Nếu kiểm chứng thông tin pháp lý là yêu cầu cần thiết để phòng ngừa rủi ro kỹ thuật, thì suy xét nhân văn là yếu tố xác lập giá trị không thể thay thế của người hành nghề luật. Hoạt động nghề luật không phải là một phép tính cơ học, trong đó chỉ cần đưa tình tiết vào quy định là có thể tự động tạo ra kết quả đúng. Giữa quy phạm pháp luật và đời sống xã hội luôn tồn tại khoảng cách cần được lấp đầy bằng kinh nghiệm, trách nhiệm, lương tri và sự thấu cảm của con người.

Máy móc có thể nhận diện các dữ kiện bề ngoài, nhưng không thể thực sự thấu hiểu hoàn cảnh sống, tổn thương tinh thần, quan hệ gia đình, vị thế yếu thế hay những giới hạn tâm lý của con người trong từng vụ việc cụ thể. Trong một vụ việc ly hôn, AI có thể hỗ trợ tóm tắt hồ sơ, tính toán sơ bộ tỷ lệ tài sản hoặc hệ thống hóa chứng cứ, nhưng không thể thay thế thẩm phán cân nhắc lợi ích tốt nhất của trẻ em, hoàn cảnh chăm sóc, mức độ gắn bó tình cảm và những tác động tâm lý lâu dài đối với các thành viên gia đình. Trong hoạt động trợ giúp pháp lý, AI có thể gợi ý phương án tư vấn, nhưng không thể thay trợ giúp viên pháp lý lắng nghe người yếu thế, giải thích quyền của họ bằng ngôn ngữ dễ hiểu và nhận diện những tổn thương mà hồ sơ giấy không thể hiện đầy đủ. Trong hoạt động công chứng, AI có thể hỗ trợ rà soát dự thảo hợp đồng, nhưng không thể thay công chứng viên đánh giá sự tự nguyện, minh mẫn và khả năng bị chi phối của người tham gia giao dịch.

Do đó, suy xét nhân văn đòi hỏi người hành nghề luật phải đặt sự kiện pháp lý trong bối cảnh xã hội, đạo đức và con người cụ thể. Việc vận dụng pháp luật không chỉ cần đúng về mặt quy phạm, mà còn phải hướng tới giải pháp hợp lý, công bằng và có sức thuyết phục về mặt nhân văn. Đây chính là năng lực đặc thù của người hành nghề luật trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo: biết sử dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả công việc, nhưng không để công nghệ thay thế trách nhiệm, lương tri và bản lĩnh nghề nghiệp của con người.

Yêu cầu suy xét nhân văn của nghề luật có thể được lý giải sâu hơn từ mối quan hệ giữa đạo đức nghề luật và phẩm giá con người. Luban cho rằng thực hành pháp luật thông thường của những luật gia thông thường vẫn đáng được quan tâm bởi nó giữ vai trò trung tâm đối với nhà nước pháp quyền; đồng thời, nhiều tình huống đạo đức nghề luật có thể

được hiểu như những cách thức bảo vệ hoặc xâm phạm phẩm giá con người.⁵⁸ Từ góc nhìn này, AI có thể hỗ trợ xử lý dữ liệu, nhưng không thể tự mình nhận diện đầy đủ nguy cơ làm tổn thương, hạ thấp, loại trừ hoặc làm im lặng tiếng nói của con người trong một tình huống pháp lý cụ thể.

Thứ năm, trách nhiệm giải trình trong việc sử dụng trí tuệ nhân tạo

Sự tham gia của trí tuệ nhân tạo vào hoạt động nghề luật không làm giảm trách nhiệm của người hành nghề, mà trái lại còn làm cho yêu cầu giải trình trở nên cấp thiết hơn. Trong môi trường truyền thống, người hành nghề luật phải giải thích được cơ sở pháp lý, căn cứ thực tiễn và lập luận chuyên môn của ý kiến tư vấn, bản luận cứ hoặc quyết định pháp lý mà mình đưa ra. Trong môi trường số, yêu cầu đó không mất đi, mà được mở rộng thêm: người hành nghề luật còn phải giải thích được việc mình đã sử dụng công nghệ ở mức độ nào, sử dụng vào công đoạn nào, đã kiểm chứng kết quả ra sao và vì sao vẫn lựa chọn giải pháp pháp lý cuối cùng đó.

Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi trí tuệ nhân tạo thường vận hành như một “hộp đen”, trong đó quá trình tạo lập kết quả không phải lúc nào cũng minh bạch, có thể truy nguyên hoặc kiểm soát đầy đủ. Nếu người hành nghề luật sử dụng kết quả do AI tạo ra nhưng không thể giải thích được cơ sở của lập luận, không xác định được nguồn thông tin, không kiểm tra được độ tin cậy của dữ liệu, thì họ đã tự đặt mình vào tình trạng lệ thuộc vào công cụ. Khi đó, AI không còn là phương tiện hỗ trợ tư duy, mà trở thành chủ thể chi phối thực chất quá trình hình thành ý kiến pháp lý.

Vì vậy, trách nhiệm giải trình phải được xem là một yêu cầu mới của tư duy nghề luật trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo. Người hành nghề luật không thể viện dẫn “lỗi phần mềm”, “kết quả do AI cung cấp” hoặc “hệ thống tự động đề xuất” như một căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm nghề nghiệp của mình. Mọi sản phẩm pháp lý được công bố, ký tên, sử dụng trong tư vấn, tranh tụng, công chứng, xét xử hoặc trong các hoạt động pháp lý khác đều phải gắn với trách nhiệm cuối cùng của con người cụ thể. Nói cách khác, AI có thể tham gia vào quá trình chuẩn bị thông tin, nhưng không thể thay thế chủ thể chịu trách nhiệm về lập luận, lựa chọn và hệ quả pháp lý của quyết định nghề nghiệp.

2. Những khoảng trống đạo đức trong thực tiễn hành nghề luật tại Việt Nam

Sự dịch chuyển từ tư duy xử lý thông tin pháp lý thuần túy sang tư duy kiểm chứng thông tin pháp lý và suy xét nhân văn là xu hướng tất yếu trong bối cảnh chuyển đổi số.

⁵⁸ David Luban, *Legal Ethics and Human Dignity*, Cambridge University Press, Cambridge, 2007, pp. 5–6. Theo David Luban, hoạt động hành nghề luật hằng ngày của các luật sư bình thường cần được quan tâm vì chính nó giữ vai trò trung tâm đối với nhà nước pháp quyền: “ordinary law practice by ordinary lawyers deserves attention because it is central to the rule of law”. Từ đó, ông cho rằng các tình thế khó xử quen thuộc trong đạo đức nghề luật có thể được hiểu như những cách thức bảo vệ hoặc xâm phạm phẩm giá con người: “familiar dilemmas in legal ethics can best be understood as defenses or assaults on human dignity”. Đặc biệt, Luban nhấn mạnh phẩm giá con người gắn với việc không làm nhục, không hạ thấp con người (Non-humiliation plays a key role in my understanding of human dignity), qua đó cho thấy đạo đức nghề luật không chỉ là tuân thủ quy tắc, mà còn là bảo vệ sự tôn trọng tối thiểu dành cho mỗi con người.

Tuy nhiên, giữa tốc độ phát triển của công nghệ và khả năng cập nhật của hệ thống chuẩn mực nghề nghiệp luôn tồn tại một độ trễ nhất định. Hiện nay, các bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp tại Việt Nam đối với luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên, công chứng viên và một số chức danh nghề luật khác chủ yếu vẫn được xây dựng trên mô hình tương tác truyền thống giữa con người với con người, hoặc giữa con người với hồ sơ giấy.

Sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo tạo sinh làm thay đổi mô hình tương tác đó. Trong nhiều tình huống, quá trình hành nghề không còn là quan hệ một chiều giữa người hành nghề luật và khách hàng, cơ quan tiến hành tố tụng hoặc đồng nghiệp, mà có sự tham gia của một chủ thể công nghệ trung gian. Chính yếu tố trung gian này làm phát sinh những rủi ro đạo đức mới, trong khi các chuẩn mực hiện hành chưa có đủ quy định cụ thể để hướng dẫn, kiểm soát và quy trách nhiệm. Có thể nhận diện bốn nhóm khoảng trống nổi bật sau đây.

Trong pháp luật và quy tắc nghề nghiệp hiện hành ở Việt Nam, các yêu cầu về độc lập, miễn cưỡng, bảo mật thông tin, tôn trọng sự thật khách quan và chịu trách nhiệm nghề nghiệp đã được ghi nhận ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, các chuẩn mực này chủ yếu được thiết kế cho môi trường hành nghề truyền thống, chưa trực tiếp điều chỉnh các tình huống sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo, xử lý dữ liệu khách hàng trên nền tảng số, kiểm chứng kết quả do thuật toán tạo ra hoặc phân định trách nhiệm khi sản phẩm pháp lý có sự hỗ trợ của AI. Đây chính là khoảng trống cần được nhận diện và bổ sung.

Thứ nhất, rủi ro của sự lệ thuộc vào thuật toán và suy giảm năng lực tư duy độc lập

Trong các quy tắc đạo đức nghề luật, những yêu cầu như tận tâm, miễn cưỡng, cẩn trọng và độc lập trong chuyên môn luôn giữ vị trí trung tâm. Tuy nhiên, khi làm việc với AI, người hành nghề luật có thể rơi vào *thiên kiến tự động hóa* (automation bias), tức là xu hướng ưu tiên tin tưởng kết quả do hệ thống máy tính đưa ra, từ đó giảm mức độ phản biện và bỏ qua yêu cầu kiểm chứng độc lập. Trong thực tiễn, áp lực thời gian, khối lượng công việc lớn và sự trôi chảy về ngôn ngữ của các công cụ AI có thể làm cho rủi ro này trở nên nghiêm trọng hơn.⁵⁹

Chẳng hạn, một luật sư sử dụng AI để phác thảo hợp đồng mua bán hàng hóa và nhận được điều khoản phạt vi phạm ở mức 15% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Nếu luật sư sao chép điều khoản này mà không đối chiếu với Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 về mức phạt tối đa 8%, sản phẩm tư vấn có thể gây rủi ro pháp lý cho khách hàng.

⁵⁹ Skitka, L. J., Mosier, K. L., & Burdick, M. (1999). Does automation bias decision-making? *International Journal of Human-Computer Studies*, 51(5), 991-1006. <https://doi.org/10.1006/ijhc.1999.0252>, ngày truy cập 25/04/2026. Xem thêm: Benjamin H. Barton, “The Future of American Legal Tech: Regulation, Culture, Markets”, in David Freeman Engstrom (ed.), *Legal Tech and the Future of Civil Justice*, Cambridge University Press, Cambridge, 2023, p. 35. Trong tác phẩm này, Barton nhận xét, các chương trình máy tính hiện nay vẫn gặp khó khăn với những nhiệm vụ mang tính con người hơn, đòi hỏi sắc thái và phán đoán (current computer programs still struggle with more human tasks that require more nuance and judgment). Điều này có ý nghĩa đặc biệt đối với nghề luật, bởi nhiều quyết định pháp lý không chỉ là thao tác tìm kiếm điều luật hoặc phân loại văn bản, mà là quá trình đánh giá chứng cứ, cân nhắc lợi ích, nhận diện bối cảnh xã hội và lựa chọn phương án lập luận có trách nhiệm.

Sai sót ở đây không bắt nguồn từ công nghệ tự thân, mà từ việc người hành nghề đã từ bỏ nghĩa vụ kiểm tra chuyên môn tối thiểu. Rủi ro tương tự cũng có thể xuất hiện trong hoạt động công chứng và xét xử. Nếu công chứng viên sử dụng AI để rà soát nhanh hợp đồng chuyển nhượng bất động sản nhưng không trực tiếp kiểm tra năng lực chủ thể, tình trạng pháp lý của tài sản và dấu hiệu bị lừa dối, ép buộc, thì công cụ hỗ trợ có thể làm suy giảm nghĩa vụ thận trọng nghề nghiệp. Nếu thẩm phán dựa quá nhiều vào bản tóm tắt hồ sơ do AI tạo ra mà không trực tiếp kiểm tra nguồn gốc chứng cứ, lời khai và tài liệu do các bên cung cấp, nguy cơ sai lệch trong nhận định vụ án là rất lớn.

Vì vậy, việc sử dụng AI mà thiếu kiểm chứng không thể chỉ được xem là hạn chế về kỹ năng công nghệ. Trong nhiều trường hợp, đó còn là biểu hiện của sự vi phạm nghĩa vụ mẫn cán và cẩn trọng trong hành nghề. Công cụ có thể hỗ trợ xử lý thông tin, nhưng không thể thay thế trách nhiệm tư duy độc lập của người hành nghề luật. Đối với những hoạt động có liên quan đến tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền, nghĩa vụ kiểm chứng kết quả AI còn gắn với trách nhiệm trung thực và ngay thẳng trong hoạt động nghề nghiệp. Trong truyền thống common law, luật sư được xem là “officer of the court”, với nghĩa vụ đối với tòa án có tính ưu tiên và vượt lên trên các nghĩa vụ khác. Từ đó có thể suy ra rằng nếu người hành nghề luật đưa vào hồ sơ, bản trình bày, ý kiến pháp lý hoặc tài liệu tố tụng những căn cứ do AI tạo ra nhưng chưa được kiểm chứng, đặc biệt là căn cứ pháp lý sai, án lệ không tồn tại hoặc lập luận xuyên tạc nội dung luật, thì vấn đề không còn là lỗi kỹ thuật đơn thuần. Đó là nguy cơ vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng và trách nhiệm đối với công lý.⁶⁰

Thứ hai, rủi ro về bảo mật dữ liệu nghề nghiệp và dữ liệu hồ sơ pháp lý trong môi trường số

Bảo mật thông tin khách hàng, đương sự, người yêu cầu công chứng, người được trợ giúp pháp lý, người bị buộc tội và các chủ thể có liên quan trong hồ sơ pháp lý là một trong những nguyên tắc nền tảng của đạo đức nghề luật. Trong môi trường truyền thống, nghĩa vụ bảo mật thường được hình dung thông qua việc giữ kín hồ sơ, tài liệu, nội dung trao đổi và thông tin riêng tư của khách hàng. Trong môi trường số, đặc biệt khi sử dụng các nền tảng AI tạo sinh mở, nghĩa vụ này trở nên phức tạp hơn. Việc đưa dữ liệu của khách hàng vào một nền tảng trực tuyến có thể đồng nghĩa với việc chuyển giao dữ liệu cho một bên thứ ba mà người hành nghề luật không kiểm soát đầy đủ về vị trí lưu trữ, mục đích xử lý, thời hạn lưu giữ và khả năng tái sử dụng dữ liệu.⁶¹

⁶⁰ Marlene Ebejer, *Legal Practice and Ethics*, 2nd edn., LexisNexis Butterworths, Chatswood, 2016, pp. 181–182.

⁶¹ Ví dụ: Kinh nghiệm pháp luật nghề luật của Australia cho thấy nghĩa vụ bảo mật không chỉ giới hạn ở việc giữ kín các tài liệu hữu hình, mà còn bao gồm cả thông tin, tri thức và hiểu biết mà người hành nghề có được trong quá trình đại diện hoặc tư vấn cho khách hàng. Ebejer lưu ý rằng thông tin mật không nhất thiết phải là các sự kiện cụ thể, rõ ràng; đôi khi những hiểu biết phi vật thể về khách hàng cũng có thể đủ để làm phát sinh nghĩa vụ bảo mật. Trong môi trường AI, nhận định này đặc biệt quan trọng, bởi việc nhập dữ liệu vụ việc, thói quen giao dịch, chiến lược tranh tụng, tình trạng tài chính hoặc mô tả nội bộ của khách hàng vào một nền tảng số có thể làm lộ không chỉ tài liệu, mà cả tri thức nghề nghiệp gắn với khách hàng. Marlene Ebejer, *Legal Practice and Ethics*, 2nd edn., LexisNexis Butterworths, Chatswood, 2016, pp. 146, 166.

Dưới góc độ pháp luật thực định tại Việt Nam, rủi ro rò rỉ dữ liệu qua công cụ AI cần được nhận diện và đối chiếu trực tiếp với Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Nghị định 356/2025/NĐ-CP. Việc người hành nghề luật tự ý nhập dữ liệu tóm tắt vụ việc, danh tính hoặc các thông tin nhạy cảm của thân chủ lên các nền tảng trí tuệ nhân tạo mở (Public AI) mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của khách hàng không chỉ là sự vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, mà còn có dấu hiệu vi phạm các quy định nghiêm ngặt về việc chuyển giao và xử lý dữ liệu bởi bên thứ ba. Trong kỷ nguyên số, một sự bất cẩn về mặt kỹ thuật hoàn toàn có thể chuyển hóa thành một rủi ro pháp lý trực tiếp đối với người hành nghề, đòi hỏi các quy tắc đạo đức phải được thiết kế đồng bộ với hệ thống pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân hiện hành.

Ví dụ, một luật sư, công chứng viên hoặc trợ giúp viên pháp lý có thể sử dụng AI để tóm tắt nhanh hồ sơ ly hôn, hồ sơ thừa kế, hồ sơ trợ giúp pháp lý hoặc hồ sơ giao dịch tài sản. Nếu toàn bộ tài liệu chứa họ tên, địa chỉ, số căn cước công dân, thông tin tài khoản ngân hàng, quan hệ gia đình, tình trạng tài sản hoặc dữ liệu nhạy cảm của người yếu thế được đưa lên nền tảng AI mở mà không phi định danh, thì rủi ro không chỉ là lộ thông tin cá nhân, mà còn là vi phạm nghĩa vụ bảo mật nghề nghiệp. Trong các hoạt động liên quan đến người chưa thành niên, nạn nhân bạo lực, người bị buộc tội hoặc người cao tuổi, sự bất cẩn này còn có thể làm tổn hại trực tiếp đến phẩm giá, an toàn và quyền lợi của họ.

Thực tiễn quốc tế đã ghi nhận những rủi ro tương tự. Tháng 4/2023, sau khi cho phép nhân viên sử dụng ChatGPT, các kỹ sư của Samsung đã đưa mã nguồn và biên bản họp nội bộ lên công cụ AI để nhờ kiểm tra lỗi, làm phát sinh nguy cơ dữ liệu bị lưu trữ ngoài sự kiểm soát của doanh nghiệp. Nhận diện rủi ro này, tháng 7/2024, Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ ban hành Ý kiến chính thức số 512 về công cụ AI tạo sinh, trong đó nhấn mạnh yêu cầu luật sư không đưa thông tin có thể nhận diện khách hàng vào công cụ AI nếu chưa có sự đồng ý sau khi khách hàng đã được giải thích đầy đủ về rủi ro. Đây là kinh nghiệm đáng tham khảo đối với việc phát triển chuẩn mực đạo đức nghề luật tại Việt Nam⁶².

Thứ ba, rủi ro về thuật toán và trách nhiệm giải trình của người hành nghề luật

Sự phức tạp của các mô hình AI hiện nay làm cho quá trình tạo lập kết quả không phải lúc nào cũng minh bạch, dễ kiểm tra hoặc dễ giải thích. Tính chất “hộp đen” này có thể xung đột với yêu cầu nền tảng của hoạt động pháp lý: mọi ý kiến tư vấn, lập luận, quyết định hoặc văn bản pháp lý đều phải có căn cứ, có thể được giải thích và gắn với một chủ thể chịu trách nhiệm.⁶³ Nếu không được kiểm soát, AI có thể trở thành một “lớp trung gian” làm mờ đi trách nhiệm cá nhân của người hành nghề luật.

⁶² American Bar Association (2024, July 29), Formal Opinion 512: Generative artificial intelligence tools, Standing Committee on Ethics and Professional Responsibility, https://www.americanbar.org/content/dam/aba/administrative/professional_responsibility/formal-opinion-512.pdf, ngày truy cập 25/04/2026

⁶³ Pasquale, F. (2015), The black box society: The secret algorithms that control money and information, Harvard University Press, <https://doi.org/10.4159/harvard.9780674736061>, ngày truy cập 25/04/2026.

Ví dụ, một tư vấn viên pháp luật sử dụng phần mềm AI để rà soát rủi ro của một dự án bất động sản. Do dữ liệu quy hoạch chưa được cập nhật, phần mềm đánh giá dự án “đủ điều kiện pháp lý”. Nếu người tư vấn không đối chiếu lại với hồ sơ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng vẫn ký phát hành văn bản tư vấn, họ không thể viện dẫn lỗi phần mềm để thoái thác trách nhiệm nghề nghiệp. Trong hoạt động xét xử, nếu thẩm phán sử dụng AI để tham khảo xu hướng giải quyết các vụ án tương tự nhưng không tự mình lý giải sự giống và khác nhau giữa vụ án hiện tại với các vụ việc được hệ thống gợi ý, bản án có nguy cơ trở thành sự sao chép hình thức của thuật toán. Trong hoạt động kiểm sát, nếu kiểm sát viên dựa vào công cụ phân tích hồ sơ mà không kiểm tra độc lập chứng cứ gỡ tội, quyền bào chữa và tính hợp pháp của hoạt động tố tụng, AI có thể làm gia tăng thiên kiến buộc tội. Trong thi hành án dân sự, nếu chấp hành viên sử dụng phần mềm để xác định thứ tự xử lý tài sản nhưng không kiểm tra quyền lợi của người thứ ba hoặc tình trạng pháp lý của tài sản, trách nhiệm nghề nghiệp cũng không thể được đẩy sang cho hệ thống kỹ thuật. Trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu luật, nếu giảng viên hoặc nghiên cứu viên sử dụng AI để soạn bài giảng, viết báo cáo, tổng quan tài liệu hoặc trích dẫn nguồn học thuật nhưng không kiểm chứng văn bản pháp luật, án lệ, tài liệu tham khảo và lập luận được tạo ra, thì sai lệch học thuật có thể lan truyền vào quá trình đào tạo, nghiên cứu và hình thành nhận thức nghề nghiệp của người học.

Dưới góc độ pháp lý và đạo đức nghề nghiệp, máy móc, thuật toán hay phần mềm không có tư cách chủ thể hành nghề luật, không có năng lực chịu trách nhiệm nghề nghiệp và không thể thay thế con người trong quan hệ ủy thác nghề nghiệp.⁶⁴ Khi người hành nghề luật ký tên, công bố hoặc sử dụng một sản phẩm pháp lý, họ phải chịu trách nhiệm đối với quá trình kiểm tra, lựa chọn và kết quả chuyên môn của mình. Vì vậy, việc thoái thác trách nhiệm cho công cụ công nghệ là biểu hiện cần được nhận diện và ngăn ngừa trong các chuẩn mực đạo đức nghề luật hiện đại.

Một biểu hiện tinh vi hơn của việc thoái thác trách nhiệm là “sự thiếu kiểm chứng có chủ ý”. Trong thực tiễn sử dụng AI, người hành nghề luật có thể không trực tiếp mong muốn tạo ra sản phẩm sai, nhưng lại cố tình không kiểm tra nguồn, không đối chiếu căn cứ pháp lý, không đọc lại kết quả do AI tạo ra hoặc không yêu cầu giải thích về cơ sở của kết luận. Luban cho rằng đây không chỉ là thiếu sót kỹ thuật, mà có thể là một chiến lược đạo đức nhằm trì hoãn thời điểm phải đối diện với sự thật. Vì vậy, nghĩa vụ kiểm chứng trong kỷ nguyên AI cần được hiểu như một nghĩa vụ đạo đức độc lập: người hành nghề luật không được tự đặt mình vào tình trạng “không biết” để sau đó viện dẫn sự không biết ấy như một lý do miễn trách nhiệm.⁶⁵

⁶⁴ David Luban, *Legal Ethics and Human Dignity*, Cambridge University Press, Cambridge, 2007, p. 10. David Luban cho rằng luật sư không thể né tránh trách nhiệm đạo đức đối với hoạt động đại diện của mình trong bối cảnh AI: người hành nghề luật không thể viện dẫn việc “công cụ đã gợi ý”, “hệ thống đã phân tích” hoặc “thuật toán đã đánh giá” để miễn trừ trách nhiệm đối với sản phẩm pháp lý do mình sử dụng, ký tên, công bố hoặc trình bày trước khách hàng, cơ quan nhà nước, tòa án hay công chúng.

⁶⁵ David Luban, *Legal Ethics and Human Dignity*, Cambridge University Press, Cambridge, 2007, pp. 221, 224.

Thứ tư, rủi ro về chênh lệch áp dụng công nghệ và nguy cơ bất bình đẳng trong tiếp cận công lý

Khi các công cụ trí tuệ nhân tạo trở thành lợi thế cạnh tranh trong hoạt động nghề luật, sự phân hóa về nguồn lực công nghệ có thể tạo ra khoảng cách đáng kể giữa các chủ thể hành nghề. Các hãng luật lớn, doanh nghiệp có bộ phận pháp chế mạnh hoặc tổ chức hành nghề có tiềm lực tài chính có thể đầu tư hệ thống AI nội bộ, bảo mật cao và tuân thủ tốt hơn các yêu cầu về bảo vệ dữ liệu. Ngược lại, luật sư độc lập, văn phòng luật nhỏ, tổ chức trợ giúp pháp lý, văn phòng công chứng quy mô nhỏ hoặc bộ phận pháp chế của doanh nghiệp vừa và nhỏ dễ phụ thuộc vào các công cụ AI mở, miễn phí hoặc chi phí thấp, từ đó làm gia tăng nguy cơ rò rỉ dữ liệu nghề nghiệp và dữ liệu khách hàng.

Vấn đề đạo đức ở đây không chỉ nằm ở việc cá nhân người hành nghề có sử dụng AI một cách cẩn trọng hay không, mà còn nằm ở sự thiếu hụt các cơ chế hỗ trợ, hướng dẫn và chuẩn mực nghề nghiệp để giảm thiểu khoảng cách công nghệ. Đối với các luật sư độc lập hoặc tổ chức hành nghề quy mô nhỏ, đây có thể là một tình thế tiến thoái lưỡng nan: nếu tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu bảo mật, họ phải mất nhiều thời gian để xử lý, ẩn danh hoặc kiểm soát dữ liệu trước khi sử dụng AI; nhưng nếu bỏ qua các bước này vì áp lực cạnh tranh và kỳ vọng của khách hàng về tốc độ xử lý công việc, họ có thể đối mặt với rủi ro vi phạm đạo đức nghề nghiệp và các hệ quả pháp lý khác.

Ở bình diện rộng hơn, đây là rủi ro bất bình đẳng công nghệ trong tiếp cận công lý. Legal tech thường được kỳ vọng sẽ làm cho dịch vụ pháp lý nhanh hơn, rẻ hơn và dễ tiếp cận hơn. Tuy nhiên, nhiều công cụ mạnh nhất lại có xu hướng được phân bổ không đồng đều, qua đó tạo thêm lợi thế cho các chủ thể có nguồn lực tài chính, dữ liệu lớn và năng lực công nghệ cao.⁶⁶ Trong bối cảnh Việt Nam, điều này đặt ra yêu cầu đạo đức đối với người hành nghề luật: việc sử dụng AI không được làm gia tăng bất bình đẳng giữa các bên trong tranh chấp, giữa khách hàng có điều kiện và người yếu thế, hoặc giữa tổ chức có năng lực dữ liệu lớn và cá nhân không có khả năng tự bảo vệ mình.

3. Kiến tạo “Khung 4 trụ cột số” cho trách nhiệm đạo đức nghề luật

Từ những khoảng trống nêu trên, có thể thấy hoạt động nghề luật tại Việt Nam không nên tiếp cận công nghệ theo hướng né tránh hoặc cấm đoán giản đơn. Điều cần thiết hơn là xây dựng một hệ chuẩn mực đạo đức số đủ rõ ràng để người hành nghề luật biết được giới hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình khi sử dụng AI. Khung này cần có tính liên ngành, có thể áp dụng chung cho các chức danh nghề luật khác nhau, đồng thời vẫn cho phép từng nhóm nghề cụ thể hóa theo đặc thù hoạt động của mình.

Theo đó, có thể kiến tạo khung trách nhiệm đạo đức số cho nghề luật dựa trên bốn trụ cột sau đây:

⁶⁶ David Freeman Engstrom and Nora Freeman Engstrom, “Legal Tech and the Litigation Playing Field”, in David Freeman Engstrom (ed.), *Legal Tech and the Future of Civil Justice*, Cambridge University Press, Cambridge, 2023, p. 135.

Thứ nhất, năng lực công nghệ như một thành tố của nghĩa vụ mẫn cán nghề nghiệp

Trong tư duy nghề nghiệp truyền thống, nghĩa vụ mẫn cán thường được hiểu là cập nhật kiến thức pháp luật, nghiên cứu hồ sơ đầy đủ, bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng hoặc thực hiện đúng chức trách được giao. Trong kỷ nguyên số, nội hàm của nghĩa vụ này cần được mở rộng. Khi công nghệ đã trực tiếp tham gia vào quá trình tìm kiếm thông tin, soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu và hỗ trợ lập luận pháp lý, sự thiếu hiểu biết về công nghệ không còn chỉ là hạn chế kỹ năng, mà có thể trở thành rủi ro đạo đức nghề nghiệp.

Điều đó không có nghĩa người hành nghề luật phải trở thành chuyên gia kỹ thuật hoặc kỹ sư lập trình. Tuy nhiên, họ phải hiểu những nguyên tắc tối thiểu về cách công cụ hoạt động, giới hạn của dữ liệu huấn luyện, nguy cơ ảo giác, rủi ro bảo mật và yêu cầu kiểm chứng độc lập.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy yêu cầu này đã từng bước được ghi nhận trong chuẩn mực nghề nghiệp. Từ năm 2012, Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ đã sửa đổi phần bình luận đối với Quy tắc mẫu về hành vi nghề nghiệp liên quan đến năng lực hành nghề, trong đó nhấn mạnh rằng việc duy trì năng lực nghề nghiệp bao gồm cả việc theo kịp những thay đổi của pháp luật, thực tiễn hành nghề và những lợi ích, rủi ro gắn với công nghệ có liên quan.⁶⁷ Tinh thần này có ý nghĩa tham khảo quan trọng đối với Việt Nam trong quá trình hoàn thiện chuẩn mực đạo đức nghề luật.

Để hiện thực hóa trụ cột này, việc đòi hỏi người hành nghề luật phải có “năng lực công nghệ tối thiểu” không thể chỉ dừng lại ở các khuyến nghị mang tính định tính. Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cơ sở đào tạo cần thể chế hóa yêu cầu này thành tiêu chí bắt buộc trong đào tạo nghiệp vụ và bồi dưỡng chuyên môn hằng năm.

Yêu cầu về năng lực công nghệ tối thiểu cần được cụ thể hóa theo từng nhóm nghề: luật sư cần biết kiểm chứng nguồn luật và bảo mật dữ liệu khách hàng; thẩm phán cần hiểu giới hạn của AI trong tóm tắt hồ sơ, tìm kiếm án lệ và tham khảo bản án tương tự; kiểm sát viên cần nhận diện nguy cơ thiên kiến thuật toán trong đánh giá chứng cứ buộc tội và gỡ tội; công chứng viên cần nắm vững yêu cầu phi định danh dữ liệu trong hồ sơ nhân thân, tài sản, thừa kế và giao dịch bất động sản; chấp hành viên, đấu giá viên và trợ giúp viên pháp lý cần thận trọng với dữ liệu tài sản, dữ liệu người yếu thế và thông tin có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người.

Thứ hai, hình thành nguyên tắc “Con người chịu trách nhiệm cuối cùng”

Trụ cột thứ hai nhằm khẳng định nguyên tắc nền tảng: AI chỉ là công cụ hỗ trợ, còn con người phải là chủ thể kiểm soát và chịu trách nhiệm cuối cùng. Dù hệ thống AI có thể xử lý khối lượng lớn tài liệu, gợi ý lập luận hoặc đề xuất phương án pháp lý, người hành

⁶⁷ American Bar Association (2012), Model rules of professional conduct: Rule 1.1 competence (Comment 8), https://www.americanbar.org/groups/professional_responsibility/publications/model_rules_of_professional_conduct/rule_1_1_competence/comment_on_rule_1_1/, ngày truy cập 25/04/2026

nghề luật vẫn phải giữ quyền quyết định chuyên môn và nghĩa vụ kiểm tra kết quả bằng nguồn pháp luật, chứng cứ và lập luận độc lập.

Nguyên tắc này phù hợp với xu hướng quản trị AI hiện đại. Theo Đạo luật Trí tuệ nhân tạo của Liên minh châu Âu năm 2024, các hệ thống AI được sử dụng trong lĩnh vực tư pháp thuộc nhóm rủi ro cao và phải được thiết kế, triển khai với cơ chế giám sát của con người nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro đối với quyền cơ bản. Đối với nghề luật, tinh thần đó cần được chuyển hóa thành chuẩn mực đạo đức: không giao phó quyền định đoạt chuyên môn cho máy móc; không sử dụng kết quả AI như căn cứ pháp lý cuối cùng nếu chưa có kiểm chứng; và không viện dẫn công nghệ để thoái thác trách nhiệm cá nhân.⁶⁸

Thứ ba, bảo vệ dữ liệu nghề nghiệp và bí mật hồ sơ pháp lý trong môi trường số

Trong môi trường số, nghĩa vụ bảo mật không chỉ giới hạn ở thông tin khách hàng của luật sư, mà còn bao gồm dữ liệu đương sự, người bị buộc tội, người làm chứng, người yêu cầu công chứng, người được trợ giúp pháp lý, doanh nghiệp, tài sản, hồ sơ tố tụng, hồ sơ công chứng, hồ sơ thi hành án và các thông tin nghề nghiệp mà người hành nghề luật có được trong quá trình thực hiện chức trách. Người hành nghề luật cần kiểm soát toàn bộ vòng đời dữ liệu: dữ liệu được nhập vào công cụ nào, nền tảng đó có chính sách lưu trữ và sử dụng ra sao, dữ liệu có được dùng để huấn luyện hệ thống hay không, ai có thể truy cập dữ liệu và dữ liệu có thể bị chuyển ra ngoài phạm vi kiểm soát hay không.

Một yêu cầu tối thiểu là phi định danh dữ liệu trước khi sử dụng AI. Trước khi yêu cầu công cụ AI tóm tắt hoặc phân tích hồ sơ, người hành nghề luật cần loại bỏ hoặc mã hóa các thông tin có khả năng nhận diện cá nhân, tổ chức, bí mật kinh doanh hoặc thông tin nhạy cảm. Thay vì nhập nguyên văn dữ liệu như họ tên, số căn cước công dân, số tài khoản, địa chỉ hoặc nội dung đòi tư của khách hàng, người hành nghề luật cần chuyển hóa thành tình huống pháp lý trung tính.

Ví dụ: Thay vì đưa câu lệnh giữ nguyên văn “Bà Nguyễn Thị A, CCCD số 0123xx, chuyển 50 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty B”, người hành nghề luật bắt buộc phải bóc tách dữ liệu và mã hóa thành một tình huống pháp lý trung tính: “Bên Mua chuyển một khoản tiền lớn vào tài khoản của bên Bán”.

Theo Hướng dẫn sử dụng công cụ AI cho luật sư của Hội đồng Luật sư Châu Âu vào năm 2022, việc bỏ qua bước phi định danh và trực tiếp đưa thông tin thô của thân chủ lên các hệ thống đám mây công cộng (public cloud) bị xem là hành vi xâm phạm nghiêm trọng nguyên tắc bảo mật cốt lõi.⁶⁹

⁶⁸ Điều 14, European Parliament, (2024), Regulation (EU) 2024/1689 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 laying down harmonised rules on artificial intelligence (Artificial Intelligence Act), Official Journal of the European Union, L 2024/1689. <https://eur-lex.europa.eu/eli/reg/2024/1689/oj> ngày truy cập 25/04/2026

⁶⁹ CCBE, (2022), CCBE guide on the use of Artificial Intelligence-based tools by lawyers and law firms in the EU. Council of Bars and Law Societies of Europe,

Thứ tư, duy trì sự thấu cảm và suy xét nhân văn trong hoạt động nghề luật

Nếu ba trụ cột đầu tiên chủ yếu hướng tới kiểm soát rủi ro kỹ thuật, thì trụ cột thứ tư liên quan đến bản sắc sâu xa của nghề luật. Công lý không chỉ là kết quả của việc áp dụng quy tắc một cách hình thức, mà còn đòi hỏi sự thận trọng, công bằng, nhân đạo và khả năng thấu hiểu hoàn cảnh con người. Đây là giới hạn mà công nghệ không thể thay thế.

Vì vậy, người hành nghề luật cần xác định rõ những công đoạn có thể sử dụng AI để nâng cao hiệu quả và những vấn đề không nên giao cho thuật toán định lượng. AI có thể hỗ trợ tóm tắt tài liệu, gợi ý cấu trúc, rà soát ngôn ngữ hoặc hỗ trợ tra cứu ban đầu. Nhưng trong xét xử, thẩm phán vẫn phải cân nhắc hoàn cảnh gia đình, vị thế yếu thế và tác động của phán quyết đối với trẻ em, người cao tuổi hoặc người phụ thuộc. Trong kiểm sát, kiểm sát viên phải chú ý cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội, điều kiện nhân thân và nguy cơ oan sai. Trong trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải biết lắng nghe người yếu thế và giải thích quyền của họ bằng ngôn ngữ dễ hiểu. Trong công chứng, công chứng viên phải thận trọng trước những trường hợp người cao tuổi, người bệnh, người ít hiểu biết pháp luật hoặc người phụ thuộc có thể đang chịu áp lực khi xác lập giao dịch. Giữ được ranh giới đó chính là điều kiện để nghề luật không đánh mất tính nhân văn trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện trách nhiệm đạo đức nghề luật tại Việt Nam

Trên cơ sở khung bốn trụ cột nêu trên, việc hoàn thiện trách nhiệm đạo đức nghề luật tại Việt Nam cần được triển khai đồng thời ở ba cấp độ: đào tạo, quy tắc nghề nghiệp và quy trình tổ chức.

Thứ nhất, đổi mới đào tạo nghề luật theo hướng rèn luyện tư duy phản biện và kỹ năng kiểm chứng

Việc lệ thuộc vào thuật toán có liên quan trực tiếp đến phương pháp đào tạo luật còn nặng về ghi nhớ quy định và áp dụng máy móc vào tình huống có sẵn. Trong bối cảnh AI có khả năng hỗ trợ nhanh chóng việc tra cứu, tổng hợp và trình bày thông tin pháp lý, đào tạo luật cần chuyển trọng tâm từ ghi nhớ tri thức sang rèn luyện năng lực phân tích, phản biện, kiểm chứng và giải thích. Người học không chỉ cần biết tìm quy định pháp luật, mà còn phải biết đánh giá độ tin cậy của nguồn thông tin, phát hiện sai lệch trong lập luận và chịu trách nhiệm đối với phương án pháp lý được lựa chọn.

Do đó, triết lý đào tạo nghề Luật hiện nay cần được điều chỉnh căn bản. Khi AI đã làm thay công việc tra cứu bề mặt, các cơ sở giáo dục không cần đào tạo người học thành những **“chủ thể ghi nhớ quy định một cách cơ học”** và mục tiêu giảng dạy cốt lõi phải chuyển hướng sang việc rèn luyện tư duy phản biện và kỹ năng kiểm chứng thông tin pháp lý từ dữ liệu của AI cung cấp. Cụ thể, giảng viên có thể thay đổi phương pháp giảng dạy truyền thống, thay vì yêu cầu sinh viên đi tìm Luật để giải quyết một vụ việc thì cung

cấp cho họ một bản tư vấn do AI viết sẵn (trong đó có tình cài cắm tình tiết bịa đặt hoặc lập luận sai logic), và yêu cầu người học đóng vai trò người kiểm chứng để phát hiện lỗi sai. Phương pháp này trực tiếp tạo ra sức đề kháng tự nhiên, giúp sinh viên không rơi vào nguy cơ lệ thuộc thiếu kiểm chứng vào công nghệ. Đồng thời, học phần “Nghề Luật và Đạo đức Luật” cần bổ sung nội dung thực hành quy trình phi định danh dữ liệu, giúp người học hiểu rõ giới hạn an toàn trước khi tương tác với các nền tảng mở, phần mềm trí tuệ nhân tạo trên Internet.⁷⁰

Thứ hai, cần ban hành bộ nguyên tắc hướng dẫn sử dụng AI an toàn trong hoạt động pháp lý

Hệ thống quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp hiện hành tại Việt Nam đang được thiết kế phân mảnh theo từng nhóm nghề (Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư, Công chứng viên). Tuy nhiên, sự phát triển của công nghệ là xu hướng chung, không phân biệt chức danh. Việc thụ động chờ đợi từng hội nghề nghiệp tự rà soát, sửa đổi bộ quy tắc nội bộ sẽ tạo ra độ trễ rất lớn, để mặc người hành nghề lúng túng tự xoay sở trước những rủi ro trong thực tiễn. Thay vì chờ đợi, cơ quan quản lý nhà nước ở TW là Bộ Tư pháp hoặc các tổ chức nghề nghiệp ở TW nên tiên phong kiến tạo bằng cách ban hành một “*Bộ nguyên tắc hướng dẫn chung về ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) an toàn trong hoạt động pháp lý*”.

Bộ nguyên tắc này nên được xây dựng dưới dạng “luật mềm” (soft law) - tức là những quy phạm mang tính định hướng, khuyến nghị các tiêu chuẩn an toàn cốt lõi, dễ dàng cập nhật mà không cần trải qua quy trình xây dựng luật cứng nhắc, kéo dài⁷¹. Dựa trên nền tảng đó, các đoàn luật sư, Tòa án, Viện Kiểm sát hay hiệp hội công chứng mới bắt tay vào cụ thể hóa thành các quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp chi tiết cho chức danh của mình. Hay nói cách khác, Bộ nguyên tắc cần có phần áp dụng chung cho mọi hoạt động nghề luật và phần hướng dẫn riêng cho từng nhóm chức danh. Đối với luật sư, trọng tâm là bảo mật thông tin khách hàng, kiểm chứng nguồn pháp luật và trách nhiệm đối với sản phẩm tư vấn, tranh tụng. Đối với thẩm phán, trọng tâm là giới hạn sử dụng AI trong nghiên cứu hồ sơ, tham khảo án lệ, dự thảo bản án và bảo đảm độc lập xét xử. Đối với kiểm sát viên, trọng tâm là phòng ngừa thiên kiến buộc tội và bảo đảm đánh giá cả chứng cứ buộc tội lẫn chứng cứ gỡ tội. Đối với công chứng viên, trọng tâm là xác minh ý chí tự nguyện, năng lực chủ thể, tình trạng pháp lý của tài sản và bảo mật dữ liệu giao dịch. Đối với chấp hành viên, đấu giá viên và trợ giúp viên pháp lý, trọng tâm là an toàn dữ liệu, công bằng thủ tục và bảo vệ người yếu thế.

⁷⁰ Susskind, R, (2017), *Tomorrow's lawyers: An introduction to your future* (2nd ed.), Oxford University Press.

⁷¹ Abbott, K. W., & Snidal, D, (2000), *Hard and soft law in international governance*. International Organization, 54(3), 421-456. <https://doi.org/10.1162/002081800551280> ngày truy cập 25/04/2026.

Cách tiếp cận này hoàn toàn phù hợp với xu thế thế giới, diễn hình như việc cơ quan quản lý tư pháp Vương quốc Anh đã nhanh chóng ban hành tài liệu Hướng dẫn sử dụng AI dành cho cán bộ Tư pháp vào cuối năm 2023⁷².

Thứ ba, cụ thể hóa trách nhiệm đạo đức số trong quy tắc nghề nghiệp và quy trình nội bộ

Bên cạnh định hướng chung, các tổ chức nghề nghiệp và cơ quan quản lý cần rà soát, bổ sung quy tắc đạo đức nghề nghiệp theo hướng ghi nhận trực tiếp trách nhiệm đạo đức số. Đối với từng nhóm nghề luật, trách nhiệm đạo đức số cần được cụ thể hóa theo đặc thù hoạt động. Đối với luật sư, cần làm rõ nghĩa vụ bảo mật khi sử dụng nền tảng AI, nghĩa vụ thông báo và xin ý kiến khách hàng trong trường hợp có nguy cơ xử lý dữ liệu cá nhân, nghĩa vụ kiểm chứng kết quả do AI cung cấp và trách nhiệm đối với sản phẩm pháp lý được tạo lập với sự hỗ trợ của công nghệ. Đối với thẩm phán, cần quy định rõ giới hạn sử dụng AI trong nghiên cứu hồ sơ, tìm kiếm án lệ, tham khảo bản án tương tự hoặc hỗ trợ dự thảo văn bản tố tụng, đồng thời khẳng định AI không thể thay thế hoạt động đánh giá chứng cứ và ra phán quyết. Đối với kiểm sát viên, cần có chuẩn mực về việc sử dụng AI trong rà soát hồ sơ, phân tích chứng cứ và kiểm sát hoạt động tư pháp, đặc biệt nhằm phòng ngừa thiên kiến buộc tội. Đối với công chứng viên, cần có quy trình bảo mật, phi định danh và kiểm chứng thông tin khi xử lý hồ sơ giao dịch, thừa kế, hôn nhân, tài sản. Đối với chấp hành viên, đấu giá viên và trợ giúp viên pháp lý, cần xác định rõ giới hạn sử dụng AI trong xử lý dữ liệu tài sản, thông tin cá nhân, hồ sơ người yếu thế và các quyết định có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Ở cấp độ tổ chức, các hãng luật, văn phòng công chứng, cơ quan tư pháp, cơ quan thi hành án, tổ chức trợ giúp pháp lý và cơ sở đào tạo luật cần xây dựng quy trình nội bộ về sử dụng AI, trong đó xác định rõ công cụ được phép sử dụng, loại dữ liệu được nhập, yêu cầu phi định danh, cơ chế lưu vết và trách nhiệm phê duyệt sản phẩm pháp lý có sử dụng AI.

Thứ tư, xây dựng cơ chế đánh giá đạo đức đối với việc sử dụng AI trong các hoạt động pháp lý có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người

Trong các vụ việc liên quan đến trẻ em, người chưa thành niên, người bị buộc tội, nạn nhân bạo lực gia đình, người cao tuổi, người yếu thế hoặc các quyết định tác động lớn đến tự do, nhân thân, tài sản, danh dự và đời sống gia đình của cá nhân, AI chỉ nên được sử dụng như một công cụ hỗ trợ kỹ thuật. AI có thể giúp tóm tắt hồ sơ, phân loại chứng cứ, đối chiếu quy định pháp luật hoặc gợi ý cấu trúc lập luận, nhưng không thể thay thế việc đánh giá hoàn cảnh con người cụ thể. Bởi lẽ, nhiều yếu tố quan trọng trong hoạt động pháp lý như sự sợ hãi của nạn nhân, lợi ích tốt nhất của trẻ em, khả năng phục hồi của

⁷² Courts and Tribunals Judiciary, (2023, December 12), Artificial Intelligence (AI): Guidance for Judicial Office Holders. UK Judiciary, <https://www.judiciary.uk/guidance-and-resources/artificial-intelligence-ai-guidance-for-judicial-office-holders/> ngày truy cập 25/04/2026.

người chưa thành niên, sự tự nguyện trong giao dịch hoặc mức độ tổn thương của cá nhân không thể được nhận diện đầy đủ chỉ bằng dữ liệu và thuật toán.

Vì vậy, cần thiết lập một cơ chế kiểm tra đạo đức trước khi sử dụng AI trong các hoạt động pháp lý nhạy cảm, tập trung vào ba câu hỏi cơ bản: việc sử dụng AI có ảnh hưởng đến quyền con người hay không; dữ liệu được đưa vào AI có chứa thông tin cá nhân, thông tin nhạy cảm hoặc bí mật nghề nghiệp hay không; và kết quả do AI tạo ra đang được dùng như gợi ý kỹ thuật hay đang có nguy cơ thay thế phán đoán chuyên môn của con người. Nếu có rủi ro ở bất kỳ điểm nào, người hành nghề luật phải áp dụng mức độ thận trọng cao hơn, bao gồm phi định danh dữ liệu, kiểm chứng độc lập, ghi nhận phạm vi sử dụng AI và trực tiếp chịu trách nhiệm về quyết định cuối cùng.

Cuối cùng, trách nhiệm đạo đức số của người hành nghề luật không thể chỉ được bảo đảm bằng các quy tắc ứng xử sau khi đã gia nhập nghề, mà cần được hình thành từ quá trình đào tạo pháp luật. Sommerlad, Harris-Short, Vaughan và Young nhận định rằng nghề luật và đào tạo luật đang trải qua một sự biến đổi chưa từng có, tác động trực tiếp đến ethos và ethicality của nghề luật.⁷³ Vì vậy, đào tạo đạo đức nghề luật trong bối cảnh AI cần chuyển từ mô hình truyền đạt quy tắc sang mô hình hình thành năng lực nhận diện rủi ro, kiểm chứng thông tin, bảo vệ dữ liệu, giải trình việc sử dụng công nghệ và suy xét nhân văn. Điều này đặc biệt quan trọng đối với giảng viên luật và nghiên cứu viên luật, bởi họ không chỉ sử dụng AI trong hoạt động chuyên môn của mình, mà còn góp phần hình thành thói quen đạo đức và năng lực phản biện công nghệ cho thế hệ người hành nghề luật tương lai.

Kết luận:

Sự phát triển của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi sâu sắc hoạt động nghề luật, đồng thời đặt ra yêu cầu nhận thức lại trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh mới. Khi nhiều thao tác xử lý thông tin pháp lý có thể được hỗ trợ hoặc tự động hóa, giá trị cốt lõi của các nghề luật cần được khẳng định ở năng lực kiểm chứng thông tin, suy xét nhân văn và độc lập chuyên môn, dù đó là hoạt động tư vấn, tranh tụng, xét xử, kiểm sát, công chứng, thi hành án, trợ giúp pháp lý hay pháp chế doanh nghiệp, giảng dạy hay nghiên cứu pháp luật. Việc xây dựng khung trách nhiệm đạo đức số vì vậy không nhằm phủ nhận vai trò của công nghệ, mà nhằm bảo đảm công nghệ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ an toàn, có kiểm soát và có trách nhiệm. Công cụ có thể thay đổi, nhưng trách nhiệm bảo vệ công lý, sự thật, lẽ công bằng và phẩm giá con người vẫn là giới hạn không thể chuyển giao của nghề luật trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

⁷³ Hilary Sommerlad, Sonia Harris-Short, Steven Vaughan and Richard Young, “The Futures of Legal Education and the Legal Profession”, in Hilary Sommerlad, Sonia Harris-Short, Steven Vaughan and Richard Young (eds.), *The Futures of Legal Education and the Legal Profession*, Hart Publishing, Oxford and Portland, 2015, pp. 1–2, 13.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abbott, K. W., & Snidal, D. (2000), Hard and soft law in international governance. *International Organization*, 54(3), 421-456.
<https://doi.org/10.1162/002081800551280>
2. American Bar Association. (2012), Model rules of professional conduct: Rule 1.1 competence (Comment 8),
[https://www.americanbar.org/groups/professional_responsibility/publications/model_rules_of_professional_conduct/rule_1_1 competence/comment on rule 1 1/](https://www.americanbar.org/groups/professional_responsibility/publications/model_rules_of_professional_conduct/rule_1_1 Competence/comment_on_rule_1_1/)
3. American Bar Association. (2024, July 29). *Formal Opinion 512: Generative artificial intelligence tools*. Standing Committee on Ethics and Professional Responsibility,
https://www.americanbar.org/content/dam/aba/administrative/professional_responsibility/formal-opinion-512.pdf
4. Barton, Benjamin H., “The Future of American Legal Tech: Regulation, Culture, Markets”, in David Freeman Engstrom (ed.), *Legal Tech and the Future of Civil Justice*, Cambridge University Press, Cambridge, 2023, p. 35.
5. Briggs, J., & Kodnani, D. (2023, March 26). *The potentially large effects of artificial intelligence on economic growth*. Goldman Sachs Global Economics Analyst.
<https://www.gspublishing.com/content/research/en/reports/2023/03/27/d64e052b-0f6e-45d7-967b-d7be35fabd16.pdf>
6. CCBE (2022), CCBE guide on the use of Artificial Intelligence-based tools by lawyers and law firms in the EU. Council of Bars and Law Societies of Europe,
[https://www.ccbe.eu/fileadmin/speciality_distribution/public/documents/IT_LAW/ITL_Guides_recommendations/EN_ITL_20220331 CCBE-Guide-on-the-use-of-AI-based-tools.pdf](https://www.ccbe.eu/fileadmin/speciality_distribution/public/documents/IT_LAW/ITL_Guides_recommendations/EN_ITL_20220331_CCBE-Guide-on-the-use-of-AI-based-tools.pdf)
7. Courts and Tribunals Judiciary. (2023, December 12), Artificial Intelligence (AI): Guidance for Judicial Office Holders. UK Judiciary, <https://www.judiciary.uk/guidance-and-resources/artificial-intelligence-ai-guidance-for-judicial-office-holders/>
8. Ebejer, Marlene, *Legal Practice and Ethics*, 2nd edn., LexisNexis Butterworths, Chatswood, 2016.
9. Eisenstein, E. L. (1979), *The printing press as an agent of change: Communications and cultural transformations in early-modern Europe*, Cambridge University Press.
<https://doi.org/10.1017/CBO9781107049963>
10. Engstrom, David Freeman and Engstrom, Nora Freeman, “Legal Tech and the Litigation Playing Field”, in David Freeman Engstrom (ed.), *Legal Tech and the Future of Civil Justice*, Cambridge University Press, Cambridge, 2023.
11. European Parliament, (2024), Regulation (EU) 2024/1689 of the European Parliament and of the Council of 13 June 2024 laying down harmonised rules on artificial

intelligence (Artificial Intelligence Act), Official Journal of the European Union, L 2024/1689. <https://eur-lex.europa.eu/eli/reg/2024/1689/oj>

12. Frankenreiter, Jens and Nyarko, Julian, “Natural Language Processing in Legal Tech”, in David Freeman Engstrom (ed.), *Legal Tech and the Future of Civil Justice*, Cambridge University Press, Cambridge, 2023, pp. 71–72, 90.

13. Luban, David, *Legal Ethics and Human Dignity*, Cambridge University Press, Cambridge, 2007, pp. 5–6, 10, 221, 224.

14. *Mata v. Avianca, Inc.*, 678 F. Supp. 3d 443 (S.D.N.Y. 2023). <https://casetext.com/case/mata-v-avianca-inc-2>

15. Pasquale, F. (2015). *The black box society: The secret algorithms that control money and information*. Harvard University Press. <https://doi.org/10.4159/harvard.9780674736061>

16. Nguyễn Hương Sang (2025). Cơ hội và thách thức cho luật sư trong kỷ nguyên AI, Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một, 1(74), 97-106, <https://vjol.info.vn/index.php/tdm>

17. Skitka, L. J., Mosier, K. L., & Burdick, M. (1999). Does automation bias decision-making? *International Journal of Human-Computer Studies*, 51(5), 991–1006. <https://doi.org/10.1006/ijhc.1999.0252>

18. Susskind, R. (2017), *Tomorrow's lawyers: An introduction to your future* (2nd ed.), Oxford University Press.

19. Skuczyński, Paweł, *The Status of Legal Ethics*, translated by Katarzyna Popowicz, Peter Lang, Frankfurt am Main, 2013.

20. Sommerlad, Hilary, Harris-Short, Sonia, Vaughan, Steven and Young, Richard, “The Futures of Legal Education and the Legal Profession”, in Hilary Sommerlad, Sonia Harris-Short, Steven Vaughan and Richard Young (eds.), *The Futures of Legal Education and the Legal Profession*, Hart Publishing, Oxford and Portland, 2015.

21. Wilkinson, L. (2023, April 7). *Samsung employees leaked corporate data in ChatGPT: Report*. CIO Dive. <https://www.ciodive.com/news/Samsung-Electronics-ChatGPT-leak-data-privacy/647137/>

THAM LUẬN 4

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN AI VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN

PGS.TS. Nguyễn Minh Hằng

Phó Giám đốc Học viện Tư pháp

ThS. Vũ Thị Thu Thủy

*Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học và Trị sự Tạp chí Nghề luật,
Học viện Tư pháp*

Tóm tắt: Sau hơn 28 năm thực hiện chức năng, nhiệm vụ đào tạo các chức danh tư pháp, trợ lý tư pháp, Học viện Tư pháp đã khẳng định được vị thế, thương hiệu của cơ sở đào tạo nghề luật ở Việt Nam - Trung tâm lớn nhất trong toàn quốc đào tạo các chức danh tư pháp⁷⁴. Trước đòi hỏi phải xây dựng được nguồn nhân lực tư pháp, trợ lý tư pháp phục vụ công cuộc đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Học viện Tư pháp cần phải có những định hướng mới trong công tác đào tạo, đặc biệt là định hướng đổi mới, phát triển các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp để phát huy những thành tựu, lợi thế so sánh của mình trong giai đoạn vừa qua, đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển nghề luật ở bối cảnh toàn cầu hoá, hiện đại hóa, chuyển đổi số, hội nhập nền kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, thích nghi với công nghệ, áp dụng trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số để nâng cao hiệu quả làm việc. Bài viết tiếp cận từ bối cảnh phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi số toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực trạng công tác đào tạo các chức danh tư pháp tại Học viện Tư pháp và gợi mở định hướng đổi mới hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp ở Việt Nam.

Từ khóa: hoạt động đào tạo; các chức danh tư pháp, trí tuệ nhân tạo; chuyển đổi số; đổi mới.

Đặt vấn đề:

Sự phát triển AI trong những năm gần đây không chỉ là một bước tiến công nghệ thông thường, mà đang làm thay đổi căn bản cấu trúc của nhiều ngành nghề, trong đó có nghề luật. Các hệ thống AI hiện nay, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn, đã chứng minh khả năng thực hiện nhiều tác vụ mà trước đây đòi hỏi trình độ chuyên môn cao: tìm kiếm và tổng hợp văn bản pháp luật với tốc độ vượt xa con người; rà soát và phân tích văn bản chỉ trong vài phút; nhận diện mâu thuẫn trong các bộ tài liệu dày hàng nghìn trang; chuyển đổi âm thanh phiên tòa thành văn bản có cấu trúc; hỗ trợ xây dựng lập luận pháp lý bằng cách đề xuất các luận điểm và dẫn chiếu; phân tích dữ liệu tư pháp lớn để

⁷⁴ Ngày 30/9/2022, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tiếp tục xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp” bằng Quyết định số 1155/QĐ-TTg. Việc triển khai Đề án tiếp tục xây dựng HVTP thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp” là: (1) Lớn về số lượng các loại chức danh tư pháp, trợ lý tư pháp được đào tạo; (2) Lớn về chất lượng và thương hiệu đào tạo (trong đó, chất lượng đào tạo được coi là khâu then chốt để khẳng định Học viện Tư pháp là trung tâm lớn nhất trong toàn quốc đào tạo các chức danh tư pháp) nhằm tạo nguồn nhân lực tư pháp chất lượng cao.

nhận diện xu hướng và bất thường; thậm chí dự đoán khả năng phán quyết dựa trên dữ liệu án lệ....

Ở Việt Nam hiện nay, hạ tầng số đã được đưa trực tiếp vào hoạt động tư pháp, không phải dưới dạng thí nghiệm mà là một phần của vận hành hàng ngày. Hệ thống Tòa án đã triển khai trợ lý ảo hỗ trợ nghiên cứu hồ sơ, xét xử trực tuyến qua nền tảng số, hệ thống quản lý Tòa án kết nối dữ liệu trên phạm vi toàn quốc, xây dựng các điểm cầu thành phần và tham gia phiên tòa trực tuyến và các ứng dụng phục vụ quản trị tư pháp⁷⁵. Ngành Kiểm sát, thi hành án dân sự, công chứng, đấu giá.... đang đẩy mạnh số hóa hồ sơ, xây dựng kho dữ liệu nghiệp vụ dùng chung, triển khai nền tảng quản lý các vụ án, đặt vấn đề nghiên cứu ứng dụng AI, dữ liệu lớn trong phân tích vụ án, hỗ trợ ra quyết định và phát hiện dấu hiệu vi phạm. Với yêu cầu của thực tiễn, việc ứng dụng AI trong tư pháp không thể xem nhẹ và việc đào tạo con người để sử dụng AI một cách an toàn, có trách nhiệm, hiệu quả phải được đặc biệt coi trọng. Các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp phải đổi mới, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu của tư pháp số.

1. Bối cảnh và yêu cầu đặt ra đối với đào tạo các chức danh tư pháp hiện nay

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện, trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và lĩnh vực đào tạo nói riêng, Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định động lực trung tâm để phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất và hiện đại hóa hệ thống quản trị quốc gia. Về chính sách định hướng, chỉ tính từ năm 2019 đến năm 2026, Đảng và Nhà nước đã có nhiều văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện:

- Ngày 27/9/2019 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với yêu cầu phổ cập kỹ năng số và phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao.

- Ngày 26/1/2021, Thủ tướng Chính phủ đã Quyết định “Ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chiến lược)”

- Ngày 25/1/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022- 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW tạo nên bước phát triển đột phá về tư duy: Chuyển mạnh từ tư duy “thích ứng” sang “làm chủ công nghệ lõi và trí tuệ nhân tạo (AI)”, gắn phát triển nhân lực số với bảo vệ chủ quyền dữ liệu quốc gia và quốc tế hóa các tiêu chuẩn đào tạo.

- Ngày 09/11/2022 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW của về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ trọng tâm là hiện đại hóa

⁷⁵ Học viện Tòa án, *Đổi mới chương trình đào tạo nghiệp vụ xét xử hướng tới tư pháp số*, <https://tapchitoaan.vn/hoc-vien-toa-an-doi-moi-chuong-trinh-dao-tao-nghiep-vu-xet-xu-huong-toi-tu-phap-so15675.html>, truy cập ngày 10/8/2026; Ngành Kiểm sát nhân dân triển khai nhiệm vụ năm 2026 về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nguồn: <https://kiemsat.vn/nganh-kiem-sat-nhan-dan-trien-khai-nhiem-vu-nam-2026-ve-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-73957.html>, truy cập ngày 10/8/2026.

phương thức xây dựng và thi hành pháp luật, triển khai Tòa án điện tử và phát triển đội ngũ luật sư có bản lĩnh, giỏi chuyên môn, tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

- Ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW yêu cầu đổi mới căn bản công tác thi hành pháp luật, coi sự thượng tôn pháp luật và văn hóa tuân thủ là chuẩn mực ứng xử hàng đầu trên không gian mạng.

- Ngày 07/01/2026 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới đã định hướng xử lý hài hòa mối quan hệ giữa môi trường thực và môi trường số, đòi hỏi các chức danh tư pháp khi ứng dụng công nghệ phải giữ vững “Trí tuệ cảm xúc số” (Digital Emotional Intelligence), bảo đảm tính nhân văn, bảo mật thông tin uy thác và tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

- Ngày 10/3/2026 Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 09-KL/TW chỉ đạo trực tiếp việc *“đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”*. Quyết sách này xác định môi trường hành nghề luật chính là một “hệ thống pháp luật số hóa”, bắt buộc người hành nghề luật phải làm chủ các công cụ công nghệ tư pháp để không bị loại trừ khỏi hệ sinh thái tư pháp điện tử.

- Ngày 22/4/2026, Thủ tướng ban hành Chỉ thị số 14/CT-TTg về đẩy mạnh bồi dưỡng và đánh giá kiến thức, kỹ năng số đối với cán bộ, công chức, viên chức⁷⁶. Không chỉ có các quy định pháp luật chuyên ngành, việc đào tạo chức danh tư pháp còn được đặt trong bối cảnh rộng lớn hơn của chiến lược phát triển nhân lực số và nhân lực AI của quốc gia. Chính sách này có ý nghĩa trực tiếp với một bộ phận lớn nhân lực tư pháp trong khu vực công, bao gồm Thẩm phán, Kiểm sát viên, Chấp hành viên và các công chức tư pháp khác. Nếu kỹ năng số trở thành một yêu cầu chung, bắt buộc đối với mọi cán bộ, công chức, thì yêu cầu này phải được nâng lên một tầm cao mới, vượt xa mức sử dụng phần mềm văn phòng thông thường. Họ cần có năng lực số chuyên ngành tư pháp, bao gồm hiểu biết về các công cụ AI pháp lý, kỹ năng xử lý chứng cứ điện tử, khả năng làm việc với kho dữ liệu chuyên ngành và tư duy phản biện trước kết quả thuật toán.

- Ngày 11/8/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1528/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, định hướng đến năm 2035⁷⁷. Đây là căn cứ chính sách quan trọng để đặt vấn đề hình thành một nhóm nhân lực sử dụng AI chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp, không chỉ là nhân lực nghiên cứu phát triển thuật toán mà còn là nhân lực có năng lực ứng dụng, giám sát và quản trị AI. Cần hiểu rằng nhân lực AI không nhất thiết đồng nghĩa với kỹ sư AI hay nhà khoa học dữ liệu. Một quốc gia muốn ứng dụng AI một cách có trách nhiệm và bền vững cần có một hệ sinh thái nhân lực đa dạng: các chuyên gia kỹ thuật phát triển công nghệ, các chuyên gia pháp lý và đạo đức đánh giá tác động, các nhà quản lý hoạch định chính sách, và quan trọng không kém – đội ngũ người hành nghề luật có đủ hiểu biết để sử dụng công nghệ một cách an toàn và hiệu quả, cũng như để nhận diện và phản biện

⁷⁶ Thủ tướng Chính phủ (2026), *Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 22/4/2026 về đẩy mạnh bồi dưỡng và đánh giá kiến thức, kỹ năng số đối với cán bộ, công chức, viên chức*.

⁷⁷ Thủ tướng Chính phủ (2026), *Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 11/8/2026 phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, định hướng đến năm 2035*.

các kết quả do AI tạo ra. Đào tạo chức danh tư pháp vì vậy không thể tách rời khỏi chiến lược nhân lực AI quốc gia, mà cần được xác định là một hợp phần cụ thể trong đó.

Từ những định hướng chiến lược này, gắn kết với thực tiễn hành nghề của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp, yêu cầu đòi mới công tác đào tạo các chức danh tư pháp phải đáp ứng được khung năng lực số. Người học trong các chương trình đào tạo phải tương tác với các hệ thống số, xử lý chứng cứ điện tử, làm việc với dữ liệu lớn và đối mặt với những rủi ro trong môi trường số, xử lý hài hoà mối quan hệ giữa môi trường số và môi trường thực... Thực tế này, đặt ra các yêu cầu phải thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược trong định hướng phát triển và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo:

Nhiệm vụ thứ nhất, là trang bị năng lực số: trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ để người hành nghề không trở thành lực lượng tụt hậu, không biết tận dụng các công cụ số đang được sử dụng rộng rãi trong môi trường tư pháp hiện đại. Sự thiếu hiểu biết về công nghệ có thể dẫn đến hiệu quả công việc thấp, ra quyết định chậm hơn, làm giảm năng lực cạnh tranh nghề nghiệp.

Nhiệm vụ thứ hai, rèn luyện khả năng kiểm soát công nghệ: người học cần được trang bị kỹ năng nhận diện và phòng tránh các rủi ro đi kèm: sai số thống kê, thiên lệch dữ liệu, thông tin giả mạo, “ảo giác” AI, vi phạm dữ liệu cá nhân, và các rủi ro bảo mật khác. Điều này đòi hỏi người hành nghề luật phải có kiến thức nền tảng về nguyên lý hoạt động của AI, biết cách đặt câu hỏi đúng, kiểm tra và xác minh kết quả, và nhận biết những tình huống mà AI không đáng tin cậy.

Nhiệm vụ thứ ba, củng cố và phát triển những năng lực thuộc về con người mà AI không thể thay thế: đây là nhiệm vụ có tính chất nền tảng và lâu dài, người học cần được rèn luyện tư duy pháp lý độc lập, khả năng lập luận và giải thích quyết định, đạo đức nghề nghiệp, sự nhạy cảm với bối cảnh xã hội và hoàn cảnh cụ thể của từng vụ việc, khả năng lắng nghe thấu hiểu, và trên hết là tinh thần trách nhiệm đối với quyết định của mình.

Ba nhiệm vụ này không tách rời mà bổ sung cho nhau: một người hành nghề luật chỉ sử dụng được AI tốt nếu hiểu rõ giới hạn của nó; chỉ giữ được sự độc lập và trách nhiệm nếu không bị công nghệ chi phối; chỉ có thể kiểm soát được rủi ro nếu được đào tạo bài bản về cả công nghệ lẫn đạo đức. Để thực hiện được ba nhiệm vụ này, việc đổi mới trong đào tạo không thể chỉ là những thay đổi nhỏ lẻ về phương pháp giảng dạy trong phạm vi từng cơ sở đào tạo mà đòi hỏi một sự thay đổi có hệ thống, tác động đồng thời đến chuẩn đầu ra, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, cơ chế đánh giá, năng lực giảng viên, hạ tầng dữ liệu và cơ chế phối hợp giữa các cơ sở đào tạo cũng như giữa đào tạo với hoạt động tư pháp thực tiễn.

1.1. Yêu cầu thực hiện chuẩn đào tạo các chức danh tư pháp

Thuật ngữ “chức danh tư pháp” được sử dụng ở những phạm vi khác nhau trong hệ thống pháp luật và thực tiễn quản lý ở Việt Nam. Theo nghĩa hẹp, chức danh tư pháp gắn với hoạt động thực hiện quyền tư pháp và các hoạt động tố tụng, các chức danh tiêu biểu là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Chấp hành viên. Theo nghĩa rộng hơn, được sử dụng trong các chính sách đào tạo nghề luật, phạm vi còn bao gồm các chức danh bổ trợ tư pháp như Luật sư, Công chứng viên, Đấu giá viên và một số chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp khác. Sự khác biệt về phạm vi này có ý nghĩa quan trọng khi thiết kế chương trình đào

tạo, bởi yêu cầu về năng lực số và mức độ tiếp xúc với AI giữa các nhóm chức danh sẽ khác nhau.

Việc đào tạo các chức danh tư pháp hiện nay ở Việt Nam đang được triển khai ở một số cơ sở đào tạo.

Học viện Tòa án, trực tiếp tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ xét xử cho nguồn Thẩm phán, đồng thời tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu cho đội ngũ Thẩm phán đương nhiệm. Văn bản hợp nhất số 82/VBHN-VPQH ngày 26/3/2026 hiện là văn bản hợp nhất mới nhất của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được sử dụng làm căn cứ khi nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của Tòa án⁷⁸. Trong năm 2026, Học viện Tòa án tiếp tục mở Khóa 13.1 đào tạo nghiệp vụ xét xử và nhiều lớp bồi dưỡng chuyên sâu về xét xử án dân sự, hình sự và hành chính⁷⁹, cho thấy hoạt động đào tạo vẫn đang diễn ra với quy mô lớn và cần được cập nhật theo yêu cầu mới.

Trường Đại học Kiểm sát và các cơ sở trực thuộc, tổ chức đào tạo nghiệp vụ kiểm sát cho công chức là nguồn Kiểm sát viên. Các khóa đào tạo nghiệp vụ được tổ chức theo hướng kết hợp kiến thức lý thuyết với nghiên cứu hồ sơ thực tế, thực hành tranh tụng và xử lý các tình huống nghề nghiệp phong phú.

Học viện Tư pháp thuộc Bộ Tư pháp giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp. Quyết định số 1155/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Đề án “*Tiếp tục xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp*”⁸⁰ và Quyết định số 1571/QĐ-TTg ngày 14/8/2026 bãi bỏ một số nội dung của Quyết định số 1155/QĐ-TTg, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Học viện tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp. Học viện Tư pháp luôn chú trọng việc hiện đại hóa hoạt động đào tạo, số hóa bài giảng, giáo trình và hồ sơ tình huống, đồng thời phát triển nhiều chương trình đào tạo mới, xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số và triển khai đào tạo trực tuyến, đào tạo qua hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS). Bên cạnh các chương trình đào tạo riêng cho từng chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp, Học viện Tư pháp còn triển khai Chương trình đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư. Đây là mô hình đáng chú ý vì tạo ra một không gian đào tạo liên nghề, cho phép người học tiếp cận cùng một vụ việc dưới góc nhìn của các vị trí nghề nghiệp khác nhau. Các nghiên cứu đã chỉ ra ý nghĩa to lớn của mô hình này trong việc hình thành tư duy pháp lý toàn diện, năng lực phân tích tình huống, kỹ năng hành nghề và khả năng làm việc trong môi trường nghề nghiệp áp lực cao⁸¹.

Việc có nhiều cơ sở đào tạo các chức danh tư pháp có những ưu thế rõ ràng: mỗi cơ sở đào tạo gắn chặt với môi trường nghề nghiệp và văn hóa tổ chức của ngành mình phục

⁷⁸ Văn phòng Quốc hội, *Văn bản hợp nhất số 82/VBHN-VPQH ngày 26/3/2026 hợp nhất Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*

⁷⁹ Học viện Tòa án, *Kế hoạch số 363/KH-HVTA về việc mở Khóa 13.1 đào tạo nghiệp vụ xét xử và các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử án hình sự, dân sự, hành chính năm 2026*.

⁸⁰ Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 1155/QĐ-TTg ngày 30/9/2022 về việc phê duyệt Đề án “Tiếp tục xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”*.

⁸¹ TS. Đồng Thị Kim Thoa, TS. Lê Thị Thúy Nga (2018), *Đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên và Luật sư ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Nghề luật số chuyên đề “Học viện Tư pháp - 20 năm xây dựng và phát triển”.

vụ, bảo đảm tính chuyên biệt và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, đặc điểm này cũng tiềm ẩn nguy cơ phân mảnh khi xây dựng năng lực số. Nếu Học viện Tòa án xây dựng một chuẩn năng lực AI riêng, Trường Đại học Kiểm sát xây dựng một chuẩn khác, còn Học viện Tư pháp áp dụng một hệ thống khác nữa, thì người hành nghề trong cùng một quy trình tư pháp, vốn vận hành liên thông giữa Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án và các tổ chức hỗ trợ có thể sử dụng dữ liệu, công nghệ và AI theo những nguyên tắc không thống nhất, gây khó khăn cho việc trao đổi thông tin, hợp tác nghề nghiệp và quản lý rủi ro xuyên suốt quy trình. Do đó, một trong những thách thức lớn của đổi mới trong giai đoạn tới là làm sao đồng thời bảo đảm tính chuyên biệt của từng chức danh và tính thống nhất của các năng lực số cốt lõi, tạo ra một ngôn ngữ chung và một chuẩn mực chung cho toàn bộ hệ thống tư pháp.

1.2. Khung pháp lý về AI và dữ liệu đã hình thành tác động trực tiếp đến đào tạo các chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp

Một điểm khác biệt căn bản và có ý nghĩa quyết định giai đoạn hiện nay là Việt Nam đã có một khuôn khổ pháp lý chuyên biệt, tương đối hoàn chỉnh về AI và dữ liệu. Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 được ban hành ngày 10/12/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/3/2026⁸², đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc thể chế hóa quản lý AI tại Việt Nam. Luật này đặt ra các nguyên tắc chung, phân loại hệ thống AI theo mức độ rủi ro, và quy định trách nhiệm của các chủ thể liên quan. Nghị định số 142/2026/NĐ-CP ngày 30/4/2026 tiếp tục cụ thể hóa cơ chế phân loại, các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân phát triển và cung cấp hệ thống AI, cũng như các biện pháp quản trị rủi ro⁸³. Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg còn xác lập một nguyên tắc có tầm quan trọng đặc biệt đối với hoạt động tư pháp: việc sử dụng AI không làm thay đổi, chuyển giao hoặc loại trừ thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; đồng thời phải bảo đảm khả năng giám sát, kiểm soát và can thiệp của con người⁸⁴. Đây không chỉ đơn thuần là một nguyên tắc quản trị công nghệ, mà cần được coi là nguyên tắc nền tảng, xuyên suốt của toàn bộ hoạt động đào tạo tư pháp trong kỷ nguyên AI. Một Thẩm phán có thể và nên sử dụng AI để tìm kiếm án lệ, rà soát hồ sơ, đối chiếu văn bản hoặc phát hiện các phán quyết có tình tiết tương tự, nhưng không thể lấy có “AI đề xuất như vậy” để biện minh cho quyết định của mình. Một Kiểm sát viên có thể sử dụng phần mềm hỗ trợ để phân tích chứng cứ hoặc phát hiện bất thường trong dữ liệu, nhưng trách nhiệm về quan điểm truy tố và giám sát vẫn thuộc toàn vẹn về Kiểm sát viên. Một Luật sư có thể dùng AI để tìm luận điểm phản biện hoặc rà soát văn bản, nhưng không thể viện dẫn “kết quả do AI sinh ra” để miễn trừ trách nhiệm nghề nghiệp về nội dung tư vấn. Chính vì vậy, các chương trình đào tạo phải đổi mới đảm bảo cung cấp cho người học một nguyên tắc đơn giản nhưng có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ đạo đức và văn hóa hành nghề: AI hỗ trợ tư duy, AI không thay thế trách nhiệm.

Song song với khung pháp lý về AI, Việt Nam cũng đã xây dựng được một hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh về dữ liệu. Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 có hiệu lực từ

⁸² Quốc hội (2025), *Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15*.

⁸³ Chính phủ (2026), *Nghị định số 142/2026/NĐ-CP ngày 30/4/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo*.

⁸⁴ Điều 4 Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg về nguyên tắc quản trị hệ thống AI có rủi ro cao.

ngày 01/7/2025 đã tạo khung pháp lý chung về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý và sử dụng dữ liệu số⁸⁵. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, tiếp tục xác lập khuôn khổ pháp lý chuyên biệt về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến dữ liệu cá nhân⁸⁶. Đối với đào tạo chức danh tư pháp, các luật này đặt ra những yêu cầu rất thực tế và cấp bách về quản lý dữ liệu đào tạo, bồi hồ sơ vụ việc, bản án, tài liệu tố tụng và các tình huống giảng dạy thường chứa đựng lượng lớn dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Việc sử dụng các dữ liệu này trong giảng dạy, đặc biệt là khi kết hợp với các hệ thống AI công cộng, cần phải tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu, yêu cầu về ẩn danh hóa, phân quyền truy cập và kiểm soát chia sẻ.

Những tín hiệu từ phía Chính phủ cũng cho thấy quyết tâm đẩy mạnh năng lực số và quản trị dữ liệu. Thủ tướng đã ban hành Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 13/8/2026 về Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu – một chính sách rất mới và đáng được các cơ sở đào tạo tư pháp tiếp thu và áp dụng⁸⁷. Thay vì chỉ tổ chức một số chuyên đề chung chung về “chuyển đổi số”, các cơ sở đào tạo hiện nay có một khung chương trình cụ thể để xây dựng các học phần về quản trị dữ liệu, trang bị cho người học khả năng phân loại dữ liệu, xác định quyền truy cập, nhận diện dữ liệu cá nhân và dữ liệu nhạy cảm, thực hiện các kỹ thuật ẩn danh hóa và phi định danh hóa, kiểm soát việc chia sẻ dữ liệu và đánh giá rủi ro khi đưa dữ liệu vào các hệ thống AI.

Đặc biệt đáng chú ý đối với các cơ sở đào tạo là Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg ngày 30/6/2026, có hiệu lực từ ngày 15/8/2026, ban hành Danh mục hệ thống AI có rủi ro cao⁸⁸. Trong lĩnh vực giáo dục, danh mục này bao gồm ba nhóm hệ thống AI cụ thể: (i) hệ thống AI cung cấp nội dung tự học sử dụng dữ liệu không kiểm soát ở quy mô lớn, có nguy cơ gây tác động hệ thống; (ii) hệ thống tự động kiểm tra, đánh giá hoặc xếp hạng người học khi kết quả được sử dụng làm căn cứ chính thức trong hệ thống giáo dục quốc dân; và (iii) hệ thống sử dụng AI để giám sát, phân tích hành vi người học thông qua dữ liệu sinh trắc học hoặc cơ chế giám sát có khả năng xâm phạm quyền riêng tư⁸⁹.

Qua rà soát khung pháp lý, mặc dù hành lang pháp lý đang được hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả trong thực hiện pháp luật, tuy nhiên trong lĩnh vực đào tạo liên quan đến AI ở các trường đại học luật hay Cơ sở đào tạo nghề luật vẫn thiếu vắng quy chuẩn pháp lý thống nhất. Rà soát khung pháp lý, thực trạng pháp luật “*vẫn thiếu vắng hành lang pháp lý sự phạm nơi các cơ sở đào tạo và giảng viên bị đặt vào tình thế khó khăn. Một mặt, họ được khuyến khích đổi mới; mặt khác họ không có một cơ sở pháp lý hay một kim chỉ nam học thuật nào. Về mặt thể chế, Việt Nam đang ở gần với trạng thái tự do, thiếu yếu tố kiểu mẫu của một hệ sinh thái học thuật và thị trường đủ mạnh để tự điều tiết và thúc đẩy sự đổi mới một cách có chất lượng. Khoảng trống thể chế này*

⁸⁵ Quốc hội (2024), Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15.

⁸⁶ Quốc hội (2025), Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15.

⁸⁷ Thủ tướng Chính phủ (2026), Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 13/8/2026 ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu.

⁸⁸ Thủ tướng Chính phủ (2026), Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg ngày 30/6/2026 ban hành Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao, có hiệu lực từ ngày 15/8/2026.

⁸⁹ Thủ tướng Chính phủ (2026), Phụ lục Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg ngày 30/6/2026 ban hành Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao.

chính là điểm nhấn mang tính nền tảng, cản trở việc hiện thực hoá tiềm năng của AI một cách có hệ thống và trách nhiệm.”⁹⁰

2. Thực trạng đào tạo các chức danh tư pháp trong bối cảnh phát triển AI và chuyển đổi số

2.1. Thuận lợi trong công tác đào tạo các chức danh tư pháp trong bối cảnh phát triển AI và chuyển đổi số

Trong những năm qua, đặc biệt là giai đoạn 2020-2025, nhiều tiền đề quan trọng đã được tạo dựng, tạo ra những điều kiện thuận lợi để việc đào tạo các chức danh tư pháp bước vào giai đoạn đổi mới sâu sắc hơn. Những dấu ấn thành công⁹¹ trong xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo của Học viện Tư pháp:

Từ một chương trình đào tạo nghiệp vụ xét xử năm 1998, đến nay, Học viện Tư pháp đã và đang triển khai 11 chương trình đào tạo cho 8 chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp.⁹² Trong đó nổi bật là:

(i) Học viện Tư pháp đã xây dựng và thực hiện được mô hình đào tạo mới (đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư) tiệm cận với mô hình đào tạo tiên tiến trên thế giới, góp phần thực hiện việc chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình tổ tụng xét hỏi sang mô hình tổ tụng tranh tụng theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và các văn bản pháp luật tổ tụng của Việt Nam;

(ii) Bên cạnh các chương trình đào tạo truyền thống là thể mạnh, Học viện Tư pháp đã xây dựng, triển khai thực hiện thành công các chương trình mới và khó như đào tạo luật sư phục vụ hội nhập quốc tế; chương trình đào tạo nghề thừa phát lại (nay là chương trình nghiệp vụ thừa hành viên); chương trình đào tạo chung nghiệp vụ thi hành án dân sự và nghề thừa phát lại; chương trình đào tạo nghề luật sư chất lượng cao, chương trình đào tạo nghề công chứng chất lượng cao.

(iii) Đã xây dựng và triển khai thí điểm thực hiện chương trình đào tạo nghề luật sư chất lượng cao và chương trình đào tạo nghề công chứng chất lượng cao; chương trình đào tạo chung nghiệp vụ thi hành án dân sự và nghề thừa phát lại;

(iv) Đã hoàn thành xây dựng và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành chương trình khung đào tạo nghề công chứng năm 2025 và chương trình khung đào tạo nghề đấu giá sửa đổi, bổ sung năm 2025; Chương trình đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự; Chương trình đào tạo nghiệp vụ thừa hành viên năm 2026.

(v) Xây dựng mới toàn bộ các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp⁹³. Đến hết năm 2018, Học viện Tư pháp hoàn thành việc chuyển đổi tất cả các chương trình đào tạo từ học chế niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ với những thay đổi căn bản

⁹⁰ TS.Hoàng Xuân Châu (2025), AI và giáo dục nghề luật: Định vị lại kỹ năng lập luận pháp lý trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, Tr.75, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “*Lập luận pháp lý trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo*”, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

⁹¹ PGS.TS. Nguyễn Minh Hằng, TS. Trần Minh Tiến (2025), *Thành tựu đạt được trong đào tạo các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp và định hướng phát triển trong kỷ nguyên mới*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, ấn phẩm “Ngành Tư pháp: Tự hào truyền thống - Vững bước tương lai”.

⁹² Gồm các chức danh Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư, Công chứng viên, Chấp hành viên, Đấu giá viên, Thừa phát lại và Thư ký Tòa án.

⁹³ 09 chương trình khung đào tạo mới về nghề luật sư, công chứng, đấu giá, thừa hành viên (trước đây là thừa phát lại), đào tạo chung nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư và đào tạo luật sư phục vụ hội nhập quốc tế.

trong cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu chọn lựa theo nhu cầu người học. Từ đầu năm 2020, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học để nhanh chóng hội nhập trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt nhằm thích ứng hiệu quả với những biến đổi khó lường của tình hình dịch bệnh Covid diễn ra trên phạm vi toàn cầu, Học viện Tư pháp đã triển khai đào tạo từ xa theo phương thức trực tuyến; xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp kết hợp giữa đào tạo tập trung và từ xa theo phương thức trực tuyến - đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Về tổng thể, đến nay, các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp đã có những thay đổi và phát triển theo hướng ngày càng hoàn thiện, hiện đại, với chuẩn đầu ra đáp ứng cơ bản năng lực cần có, đặc thù với từng chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; phân định khối kiến thức cần biết, phải biết, nên biết; bảo đảm hài hoà giữa khối kiến thức, kỹ năng bắt buộc (khối kiến thức cơ bản) và khối kiến thức, kỹ năng tự chọn (định hướng nghề chuyên sâu); có sự liên thông giữa các khối kiến thức, thuận tiện cho việc tổ chức dạy - học. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo đã khảo sát, nghiên cứu và bảo đảm các điều kiện để tổ chức đào tạo gắn với đặc thù ở từng địa phương mở lớp, tạo điều kiện tốt nhất, phát huy khả năng của người học.

Đánh giá tổng quan, các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp trong bối cảnh phát triển AI và chuyển đổi số có những thuận lợi cơ bản sau:

Thứ nhất, các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp của Học viện Tư pháp đã được xây dựng và thực hiện với sự đa dạng các hình thức tổ chức dạy học. Trong đó 100% các chương trình hiện hành được thực hiện theo hình thức trực tiếp kết hợp với từ xa theo phương thức trực tuyến. Xác định, mục tiêu chất lượng đào tạo của Học viện Tư pháp đúc kết, cô đọng thành triết lý đào tạo là: “*Thực dạy, thực học, thực nghề*.” Sự thành công trong xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo đã khẳng định mô hình và công nghệ đào tạo nghề luật hiện đại, hội nhập, đào tạo toàn diện không chỉ tinh thông kỹ năng nghề vụ mà còn rèn luyện bản lĩnh nghề nghiệp, đạo đức trong sáng cho đội ngũ chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp ở Việt Nam.

Đến nay, Học viện Tư pháp đã tích lũy được kinh nghiệm đáng kể trong việc tổ chức đào tạo trực tuyến và đào tạo kết hợp (blended learning). Việc xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số ngày càng bài bản và chuyên nghiệp, đặc biệt từ giai đoạn đại dịch COVID-19, buộc các cơ sở đào tạo phải tăng cường sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS), tổ chức hội nghị trực tuyến, xây dựng học liệu điện tử và triển khai các hình thức đào tạo kết hợp. Kinh nghiệm này, dù xuất phát từ sự thúc bách của hoàn cảnh, đã tạo ra một cơ sở hạ tầng và một thói quen tổ chức mà có thể tận dụng để phát triển các mô hình đào tạo tư pháp số. Tuy nhiên, cần nhận thức rõ rằng chuyển đổi số trong dạy học đại học không đơn thuần là chuyển một lớp học truyền thống lên môi trường trực tuyến; nó tác động sâu sắc đến mục tiêu, nội dung, phương thức tương tác, học liệu, phương pháp kiểm tra đánh giá và toàn bộ quản trị quá trình dạy học⁹⁴. Nếu chỉ thay một bài giảng trực tiếp bằng một video dài hai giờ, đó mới là số hóa hình thức truyền đạt, chưa phải là chuyển đổi số đào tạo ở cấp độ bản chất.

⁹⁴ Ngô Thị Thu Dung (2021), *Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong dạy học đại học*, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Trường Đại học Hòa Bình, số 01, tháng 9/2021, tr. 58.

Thứ hai, đặt nền móng và mở ra mô hình đào tạo mới - đào tạo kỹ năng nghề trước khi bổ nhiệm để tạo nguồn chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp. Từ kết quả của hoạt động đào tạo các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp đã hình thành tiêu chuẩn, điều kiện luật định và điều kiện này ngày càng được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn trong các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành điều chỉnh về nghề luật, đặc biệt là điều kiện, tiêu chuẩn hành nghề luật. Theo đó, để bổ nhiệm chức danh tư pháp và bổ trợ tư pháp, ngoài tiêu chuẩn tốt nghiệp cử nhân luật trở lên, còn phải có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nghề theo từng chức danh, qua đó hình thành tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn đặc thù cho từng chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp⁹⁵ tạo nguồn bổ nhiệm có chất lượng và làm cơ sở cho việc đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ... cán bộ, công chức, viên chức, các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp.

Thứ ba, tạo được nguồn nhân lực tư pháp, bổ trợ tư pháp chất lượng cao cho các ngành tư pháp, toà án, kiểm sát. Chương trình đã có xu hướng chuyển dịch từ mô hình truyền thụ lý thuyết thuần túy sang đào tạo kỹ năng và thực hành nghề nghiệp. Tiếp cận rộng hơn ở các cơ sở đào tạo nghề luật: tại Học viện Tòa án, các định hướng nghiên cứu và đổi mới đào tạo gần đây nhấn mạnh việc tăng cường mô phỏng xét xử, tổ chức các phiên tòa giả định, phân tích bản án, giải quyết tình huống và đánh giá đầu ra thông qua hoạt động nghề nghiệp cụ thể. Một số nghiên cứu của Học viện đã đề xuất xây dựng khung năng lực Thẩm phán bao gồm năng lực chuyên môn, năng lực công nghệ số, năng lực hội nhập và đạo đức tư pháp, đồng thời sử dụng phiên tòa ảo và mô phỏng trong đào tạo⁹⁶. Tại Trường Đại học Kiểm sát, đào tạo nghiệp vụ đã chú trọng nghiên cứu hồ sơ thực tế, thực hành các hoạt động công tố, kiểm sát tại phiên tòa và các tình huống mô phỏng. Tại Học viện Tư pháp, mô hình đào tạo nghề từ lâu đã coi hồ sơ tình huống, thực hành, diễn án và trải nghiệm nghề nghiệp là những thành tố trọng tâm; Chương trình đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư càng tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các tình huống liên ngành, mô phỏng toàn bộ quy trình xử lý một vụ án từ góc nhìn của các bên khác nhau. Đây là một nền tảng vô cùng quý giá, bởi đào tạo tư pháp số không chỉ đòi hỏi kiến thức công nghệ mà còn cần khả năng tích hợp công nghệ vào các hoạt động thực hành nghề nghiệp.

Thứ tư, môi trường nghề nghiệp bên ngoài các cơ sở đào tạo đang trở thành một môi trường thực hành số sống động. Tòa án đã sử dụng Trợ lý ảo, triển khai xét xử trực tuyến và đăng tải số lượng lớn bản án, quyết định lên các cơ sở dữ liệu công khai phục vụ tra cứu, nghiên cứu⁹⁷. Ngành Kiểm sát trong năm 2026 tiếp tục phát triển Nền tảng quản

⁹⁵ Xem thêm Khoản 4 Điều 94 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024; Khoản 3 Điều 75 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2025; Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Khoản 5 Điều 10 Luật Công chứng năm 2024; Điều 10 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012; Khoản 3 Điều 10 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, sửa đổi bổ sung năm 2024 ...

⁹⁶ Học viện Tòa án (2026), *Đổi mới chương trình đào tạo nghiệp vụ xét xử hướng tới tư pháp số*, <https://tapchitoaan.vn/hoc-vien-toa-an-doi-moi-chuong-trinh-dao-tao-nghiep-vu-xet-xu-huong-toi-tu-phap-so15675.html>, truy cập ngày 10/8/2026.

⁹⁷ TS. Nguyễn Thanh Hải, Ths. Đỗ Hải Nam, *Đổi mới đào tạo Thư ký Tòa án và Thẩm tra viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và cải cách tư pháp*, http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/hvta/27676686/27677461?pers_id=28346379&folder_id=&item_id=33246692&p_details=1, truy cập ngày 10/8/2026.

lý án hình sự, định hướng số hóa toàn bộ hồ sơ nghiệp vụ phát sinh mới, xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nghiên cứu ứng dụng AI, dữ liệu lớn trong phân tích vụ án⁹⁸. Sự phát triển đó tạo ra một “phòng thí nghiệm thực tiễn” rất giá trị: các cơ sở đào tạo có thể đưa vào chương trình giảng dạy những công cụ mà người hành nghề đang thực sự sử dụng hàng ngày, thay vì chỉ giới thiệu công nghệ trên phương diện lý thuyết hay sử dụng các phần mềm mô phỏng không sát với thực tế. Điều này đòi hỏi các cơ sở đào tạo phải có cơ chế kết nối và cập nhật thường xuyên với các cơ quan tư pháp.

Quyết định số 1155/QĐ-TTg đã đặt mục tiêu xây dựng Học viện Tư pháp theo hướng trung tâm lớn, hiện đại, số hóa học liệu, với các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 bao gồm số hóa 70% bài giảng và 100% giáo trình, hồ sơ tình huống của các chương trình đào tạo, bồi dưỡng⁹⁹. Học viện Tư pháp đã luôn luôn chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành Học viện Tư pháp¹⁰⁰, cho thấy vấn đề đã chuyển từ một nhu cầu chung sang một nhu cầu cải cách hoạt động cụ thể của từng cơ sở.

Các thuận lợi nêu trên nếu được tận dụng triệt để có thể cho phép việc đào tạo các chức danh tư pháp tiến thẳng từ giai đoạn “ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo” sang “đào tạo tư pháp số”.

2.2. Khó khăn trong công tác đào tạo các chức danh tư pháp trong bối cảnh phát triển AI và chuyển đổi số

Mặc dù đã có những chuyển biến tích cực, khoảng cách giữa tốc độ thay đổi của công nghệ và tốc độ đổi mới của chương trình đào tạo vẫn còn rất lớn.

Thứ nhất, kỹ năng số chưa thực sự trở thành một cấu phần chuẩn hóa và có thể đo lường của chuẩn đầu ra

Trong nhiều chương trình đào tạo các chức danh tư pháp hiện hành, công nghệ vẫn chủ yếu xuất hiện dưới dạng phương tiện hỗ trợ giảng dạy: học trực tuyến, tra cứu cơ sở dữ liệu, sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đào tạo. Mặc dù nội dung ứng dụng công nghệ thông tin đã được đưa vào chương trình đào tạo, tuy nhiên tuyên bố chuẩn đầu ra về năng lực số chưa được thể hiện rõ, chưa có sự thống nhất, tính đến tính chất đặc thù của chương trình đào tạo trong mục tiêu, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp. Trong khi đó, một người tốt nghiệp chương trình đào tạo nghiệp vụ xét xử, kiểm sát hay luật sư trong bối cảnh hiện nay cần phải có khả năng: (i) kiểm tra độ tin cậy và xác thực của thông tin do AI cung cấp, bao gồm nhận diện các dấu hiệu của “ảo giác” hay thông tin sai lệch; (ii) sử dụng các công cụ số để nghiên cứu hồ sơ, rà soát tài liệu, tìm kiếm án lệ và văn bản pháp luật, trong khi vẫn bảo đảm bảo mật và toàn vẹn dữ liệu; (iii) xử lý và đánh giá chứng cứ điện tử, bao gồm email, dữ liệu thiết bị, hình ảnh, âm thanh và các nội dung số khác; (iv) nhận diện các dấu hiệu của deepfake, tài liệu số bị

⁹⁸ Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Ngành Kiểm sát nhân dân triển khai nhiệm vụ năm 2026 về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*, <https://kiemsat.vn/nganh-kiem-sat-nhan-dan-trien-khai-nhiem-vu-nam-2026-ve-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-73957.html>, truy cập ngày 10/8/2026.

⁹⁹ Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 1155/QĐ-TTg ngày 30/9/2022 về việc phê duyệt Đề án “Tiếp tục xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”*.

¹⁰⁰ Bùi Thị Hà (2025), *Một số vấn đề về chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành của Học viện Tư pháp*, Tạp chí Nghề Luật, số 9/2025.

can thiệp hoặc nội dung do AI tạo ra; (v) sử dụng và phản biện các kết quả phân tích từ hệ thống AI, đánh giá độ tin cậy của các đề xuất; và (vi) giải thích, bình giải cho quyết định của mình trong trường hợp có sự khác biệt với gợi ý của AI. Nếu những năng lực cụ thể này không được đưa vào chuẩn đầu ra một cách rõ ràng, có thể đo lường và kiểm tra, thì không làm thay đổi được bản chất và giá trị cốt lõi của chương trình đào tạo.

Thứ hai, *đào tạo cách sử dụng công cụ nhưng chưa hướng dẫn toàn diện cách kiểm soát công cụ*

Một đặc trưng quan trọng của các mô hình AI tạo sinh hiện nay là khả năng tạo ra những văn bản có hình thức rất thuyết phục, logic bề ngoài chặt chẽ, ngôn ngữ trôi chảy, nhưng nội dung bên trong không chính xác, thậm chí hoàn toàn sai sự thật. Các hiện tượng ảo giác tạo ra khi mô hình AI tạo ra thông tin không có căn cứ với vẻ tự tin cao độ là một rủi ro lớn trong lĩnh vực pháp luật - nơi độ chính xác của từng chi tiết có thể quyết định số phận của một vụ án. Người có nền tảng pháp lý yếu, hoặc không được đào tạo về tư duy phản biện đối với kết quả AI, rất dễ bị sự “trôi chảy” và thuyết phục của câu trả lời đánh lừa. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng bên cạnh những cơ hội phát triển to lớn, AI cũng đặt ra những thách thức xã hội và pháp lý cần được quản trị một cách thận trọng¹⁰¹. Với nghề tư pháp, nguy cơ càng cao hơn bởi một dẫn chiếu sai điều luật, một trích dẫn án lệ không tồn tại, một kết luận sai về chứng cứ hoặc một phân tích thiếu chính xác về tình tiết vụ án có thể ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến kết quả giải quyết vụ việc, gây ra những hậu quả không thể đảo ngược đối với quyền lợi của các bên. Vì vậy, năng lực AI quan trọng nhất của người hành nghề tư pháp không phải là khả năng viết những câu lệnh (prompt) dài hay biết cách sử dụng nhiều công cụ khác nhau, mà là khả năng kiểm chứng kết quả, phát hiện sai sót, nhận diện các tình huống mà AI không đáng tin cậy, và biết cách kết hợp thông tin từ AI với phán đoán và kinh nghiệm của chính mình.

Thứ ba, *hoạt động kiểm tra, đánh giá chưa thích ứng đầy đủ với sự hiện diện của AI*

Nếu một bài tập cá nhân yêu cầu phân tích một vấn đề pháp lý có thể được AI hoàn thành trong vài phút với chất lượng khá, thì bài tập đó không còn đo lường chính xác năng lực và sự tiến bộ của người học như trước đây. Phương pháp đánh giá truyền thống đang đứng trước một thách thức cơ bản: nó được thiết kế cho một thế giới mà các công cụ tra cứu và tổng hợp thông tin còn hạn chế, còn nay người học có thể tiếp cận các trợ lý AI mạnh mẽ ngay trên điện thoại thông minh. Cấm sử dụng AI một cách tuyệt đối không phải là một giải pháp khả thi hay bền vững, vì hai lý do: một là, trong thực tiễn nghề nghiệp tương lai, người học sẽ phải và nên sử dụng AI như một công cụ trợ giúp; hai là, không thể kiểm soát hoàn toàn việc người học sử dụng AI bên ngoài phòng thi. Mặt khác, việc giao toàn bộ khâu chấm thi cho hệ thống AI tự động cũng không phù hợp, bởi Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg đã coi các hệ thống tự động kiểm tra, đánh giá và xếp hạng người học, khi kết quả được sử dụng làm căn cứ chính thức, là hệ thống AI có rủi ro cao¹⁰². Do đó, không thể áp dụng một cách đại trà việc AI tự động chấm thi cho các kỳ tuyển chọn hay đánh giá nghiệp vụ tư pháp nếu chưa đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về kiểm soát và giám sát. Giữa hai thái cực này: cấm đoán và phó mặc, cần có một cách tiếp

¹⁰¹ Lưu Minh Sang, Trần Đức Thành (2020), *Trí tuệ nhân tạo và những thách thức pháp lý*, Diễn đàn Khoa học và Công nghệ, số 8/2020

¹⁰² Phụ lục Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg.

cận thứ ba, một cơ chế đánh giá mới được thiết kế cho kỷ nguyên AI, vừa tận dụng được sức mạnh của công nghệ vừa giữ được tính toàn vẹn và công bằng của đánh giá.

Thứ tư, học liệu số chưa hoàn thiện dữ liệu đào tạo còn phân tán, thiếu kết nối và chuẩn hóa

Mỗi cơ sở đào tạo hiện đang sở hữu một lượng đáng kể giáo trình, tài liệu, hồ sơ tình huống, bản án mẫu, văn bản pháp luật và các tư liệu đào tạo khác. Tuy nhiên, các kho dữ liệu này hoạt động một cách độc lập và chưa được chuẩn hóa theo một khung chung. Chưa hình thành một hạ tầng dữ liệu đào tạo tư pháp có khả năng kết nối có kiểm soát giữa các cơ sở, cho phép chia sẻ tài nguyên, học liệu và các tình huống điển hình một cách hiệu quả. Điều này gây ra ít nhất hai hệ quả bất lợi. Một là, hạn chế khả năng xây dựng các hệ thống AI chuyên ngành dựa trên dữ liệu pháp luật được kiểm chứng và gắn nhãn chất lượng; mỗi cơ sở muốn phát triển một công cụ AI hỗ trợ đào tạo sẽ phải làm lại từ đầu, gây lãng phí nguồn lực. Hai là, cản trở việc tổ chức đào tạo liên ngành dựa trên cùng một bộ dữ liệu thống nhất, điều vốn là thế mạnh của mô hình đào tạo chung nguồn và phối hợp liên cơ sở, nhưng lại khó thực hiện nếu dữ liệu giảng dạy các chương trình đào tạo các chức danh tư pháp không tương thích với nhau.

Thứ năm, năng lực số của đội ngũ giảng viên còn không đồng đều, thiếu một chiến lược đào tạo tổng thể

Đào tạo chức danh tư pháp có một đặc thù rất đáng chú ý: một tỷ lệ lớn giảng viên xuất thân từ thực tiễn hành nghề, những Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư, Công chứng viên và Chấp hành viên... giàu kinh nghiệm. Đây là một tài sản vô giá của hệ thống đào tạo, bởi những giảng viên này mang đến cho người học những kiến thức thực tiễn, những tình huống thật và cách xử lý tinh tế mà không sách vở nào có thể thay thế. Tuy nhiên, kinh nghiệm nghề nghiệp dày dặn không tự động chuyển hóa thành khả năng sử dụng công nghệ mới, hiểu biết về AI và dữ liệu, hay năng lực thiết kế các hoạt động học tập trên môi trường số. Trên thực tế, nhiều giảng viên lớn tuổi hoặc đã hành nghề lâu năm có thể ít tiếp xúc với công nghệ, gặp khó khăn khi sử dụng các công cụ số và chưa nhận thức đầy đủ về cả tiềm năng lẫn rủi ro của AI trong lĩnh vực pháp luật. Nếu chỉ đào tạo về AI cho học viên mà không đào tạo lại giảng viên một cách bài bản, chương trình đào tạo sẽ rơi vào một nghịch lý đáng lo ngại: người học có thể sử dụng công nghệ thành thạo hơn người đánh giá mình, dẫn đến mất cân bằng trong quan hệ giảng dạy và khó khăn trong việc đánh giá công bằng. Hơn nữa, sự không đồng đều về năng lực số giữa các giảng viên sẽ dẫn đến chất lượng đào tạo không thống nhất giữa các lớp, các khóa và các cơ sở, ảnh hưởng đến uy tín chung của hệ thống.

Thứ sáu, các cơ sở đào tạo có nguy cơ chuyển đổi số theo hướng riêng lẻ, thiếu một khung thống nhất và cơ chế phối hợp.

AI và dữ liệu không vận hành theo ranh giới tổ chức truyền thống. Một hồ sơ hình sự số có thể được hình thành tại cơ quan điều tra, chuyển đến Viện kiểm sát để thực hành quyền công tố, sau đó đến Tòa án để xét xử, rồi đến cơ quan thi hành án; trong suốt quá trình đó, Luật sư và các chức danh hỗ trợ tương tác với nhiều cơ quan khác nhau. Nếu mỗi cơ sở đào tạo phát triển một chương trình, một khung năng lực AI, một chuẩn dữ liệu và một phương pháp xác thực hoàn toàn khác nhau, thì các chức danh tư pháp sẽ tiếp cận

công nghệ theo những cách không tương thích, gây khó khăn cho việc trao đổi hồ sơ, chia sẻ thông tin và phối hợp xử lý vụ việc trên môi trường số. Hệ quả là hiệu quả và tính liên thông của toàn bộ nền tư pháp số sẽ bị ảnh hưởng. Nguy cơ này đặc biệt rõ ràng trong bối cảnh các cơ sở đào tạo hiện nay đang ở các mức độ phát triển số khác nhau và thiếu một cơ chế phối hợp chiến lược để đảm bảo tính tương thích. Đào tạo vì vậy cần phải trở thành một trong những nơi hình thành và lan tỏa ngôn ngữ số chung của các nghề tư pháp, nhưng điều này đòi hỏi sự thống nhất ý chí và hành động ở cấp hệ thống, không thể dựa vào nỗ lực đơn lẻ của từng cơ sở.

3. Giải pháp đổi mới đào tạo các chức danh tư pháp trước yêu cầu phát triển của AI và chuyển đổi số

***Thứ nhất,** xây dựng chuẩn đầu ra với năng lực số được đo lường cụ thể và gắn với tuyển dụng, bổ nhiệm*

Để kỹ năng số thực sự trở thành một cấu phần chuẩn hóa của năng lực đầu ra, cần thực hiện một cuộc cải cách bài bản về chuẩn đầu ra. Cụ thể, cần tổ chức một cuộc rà soát toàn diện và có sự tham gia của các bên liên quan (cơ sở đào tạo, cơ quan sử dụng nhân lực, chuyên gia công nghệ, chuyên gia pháp lý) để xác định các năng lực số cụ thể mà người học từng chức danh cần đạt được. Thay vì những mô tả chung chung như “có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin”, chuẩn đầu ra mới cần được diễn đạt dưới dạng các năng lực có thể kiểm tra và đo lường: “có khả năng sử dụng công cụ AI hỗ trợ nghiên cứu hồ sơ và kiểm chứng kết quả bằng nguồn pháp luật chính thức”; “có khả năng nhận diện và xử lý rủi ro dữ liệu cá nhân trong hồ sơ số”; “có khả năng đánh giá tính xác thực và toàn vẹn cơ bản của các loại chứng cứ điện tử khác nhau”; “có khả năng giải thích và phản biện một đề xuất do hệ thống AI tạo ra”; “có khả năng sử dụng nền tảng nghiệp vụ số của ngành theo đúng quy trình, bảo đảm bí mật và an toàn dữ liệu”. Qua đó, xây dựng cơ chế kiểm định và công nhận, trong đó các cơ sở đào tạo phải chứng minh được rằng chương trình của mình bảo đảm người học đạt được các năng lực này, và việc công nhận, bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp sẽ gắn với việc đáp ứng các chuẩn đầu ra đó. Bên cạnh đó, cần thiết lập một lộ trình thực hiện cụ thể, có thể là: hoàn thành rà soát, lấy ý kiến và ban hành chuẩn đầu ra mới trong năm 2027; áp dụng thí điểm tại một số chương trình trong năm 2028; và triển khai đại trà, bắt buộc từ năm 2029. Lộ trình này cần được công bố công khai để các cơ sở đào tạo và người học có thời gian chuẩn bị, tránh sốc và xáo trộn không cần thiết.

***Thứ hai,** đào tạo về kỹ năng kiểm chứng và phản biện.*

Các chương trình đào tạo có thể xây dựng các bài học với một triết lý xuyên suốt: không phải “dạy AI” mà là “dạy con người làm chủ AI trong môi trường pháp lý”. Vì vậy, nội dung cần tập trung vào khả năng kiểm chứng, phản biện, đánh giá và kiểm soát, chứ không chỉ dừng ở kỹ năng sử dụng công cụ. Cụ thể, nội dung này nên bao gồm chín mảng nội dung liên kết chặt chẽ với nhau:

(i) Nền tảng về AI: cung cấp cho người học một hiểu biết cơ bản nhưng đủ sâu về nguyên lý hoạt động của AI và đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn, ở mức độ phù hợp với người sử dụng chuyên nghiệp, tập trung vào khả năng, giới hạn, điểm yếu và các tình

huống dễ xảy ra sai sót của từng loại công nghệ, thay vì đi sâu vào lập trình hay toán học phức tạp.

(ii) Pháp luật về AI và các lĩnh vực liên quan tại Việt Nam: đi sâu phân tích Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, Nghị định số 142/2026/NĐ-CP, cơ chế phân loại hệ thống AI theo rủi ro, các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng AI, và đặc biệt là các quy định về hệ thống AI có rủi ro cao mà các cơ sở đào tạo và người hành nghề tư pháp cần đặc biệt lưu ý; coi Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 là những kiến thức nghề nghiệp quan trọng, không phải chỉ là kiến thức bổ trợ. Nội dung cần đi sâu vào các nguyên tắc xử lý dữ liệu, quyền của chủ thể dữ liệu, nghĩa vụ của chủ thể kiểm soát và xử lý dữ liệu, và các chế tài vi phạm.

(iii) Kỹ năng nghiên cứu pháp luật có hỗ trợ của AI: thực hành sử dụng AI để tìm kiếm, tổng hợp và so sánh văn bản pháp luật, án lệ và tài liệu tham khảo, nhưng với yêu cầu bắt buộc là phải truy ngược lại nguồn chính thức để kiểm tra, xác minh và trích dẫn. Đây là kỹ năng cốt lõi để tránh bị đánh lừa bởi các thông tin sai lệch do AI tạo ra.

(iv) Chứng cứ điện tử: trang bị kiến thức và kỹ năng về các loại chứng cứ điện tử thường gặp (email, dữ liệu thiết bị, log hệ thống, dữ liệu camera, chữ ký số, dữ liệu mạng xã hội, metadata, nội dung do AI tạo ra, deepfake), cách thức thu thập, bảo quản, xác thực và đánh giá giá trị chứng minh của từng loại, cũng như các vấn đề pháp lý liên quan.

(v) An toàn và bảo mật trong môi trường số: phân biệt rõ những loại dữ liệu nào có thể và không thể đưa vào các hệ thống AI công cộng; cách xử lý tài khoản, mật khẩu; nhận diện và phòng tránh các cuộc tấn công lừa đảo và mã độc; các nguyên tắc bảo vệ bí mật nghề nghiệp trong môi trường số; và quy trình xử lý sự cố an toàn thông tin.

(vi) Đạo đức và trách nhiệm trong sử dụng AI: xác định ranh giới giữa quyết định có thể được AI hỗ trợ và quyết định phải thuộc hoàn toàn về con người; trách nhiệm giải trình khi sử dụng AI; nhận diện và ứng phó với thiên lệch thuật toán, đặc biệt là các thiên lệch có thể ảnh hưởng đến công bằng tư pháp và quyền con người.

(vii) Thực hành nghề nghiệp với AI: tổ chức các buổi thực hành theo từng chức danh, trong đó người học phải xử lý các tình huống nghề nghiệp cụ thể với sự hỗ trợ của các công cụ AI, sau đó trình bày, giải thích và bảo vệ quyết định của mình trước giảng viên và các học viên khác.

(viii) Cập nhật thường niên: do lĩnh vực AI thay đổi với tốc độ chóng mặt, nhanh hơn nhiều so với chu kỳ sửa đổi chương trình đào tạo truyền thống (thường là 3-5 năm), cần thiết lập một cơ chế cập nhật hằng năm cho nội dung này, với sự tham gia của các chuyên gia công nghệ, các nhà nghiên cứu pháp luật và các cơ quan quản lý.

Thứ ba, cải cách toàn diện phương thức kiểm tra, đánh giá

Để giải quyết bài toán đánh giá trong kỷ nguyên AI, có thể thiết kế một cơ chế đánh giá ba tầng, mỗi tầng có mục đích, phương pháp và công cụ riêng, đáp ứng các yêu cầu khác nhau mà không rơi vào cực đoan cấm đoán hay phó mặc.

Tầng thứ nhất, đánh giá không sử dụng AI: áp dụng cho các kỳ kiểm tra nhằm đánh giá những năng lực nền tảng cần được cá nhân hóa và không thể ủy thác cho máy, bao gồm: khả năng xác định và phân tích vấn đề pháp lý; nhận diện và vận dụng các nguồn

luật căn bản; lập luận pháp lý bằng lời và bằng văn bản trong điều kiện thời gian hạn chế; và các tình huống đạo đức nghề nghiệp cần phán đoán tinh tế. Các kỳ thi này cần được tổ chức trong điều kiện kiểm soát chặt chẽ, tương tự như các kỳ thi truyền thống nhưng với thời lượng và hình thức phù hợp.

Tầng thứ hai, đánh giá cho phép sử dụng AI có kiểm soát: áp dụng cho các bài tập lớn, đồ án hoặc kỳ thi mở, trong đó người học được phép sử dụng các công cụ AI nhưng phải nộp kèm một “nhật ký sử dụng AI”. Nhật ký này phải ghi lại một cách chi tiết và trung thực: người học đã hỏi AI những câu hỏi cụ thể nào; AI đã trả lời ra sao (trích dẫn nguyên văn các phản hồi quan trọng); phần nào trong phản hồi của AI được người học chấp nhận và đưa vào bài làm; phần nào bị người học bác bỏ hoặc điều chỉnh và lý do bác bỏ; và các nguồn kiểm chứng đã được sử dụng để xác minh thông tin từ AI. Điểm số không chỉ dành cho chất lượng của sản phẩm cuối cùng mà còn dành cho chất lượng của quá trình kiểm chứng, phản biện và tư duy phê phán đối với kết quả AI. Đây là cách vừa khuyến khích sử dụng AI một cách có trách nhiệm, vừa rèn luyện kỹ năng quan trọng nhất của người hành nghề tư pháp trong kỷ nguyên số: kỹ năng kiểm soát và đánh giá thông tin từ máy.

Tầng thứ ba, đánh giá thực hành nghề nghiệp trong môi trường mô phỏng số: áp dụng cho các kỳ thi cuối khóa hoặc đánh giá năng lực trước khi bổ nhiệm, yêu cầu người học xử lý các hồ sơ số phức tạp, phỏng vấn giả định, tranh tụng trên nền tảng trực tuyến, nghị án, ra quyết định, và xử lý các tình huống đạo đức trong môi trường số dưới áp lực thời gian và sự giám sát, đánh giá một số kỹ năng sử dụng AI như: kiểm tra chứng cứ số; nhận diện và ứng phó với lỗi AI; xử lý dữ liệu cá nhân và bảo mật; tranh luận pháp lý tại phiên tòa ảo; viết quyết định và giải trình. Tầng đánh giá này mô phỏng sát nhất môi trường nghề nghiệp thực tế, và vì vậy có giá trị dự báo cao nhất về năng lực hành nghề của người học.

Thứ tư, xây dựng kho dữ liệu đào tạo tư pháp dùng chung với phân tầng truy cập và cơ chế chia sẻ có kiểm soát.

Để khắc phục tình trạng phân tán dữ liệu đào tạo giữa các cơ sở đào tạo các chức danh tư pháp, cần thiết xây dựng một hạ tầng dữ liệu đào tạo tư pháp dùng chung, với sự tham gia của cả ba cơ sở đào tạo chính và các đối tác liên quan. Kho dữ liệu này cần được thiết kế với sự phân tầng rõ ràng để bảo đảm an toàn và phù hợp với quy định pháp luật về dữ liệu:

- Dữ liệu công khai: bao gồm văn bản quy phạm pháp luật, án lệ, các bản án đã được công bố công khai và xử lý dữ liệu cá nhân, các tài liệu hướng dẫn về AI và tư pháp số.

- Dữ liệu đào tạo nội bộ: bao gồm các giáo trình, hồ sơ tình huống, bộ câu hỏi, bài tập mẫu và tài liệu giảng dạy do các cơ sở đào tạo xây dựng và chia sẻ. Dữ liệu này chỉ dành cho các cơ sở đào tạo các chức danh tư pháp và giảng viên đã tham gia vào mạng lưới chia sẻ, với các thỏa thuận về bản quyền và sử dụng.

Thứ năm, tăng cường đào tạo năng lực số cho giảng viên

Để bảo đảm năng lực số của giảng viên không trở thành điểm nghẽn cho toàn bộ quá trình đổi mới, cần triển khai một chiến lược đào tạo giảng viên có hệ thống, được thiết kế thành ba cấp độ:

- *Cấp độ một - Năng lực số cơ bản*: dành cho toàn bộ giảng viên, tập trung vào các kỹ năng số thiết yếu: sử dụng thành thạo các nền tảng đào tạo trực tuyến, các công cụ văn phòng số, và hệ thống quản lý học tập; hiểu biết cơ bản về AI và dữ liệu; nhận thức về an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu; và khả năng sử dụng các công cụ số để tổ chức các hoạt động giảng dạy và tương tác với người học. Cấp độ này có thể được thực hiện thông qua các khóa học trực tuyến ngắn và các buổi tập huấn tập trung.

- *Cấp độ hai - AI cho giảng dạy pháp luật*: dành cho giảng viên trực tiếp giảng dạy các môn liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp và những người sẽ tham gia vào việc thiết kế các nội dung đào tạo số. Nội dung bao gồm: xây dựng và sử dụng các tình huống số; thiết kế bài tập và bài kiểm tra tận dụng AI; sử dụng AI để tạo ra các nội dung giảng dạy nhưng kiểm soát chất lượng; bảo vệ dữ liệu người học và bảo mật thông tin trong quá trình giảng dạy; và hướng dẫn người học sử dụng AI có trách nhiệm. Cấp độ này nên được tổ chức dưới hình thức các khóa học chuyên sâu kéo dài từ vài tuần đến vài tháng, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

- *Cấp độ ba - Chuyên gia số*: dành cho một đội ngũ giảng viên nòng cốt, có vai trò tiên phong trong việc xây dựng chương trình, phát triển công cụ đào tạo, nghiên cứu chính sách và đào tạo lại các giảng viên khác. Nội dung ở cấp độ này bao gồm: hiểu sâu về các mô hình AI và ứng dụng của chúng trong pháp luật và tư pháp; khả năng đánh giá và so sánh các công cụ AI; kỹ năng thiết kế và vận hành các môi trường mô phỏng số; tham gia nghiên cứu các vấn đề pháp lý và đạo đức của AI trong tư pháp; và khả năng đào tạo, hỗ trợ đồng nghiệp. Đội ngũ này có thể được đào tạo thông qua các chương trình hợp tác với các đối tác quốc tế, các viện nghiên cứu và các trường đại học hàng đầu.

Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo cần mở rộng mạng lưới giảng viên thỉnh giảng từ các lĩnh vực LegalTech, an ninh mạng, khoa học dữ liệu và công nghệ thông tin. Tuy nhiên, một nguyên tắc quan trọng là các chuyên gia công nghệ phải giảng dạy phối hợp chặt chẽ với các chuyên gia pháp lý, để tránh biến một khóa học về “AI cho nghề luật” thành một buổi giới thiệu sản phẩm công nghệ hoặc một bài giảng kỹ thuật không liên quan đến thực tiễn pháp lý.

Thứ sáu, thiết lập khung năng lực tư pháp số thống nhất

Để việc đào tạo năng lực số có thể đi vào thực tế, cần xây dựng và ban hành một Khung năng lực tư pháp số dùng chung ở cấp quốc gia. Khung năng lực có thể quy định thành các cấp độ khác nhau, ví dụ:

Cấp độ 1 - Hiểu biết số và AI cơ bản: nhận thức được các khái niệm cơ bản về AI, dữ liệu và chuyển đổi số; hiểu được tầm quan trọng của công nghệ đối với nghề nghiệp; có thể sử dụng các công cụ số thông thường trong công việc; nhận biết được các rủi ro bảo mật và đạo đức cơ bản.

Cấp độ 2 - Sử dụng AI và dữ liệu trong nghiệp vụ: có thể sử dụng các công cụ AI chuyên ngành để hỗ trợ nghiên cứu pháp lý, phân tích hồ sơ và xử lý dữ liệu; có kỹ năng kiểm tra và xác minh kết quả từ AI; hiểu và tuân thủ các quy định pháp luật về dữ liệu và AI; có thể hướng dẫn, giải thích cho đồng nghiệp hoặc khách hàng về cách sử dụng an toàn các công cụ này.

Cấp độ 3 - Đánh giá, kiểm soát và giải thích hệ thống AI: có khả năng đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các hệ thống AI trong bối cảnh tư pháp; có thể phát hiện và phân tích các thiên lệch, sai số và rủi ro; có thể giải thích, biện minh và bảo vệ quyết định của mình trước các bên liên quan, bao gồm cả khi sử dụng AI; có thể tham gia vào việc giám sát, đánh giá và cải tiến các hệ thống AI trong cơ quan của mình.

Cấp độ 4 - Năng lực quản trị, thiết kế chính sách và quản lý rủi ro AI: có khả năng lãnh đạo, hoạch định chiến lược về ứng dụng AI và dữ liệu trong tư pháp; có thể tham gia xây dựng các chính sách, quy chế và quy trình về AI; có khả năng đánh giá tác động của AI đối với quyền con người và công bằng tư pháp; có thể đào tạo, hướng dẫn và hỗ trợ các cấp độ thấp hơn.

Tùy theo yêu cầu của từng chức danh và vị trí mà áp dụng cấp độ tương ứng. Ví dụ, một học viên nguồn Thẩm phán có thể cần đạt Cấp độ 2 hoặc 3 trước khi được bổ nhiệm; một Thẩm phán đương nhiệm có thể cần duy trì Cấp độ 2 và hướng tới Cấp độ 3 thông qua đào tạo liên tục; một người quản lý chuyên đổi số tại Tòa án nhân dân tối cao cần Cấp độ 4....

Thứ bảy, thường xuyên cập nhật nội dung đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của AI và chuyển đổi số gắn với thực tiễn

Trong lĩnh vực AI và công nghệ số, kiến thức học được vào năm 2026 có thể trở nên lạc hậu ngay do tốc độ phát triển của công nghệ và sự thay đổi liên tục của khung pháp lý. Vì vậy, mô hình “*học một khóa đào tạo ban đầu - được bổ nhiệm - sử dụng kiến thức đó trong suốt sự nghiệp*” là không còn phù hợp. Thay vào đó, cần xây dựng một cơ chế đào tạo, bồi dưỡng liên tục về tư pháp số cho tất cả các chức danh tư pháp ở mọi giai đoạn của sự nghiệp. Các nội dung đào tạo, bồi dưỡng liên tục nên ngắn gọn, tập trung và cập nhật, có thể bao gồm: cập nhật các luật mới về AI và dữ liệu; các rủi ro và xu hướng mới từ các mô hình AI (ví dụ: deepfake ngày càng tinh vi, các phương thức tấn công mới vào hệ thống số); các kỹ thuật bảo vệ dữ liệu và an ninh mạng mới nhất; các ứng dụng mới của AI trong nghiên cứu pháp luật và thực hành nghề ố tụng; và các vụ việc thực tế điển hình về sai sót hoặc vấn đề pháp lý liên quan đến AI. Đào tạo liên tục không chỉ có chức năng cập nhật kiến thức, mà còn tạo ra một cơ chế phản hồi ngược vô cùng quý giá. Những vấn đề, rủi ro, sai sót, và bài học kinh nghiệm liên quan đến AI phát sinh tại Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, các văn phòng luật sư và các cơ sở hành nghề luật sẽ được đưa trở lại các cơ sở đào tạo thông qua các khóa học bồi dưỡng thường xuyên, giúp chương trình đào tạo ban đầu luôn được cập nhật, sát với thực tiễn và giảm khoảng cách giữa nhà trường và xã hội. Đây là một vòng tròn tích cực: thực tiễn nuôi dưỡng đào tạo, đào tạo nâng cao chất lượng thực tiễn.

Kết luận:

AI và chuyển đổi số đang tạo ra một bước ngoặt có tính lịch sử đối với hoạt động tư pháp và đào tạo chức danh tư pháp ở Việt Nam. Điều quan trọng là phải nhận thức rõ rằng bước ngoặt này không xuất phát đơn thuần từ sự xuất hiện của một công nghệ mới, mà từ sự thay đổi căn bản về cấu trúc của lao động pháp lý. Khung pháp lý của năm 2026 đã làm cho yêu cầu đổi mới trở nên cấp thiết và có tính ràng buộc hơn bao giờ hết. Khoảng cách giữa một nền tư pháp đang chuyển đổi số và một hệ thống đào tạo truyền thống, nếu

không được nhận diện và xử lý kịp thời, sẽ trở thành một trong những điểm nghẽn nghiêm trọng nhất của toàn bộ quá trình hiện đại hóa tư pháp.

Đổi mới cần một sự thay đổi toàn diện và có hệ thống, đặt trọng tâm của toàn bộ cuộc cải cách này là sự chuyển đổi triết lý đào tạo: từ việc đào tạo “người biết luật và có kỹ năng nghề nghiệp” sang đào tạo “người hành nghề tư pháp có năng lực số, năng lực thực hành nghề luật, giữ vững và phát huy năng lực phán đoán độc lập, đạo đức, trách nhiệm của người hành nghề luật”. Nói cách khác, mục tiêu không phải là tạo ra những người sử dụng AI thành thạo, mà là tạo ra những người hành nghề tư pháp xuất sắc, những người biết tận dụng AI như một công cụ đặc lực để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc, nhưng không để công cụ đó chi phối, hạn chế hay làm suy yếu phán đoán và trách nhiệm của chính mình./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2024), *Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15*.
2. Quốc hội (2025), *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15*.
3. Quốc hội (2025), *Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15*.
4. Văn phòng Quốc hội, *Văn bản hợp nhất số 82/VBHN-VPQH ngày 26/3/2026 hợp nhất Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*.
5. Chính phủ (2026), *Nghị định số 142/2026/NĐ-CP ngày 30/4/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo*.
6. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 1155/QĐ-TTg ngày 30/9/2022 về việc phê duyệt Đề án “Tiếp tục xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp”*.
7. Thủ tướng Chính phủ (2026), *Quyết định số 33/2026/QĐ-TTg ngày 30/6/2026 ban hành Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao, có hiệu lực từ ngày 15/8/2026*.
8. Thủ tướng Chính phủ (2026), *Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 13/8/2026 ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu*.
9. Thủ tướng Chính phủ (2026), *Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 22/4/2026 về đẩy mạnh bồi dưỡng và đánh giá kiến thức, kỹ năng số đối với cán bộ, công chức, viên chức*.
10. Thủ tướng Chính phủ (2026), *Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 11/8/2026 phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, định hướng đến năm 2035*.
9. Học viện Tòa án, *Kế hoạch số 363/KH-HVTA về việc mở Khóa 13.1 đào tạo nghiệp vụ xét xử và các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử án hình sự, dân sự, hành chính năm 2026*.
10. Đồng Thị Kim Thoa, Lê Thị Thúy Nga (2018), *Đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên và Luật sư ở một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Nghề luật số chuyên đề “Học viện Tư pháp - 20 năm xây dựng và phát triển”.

11. Học viện Tòa án (2026), *Đổi mới chương trình đào tạo nghiệp vụ xét xử hướng tới tư pháp số*, <https://tapchitoaan.vn/hoc-vien-toa-an-doi-moi-chuong-trinh-dao-tao-nghiep-vu-xet-xu-huong-toi-tu-phap-so15675.html>, truy cập ngày 10/8/2026.
12. Ngô Thị Thu Dung (2021), *Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong dạy học đại học*, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Trường Đại học Hòa Bình, số 01, tháng 9/2021, tr. 58.
13. TS. Nguyễn Thanh Hải, Ths. Đỗ Hải Nam, *Đổi mới đào tạo Thư ký Tòa án và Thẩm tra viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và cải cách tư pháp*, http://hvta.toaan.gov.vn/portal/page/portal/hvta/27676686/27677461?pers_id=28346379&folder_id=&item_id=332466692&p_details=1, truy cập ngày 10/8/2026.
14. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Ngành Kiểm sát nhân dân triển khai nhiệm vụ năm 2026 về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*, <https://kiemsat.vn/nganh-kiem-sat-nhan-dan-trien-khai-nhiem-vu-nam-2026-ve-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-73957.html>, truy cập ngày 10/8/2026.
15. Bùi Thị Hà (2025), *Một số vấn đề về chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành của Học viện Tư pháp*, Tạp chí Nghề Luật, số 9/2025.
16. Lưu Minh Sang, Trần Đức Thành (2020), *Trí tuệ nhân tạo và những thách thức pháp lý*, Diễn đàn Khoa học và Công nghệ, số 8/2020.
17. TS. Hoàng Xuân Châu (2025), *AI và giáo dục nghề luật: Định vị lại kỹ năng lập luận pháp lý trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo*, Tr 65-85, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “*Lập luận pháp lý trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo*”, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Nguyễn Minh Hằng (2025), *Phát triển các chương trình đào tạo của Học viện Tư pháp đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong kỷ nguyên mới*, Tạp chí Nghề luật số 8.2025.

THAM LUẬN 5

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN: KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

TS. Lê Thị Thuý Nga

Trưởng Khoa Đào tạo chung nguồn Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư

TS. Nguyễn Thị Minh Huệ

Phó Trưởng Khoa Đào tạo Luật sư, Học viện Tư pháp

Tóm tắt: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và thực hiện chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức tổ chức, quản trị và tiến hành hoạt động xét xử của tòa án, đồng thời đặt ra những yêu cầu mới về bảo đảm công lý và trách nhiệm nghề nghiệp. Bằng phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh, bài viết nghiên cứu kinh nghiệm của Singapore, Hàn Quốc, Anh, Trung Quốc và Hoa Kỳ, làm rõ các cách thức triển khai, lợi ích và rủi ro trong quá trình ứng dụng công nghệ vào hoạt động tư pháp. Qua đó, bài viết xác định những giá trị tham khảo cho Việt Nam về cải cách quy trình nghiệp vụ, xây dựng dữ liệu tư pháp, hoàn thiện khuôn khổ quản trị AI, phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm quyền tiếp cận công lý. Bài viết nhấn mạnh việc ứng dụng AI phải gắn với cơ chế kiểm chứng, bảo vệ dữ liệu và trách nhiệm giải trình; công nghệ hỗ trợ nhưng không thay thế sự độc lập, suy xét nhân văn và trách nhiệm quyết định của thẩm phán.

Từ khóa: Đạo đức nghề luật; trí tuệ nhân tạo; chuyển đổi số; trách nhiệm giải trình; suy xét nhân văn.

Đặt vấn đề:

Sự phát triển của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là AI tạo sinh, đang mở ra những khả năng mới trong tổ chức và thực hiện hoạt động xét xử của tòa án. Từ quản lý hồ sơ điện tử, tiếp nhận tài liệu tố tụng, tổ chức phiên tòa trực tuyến đến tra cứu pháp luật, tìm kiếm án lệ, tóm tắt hồ sơ và hỗ trợ soạn thảo văn bản, công nghệ từng bước tác động tới phương thức vận hành của hệ thống tòa án và cách thức người dân tiếp cận công lý. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số cần được nhìn nhận như một quá trình đổi mới đồng bộ về thể chế, quy trình nghiệp vụ, dữ liệu và năng lực của đội ngũ cán bộ tư pháp, thay vì chỉ dừng ở việc chuyển hồ sơ giấy sang hình thức điện tử.

Tuy nhiên, hoạt động xét xử có tính đặc thù bởi gắn trực tiếp với việc bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Việc ứng dụng AI trong lĩnh vực này vì thế đặt ra những vấn đề vượt ra ngoài yêu cầu về tốc độ xử lý hay tiết kiệm chi phí. Thông tin sai lệch, trích dẫn pháp lý không có thật, nguy cơ lộ lọt dữ liệu và sự lệ thuộc vào kết quả do công nghệ cung cấp có thể ảnh hưởng đến chất lượng xét xử, tính độc lập của thẩm phán và niềm tin của xã hội đối với tòa án. Đồng thời, việc chuyển các thủ tục tố tụng lên môi trường số có thể tạo thêm rào cản cho những người hạn chế về

điều kiện tiếp cận hoặc kỹ năng sử dụng công nghệ. Bởi vậy, hiệu quả của chuyển đổi số tư pháp cần được xem xét trong mối quan hệ với yêu cầu xét xử công bằng, trách nhiệm giải trình và khả năng tiếp cận công lý của người dân.

Singapore, Hàn Quốc, Anh, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã lựa chọn những mô hình và lộ trình khác nhau để ứng dụng AI, phát triển các nền tảng tố tụng điện tử và đổi mới phương thức quản trị tòa án. Thực tiễn của các quốc gia này cung cấp kinh nghiệm cả về khai thác lợi ích công nghệ và nhận diện những giới hạn, rủi ro trong quá trình triển khai. Việc nghiên cứu các kinh nghiệm đó có ý nghĩa đối với Việt Nam, giúp làm rõ những điều kiện cần thiết để phát triển tòa án trên nền tảng số, đồng thời lựa chọn cách tiếp cận phù hợp với đặc điểm thể chế, nguồn lực và yêu cầu bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng.

Trên cơ sở phân tích, so sánh kinh nghiệm của năm quốc gia nêu trên, bài viết tập trung làm rõ hai vấn đề: những cách thức ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử; những giá trị tham khảo và định hướng có thể vận dụng tại Việt Nam. Xuyên suốt các nội dung này là yêu cầu kết hợp đổi mới công nghệ với cải cách quy trình, quản trị rủi ro và phát triển năng lực con người, trong đó thẩm phán giữ vai trò quyết định và chịu trách nhiệm đối với phán quyết, còn quyền tiếp cận công lý của người dân là mục tiêu định hướng cho quá trình chuyển đổi.

1. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử của tòa án tại một số quốc gia trên thế giới

1.1. Ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử của tòa án tại Singapore

Năm 2026 đánh dấu một cột mốc lịch sử đối với cộng đồng pháp lý Singapore – kỷ niệm hai trăm năm ngày ban hành Hiến chương Tư pháp thứ hai năm 1826¹⁰³. Sự kiện lịch sử này đồng thời ghi nhận dấu mốc phát triển của hệ thống pháp luật hiện đại và sự phát triển vượt trội của hệ thống tòa án Singapore khi ứng dụng hiệu quả các thành tựu của cách mạng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (“AI”) để hoàn chỉnh và nâng cấp toàn bộ hệ thống. Nghiên cứu quá trình chuyển đổi số và ứng dụng AI của Singapore trong thời gian vừa qua có thể nhận thấy Singapore đã chọn một cách tiếp cận thận trọng và có kỷ luật đối với chuyển đổi số. Sự thận trọng này được phản ánh rõ nét qua triết lý phân biệt giữa “số hóa” và “tái cấu trúc quy trình”. Số hóa chỉ đơn thuần là chuyển đổi các quy trình thủ công bằng giấy sang định dạng điện tử, trong khi tái cấu trúc quy trình đòi hỏi việc xem xét lại căn bản mục đích của quy trình đó để tránh việc tự động hóa các hoạt động kém hiệu quả sẵn có.

¹⁰³Lam, L. (2026, January 12). *Singapore judiciary to celebrate 200 years of rule of law with year-long public exhibition*. Channel NewsAsia. <https://www.channelnewsasia.com/singapore/singapore-judiciary-bicentennial-celebrations-200-years-rule-law-5852126>

Hệ thống tư pháp Singapore áp dụng khung lý thuyết ba thành phần của Giáo sư Richard Susskind¹⁰⁴ để định hình các dự án cải cách công nghệ, bao gồm: *Tự động hóa*: Thay thế các bước thủ công đối với những tác vụ mang tính chất lặp đi lặp lại nhưng cần thiết; *Sáng tạo*: Áp dụng các phương pháp mới, sáng tạo để giải quyết các nhiệm vụ vốn phức tạp nhưng có vai trò cốt lõi; *Loại bỏ*: Triệt tiêu hoàn toàn những quy trình trung gian không còn phục vụ mục đích thực tế nào nhằm tinh giản tối đa hệ thống. Việc chuyển đổi số và ứng dụng AI trong hệ thống tòa án của Singapore được thể hiện rõ nét qua những thành tựu sau:

Thứ nhất, ứng dụng công cụ tóm tắt vụ án và dịch thuật của Harvey.AI tại Tòa án Tiểu hình

Tòa án Tiểu hình (“SCT”) của Singapore, nơi xử lý khoảng 10.000 vụ án mỗi năm mà không có sự tham gia của luật sư, được chọn làm thực địa thử nghiệm lý tưởng cho GenAI “**GenAI**”. Sự tích hợp này được thực hiện thông qua thỏa thuận hợp tác chiến lược giữa Tòa án Singapore và công ty công nghệ Harvey.AI của Mỹ¹⁰⁵. Quá trình triển khai được chia làm nhiều giai đoạn cụ thể nhằm đảm bảo tính an toàn và bảo mật dữ liệu:

Mốc thời gian	Giai đoạn phát triển	Nội dung triển khai kỹ thuật
Tháng 8 năm 2023	Ký kết hợp tác ban đầu	Ký kết Bản ghi nhớ thời hạn hai năm giữa Tòa án Singapore và Harvey.AI nhằm khám phá năng lực của GenAI trong các vụ án SCT.
Tháng 12 năm 2024	Thử nghiệm dịch thuật bước một	Ra mắt dịch vụ dịch thuật tài liệu tòa án sang các ngôn ngữ chính thức (Trung, Malay, Tamil) thông qua hệ thống mã QR
Tháng 3 năm 2025	Mở rộng năng lực dịch thuật	Mở rộng khả năng dịch thuật toàn bộ hồ sơ do các bên đệ trình để hỗ trợ người dùng đọc bằng ngôn ngữ ưu tiên.
Ngày 8 tháng 9 năm	Gia hạn hợp tác	Ký kết gia hạn và mở rộng thỏa

¹⁰⁴Richard Susskind, *Online Courts and the Future of Justice* (Oxford University Press, 2019); Richard Susskind, *How to Think About AI* (Oxford University Press, 2024). See also: AAAi Podcast Ep. 12, “Richard Susskind on Legal Futures” (6 June 2025); <https://www.adr.org/news-and-insights/aaai-podcast-blog-episode-12/>; Xu, A. (2026, April 11). *Speech at the National Conference on Judicial Process Re-engineering and Digital Transformation*. Singapore Judiciary. <https://www.judiciary.gov.sg/news-and-resources/news/news-details/justice-aidan-xu-speech-at-the-national-conference-on-judicial-process-re-engineering-and-digital-transformation>

¹⁰⁵Singapore Courts. (2025, September 10). *Media release: New generative AI-powered case summarisation tool to help Small Claims Tribunals users*. <https://www.judiciary.gov.sg/news-and-resources/news/news-details/media-release--new-generative-ai-powered-case-summarisation-tool-to-help-small-claims-tribunals-users>

2025	chiến lược	thuận hợp tác mới với Harvey.AI.
Ngày 10 tháng 9 năm 2025	Triển khai Giai đoạn 1 (Nội bộ)	Chính thức triển khai công cụ tóm tắt vụ án dựa trên GenAI cho các Thẩm phán
Từ tháng 11 năm 2025	Triển khai Giai đoạn 2 (Cộng đồng)	Mở rộng quyền truy cập công cụ cho người dân tự đại diện (“SRPs”) tại SCT.

Công cụ này giải quyết trực tiếp bài toán quá tải thông tin khi các bên tranh chấp ngày càng nộp nhiều bằng chứng điện tử dạng tin nhắn WhatsApp hoặc email. Hệ thống tự động phân tích hồ sơ, cung cấp các bản tóm tắt thực tế rõ ràng về lập trường, bằng chứng và lý thuyết vụ án của cả hai bên. Điều này giúp các Thẩm phán hành chính nắm bắt vụ việc nhanh hơn để tập trung vào các khía cạnh pháp lý phức tạp, đồng thời hỗ trợ các bên SRPs tự xây dựng lập luận của mình một cách mạch lạc mà không cần tới sự trợ giúp của luật sư tư nhân. Công cụ được thiết kế để duy trì tính bảo mật tuyệt đối và không đưa ra bất kỳ lời khuyên pháp lý cụ thể nào cho người dùng.

Thứ hai, ứng dụng công cụ ước tính tham khảo về phân chia tài sản khi ly hôn (*Divorce Assets Informative Division Estimator – “Divorce AIDE”*)¹⁰⁶

Đối với các vụ việc gia đình, Tòa án Gia đình Singapore đã đưa vào vận hành công cụ trực tuyến mang tên Divorce AIDE từ tháng 9 năm 2022. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập các thông tin về tài sản chung của vợ chồng, sau đó thuật toán sẽ tính toán và đưa ra một phạm vi phân chia tài sản hợp lý dựa trên dữ liệu án lệ lịch sử.

Mục tiêu cốt lõi của Divorce AIDE là giảm thiểu tính đối kháng và căng thẳng trong các vụ án ly hôn, giúp các bên có một cái nhìn thực tế về kết quả phân chia tài sản để chủ động hòa giải. Tòa án cũng đang nghiên cứu tích hợp Divorce AIDE với cơ sở dữ liệu quốc gia MyInfo để tự động trích xuất thông tin tài chính từ Quỹ Phòng xa Trung ương và Cục Phát triển Nhà ở, mang lại trải nghiệm liền mạch cho người dân. Bên cạnh đó, Tòa án Gia đình cũng đã giới thiệu dịch vụ e-filing hỗ trợ thủ tục ly hôn đơn giản hóa từ năm 2022 và Chatbot iLAB của Cục Trợ giúp Pháp lý để hướng dẫn cho những người dân tự mình tiến hành các thủ tục pháp lý.

Thứ ba, vận hành hệ thống tố tụng điện tử tích hợp trong tố tụng dân sự (*Integrated Electronic Litigation System – “eLitigation”*)¹⁰⁷

Singapore cũng tiến hành một cuộc cải cách sâu rộng đối với hệ thống hạ tầng dịch vụ số phục vụ hoạt động tố tụng dân sự. Đây được đánh giá là đột tái cấu trúc tư pháp dân sự lớn nhất trong vòng hơn một thập kỷ qua tại đảo quốc này. Hệ thống eLitigation tận

¹⁰⁶ Ministry of Law. (2026). *Divorce Aide – LAB’s matrimonial asset division estimator*. Legal Aid Bureau. <https://lab.mlaw.gov.sg/resources/divorce-aide-lab-matrimonial-asset-division-estimator>

¹⁰⁷ Singapore Judiciary. (n.d.). *About eLitigation*. eLitigation. <https://www.elitigation.sg/layouts/IELS/HomePage/Pages/AboutElit.aspx>

dụng các hệ thống quản lý nội dung và công nghệ biểu mẫu điện tử để cung cấp cho các hãng luật và người sử dụng Tòa án một điểm truy cập thống nhất, phục vụ việc khởi tạo và quản lý xuyên suốt hồ sơ vụ án trong toàn bộ quá trình tố tụng. Hệ thống cũng cung cấp nhiều chức năng và dịch vụ hỗ trợ nhằm đơn giản hóa quy trình tố tụng dân sự, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường khả năng tiếp cận công lý.

Việc nộp tài liệu tố tụng thông qua eLitigation tại State Courts và Supreme Court được triển khai theo từng giai đoạn, bắt đầu từ ngày 02 tháng 01 năm 2013. Để nộp hồ sơ đối với các vụ việc thuộc Tòa án Tối cao người sử dụng có thể truy cập www.elitigation.sg và đăng nhập bằng SingPass hoặc CorpPass.

Người sử dụng không cần sử dụng thẻ thông minh hoặc đầu đọc thẻ; việc truy cập được thực hiện thông qua SingPass hoặc CorpPass, bảo đảm tính bảo mật và cho phép tùy chỉnh quyền truy cập vào hệ thống eLitigation. Hồ sơ có thể được hoàn thiện và nộp trực tuyến hoặc lưu lại để nộp vào thời điểm sau. Thông tin của các bên và số vụ việc chỉ cần nhập một lần đối với cùng một vụ việc. Sử dụng biểu mẫu điện tử động thay thế các biểu mẫu PDF đối với nhiều loại tài liệu tố tụng. Hệ thống này cho phép người dùng truy cập đầy đủ tất cả các tài liệu trong hồ sơ vụ án trong suốt thời gian vụ án còn đang được giải quyết đồng thời hỗ trợ quản lý hồ sơ vụ án một cách chủ động thông qua thư điện, tin nhắn SMS và các thông báo nhắc việc. Một điểm ưu việt của hệ thống này là việc có thể linh hoạt lựa chọn ngày xét xử thông qua Mô-đun Quản lý Lịch và Phiên tòa.

Một trong những thách thức lớn nhất trong quá trình chuyển đổi số của Tòa án Singapore hiện nay là sự phân mảnh của hệ thống quản lý vụ án, khi bốn hệ thống quản lý độc lập đang được vận hành song song, dẫn đến tình trạng trùng lặp dữ liệu, thiếu tính liên thông và gia tăng chi phí vận hành. Để khắc phục hạn chế này, Tòa án Singapore đang phát triển Hệ thống Quản lý Vụ án Tương lai (Future Case Management System – “fCMS”), một nền tảng quản lý vụ án thống nhất nhằm hợp nhất các hệ thống hiện hành. fCMS được xây dựng trên ba trụ cột chính gồm: (i) hệ thống quản lý vụ án cốt lõi dùng chung cho toàn bộ các tòa án; (ii) công cụ thiết kế và quản lý biểu mẫu điện tử linh hoạt; và (iii) hệ thống phân tích dữ liệu nâng cao phục vụ quản trị, phân bổ nguồn lực và dự báo. Đồng thời, fCMS được định hướng trở thành nền tảng số tích hợp, áp dụng các nguyên tắc thiết kế hiện đại, hỗ trợ khả năng tiếp cận, tích hợp AI, tạo nền tảng cho các phiên tòa không sử dụng giấy tờ và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động tư pháp.

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ luật sư và SRPs, từ cuối tháng 3 năm 2026, Tòa án Singapore đã chuyển giao toàn bộ hoạt động vận hành kỹ thuật của Tổng đài hỗ trợ eLitigation và Văn phòng dịch vụ sang cho đối tác công nghệ chuyên nghiệp

Toppa Ecquaria. Sự chuyển giao này mang lại thời gian phục vụ dài hơn tại các quầy trực tiếp của Tòa án Tối cao và Tòa án Bang¹⁰⁸.

Tuy nhiên, cho dù chú trọng đẩy mạnh việc áp dụng các tiêu chuẩn số hóa cao, Tòa án Singapore vẫn duy trì một lập trường nhân văn đối với “khoảng cách số”. Các nghiên cứu tư pháp chỉ ra rằng việc số hóa quá nhanh có nguy cơ cô lập những nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội như người cao tuổi, người có thu nhập thấp hoặc những cá nhân không có khả năng tiếp cận thiết bị công nghệ hiện đại. Do đó, thông qua Văn phòng Chương trình Tiếp cận Công lý, tòa án tiếp tục duy trì các quầy dịch vụ trực tiếp, bàn trợ giúp vật lý và nhân viên hỗ trợ thao tác trực tiếp tại các tòa nhà tòa án để đảm bảo không một người dân nào bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số.

Thứ tư, ban hành Hướng dẫn sử dụng các công cụ GenAI dành cho người sử dụng Tòa án (*Guide on the Use of GenAI Tools by Court Users*)¹⁰⁹ và Hướng dẫn sử dụng GenAI trong lĩnh vực pháp lý (*Guide for Using GenAI in the Legal Sector*)¹¹⁰

Nhằm bảo đảm việc ứng dụng GenAI trong hoạt động tố tụng không làm ảnh hưởng đến tính chính xác và sự liêm chính của quá trình xét xử, Tòa án Singapore đã ban hành Hướng dẫn sử dụng các công cụ GenAI dành cho người sử dụng Tòa án. Thay vì cấm sử dụng AI, Hướng dẫn thừa nhận đây là một công cụ hỗ trợ hữu ích trong nghiên cứu pháp lý, chuẩn bị hồ sơ và soạn thảo văn bản tố tụng. Tuy nhiên, Tòa án nhấn mạnh rằng trách nhiệm đối với mọi tài liệu, lập luận và thông tin trình lên Tòa vẫn thuộc về người sử dụng. Do đó, các nội dung do AI tạo ra phải được rà soát và kiểm chứng cẩn trọng, đặc biệt là các trích dẫn án lệ, quy định pháp luật và nguồn tài liệu tham khảo nhằm tránh tình trạng AI tạo ra thông tin không có thật. Bên cạnh đó, Hướng dẫn cũng yêu cầu người sử dụng thận trọng trong việc bảo vệ thông tin bí mật và dữ liệu cá nhân khi sử dụng các nền tảng AI. Cách tiếp cận này cho thấy Tòa án Singapore lựa chọn mô hình quản trị dựa trên trách nhiệm của người sử dụng, vừa khai thác những lợi ích mà AI mang lại, vừa bảo đảm tính chính xác, minh bạch và uy tín của hoạt động tư pháp.

Hướng dẫn sử dụng GenAI trong lĩnh vực pháp lý do Bộ Tư pháp Singapore ban hành nhằm định hướng việc ứng dụng AI tạo sinh trong hoạt động pháp lý một cách an toàn, có trách nhiệm và phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp. Thay vì hạn chế hoặc cấm sử dụng AI, Hướng dẫn này khuyến khích khai thác các lợi ích của công nghệ trong việc nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ pháp lý và khả năng tiếp cận công lý, đồng thời

¹⁰⁸ Singapore Judiciary. (2025, April 30). *Enhancements to eLitigation Helpdesk and Service Bureau*. <https://www.judiciary.gov.sg/news-and-resources/news/news-details/enhancements-to-elitigation-helpdesk-and-service-bureau>

¹⁰⁹ Singapore Judiciary. (2024). *Guide on the use of generative artificial intelligence tools by court users*. <https://www.judiciary.gov.sg/docs/default-source/news-and-resources-docs/guide-on-the-use-of-generative-ai-tools-by-court-users.pdf>

¹¹⁰ Ministry of Law. (2026, March 6). *Guide for using generative AI in the legal sector*. [https://www.mlaw.gov.sg/files/Guide for using Generative AI in the Legal Sector Published on 6 Mar 2026 .pdf](https://www.mlaw.gov.sg/files/Guide%20for%20using%20Generative%20AI%20in%20the%20Legal%20Sector%20Published%20on%206%20Mar%202026.pdf)

nhấn mạnh rằng AI chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ, không thay thế trách nhiệm nghề nghiệp của con người. Theo đó, người hành nghề pháp lý vẫn phải chịu trách nhiệm cuối cùng đối với mọi ý kiến tư vấn, tài liệu và quyết định chuyên môn; có nghĩa vụ kiểm chứng độc lập kết quả do AI tạo ra nhằm phòng ngừa hiện tượng ảo giác, bảo đảm tính chính xác của thông tin, tuân thủ nghĩa vụ bảo mật, bảo vệ dữ liệu khách hàng và duy trì các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Hướng dẫn cũng đề cập đến yêu cầu thiết lập cơ chế quản trị nội bộ, đánh giá rủi ro và đào tạo kỹ năng sử dụng AI cho các tổ chức hành nghề luật, qua đó xây dựng một khuôn khổ quản trị AI cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp.

Dưới đây là bảng so sánh chi tiết giữa hai Hướng dẫn nêu trên:

Tiêu chí phân tích	Hướng dẫn dành cho Người dùng Tòa án (Thông tư số 9/2024)	Hướng dẫn Sử dụng GenAI trong Ngành Pháp lý (MinLaw 2026)
Cơ quan ban hành	Thư ký Tòa án Bang	Bộ Pháp luật Singapore
Ngày hiệu lực	Ngày 1 tháng 10 năm 2024	Ngày 6 tháng 3 năm 2026
Đối tượng áp dụng	Tất cả người dùng tòa án (Luật sư, SRPs, Nhân chứng)	Luật sư tư nhân, Cố vấn pháp lý nội bộ, Sinh viên luật
Tính chất pháp lý	Bắt buộc tuân thủ trong phạm vi tố tụng của Tòa	Tài liệu tham khảo không ràng buộc về mặt pháp lý
Quy định về công bố	Không bắt buộc khai báo trước việc sử dụng AI	Khuyến khích thông báo cho khách hàng nếu dùng nhiều
Trọng tâm bảo mật	Tuân thủ các quy định bảo mật thông tin tố tụng	Phân loại dữ liệu, xây dựng quy trình ứng phó sự cố rò rỉ
Hành vi bị cấm	Sử dụng AI để tạo mới, ngụy tạo hoặc bóp méo chứng cứ	Đưa thông tin khách hàng nhạy cảm vào LLMs công cộng
Chế tài xử lý	Phạt chi phí cá nhân, bác bỏ chứng cứ, kỷ luật luật sư	Ảnh hưởng uy tín nghề nghiệp, xử lý theo Luật Luật sư

Việt Nam Singapore đồng thời ban hành Hướng dẫn sử dụng các công cụ GenAI dành cho người sử dụng Tòa án và Hướng dẫn sử dụng GenAI trong lĩnh vực pháp lý nêu trên không chỉ nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trước mắt từ AI tạo sinh mà còn góp phần định hình một khuôn khổ quản trị AI chuyên biệt cho lĩnh vực tư pháp và pháp lý. Thông qua hai văn bản này, các nguyên tắc quản trị AI được cụ thể hóa thành những yêu cầu và chuẩn mực áp dụng đối với từng nhóm chủ thể, từ người tham gia tố tụng, luật sư, cố vấn pháp lý đến các tổ chức hành nghề luật. Điều này cho thấy Singapore đã chuyển từ việc ban hành các nguyên tắc AI mang tính định hướng chung sang xây dựng những quy tắc có khả năng áp dụng trực tiếp trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

Nghiên cứu hai Hướng dẫn có thể thấy hai hướng dẫn này đều đặt con người vào vị trí trung tâm của quá trình sử dụng AI. Mặc dù AI được khuyến khích khai thác như một công cụ hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu, soạn thảo và xử lý công việc pháp lý, nhưng công nghệ không làm thay đổi nguyên tắc về trách nhiệm nghề nghiệp. Luật sư, người tham gia tố tụng và các chủ thể hành nghề pháp lý vẫn phải chịu trách nhiệm cuối cùng đối với mọi ý kiến tư vấn, tài liệu hoặc hồ sơ được sử dụng hay nộp cho Tòa án. Việc kiểm tra, xác minh và đánh giá kết quả do AI tạo ra vì vậy vẫn là nghĩa vụ không thể thay thế của con người. Đồng thời, hai Hướng dẫn cũng thể hiện cách tiếp cận chủ động trong việc kiểm soát các rủi ro đặc thù của AI tạo sinh, nhất là hiện tượng “ảo giác” (hallucination). Các chủ thể sử dụng AI được yêu cầu kiểm chứng độc lập toàn bộ thông tin, trích dẫn, án lệ và căn cứ pháp lý trước khi sử dụng trong hoạt động tố tụng hoặc tư vấn pháp lý. Yêu cầu này không chỉ góp phần hạn chế nguy cơ sử dụng các thông tin sai lệch mà còn bảo đảm tính chính xác, khách quan và sự liêm chính của hoạt động tư pháp.

Từ đó có thể thấy rằng, thay vì lựa chọn cách tiếp cận mang tính hạn chế hoặc cấm đoán, Singapore hướng tới việc tạo lập sự cân bằng giữa đổi mới công nghệ và yêu cầu bảo đảm công lý. AI được nhìn nhận như một phương tiện hỗ trợ nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ pháp lý, song việc ứng dụng công nghệ luôn phải đi kèm với các yêu cầu về bảo mật thông tin, bảo vệ dữ liệu, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm giải trình. Cách tiếp cận này vừa tạo điều kiện thúc đẩy đổi mới sáng tạo, vừa góp phần duy trì niềm tin của xã hội đối với hệ thống tư pháp. Ở góc độ dài hạn, việc ban hành các hướng dẫn ngay từ giai đoạn đầu của quá trình ứng dụng AI có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành văn hóa sử dụng AI có trách nhiệm trong toàn ngành tư pháp. Những hướng dẫn này không chỉ tạo sự thống nhất trong nhận thức và thực tiễn áp dụng giữa các cơ quan tư pháp, tổ chức hành nghề luật và người sử dụng dịch vụ pháp lý mà còn đặt nền móng cho quá trình chuyển đổi số bền vững, trong đó công nghệ được phát triển song hành với các giá trị cốt lõi của hệ thống pháp luật và hoạt động tư pháp.

1.2. Ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử của tòa án tại Hàn Quốc

Sự chuyển dịch mang tính lịch sử của hệ thống tư pháp Hàn Quốc từ phương thức truyền thống dựa trên giấy tờ sang một mô hình kỹ thuật số tiên tiến và lấy người dân làm trung tâm là một tiến trình dài hạn mang tính chiến lược. Tiến trình này không chỉ phản ánh xu hướng phát triển công nghệ nội tại mà còn là kết quả của sự hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ Hàn Quốc và các tổ chức quốc tế nhằm chia sẻ và xuất khẩu tri thức phát triển. Một câu phần quan trọng của nỗ lực này được thể hiện rõ nét qua dự án hợp tác giữa Ngân hàng thế giới và Quỹ đối tác Hàn Quốc mang tên “Tiếp cận công lý và công nghệ: sử dụng công nghệ thông tin để thu hẹp khoảng cách tư pháp”. Báo cáo nghiên cứu chi tiết của dự án này¹¹¹, đã chỉ ra cách thức cơ quan tài phán Hàn Quốc vượt qua các rào cản

¹¹¹World Bank. (2025). *Digital justice in Korea: Case studies*. World Bank. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099012125231020407/pdf/P174073-f697916a-316a-443d-af4d-04fe67f7ec32.pdf>

văn hóa, thúc đẩy sự phối hợp liên ngành và xây dựng niềm tin của công chúng vào hệ thống tòa án số.

Quá trình số hóa hệ thống tòa án của Hàn Quốc: Từ đầu những năm 2000, Tòa án Hàn Quốc đã đặt nền móng cho quá trình chuyển đổi số bằng cách tự động hóa các dịch vụ đăng ký công. Điển hình là việc lắp đặt các máy cấp chứng thư tự động trên toàn quốc và ra mắt dịch vụ Văn phòng Đăng ký Internet vào năm 2007, cho phép người dân dễ dàng tiếp cận thông tin đăng ký bất động sản trực tuyến. Đến năm 2008, một bước ngoặt về bảo vệ quyền riêng tư được thực hiện khi hệ thống đăng ký hộ tịch mới chính thức vận hành, thay thế hệ thống hộ tịch cũ bằng cách phân loại thông tin thành 5 loại chứng thư chuyên biệt nhằm hạn chế tối đa việc rò rỉ dữ liệu cá nhân. Hệ thống này sau đó đã được chuyển đổi sang nền tảng điện tử hoàn chỉnh vào năm 2013, cho phép người dân tải và in ấn chứng thư hộ tịch ngay tại nhà.

Nền tảng cốt lõi của công cuộc hiện đại hóa xét xử tại Hàn Quốc là Hệ thống nộp hồ sơ vụ án điện tử (“ECFS”) vận hành qua trang thông tin trực tuyến¹¹². Lộ trình mở rộng ECFS được cơ quan tư pháp triển khai theo từng phân khúc xét xử để đảm bảo tính ổn định và khả năng thích ứng của các bên tham gia tố tụng. Bắt đầu từ việc thí điểm áp dụng cho các vụ án sở hữu trí tuệ tại Tòa án Sáng chế vào năm 2010, hệ thống dần được mở rộng sang án dân sự vào năm 2011, án hành chính và gia đình vào năm 2013, các biện pháp khẩn cấp tạm thời vào năm 2013, phục hồi doanh nghiệp và phá sản vào năm 2014, và cuối cùng là thi hành án dân sự vào năm 2015. Toàn bộ mạng lưới tư pháp này được liên kết thông suốt thông qua các trung tâm dữ liệu hiện đại đặt tại hai thành phố Bundang và Daejeon, dưới sự quản trị chuyên nghiệp của Cục Công nghệ thông tin Tư pháp trực thuộc Tòa án Tối cao.

Quá trình chuyển đổi số trong hệ thống tòa án của Hàn Quốc có thể hệ thống như sau:

Lĩnh vực tố tụng điện tử	Mốc thời gian khởi đầu	Tỷ lệ áp dụng năm 2016	Tỷ lệ áp dụng năm 2021	Tỷ lệ áp dụng năm 2025/2026
Án Sở hữu Trí tuệ (IP)	Tháng 4 năm 2010	95%	Trên 95%	Gần 100% (từ năm 2024 trở đi)
Án Dân sự	Tháng 5 năm 2011	66%	97,3% (ở cấp sơ thẩm)	90,87% (trên tổng thể các cấp)
Án Gia đình & Hành chính	Tháng 1 năm 2013	Số hóa ổn định	Áp dụng toàn diện	Số hóa toàn diện
Án Hình sự điện tử	Tháng 1 năm 2025	Chưa áp dụng	Thí điểm quy mô nhỏ (2019)	Dự kiến đạt trên 90% án mới

¹¹² Supreme Court of Korea. (n.d.). *e-Court System: Electronic Case Filing System (ECFS)*. <https://ecfse.scourt.go.kr/pspo/index-en.on?m=PSPLE10M01>

Sự ra đời của Hệ thống tổ tụng điện tử thế hệ mới¹¹³ vào tháng 1 năm 2025 đã chính thức đưa tổ tụng hình sự - mảnh ghép phức tạp nhất do các rào cản về mặt hiến pháp và bảo mật - vào môi trường số hóa toàn diện. Trước thời điểm này, án hình sự vẫn phải xử lý thủ công bằng lượng hồ sơ giấy khổng lồ gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện, gây ra tình trạng trì hoãn kéo dài do việc sao chép hồ sơ giữa các cơ quan. Với hệ thống mới, toàn bộ quy trình xét xử, quản chế, thủ tục tóm tắt và phê chuẩn lệnh bắt giữ được thực hiện trên môi trường trực tuyến. Sự đồng bộ này được củng cố bởi việc kết nối thông suốt với Hệ thống Thông tin Tư pháp Hình sự Thế hệ mới (“KICS”) do Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát và Cơ quan Cảnh sát Quốc gia cùng vận hành từ ngày 19 tháng 9 năm 2024. Dù thời hạn pháp lý bắt buộc áp dụng cho mọi tòa án là tháng 9 năm 2026, cơ quan quản lý đã vận hành một giai đoạn ổn định hóa tại các đơn vị trọng điểm như Tòa án Quận Đông Seoul và Tòa án Gia đình Seoul nhằm tối ưu hóa hệ thống.

Ứng dụng Hệ thống AI hỗ trợ xét xử: Sự hoàn thiện của hạ tầng dữ liệu số hóa là tiền đề cốt lõi giúp hệ thống tòa án Hàn Quốc tự tin bước vào kỷ nguyên AI. Đầu năm 2026, Văn phòng Quản lý Tòa án Quốc gia (“NCA”) đã tạo nên bước đột phá lớn khi đưa vào vận hành thử nghiệm “Hệ thống AI hỗ trợ xét xử”¹¹⁴ trên quy mô toàn quốc nhằm giải quyết tình trạng tồn đọng án và gia tăng hiệu suất chuyên môn cho các thẩm phán. Đây là một phần của dự án công nghệ kéo dài 45 tháng, được thiết kế tinh vi nhằm đáp ứng 128 yêu cầu nghiệp vụ khắt khe chia thành 12 phân khu chức năng khác nhau dành riêng cho thẩm phán và nhân viên tòa án. Đối tác công nghệ được lựa chọn để phát triển hệ thống này là tập đoàn viễn thông lớn của Hàn Quốc.

Điểm độc đáo của hệ thống AI hỗ trợ xét xử nằm ở chiến lược bảo mật thông tin hiệu quả. Trái ngược với xu hướng phụ thuộc vào các dịch vụ đám mây công cộng hay các mô hình ngôn ngữ ngoại nhập dễ rò rỉ dữ liệu nhạy cảm, NCA đã thiết lập một nền tảng AI nội bộ chạy hoàn toàn trên hạ tầng máy chủ độc lập của tòa án thay vì sử dụng trực tiếp các mô hình ngôn ngữ lớn trên nền tảng đám mây công cộng. Hệ thống được thiết kế để khai thác các nguồn dữ liệu pháp lý chính thống như bản án, án lệ, văn bản quy phạm pháp luật và tài liệu nghiệp vụ nhằm hỗ trợ tìm kiếm pháp lý, tóm tắt hồ sơ, xác định vấn đề tranh chấp và hỗ trợ soạn thảo văn bản tư pháp, đồng thời bảo đảm rằng dữ liệu nhạy cảm không phải truyền ra các nền tảng AI bên ngoài.

Để nâng cao độ chính xác và hạn chế hiện tượng ảo giác của mô hình ngôn ngữ lớn, hệ thống AI hỗ trợ xét xử của NCA áp dụng Kỹ thuật tạo sinh tăng cường bằng truy xuất. Thay vì để AI tự tạo câu trả lời chỉ dựa trên mô hình ngôn ngữ, hệ thống trước hết truy xuất các nguồn dữ liệu pháp lý trong cơ sở dữ liệu nội bộ của ngành tòa án, bao gồm án lệ của Tòa án Tối cao, bản án của các tòa án trong khoảng 13 năm gần đây, văn bản pháp luật, Quy tắc Tòa án Tối cao, các tài liệu giải thích pháp luật và sổ tay nghiệp vụ. Câu trả lời do AI tạo ra luôn kèm theo các nguồn tham chiếu để người sử dụng có thể đối

¹¹³ Supreme Court of Korea. (n.d.). *e-Trials*. <https://eng.scourt.go.kr/eng/judiciary/eCourt/eTrials.jsp>

¹¹⁴ Kim, S.-T. (2026, February 13). *South Korea's judiciary launches AI-powered trial support system*. Seoul Economic Daily. <https://en.sedaily.com/society/2026/02/13/south-koreas-judiciary-launches-ai-powered-trial-support>

chiếu với văn bản gốc, qua đó nâng cao khả năng kiểm chứng và giảm thiểu nguy cơ phát sinh thông tin sai lệch¹¹⁵.

Việc ứng dụng AI trong khối dịch vụ công tại Hàn Quốc không chỉ giới hạn ở tòa án mà đang tạo ra một hệ sinh thái tư pháp số đồng bộ. Lực lượng cảnh sát đã triển khai Hệ thống soạn thảo tờ trình tự động dựa trên AI sử dụng công nghệ nhận dạng giọng nói tại 239 đồn cảnh sát và các Trung tâm Hoa Hướng Dương hỗ trợ nạn nhân bạo lực tình dục. Phía Viện Kiểm sát Tối cao cũng đang phát triển mô hình Điều tra viên AI nhằm nhanh chóng phát hiện các hành vi và phương thức phạm tội tương tự trong các vụ án phức tạp. Xu hướng áp dụng công nghệ tự động hóa này phản ánh định hướng nhất quán của chính phủ trong việc tối ưu hóa hiệu suất hành chính quốc gia.

AI đã chứng minh giá trị nhân văn to lớn khi trực tiếp hỗ trợ các nhóm yếu thế trong xã hội tiếp cận công lý dễ dàng hơn. Một minh chứng tiêu biểu diễn ra vào ngày 25 tháng 6 năm 2026, khi Tòa án Hành chính Seoul ban hành phán quyết viết bằng ngôn ngữ đơn giản đầu tiên trong lịch sử tư pháp nước này. Thẩm phán đã sử dụng một mô hình ngôn ngữ lớn để biên dịch phán quyết hành chính phức tạp dài hơn 20 trang thành một văn bản giản lược chỉ 4 trang, sử dụng các câu ngắn, tóm tắt trực quan và hình ảnh minh họa sinh động giúp một nguyên đơn bị khuyết tật trí tuệ tự mình thấu hiểu toàn bộ phán quyết thắng kiện. Bản án lịch sử này được xây dựng dựa trên hướng dẫn mới của Tòa án Tối cao về hỗ trợ tư pháp cho các nhóm dễ bị tổn thương, mở ra mô hình Tòa án xã hội kiểu Hàn Quốc đầy nhân văn.

Tuy nhiên, sự bùng nổ của AI tạo sinh đại chúng cũng mang lại những hệ lụy khôn lường cho công tác tranh tụng thực tế. Trong năm 2026, hệ thống tòa án Hàn Quốc phải đối mặt với làn sóng tiền lệ ma - các án lệ hoặc văn bản pháp luật hoàn toàn do AI tự bịa đặt nhưng lại được các luật sư đưa vào tài liệu tranh tụng nộp lên tòa. Để đối phó với cuộc khủng hoảng niềm tin này, Tòa án Hàn Quốc đã triển khai một cơ chế phòng ngự đa tầng mang tính hệ thống. Về khía cạnh kỹ thuật, vào tháng 2 năm 2026, cơ quan tư pháp đã tích hợp một chức năng xác thực số hiệu vụ án trực tiếp trên Cổng công bố thông tin tư pháp để người dân và luật sư tự kiểm tra tính hiện hữu của các phán quyết. Tòa án cũng phân phối một cuốn Cẩm nang hướng dẫn sử dụng AI¹¹⁶ kèm các câu lệnh chuyên dụng để hỗ trợ thẩm phán chủ động truy quét các tài liệu giả mạo. Song song đó, về mặt lập pháp và thủ tục tố tụng, cơ quan quản lý tòa án đang thúc đẩy việc sửa đổi quy tắc tố tụng nhằm yêu cầu các bên bắt buộc phải công khai việc sử dụng AI khi soạn thảo văn bản, đồng thời xem xét áp đặt các khoản phạt hành chính nặng nề đối với hành vi nộp chứng cứ pháp lý giả.

Quan trọng hơn hết, giới chức tư pháp Hàn Quốc luôn nhất quán trong việc vạch ra các “ranh giới đỏ” cho công nghệ: các khuyến nghị của Ủy ban Cố vấn Chính sách Tư

¹¹⁵ Kim, J. (2026, February 18). *South Korean courts expand AI adoption with trial support and legal research tools*. ChosunBiz. <https://biz.chosun.com/en/ensociety/2026/02/18/XJJSEBUTYZDQHNU555EEDW4DTI/>

¹¹⁶ Kim, S.-T. (2026, February 24). *Korean courts publish AI guidebook for judges*. Seoul Economic Daily. <https://en.sedaily.com/society/2026/02/24/korean-courts-publish-ai-guidebook-for-judges>

pháp vào tháng 8 năm 2024 và Hướng dẫn của Hiệp hội Thẩm phán Hàn Quốc về AI đều nhấn mạnh nguyên tắc tối cao là AI chỉ được đóng vai trò hỗ trợ, phán quyết cuối cùng và việc đánh giá độ tin cậy của chứng cứ bắt buộc phải do con người thực hiện để đảm bảo tính nhân văn và độc lập của tư pháp.

Sự phát triển lành mạnh của AI trong hệ thống tòa án Hàn Quốc được định hình vững chắc bởi một hành lang pháp lý mang tính dẫn dắt toàn cầu. Ngày 22 tháng 1 năm 2026, Đạo luật Cơ bản về AI¹¹⁷ chính thức có hiệu lực đầy đủ tại Hàn Quốc, đưa quốc gia này trở thành một trong những nước đầu tiên ban hành khung pháp lý toàn diện điều chỉnh AI tạo sinh và kiểm soát các nội dung giả mạo kỹ thuật số thông qua quy định bắt buộc đóng dấu kỹ thuật số. Với sự thành công vượt bậc của mô hình số hóa và khung pháp lý tiên tiến, Hàn Quốc đã chuyển mình mạnh mẽ từ một quốc gia nhận viện trợ phát triển trở thành một nước xuất khẩu tri thức công nghệ tư pháp hàng đầu. Thông qua Quỹ KWPF của Bộ Kinh tế và Tài chính Hàn Quốc, quốc gia này đã hỗ trợ Ngân hàng Thế giới phát triển Công cụ Đánh giá các Cải cách ứng dụng công nghệ thông tin trong Tư pháp Gia đình để hỗ trợ các nước thu nhập thấp và trung bình xây dựng hệ thống tòa án thân thiện với người dân. Đồng thời, trong khuôn khổ Chương trình Chia sẻ Tri thức giai đoạn 2025-2026, một phái đoàn tư pháp từ Uzbekistan đã đến thăm và làm việc trực tiếp với Tòa án Hiến pháp, Bộ Pháp chế và các doanh nghiệp công nghệ pháp lý tại Seoul nhằm nghiên cứu và chuyển giao kinh nghiệm chuyển đổi số, xây dựng hệ thống dữ liệu luật pháp thông minh và các mô hình AI phục vụ quản trị tư pháp quốc gia. Những nỗ lực này hoàn toàn đồng điệu với các nguyên tắc định hướng về trách nhiệm bảo vệ quyền con người của Liên Hợp Quốc được phân tích trong tài liệu AI có trách nhiệm trong lĩnh vực tư pháp¹¹⁸, khẳng định vị thế dẫn dắt của Hàn Quốc trong công cuộc xây dựng một hệ thống tư pháp toàn cầu đáng tin cậy, công bằng và hiệu quả trong thời đại số.

1.3. Ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử của tòa án tại Anh

Về Chương trình cải cách kỹ thuật số HMCTS (2016-2025): Chương trình Cải cách của Cơ quan Quản lý Tòa án và Cơ quan Tài phán Hoàng gia Anh (“**HMCTS**”), khởi động từ năm 2016 và chính thức khép lại giai đoạn triển khai trọng điểm vào tháng 3 năm 2025, đại diện cho một trong những nỗ lực hiện đại hóa tư pháp quy mô nhất trên thế giới. Để cung cấp nguồn vốn cho chương trình cải cách trị giá hàng tỷ bảng này, chính phủ Anh đã thực hiện đóng cửa hơn một nửa số lượng tòa án trên khắp nước Anh và xứ Wales trong giai đoạn 2010–2019. Dù việc hiện đại hóa dịch vụ công được Hiệp hội Luật pháp Anh hoan nghênh nhưng cơ quan này cũng liên tục bày tỏ quan ngại sâu sắc về việc cắt giảm quá mức các phiên tòa trực tiếp, sự xuống cấp của hạ tầng vật chất còn lại và yêu

¹¹⁷ Korea AI Basic Act. (n.d.). *Framework Act on the Development of Artificial Intelligence and the Establishment of a Foundation for Trustworthiness*. <https://aibasicact.kr/>

¹¹⁸ United Nations Development Programme. (2026, May). *Responsible AI in justice: Regional policy guidance*. https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2026_05/responsible_ai_in_justice.pdf

cầu mọi công nghệ thay thế phiên xử vật lý phải dựa trên bằng chứng thực tế rõ ràng. Nhằm chuyển đổi phương thức xét xử truyền thống, từ năm 2024, HMCTS bắt đầu triển khai rộng rãi Dịch vụ điều trần qua video¹¹⁹, bắt đầu tại Trung tâm tư pháp dân sự và gia đình Birmingham.

Báo cáo đánh giá chuyên đề về số hóa của Bộ Tư pháp Anh công bố ngày 26 tháng 3 năm 2026¹²⁰ ghi nhận sự chuyển đổi căn bản cách thức tiếp cận công lý từ hệ thống giấy tờ sang các nền tảng trực tuyến tích hợp. Tính đến khi kết thúc chương trình, HMCTS đã phát triển và vận hành thành công 14 dịch vụ kỹ thuật số chuyên biệt trên tất cả các phân vùng tài phán. Hiệu quả hoạt động và mức độ tiếp nhận công nghệ của các dịch vụ này được thể hiện chi tiết qua bảng thống kê dưới đây:

Lĩnh vực	Nền tảng cốt lõi	Thống kê vận hành tích lũy	Chỉ số hài lòng của người dùng
Hình sự	Common Platform ¹²¹ & Single Justice Procedure ¹²²	Quản lý hơn 2,3 triệu vụ án hình sự thông qua Common Platform tính đến tháng 12 năm 2024. Tiếp nhận hơn 267.000 lời khai trực tuyến cho các tội danh ít nghiêm trọng từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 1 năm 2025.	Đạt mức hài lòng trên 75% đối với thủ tục Single Justice.
Dân sự	Online Civil Money Claims (OCMC) ¹²³	Giải quyết các tranh chấp tài chính và khiếu nại dân sự trực tuyến, tạo điều kiện hòa giải ngoài tòa án.	Đạt mức hài lòng 92%.
Gia đình	Online Divorce ¹²⁴ & Online Probate ¹²⁵	Xử lý thủ tục ly hôn trực tuyến. Thời gian xử lý hồ sơ thừa kế trực tuyến nhanh gấp 4 lần so với nộp bản giấy.	Đạt mức hài lòng 80% đối với ly hôn và hơn 93% đối với thừa kế trực tuyến.
Tòa án	Social Security	Hỗ trợ người dân phúc thẩm	Đạt mức hài lòng

¹¹⁹ Judiciary of England and Wales. (2023, January 19). *CVH introductory email for court users* (Version 2). <https://www.judiciary.uk/wp-content/uploads/2023/01/C-VH-introductory-email-for-court-users-V2-190123.pdf>

¹²⁰ Ministry of Justice. (2026, March 26). *HMCTS reform evaluation thematic report: Digitalisation*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/publications/hmcts-reform-evaluation-thematic-report-digitalisation>

¹²¹ HM Courts & Tribunals Service. (2021, November 23). *HMCTS Common Platform: View or manage a case*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/guidance/hmcts-common-platform-view-or-manage-a-case>

¹²² HM Courts & Tribunals Service. (n.d.). *Single justice procedure notices*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/single-justice-procedure-notices>

¹²³ HM Courts & Tribunals Service. (2018). *Fact sheet: Online Civil Money Claims*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/publications/hmcts-reform-civil-fact-sheets/fact-sheet-online-civil-money-claims>

¹²⁴ HM Courts & Tribunals Service. (n.d.). *Get a divorce*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/get-a-divorce>

¹²⁵ HM Courts & Tribunals Service. (n.d.). *When someone dies*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/when-someone-dies>

Hành chính	& Child Support (SSCS) Appeals ¹²⁶	các quyết định hành chính về phúc lợi xã hội và trợ cấp trẻ em.	85%.
Dịch vụ Hỗ trợ	Courts & Tribunals Service Centres (CTSCs) ¹²⁷	Vận hành 5 trung tâm dịch vụ hiện đại; trả lời hơn 2,8 triệu cuộc gọi hỗ trợ riêng trong năm 2024.	Đạt mức hài lòng 96% vào năm 2025 đối với dịch vụ Hỗ trợ kỹ thuật số.

Sự chuyển dịch quy mô lớn này cũng mang lại những lợi ích xã hội và môi trường đáng kể. Việc triển khai hạ tầng xét xử từ xa tại hơn 70% phòng xử án (bao gồm 90% phòng xử án của Tòa án Hoàng gia) đã giúp giảm thiểu đáng kể chi phí và nhu cầu di chuyển của các bên đương sự. Phân tích dữ liệu vận hành cho thấy quá trình loại bỏ hồ sơ giấy đã tiết kiệm khoảng 3,2 triệu kg khí thải CO₂ tương đương mỗi năm (tương đương với việc giảm 1.485 phương tiện lưu thông trên đường) và cắt giảm hơn 55 triệu tờ giấy kể từ năm 2019¹²⁸.

Một số rào cản hệ thống và những khoảng trống phát sinh trong quá trình chuyển đổi số: Dù các chỉ số bề nổi phản ánh sự thành công lớn, các báo cáo độc lập đã chỉ ra nhiều rào cản mang tính hệ thống phát sinh trong quá trình vận hành thực tế. Báo cáo đánh giá của các đơn vị nghiên cứu như Frontier Economics và IFF Research đối với 7 dịch vụ dân sự, gia đình và tòa án hành chính chỉ ra rằng việc vội vã bắt buộc sử dụng các hệ thống mới khi chưa được thử nghiệm đầy đủ đối với các tình huống phi tiêu chuẩn đã tạo ra áp lực ngược cho người dùng. Đặc biệt, đối với kênh khiếu nại thiệt hại, tỷ lệ tiếp nhận kỹ thuật số từ phía các luật sư chuyên nghiệp thực tế đã sụt giảm ở giai đoạn sau của quá trình đánh giá. Nguyên nhân xuất phát từ việc hệ thống thiếu linh hoạt, khiến người dùng chuyên nghiệp phải chủ động tìm kiếm các giải pháp thay thế ngoài hệ thống để tránh tình trạng chậm trễ kéo dài.

Một hệ lụy nghiêm trọng khác là hiện tượng *đứt gãy hành trình số*. Khi các dịch vụ kỹ thuật số không thể xử lý các hồ sơ phức tạp, vụ việc bị buộc phải chuyển trả về quy trình xử lý giấy truyền thống. Sự không đồng bộ này làm gia tăng khối lượng công việc của nhân viên tòa án, đồng thời kéo dài thời gian giải quyết vụ án một cách đáng kể. Ủy ban Tư pháp Hạ viện Anh trong văn bản chất vấn Bộ Tư pháp đã bày tỏ sự lo ngại sâu sắc khi các dự án quan trọng bị cắt giảm khỏi chương trình cải cách chính thức, bao gồm các vụ tranh chấp sở hữu nhà ở, thủ tục nhận con nuôi và một số tòa án chuyên biệt. Sự thu

¹²⁶ HM Courts & Tribunals Service. (2018, March 21). *Social security and child support forms*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/collections/social-security-and-child-support-forms>

¹²⁷ HM Courts & Tribunals Service. (2025, March 24). *Courts and Tribunals Service Centres: Supporting users through centralised systems and teams*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/case-studies/courts-and-tribunals-service-centres-supporting-users-through-centralised-systems-and-teams>

¹²⁸ HM Courts & Tribunals Service. (2025, March 24). *Modernising courts and tribunals: Benefits of digital services*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/guidance/modernising-courts-and-tribunals-benefits-of-digital-service>

hẹp phạm vi này trực tiếp đe dọa khả năng hiện thực hóa các mục tiêu tiết kiệm ngân sách và cắt giảm nhân sự của HMCTS.

Đối với hệ thống tòa án hành chính, báo cáo cuối cùng công bố vào tháng 5 năm 2026 của Nhóm công tác Số hóa Tòa án thuộc Hội đồng Tư pháp Hành chính, do Caroline Sheppard OBE chủ trì¹²⁹, đã chỉ ra rằng các đánh giá cải cách trước đây của chính phủ hầu như đã bỏ qua phân vùng tòa án hành chính. Trong khi hệ thống kháng cáo đã đạt được một số cải thiện từ năm 2024, các phân tòa khác như Tòa án Di trú và Tị nạn, hoặc các tòa án đặc biệt bị loại trừ khỏi chương trình cải cách giữa chừng vẫn đối mặt với nhiều bất cập về trải nghiệm người dùng. Mặc dù vậy, sự phối hợp nhanh chóng giữa HMCTS và các cơ quan tư pháp để thiết lập hệ thống kháng cáo kỹ thuật số độc lập phục vụ cho Đề án Bồi thường Máu nhiễm độc trước khi các vụ khiếu nại đầu tiên diễn ra đã chứng minh rằng sự kết hợp đồng bộ giữa nhân sự, quy trình và công nghệ có thể tạo ra các giải pháp thực tế có tiến độ nhanh chóng. Hơn thế nữa, rủi ro loại trừ kỹ thuật số vẫn là một thách thức hiện hữu đối với nhóm yếu thế, người cao tuổi, hoặc những người có rào cản ngôn ngữ do hệ thống dịch vụ trực tuyến hầu như chỉ hỗ trợ tiếng Anh và tiếng Wales. Dịch vụ Hỗ trợ Kỹ thuật số của HMCTS, được vận hành bởi tổ chức “We Are Group”¹³⁰ thông qua mạng lưới hơn 100 đối tác cộng đồng như thư viện và trung tâm tư vấn đã cung cấp các cuộc hẹn trực tiếp và hỗ trợ từ xa rất hiệu quả. Tuy nhiên, nhận thức của công chúng về sự tồn tại của dịch vụ này vẫn ở mức cực kỳ thấp, dẫn đến việc tiếp cận công lý của những đối tượng không có năng lực số vẫn chưa thực sự được đảm bảo một cách bình đẳng.

Thực tiễn pháp lý và ranh giới trách nhiệm trong ứng dụng AI: Sự thâm nhập mạnh mẽ của GenAI vào hoạt động hỗ trợ tư pháp và xét xử tại Vương quốc Anh đã buộc các cơ quan quản lý phải thiết lập các ranh giới pháp lý nghiêm ngặt. Dù chính phủ Anh duy trì phương châm quản lý linh hoạt, dựa trên nguyên tắc và bám sát thực tiễn theo Sách trắng về AI và Kế hoạch hành động cơ hội AI công bố vào tháng 1 năm 2025, gánh nặng kiểm soát rủi ro kiểm thử và xác thực thông tin được đặt trực tiếp lên vai các thẩm phán và luật sư.

Trong thực tiễn xét xử, tiền lệ lịch sử về việc thẩm phán ứng dụng AI đã chính thức được thiết lập qua phán quyết về vụ kiện giữa Evans v HMRC¹³¹. Theo đó, Thẩm phán Christopher McNall thuộc Tòa sơ thẩm (Phân tòa Thuế) đã công khai xác nhận việc sử dụng công cụ AI để hỗ trợ soạn thảo các bản tóm tắt tài liệu phục vụ cho quyết định quản lý vụ việc. Thẩm phán McNall giải thích rằng vụ việc tranh chấp thuế liên quan đến các quỹ tín thác nước ngoài này hoàn toàn được xử lý trên hồ sơ giấy tờ, không yêu cầu

¹²⁹Judiciary of England and Wales. (2026, May). *Digitisation report*. <https://www.judiciary.uk/wp-content/uploads/2026/05/Final-version-Digitisation-report-May-2026.pdf>

¹³⁰We Are Group. (n.d.). *HMCTS digital support service: Leaving no one behind – Enabling people to adopt HM Courts and Tribunals Service's digital-first services*. <https://www.wearegroup.com/digital-support-hmcts>

¹³¹Neilson, C., & Jamil, A. (2025, November 25). *AI on the bench: What Evans v HMRC tells us about the future of justice*. Dentons. <https://www.dentons.com/en/insights/articles/2025/november/25/ai-on-the-bench-what-evans-v-hmrc-tells-us-about-the-future-of-justice>

phiên điều trần hay đánh giá tính trung thực của nhân chứng, do đó rất phù hợp để ứng dụng công nghệ hỗ trợ. Thẩm phán đã truy cập công cụ Copilot Chat của Microsoft thông qua tài khoản eJudiciary bảo mật được cấp riêng cho các thẩm phán để bảo vệ tính riêng tư của thông tin. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh rằng bản tóm tắt do AI tạo ra chỉ được coi như bản dự thảo thô và bản thân ông đã tự tay đối chiếu, kiểm chứng toàn bộ tính chính xác của tài liệu trước khi ký ban hành phán quyết. Sự cẩn trọng của Thẩm phán McNall là hoàn toàn có cơ sở khi đặt cạnh những rủi ro nghiêm trọng từ hành vi lạm dụng AI không kiểm soát. Tòa án khẳng định việc luật sư sử dụng các lập luận hoặc trích dẫn do AI tạo ra mà không đối chiếu trực tiếp với các nguồn luật chính thống sẽ bị coi là hành vi sơ suất chuyên môn nghiêm trọng. Phát biểu tại Hội nghị Legal Geek ngày 15 tháng 10 năm 2025, Ngài Sir Geoffrey Vos, Master of the Rolls (*Thẩm phán Trưởng Tòa Phúc thẩm Dân sự, Người đứng đầu hệ thống tư pháp dân sự của Anh và xứ Wales*) nhận định rằng mặc dù các mô hình AI hiện tại có năng lực đưa ra các quyết định tòa án “chỉ trong vài phút”, sự giám sát chặt chẽ của con người vẫn là yếu tố không thể thay thế để duy trì niềm tin của công chúng vào công lý.

Khung hướng dẫn kỹ thuật số và các quy tắc tổ tụng đang định hình: Để điều chỉnh hành vi ứng dụng công nghệ tư pháp, Hội đồng Thẩm phán tối cao đã ban hành bản hướng dẫn cập nhật ngày 31 tháng 10 năm 2025 với tiêu đề Hướng dẫn về AI dành cho các chức danh tư pháp¹³². Văn bản này áp dụng cho toàn bộ thẩm phán, trợ lý pháp lý và nhân viên hỗ trợ thuộc quyền quản lý của Chánh án và Chủ tịch Tòa án Hành chính tối cao. Tài liệu đặt ra các chỉ dẫn kỹ thuật chi tiết nhằm giảm thiểu rủi ro rò rỉ thông tin và bảo vệ tính toàn vẹn của hoạt động xét xử, cụ thể:

- *Kiểm soát đầu vào dữ liệu:* Nghiêm cấm tuyệt đối việc nhập bất kỳ dữ liệu cá nhân, thông tin chưa công bố hoặc tài liệu mật của vụ án vào các công cụ AI công cộng. Thẩm phán phải tắt tính năng lưu lịch sử trò chuyện trên các nền tảng như ChatGPT hay Google Gemini và từ chối mọi yêu cầu cấp quyền truy cập dữ liệu thiết bị của các ứng dụng này trên điện thoại thông minh.

- *Thẩm định chất lượng đầu ra:* Do các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) hiện nay chủ yếu được huấn luyện dựa trên nguồn dữ liệu mở từ internet, các câu trả lời thường bị ảnh hưởng nặng nề bởi luật pháp Hoa Kỳ hoặc các án lệ lịch sử không còn hiệu lực. Thẩm phán có nghĩa vụ phải chủ động phát hiện các dấu hiệu văn bản do AI tạo ra từ phía đương sự, bao gồm các trích dẫn án lệ lạ, việc sử dụng chính tả kiểu Mỹ, hoặc sự mâu thuẫn hoàn toàn trong việc áp dụng hệ thống án lệ giữa các bên.

- *Giám sát nhân sự hỗ trợ:* Thẩm phán phải thiết lập cơ chế thảo luận và giám sát chặt chẽ đối với các thư ký, trợ lý tư pháp hoặc nhân viên hành chính khi họ sử dụng AI trong công tác chuẩn bị hồ sơ hoặc soạn thảo văn bản hành chính thông thường.

¹³² Judiciary of England and Wales. (2025, October 31). *Artificial intelligence (AI): Guidance for judicial office holders*. <https://www.judiciary.uk/wp-content/uploads/2025/10/Artificial-Intelligence-AI-Guidance-for-Judicial-Office-Holders-2.pdf>

Tiến trình số hóa của HMCTS cùng làn sóng ứng dụng AI tạo sinh tại Vương quốc Anh cung cấp một mô hình nghiên cứu sâu sắc về sự tương tác giữa công nghệ hiện đại và các nguyên lý tư pháp cổ điển. Phân tích đa chiều cho thấy các quyết định cắt giảm cơ sở vật chất tòa án quá sớm để dồn ngân sách cho công nghệ có thể tạo ra những rủi ro lớn về mặt vận hành khi hệ thống số hóa gặp trục trặc hoặc không thể bao phủ toàn bộ các kịch bản vụ việc phức tạp. Việc ép buộc áp dụng các nền tảng công nghệ khi chưa qua các bước kiểm thử nghiêm ngặt không những không làm giảm áp lực công việc mà còn chuyển dịch gánh nặng hành chính sang cho các thẩm phán và đội ngũ thư ký tòa án thông qua các quy trình xử lý thủ công ngoài hệ thống.

Sự xuất hiện của AI tạo sinh vừa là động lực gia tăng hiệu suất công việc hành chính, vừa là nguồn cơn gây bất ổn cho trật tự tố tụng nếu thiếu đi các cơ chế kiểm chứng chặt chẽ. Đặc biệt, sự gia tăng của các đương sự tự đại diện sử dụng các chatbot miễn phí để soạn thảo văn bản pháp lý đang đặt ra một thách thức lớn về quản lý vụ án. Do không có kiến thức chuyên môn để xác thực thông tin, các đối tượng này vô tình đưa vào hệ thống các tài liệu chứa đầy lỗi ảo giác, buộc tòa án phải tiêu tốn tài nguyên và thời gian để rà soát và bác bỏ.

1.4. Ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử của tòa án tại Trung Quốc

Sự tích hợp AI và dữ liệu lớn đang tái định hình hệ thống tư pháp và hành pháp trên phạm vi toàn cầu. Trung Quốc chú trọng việc thử nghiệm và triển khai thực tế công nghệ pháp lý, tổ chức các cơ quan xét xử và thực thi pháp luật thành một hệ thống tích hợp công nghệ số quy mô lớn. Sự chuyển dịch từ mô hình số hóa hành chính thông thường sang tư pháp trí tuệ giai đoạn 2025–2026 tại Trung Quốc không chỉ giải quyết triệt để áp lực quá tải án, mà còn thúc đẩy cải cách thể chế sâu rộng.

Khung thể chế và chiến lược tư pháp số Trung Quốc giai đoạn 2025–2030: Sự phát triển của mô hình “Tòa án thông minh” tại Trung Quốc là kết quả của một chính sách tập trung từ trên xuống, tích hợp chặt chẽ với các mục tiêu chiến lược quốc gia. Sáng kiến này bắt đầu được định hình rõ nét từ Kế hoạch Phát triển AI Thế hệ Mới ban hành năm 2017¹³³. Tòa án Nhân dân Tối cao Trung Quốc (“SPC”) đã đặt ra mục tiêu chiến lược: đến cuối năm 2025, mọi tòa án trên toàn quốc phải ứng dụng công cụ AI hỗ trợ nghiệp vụ; và đến năm 2030, AI sẽ được tích hợp toàn diện trong toàn bộ quy trình tố tụng. Cơ sở pháp lý vận hành cốt lõi hiện nay là văn bản Ý kiến về quy định và tăng cường ứng dụng AI trong lĩnh vực tư pháp¹³⁴ của SPC. Văn bản này xác định rõ nguyên tắc bảo mật,

¹³³Webster, G., Creemers, R., Kania, E., & Triolo, P. (2017, August 1). *Full translation: China's “New Generation Artificial Intelligence Development Plan” (2017)*. DigiChina, Stanford University. <https://digichina.stanford.edu/work/full-translation-chinas-new-generation-artificial-intelligence-development-plan-2017/>

¹³⁴Supreme People's Court of the People's Republic of China. (2022, December 9). *加快推动人工智能同司法工作深度融合——最高法发布《关于规范和加强人工智能司法应用的意见》*

[Accelerating the deep integration of artificial intelligence with judicial work: The Supreme People's Court issues the

tính hợp pháp, tính phổ quát và đặc biệt là vai trò hỗ trợ của AI. Quy định nêu rõ công nghệ AI chỉ đóng vai trò tham khảo bổ trợ để phục vụ phán quyết hoặc giám sát tư pháp, không được phép thay thế hoàn toàn thẩm phán trong việc ra quyết định.

Trong giai đoạn chuẩn bị cho Kế hoạch 5 năm lần thứ 15 (2026–2030), các cơ quan tư pháp và hành pháp Trung Quốc đang khẩn trương hoàn thiện các quy định pháp lý điều chỉnh nền kinh tế số. Tại cuộc họp báo do Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện tổ chức vào cuối tháng 5 năm 2026, các đại diện cấp cao như Liu Guixiang - thành viên Ủy ban Thẩm phán SPC, Teng Jiguo - Phó Tổng Thư ký Ủy ban Chính pháp Trung ương và Wu Zeng - Thứ trưởng Bộ Tư pháp đã công bố kế hoạch đẩy mạnh nghiên cứu và ban hành các hướng dẫn tư pháp mới. Các quy tắc này tập trung điều chỉnh quyền sở hữu dữ liệu, giao dịch dữ liệu, nội dung do AI tạo ra và đẩy nhanh xây dựng khung pháp lý cho nền kinh tế tầm thấp¹³⁵.

Sự linh hoạt trong quản trị thể chế còn được thể hiện rõ qua Quy định về thẩm quyền của các tòa án internet do SPC ban hành vào tháng 10 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 1/11/2025. Nhận thấy các án lệ về bản quyền hình ảnh do AI tạo ra đã dần định hình ổn định, SPC đã quyết định rút bớt thẩm quyền xét xử của các Tòa án Internet đối với một số vụ tranh chấp bản quyền AI trực tuyến thông thường. Thay vào đó, tòa án chuyên trách này được giao thẩm quyền xử lý bốn lĩnh vực mới mang tính thách thức cao hơn bao gồm: quyền sở hữu dữ liệu trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân/quyền riêng tư trên mạng, quyền sở hữu tài sản ảo trực tuyến, và các tranh chấp cạnh tranh không lành mạnh trực tuyến. Đồng thời, vào tháng 4 năm 2026, SPC cũng đã tiến hành dự thảo các hướng dẫn tư pháp chuyên biệt nhằm trực tiếp giải quyết và phân định trách nhiệm trong các vụ tranh chấp liên quan đến các mô hình AI lớn và AIGC¹³⁶.

Thực tiễn vận hành hệ thống ứng dụng AI và dữ liệu lớn: Hệ thống tư pháp và hành pháp Trung Quốc đã phát triển một hệ sinh thái ứng dụng đa dạng, chuyển đổi từ các tác vụ hỗ trợ hành chính đơn thuần sang các công cụ phân tích logic sâu sắc. Thay vì chỉ áp dụng các thuật toán dự báo rủi ro tĩnh như một số quốc gia phương Tây, Trung Quốc hướng tới xây dựng một hệ thống “trợ lý ảo đồng hành” (copilot) hỗ trợ toàn diện cho thẩm phán, cụ thể là các hệ thống và nền tảng sau:

Nền tảng Dịch vụ Tri thức Tư pháp (Judicial Knowledge Services Platform): Tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc chính thức ra mắt nền tảng AI tư pháp cấp quốc gia sau khi hoàn tất đăng ký theo quy định về quản lý không gian mạng. Nền tảng được xây dựng trên cơ sở 320 triệu dữ liệu và tài liệu pháp lý có thẩm quyền,

Opinions on Regulating and Strengthening the Application of Artificial Intelligence in the Judicial Field]. <https://www.court.gov.cn/zixun/xiangqing/382471.html>

¹³⁵ Supreme People's Court of the People's Republic of China. (2026, May 28). *Chinese courts accelerate intelligent judicial services with AI technologies*. https://english.court.gov.cn/2026-05/28/c_1187213.htm

¹³⁶ China Daily. (2026, April 20). *AI-powered judicial platform enhances efficiency and public legal services*. <https://www.chinadaily.com.cn/a/202604/20/WS69e5ea80a310d6866eb44715.html>

bao gồm văn bản quy phạm pháp luật, bản án, hồ sơ vụ việc và các ý kiến pháp lý¹³⁷. Nhờ được huấn luyện trên nguồn dữ liệu tư pháp quy mô lớn, hệ thống có khả năng hiểu thuật ngữ pháp lý, suy luận logic, tìm kiếm và tạo sinh nội dung để hỗ trợ thẩm phán trong việc phân tích hồ sơ điện tử, xác định các vấn đề trọng tâm, tra cứu văn bản pháp luật và vụ án tương tự, qua đó nâng cao hiệu quả thụ lý và giải quyết vụ án. Bên cạnh việc hỗ trợ hoạt động xét xử, nền tảng còn hướng tới mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ pháp lý cho người dân thông qua việc trả lời các câu hỏi pháp lý bằng ngôn ngữ tự nhiên, đồng thời đưa ra các gợi ý về hòa giải hoặc khởi kiện phù hợp với từng vụ việc cụ thể, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận công lý trong môi trường số.

Hệ thống này được phát triển trên cơ sở nền tảng dịch vụ tri thức tư pháp do Tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc phối hợp với nhiều doanh nghiệp AI hàng đầu như iFLYTEK, Alibaba DAMO Academy, Hanvon, Hikvision và Taiji phát triển. Nền tảng này tích hợp các công nghệ xử lý hình ảnh, văn bản, giọng nói và video nhằm cung cấp một hệ sinh thái dịch vụ AI thống nhất cho các tòa án trên toàn quốc. Hệ thống hỗ trợ số hóa và nhận dạng hồ sơ vụ án, tự động phân loại tài liệu, kiểm tra các điều kiện thụ lý, gợi ý các vụ án tương tự và nhận dạng giọng nói theo thời gian thực trong các phiên tòa. Theo số liệu công bố năm 2023, nền tảng đã quản lý khoảng 1,14 tỷ đơn vị tri thức pháp lý và cung cấp 7,8 tỷ lượt dịch vụ AI cho hệ thống tòa án trên phạm vi cả nước, qua đó trở thành một trong những hạ tầng AI tư pháp quy mô lớn nhất thế giới¹³⁸.

*Hệ thống hỗ trợ thông minh xử lý vụ án hình sự (Intelligent Auxiliary System of Criminal Case Handling – 206 System) hay còn gọi là Hệ thống 206 (Thượng Hải)*¹³⁹: Hệ thống này do Tòa án nhân dân cấp cao Thượng Hải phối hợp với iFlyTek phát triển. Hệ thống được xây dựng với sự tham gia của hơn 400 cán bộ tư pháp và khoảng 300 kỹ sư công nghệ, nhằm chuyển hóa các tiêu chuẩn pháp lý và quy trình tố tụng thành thuật toán hỗ trợ xét xử. Trên cơ sở phân tích hồ sơ vụ án, hệ thống có khả năng tự động kiểm tra tính đầy đủ của chứng cứ, nhận diện các vấn đề pháp lý, đề xuất quy định pháp luật áp dụng và gợi ý mức hình phạt dựa trên dữ liệu từ các vụ án đã được giải quyết. Hệ thống được kỳ vọng góp phần giảm thiểu các sai sót trong thu thập và đánh giá chứng cứ, tăng cường tính thống nhất trong hoạt động xét xử và nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án hình sự. Tuy nhiên, các kết quả do AI tạo ra chỉ mang tính chất tham khảo; quyền đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật và đưa ra phán quyết cuối cùng vẫn thuộc về thẩm phán. Bên cạnh Thượng Hải, các hệ thống quản lý vụ án hình sự tích hợp AI do iFLYTEK phát triển cũng đã được triển khai tại nhiều địa phương như An Huy, Sơn Tây, Quý Châu, Tân Cương, Thâm Quyển, Hà Nam và Thanh Hải. Điều này cho thấy xu hướng mở rộng ứng dụng AI trong hoạt động tư pháp trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, quá trình triển khai

¹³⁷ Supreme People's Court of the People's Republic of China. (2024, November 16). *SPC launches AI-generated platform to help judges, public*. https://english.court.gov.cn/2024-11/16/c_1053704.htm

¹³⁸ Oxford Institute of Technology and Justice. (2025). *China*. Blavatnik School of Government, University of Oxford. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/research/china>

¹³⁹ Oxford Institute of Technology and Justice. (2025). *China AI Justice Atlas*. Blavatnik School of Government, University of Oxford. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/hubfs/China-AI%20Justice%20Atlas-pdf.pdf>

vẫn chưa đạt được sự đồng bộ giữa các địa phương. Sự khác biệt về hạ tầng công nghệ, nguồn lực đầu tư và mức độ chuyển đổi số khiến năng lực ứng dụng AI của các tòa án còn có sự chênh lệch đáng kể.

*Nền tảng cảnh báo AI của Tòa án cấp cao Giang Tô (AI-driven warning platform)*¹⁴⁰: Đây là công cụ hỗ trợ giám sát chất lượng xét xử được phát triển nhằm nâng cao tính thống nhất trong hoạt động lượng hình và hạn chế tình trạng “cùng vụ án nhưng khác bản án”. Hệ thống tích hợp năm mô-đun chức năng gồm: khuyến nghị vụ án tương tự, tham chiếu tri thức pháp luật, hỗ trợ lượng hình thông minh, phát hiện và sửa lỗi trong hồ sơ, cùng chức năng cảnh báo sai lệch về mức hình phạt. Trên cơ sở tự động thu thập và phân tích dữ liệu từ hồ sơ vụ án, nền tảng tính toán “tỷ lệ sai lệch” giữa mức hình phạt do thẩm phán dự kiến áp dụng và kết quả dự báo của AI dựa trên các vụ án tương tự. Khi tỷ lệ sai lệch vượt quá ngưỡng được thiết lập, hệ thống sẽ tự động phát cảnh báo để thẩm phán hoặc bộ phận quản lý xem xét, rà soát lại quyết định lượng hình. Mặc dù không thay thế quyền quyết định của thẩm phán, cơ chế này góp phần tăng cường tính nhất quán trong xét xử, hỗ trợ kiểm soát chất lượng bản án và nâng cao tính minh bạch, khách quan của hoạt động tư pháp.

*Hệ thống nghiên cứu và gợi ý pháp lý thông minh (Faxin Zhitui)*¹⁴¹: Bên cạnh các nền tảng AI cấp quốc gia, nhiều tòa án địa phương tại Trung Quốc cũng đã phát triển các ứng dụng AI phục vụ trực tiếp hoạt động xét xử. Tiêu biểu là Faxin Zhitui của Tòa án nhân dân cấp cao Khu tự trị Nội Mông, có khả năng tự động phân tích hồ sơ vụ án, đối chiếu với cơ sở dữ liệu gồm hơn 120 triệu bản án, 120 triệu tài liệu pháp lý và khoảng 230 triệu vụ việc để gợi ý án lệ tương tự, xác định quy định pháp luật liên quan và phát hiện các vụ án có cùng đương sự. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân cấp cao tỉnh Hải Nam ứng dụng AI kết hợp công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên, đồ thị tri thức và học sâu nhằm hỗ trợ trích xuất tình tiết vụ án, soạn thảo bản án và đề xuất hướng lượng hình. Theo số liệu công bố, hệ thống đã giúp giảm hơn 50% thời gian xử lý vụ án, rút ngắn khoảng 70% thời gian soạn thảo bản án và tiết kiệm tới 90% thời gian chuẩn bị các tài liệu tố tụng, qua đó nâng cao hiệu quả và tính thống nhất trong hoạt động xét xử.

*Tiểu An Bảo Vệ (Xiao'an Guardian)*¹⁴²: Đây là hệ thống đánh giá tâm lý do Tòa án nhân dân quận Môn Đầu Cầu - Mentougou (Bắc Kinh) phối hợp với Đại học Bắc Kinh phát triển nhằm hỗ trợ các cơ quan tư pháp trong việc đánh giá tình trạng tâm lý của người chưa thành niên tham gia tố tụng. Hệ thống sử dụng phương pháp đánh giá đa phương thức, kết hợp giữa phỏng vấn trực tiếp, nhập liệu bằng văn bản và nhận diện giọng nói để thu thập thông tin. Trên cơ sở phân tích khoảng 550 ký tự dữ liệu ngôn ngữ trong mỗi lần đánh giá, hệ thống xác định các chỉ số phản ánh mức độ ổn định tâm lý, tính chân thực của cảm xúc, đồng thời nhận diện và phân loại các nguy cơ như lo âu, trầm cảm

¹⁴⁰ Oxford Institute of Technology and Justice. (2025). *China*. Blavatnik School of Government, University of Oxford. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/research/china>

¹⁴¹ <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/research/china>

¹⁴² <https://peking.bjd.com.cn/content/s68db806be4b02424b0c0f466.html>

hoặc tự gây tổn thương theo nhiều cấp độ khác nhau. Bên cạnh đó, hệ thống còn đánh giá các biểu hiện tâm lý tiêu cực và xu hướng hợp lý hóa hành vi theo mô hình phân loại bốn cấp. Tuy nhiên, kết quả phân tích của AI chỉ mang tính chất hỗ trợ. Mọi báo cáo đánh giá đều phải được thẩm phán và chuyên gia tâm lý xem xét, xác nhận trước khi quyết định có cần áp dụng các biện pháp tư vấn hoặc can thiệp chuyên sâu đối với người chưa thành niên hay không.

Hệ thống tra cứu thông minh của Chi nhánh Y Lê (Yili) thuộc Tòa án nhân dân cấp cao Khu tự trị Tân Cương¹⁴³: Hệ thống được phát triển trên ba nền tảng gồm máy tính, ứng dụng di động và tiện ích tích hợp trong phần mềm soạn thảo văn bản, đáp ứng nhu cầu tra cứu linh hoạt của thẩm phán. Phiên bản máy tính cho phép thiết lập các tiêu chí tìm kiếm chi tiết, trong khi ứng dụng di động có khả năng tự động phân tích hồ sơ, trích xuất thông tin quan trọng và gợi ý kết quả thông qua các thẻ do AI tạo ra. Nhờ đó, thẩm phán có thể nhanh chóng tìm kiếm các quy định pháp luật và vụ án liên quan mà không cần nhập từ khóa thủ công, góp phần nâng cao hiệu quả nghiên cứu hồ sơ và xử lý vụ án.

1.5. Ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử của tòa án tại Hoa Kỳ

Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng công nghệ và dịch vụ dữ liệu tòa án: Hệ thống tòa án liên bang Hoa Kỳ đang thực hiện một chiến dịch chuyển đổi số mang tính cấu trúc nhằm thay thế toàn bộ nền tảng cơ sở hạ tầng cũ kỹ đã vận hành nhiều thập kỷ. Trọng tâm của tiến trình này là việc tái thiết lập hệ thống Quản lý hồ sơ và tệp vụ án điện tử cùng công dịch vụ Truy cập công cộng vào hồ sơ điện tử của tòa án (PACER). Kể từ khi được đưa vào vận hành từ năm 2001, hệ thống CM/ECF đã đóng vai trò là xương sống kỹ thuật quản lý toàn bộ các giao dịch tố tụng liên bang. Dù tiến trình chuyển dịch sang phiên bản nâng cấp NextGen CM/ECF đã hoàn thành ở diện rộng, kết quả đánh giá từ tổ chức tư vấn công nghệ 18F trực thuộc Tổng cục dịch vụ tổng hợp GSA đã chỉ ra rằng hệ thống cốt lõi này đã lỗi thời, không bền vững và dễ bị tổn thương trước các mối đe dọa an ninh mạng¹⁴⁴. Mức độ nghiêm trọng của vấn đề bảo mật đã được minh chứng qua cuộc tấn công mạng quy mô lớn và dai dẳng nhằm vào cơ sở dữ liệu liên bang. Theo Nghiên cứu rủi ro an ninh mạng của SecureWorld¹⁴⁵, Văn phòng hành chính của các tòa án Hoa Kỳ đã buộc phải thiết lập các quy trình kiểm soát truy cập nghiêm ngặt hơn đối với tài liệu mật và áp dụng kiến trúc không tin cậy (Zero Trust). Việc cải cách hệ thống lưu trữ dữ liệu sang điện toán đám mây kết hợp phương thức vận hành (Phát triển – Bảo mật – Vận hành - DevSecOps) hiện đang được triển khai khẩn trương nhằm tăng cường tính năng bảo mật chủ động.

¹⁴³ Oxford Institute of Technology and Justice. (2025). *China*. Blavatnik School of Government, University of Oxford. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/research/china>

¹⁴⁴ Administrative Office of the U.S. Courts. (2022). *Judiciary budget justification: Fiscal year 2023—Appendix 2: Electronic Public Access Program*. <https://www.uscourts.gov/file/41640/download>

¹⁴⁵ Todd, D. (2025, August 11). *U.S. courts ramp up security after sophisticated CM/ECF & PACER breach*. SecureWorld. <https://www.secureworld.io/industry-news/us-courts-ramp-up-cybersecurity-breach>

Song song với việc củng cố an ninh dữ liệu, tính minh bạch tài phán cũng được tối ưu hóa thông qua các sửa đổi mang tính lập pháp đối với hệ thống PACER. Dựa trên Thư giải trình gửi Ủy ban Tư pháp Thượng viện năm 2022¹⁴⁶, Hội nghị Tư pháp Hoa Kỳ đã thông qua chính sách miễn phí tra cứu hoàn toàn đối với nhóm người dùng phi thương mại. Công cụ tìm kiếm mới của PACER sử dụng thuật toán tìm kiếm mờ (fuzzy search) kết hợp cơ chế đồng bộ hóa dữ liệu liên bang, cho phép người dân tra cứu thông tin xuyên biên giới tài phán mà không cần phải truy cập thủ công vào từng tòa án riêng lẻ¹⁴⁷.

Tiêu chí kỹ thuật	Hệ thống di sản cũ (Legacy CM/ECF & PACER)	Hệ thống hiện đại hóa NextGen (Cloud-based DevSecOps)
Môi trường lưu trữ	Máy chủ vật lý cục bộ phân tán tại từng tòa án	Điện toán đám mây tập trung, hỗ trợ dữ liệu quy mô lớn
Cơ chế an toàn bảo mật	Xác thực cơ bản, dễ bị tấn công khai thác tài liệu mật	Kiến trúc Zero Trust, xác thực đa yếu tố, hệ thống biệt lập
Chính sách phí tra cứu	Thu phí trên mỗi lượt yêu cầu thông tin dockets	Miễn phí hoàn toàn đối với đối tượng tra cứu phi thương mại
Năng lực truy vấn	Tra cứu độc lập tại từng tòa, yêu cầu từ khóa chính xác	Tìm kiếm hợp nhất toàn quốc, hỗ trợ thuật toán tìm kiếm mờ

Sự chuyển dịch sang phiên tòa trực tuyến và quản lý án tồn đọng: Đại dịch COVID-19 đóng vai trò là chất xúc tác bắt buộc, đẩy nhanh việc áp dụng cơ chế xét xử trực tuyến tại hầu hết các cấp tòa án bang và liên bang. Sự chuyển dịch từ không gian phòng xử án vật lý sang các nền tảng hội thảo video trực tuyến đã thay đổi đáng kể hành vi tham gia tố tụng của các đương sự¹⁴⁸. Số liệu thống kê thực tế từ Trung tâm Quốc gia về Tòa án Bang (NCSC) cho thấy tính linh hoạt của hình thức trực tuyến đã giúp giảm thiểu tỷ lệ vắng mặt của bị cáo và cải thiện hiệu suất hiện diện một cách rõ rệt¹⁴⁹:

¹⁴⁶ https://www.uscourts.gov/sites/default/files/letter_to_chairman_richard_durbin_october_2022_0.pdf

¹⁴⁷ <https://www.uscourts.gov/file/41640/download>

¹⁴⁸ <https://statecourtreport.org/our-work/analysis-opinion/remote-court-three-years-later>

¹⁴⁹ Administrative Office of the U.S. Courts. (2022, October 19). *Letter to Honorable Richard J. Durbin, Chair, Committee on the Judiciary, regarding CM/ECF modernization and PACER.* https://www.uscourts.gov/sites/default/files/letter_to_chairman_richard_durbin_october_2022_0.pdf

Địa phương áp dụng xét xử trực tuyến	Tỷ lệ hiện diện tố tụng trước đây	Tỷ lệ hiện diện tố tụng sau khi số hóa
Bang North Dakota (Phiên điều trần lệnh bắt giữ hình sự)	Khoảng 80,0%	Gần 100,0%
Bang New Jersey (Các vụ án hình sự sơ bộ)	Khoảng 80,0%	Đạt mức 99,7%
Bang Michigan (Tất cả các loại án dân sự và hình sự)	Khoảng 89,3%	Đạt mức 99,5%

Sự gia tăng tỷ lệ hiện diện tố tụng này chứng minh rằng các rào cản về mặt vật lý như chi phí di chuyển, sắp xếp lịch trình cá nhân hoặc nghĩa vụ chăm sóc gia đình là những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến việc vắng mặt tại phiên tòa, chứ không hoàn toàn xuất phát từ hành vi trốn tránh pháp luật. Dù vậy, chuyển đổi số hoạt động xét xử cũng bộc lộ những hạn chế về mặt định tính. Các nghiên cứu tư pháp độc lập chỉ ra rằng việc tương tác qua màn hình làm giảm khả năng thiết lập mối liên kết tâm lý giữa thẩm phán và bị cáo, đồng thời gây cản trở quyền trao đổi riêng tư giữa luật sư bào chữa và thân chủ. Việc đánh giá thái độ, độ trung thực của nhân chứng thông qua ống kính camera thường kém chính xác hơn so với tương tác trực diện. Thêm vào đó, khảo sát của Viện Nghiên cứu Thomson Reuters ghi nhận áp lực án tồn đọng tăng mạnh trong giai đoạn chuyển đổi kỹ thuật, với mức tồn đọng trung bình của một tòa án tăng từ 958 vụ án năm 2019 lên tới 1.274 vụ án năm 2021, phản ánh sự chậm trễ nhất định của hệ thống trong việc thích ứng với các công cụ tố tụng trực tuyến¹⁵⁰.

AI trong Văn phòng nghiên cứu của Thẩm phán: Trong Báo cáo cuối năm 2023 của Chánh án John Roberts¹⁵¹, người đứng đầu ngành tư pháp liên bang Hoa Kỳ đã chính thức đưa ra những nhận định mang tính định hướng về vai trò của AI. Chánh án Roberts khẳng định công nghệ AI sẽ không thể thay thế hoàn toàn thẩm phán con người do các phán quyết tư pháp đòi hỏi sự đánh giá hành vi phi ngôn ngữ, trực giác đạo đức và việc thực thi quyền hạn quyết định dựa trên các hoàn cảnh xã hội phức tạp mà các thuật toán dựa trên dữ liệu quá khứ không thể tự suy luận. Tuy nhiên, ông cũng dự báo AI sẽ làm thay đổi căn bản cách thức vận hành của hệ thống tòa án sơ thẩm, hỗ trợ tích cực trong việc nghiên cứu và đẩy nhanh tốc độ xử lý các vụ việc hành chính.

¹⁵⁰Administrative Office of the U.S. Courts. (2022). *Judiciary budget justification: Fiscal year 2023—Appendix 2: Electronic Public Access Program*. <https://www.uscourts.gov/file/41640/download>

¹⁵¹ Ambrogio, R. (2024, January 2). *Chief Justice Roberts, in year-end report, says AI won't make judges obsolete, but will transform their work*. LawNext. <https://www.lawnext.com/2024/01/chief-justice-roberts-in-year-end-report-says-ai-wont-make-judges-obsolete-but-will-transform-their-work.html>

Thực tế ứng dụng tại các tòa án liên bang được phản ánh chi tiết qua Khảo sát của hội nghị Sedona về mức độ ứng dụng công nghệ của thẩm phán liên bang được công bố vào tháng 3 năm 2026¹⁵²:

Nội dung khảo sát mức độ tiếp nhận AI (N=112)	Tỷ lệ phản hồi (%)	Bản chất của xu hướng ứng dụng thực tế
Thừa nhận có sử dụng công cụ AI trong công việc chuyên môn	61,6%	AI đã bắt đầu thâm nhập sâu vào các văn phòng tư pháp
Đạt tần suất sử dụng AI ở mức độ hàng ngày hoặc hàng tuần	22,4%	Việc ứng dụng thường xuyên vẫn còn tương đối hạn chế
Thẩm phán lựa chọn các công cụ nghiên cứu pháp lý tích hợp AI chuyên sâu	38,4%	Đánh giá cao tính bảo mật và nguồn dữ liệu kiểm chứng của Westlaw/LexisNexis
Thẩm phán chủ động sử dụng chatbot AI thương mại (như ChatGPT)	28,6%	Sử dụng cho các nhiệm vụ phi tư pháp như soạn thảo thư tín hành chính
Báo cáo chưa nhận được bất kỳ chương trình đào tạo chính thức nào về AI	45,5%	Tình trạng thiếu hụt kỹ năng công nghệ trong nội bộ tòa án đang ở mức báo động

Sự phân hóa trong việc lựa chọn công cụ cho thấy các thẩm phán ưu tiên tính chính xác và an toàn dữ liệu hơn là sự tiện lợi của các mô hình ngôn ngữ lớn phổ thông. Các công cụ chuyên biệt của ngành luật vốn có nguồn dữ liệu huấn luyện khép kín, được kiểm chứng chặt chẽ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra lỗi ảo giác - AI tự tạo ra các trích dẫn án lệ không có thật.

Bình đẳng pháp lý, tiếp cận công lý và làn sóng đơn kiện tự động: Khoảng cách tiếp cận công lý tại Hoa Kỳ hiện đang là một thách thức lớn khi người dân có thu nhập thấp khó có thể tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ pháp lý chuyên nghiệp khi đối mặt với các tranh chấp dân sự. Trong bối cảnh đó, các công cụ AI đang trở thành phương tiện hỗ trợ đắc lực giúp các tổ chức trợ giúp pháp lý thu hẹp khoảng cách này. Dựa trên Khảo sát “Lợi thế của AI” của Everlaw và NLADA¹⁵³, khoảng 74% tổ chức trợ giúp pháp lý tại Mỹ đã đưa AI vào quy trình làm việc hằng ngày để tự động hóa khâu tiếp nhận hồ sơ đầu vào, tối ưu hóa nguồn lực hạn chế.

¹⁵² New York City Bar Association. (2026, March 30). *Artificial intelligence in federal courts: A random-sample survey of judges*. <https://www.nycbar.org/reports/artificial-intelligence-in-federal-courts-a-random-sample-survey-of-judges/>

¹⁵³ Pro Bono Institute. (2026, February 6). *AI and technology help bridge access to justice*. <https://www.probonoinst.org/2026/02/06/ai-and-technology-help-bridge-access-to-justice/>

Hệ thống tòa án và các hiệp hội luật sư địa phương đã triển khai thành công nhiều dự án chatbot chuyên dụng được xây dựng trên nguồn dữ liệu pháp lý khép kín và an toàn như: Trợ lý SANDI¹⁵⁴ (Khu vực Tư pháp số 11, bang Florida): Định hướng trực tuyến và cung cấp thông tin thủ tục tố tụng cho các đương sự tự đại diện; Ứng dụng Rentervention (Illinois)¹⁵⁵: Hỗ trợ người thuê nhà nghèo soạn thảo các thông báo pháp lý để phản đối các quyết định trục xuất bất hợp pháp của chủ bất động sản; Trợ lý LIA (Đoàn trợ giúp pháp lý Bắc Carolina)¹⁵⁶: Cung cấp các câu trả lời tự động về quyền lợi công dân bằng hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha.

Tuy nhiên, việc đơn giản hóa quy trình nộp đơn tố tụng bằng AI cũng tạo ra một thách thức ngược đối với khả năng thụ lý của hệ thống tòa án bang. Theo Nghiên cứu của Trung tâm Quốc gia về Hệ thống Tòa án Bang Hoa Kỳ (“NCSC”) về tác động của AI đối với thụ lý án¹⁵⁷, sự phổ biến của các công cụ sinh văn bản đã dẫn đến sự bùng nổ của các đơn kiện dân sự liên quan đến tranh chấp hợp đồng và thu hồi nợ. Số lượng hồ sơ thụ lý án hợp đồng tại các bang đã tăng vọt 21% trong năm 2022 và tiếp tục tăng 15% trong năm 2023, tạo ra áp lực xử lý khổng lồ cho các thẩm phán sơ thẩm. Hệ lụy tiêu cực nhất của xu hướng này là việc các công ty mua bán nợ lớn sử dụng hệ thống AI để tự động quét cơ sở dữ liệu khách hàng, tự động soạn thảo đơn khởi kiện và nộp hồ sơ hàng loạt lên tòa án đối với các khoản nợ có giá trị nhỏ. Quy trình khép kín này tạo ra cơ chế đòi nợ tự động được giới học giả mô tả là đầu vào là các yêu cầu đòi nợ tự động, đầu ra là quyết định tịch biên tài sản của tòa án - do phần lớn các bị đơn nghèo không có khả năng xuất hiện tại tòa để phản biện, dẫn đến các phán quyết mặc định có lợi cho nguyên đơn doanh nghiệp.

Để thiết lập cơ chế giám sát đối với xu hướng này, các nhà lập pháp liên bang đã giới thiệu Đạo luật Nghiên cứu và Giám sát AI tại Tòa án năm 2026 H.R. 7997 và S. 4154)¹⁵⁸. Đạo luật yêu cầu thành lập một nhóm chuyên trách liên ngành dưới sự điều phối của Bộ Tư pháp nhằm đánh giá toàn diện các rủi ro của công nghệ nhận dạng giọng nói tự động và các công cụ soạn thảo đơn kiện tự động đối với tính chính xác của hồ sơ tòa án và các quyền hiến định của công dân.

¹⁵⁴ JusticeBench. (n.d.). *Sandi*. <https://www.justicebench.org/project/sandi>

¹⁵⁵ <https://rentervention.com/>

¹⁵⁶ Legal Aid of North Carolina. (2025, November 18). *Legal Aid of North Carolina launches LIA 2.0, marking a new era in accessible, AI-powered legal information*. <https://legalaidnc.org/2025/11/18/legal-aid-of-north-carolina-launches-lia-2-0-marking-a-new-era-in-accessible-ai-powered-legal-information/>

¹⁵⁷ Court Statistics Project. (2025, June 24). *Is GenAI revolutionizing court filings?* National Center for State Courts. <https://www.ncsc.org/resources-courts/genai-revolutionizing-court-filings>

¹⁵⁸ U.S. Congress. Senate. (2026). *Research and Oversight of Artificial Intelligence (AI) in Courts Act of 2026* (S. 4154, 119th Cong.). <https://www.welch.senate.gov/wp-content/uploads/2026/03/Research-and-Oversight-of-Artificial-Intelligence-AI-in-Courts-Act-of-2026-Bill-Text-Final.pdf>

2. Giá trị tham khảo đối với việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử của tòa án Việt Nam từ kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự bùng nổ của AI đang tác động mạnh mẽ tới hoạt động của hệ thống tư pháp toàn cầu. Việc ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của Tòa án là xu thế không thể đảo ngược. Tuy vậy, các quốc gia cần có triết lý chủ động và thận trọng thay vì bị động trong xu thế này. Nghiên cứu kinh nghiệm ứng dụng AI và chuyển đổi số trong hoạt động của hệ thống tòa án tại Singapore, Hàn Quốc, Anh, Trung Quốc và Hoa Kỳ cho thấy, mặc dù mỗi quốc gia lựa chọn mô hình tổ chức và lộ trình triển khai khác nhau, song đều tuân theo một quy luật phát triển chung: chuyển đổi số không đơn thuần là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tư pháp mà là quá trình tái cấu trúc phương thức quản trị tòa án trên cơ sở dữ liệu số, công nghệ số và quản trị số. Trong mô hình này, AI được xác định là công cụ hỗ trợ nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả xét xử, chứ không thay thế quyền tư pháp hay vai trò quyết định của thẩm phán. Đây là giá trị tham khảo có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp và Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Việc nghiên cứu, phân tích đa chiều về ưu điểm, nhược điểm từ thực tiễn của các quốc gia tiên phong như Singapore, Hàn Quốc, Anh, Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ mang lại những giá trị tham khảo hữu ích trên nhiều khía cạnh, đòi hỏi sự cải cách trên các phương diện khác nhau từ tổng thể tới chi tiết, không chỉ đơn thuần liên quan tới công nghệ mà còn là thể chế, nhân sự, phương thức và lộ trình triển khai. Một số giá trị tham khảo và bài học kinh nghiệm có thể ứng dụng cho Việt Nam là:

Thứ nhất, kinh nghiệm quốc tế khẳng định chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp chỉ đạt hiệu quả khi được triển khai đồng thời với cải cách thể chế và đổi mới quy trình nghiệp vụ. Thực tiễn tại Singapore cho thấy quá trình xây dựng Tòa án điện tử không bắt đầu từ việc số hóa hồ sơ mà từ việc tái thiết kế toàn bộ quy trình giải quyết vụ án, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và tích hợp các hoạt động tố tụng trên một nền tảng số thống nhất. Điều này phản ánh một nguyên lý cơ bản của quản trị công hiện đại, theo đó công nghệ không thể tự tạo ra hiệu quả nếu vẫn vận hành trên các quy trình truyền thống vốn được thiết kế cho môi trường giấy tờ. Vì vậy, đối với Việt Nam, chuyển đổi số cần được nhìn nhận như một bộ phận của cải cách tư pháp, trong đó việc rà soát, chuẩn hóa và đơn giản hóa thủ tục tố tụng phải được thực hiện trước hoặc đồng thời với việc đầu tư hạ tầng công nghệ.

Thứ hai, điểm tương đồng nổi bật giữa các quốc gia là đều xác lập rõ ràng ranh giới giữa quyền quyết định tư pháp của con người và vai trò hỗ trợ của AI. Hàn Quốc, Anh và Trung Quốc đều khẳng định AI chỉ được sử dụng để hỗ trợ nghiên cứu hồ sơ, tra cứu pháp luật, phân tích dữ liệu, dự thảo văn bản hoặc quản trị vụ án; việc đánh giá chứng cứ, xác định sự thật khách quan và ban hành phán quyết vẫn thuộc trách nhiệm độc lập của thẩm phán. Cách tiếp cận này xuất phát từ yêu cầu bảo đảm các nguyên tắc hiến định của hoạt động tư pháp như tính độc lập của thẩm phán, trách nhiệm giải trình cá nhân và

quyền được xét xử công bằng. Xét về phương diện lý luận, AI hiện nay chỉ có khả năng xử lý dữ liệu và nhận diện các mô hình thống kê, trong khi hoạt động xét xử còn bao hàm việc đánh giá chứng cứ, cân nhắc các giá trị đạo đức, chính sách pháp luật và bối cảnh xã hội của từng vụ việc. Do đó, AI có thể hỗ trợ nâng cao chất lượng quyết định tư pháp nhưng không thể thay thế tư duy pháp lý và trách nhiệm nghề nghiệp của thẩm phán. Đây là triết lý nhất quán, nền tảng cho việc ứng dụng AI và chuyển đổi số từ cấp độ chung của nền tư pháp tới hoạt động xét xử của từng Thẩm phán.

Thứ ba, dữ liệu tư pháp là điều kiện nền tảng quyết định chất lượng của AI trong hoạt động xét xử. Kinh nghiệm của Singapore, Hàn Quốc và đặc biệt là Trung Quốc cho thấy các mô hình AI chuyên ngành chỉ phát huy hiệu quả khi được huấn luyện trên nguồn dữ liệu pháp lý có độ tin cậy cao, bao gồm văn bản quy phạm pháp luật, án lệ, bản án đã có hiệu lực, hồ sơ điện tử và các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ được chuẩn hóa. Một trong những bài học đáng chú ý đến từ Hàn Quốc là việc phát triển nền tảng AI nội bộ vận hành trên hạ tầng máy chủ độc lập của ngành tòa án, thay vì phụ thuộc vào các dịch vụ điện toán đám mây công cộng hoặc các mô hình ngôn ngữ lớn thương mại. Cách tiếp cận này góp phần hạn chế nguy cơ rò rỉ thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các hồ sơ vụ án có tính chất bí mật, đồng thời tạo điều kiện để hệ thống AI được tối ưu hóa theo đặc thù của pháp luật và hoạt động xét xử. Bên cạnh hạ tầng kỹ thuật, kinh nghiệm của Hàn Quốc và Trung Quốc cũng cho thấy chất lượng của AI phụ thuộc trực tiếp vào nguồn dữ liệu được sử dụng để huấn luyện và truy xuất thông tin. Thay vì dựa trên dữ liệu mở từ Internet, các hệ thống AI tư pháp của hai quốc gia này đều được phát triển trên cơ sở kho dữ liệu pháp lý chính thống gồm văn bản quy phạm pháp luật, án lệ, bản án, sổ tay nghiệp vụ và các tài liệu hướng dẫn chuyên môn. Đặc biệt, việc ứng dụng kỹ thuật tạo sinh tăng cường bằng truy xuất (Retrieval-Augmented Generation – RAG) giúp AI chỉ truy xuất thông tin từ các nguồn dữ liệu đã được kiểm chứng, đồng thời cung cấp kèm theo căn cứ pháp lý hoặc nguồn trích dẫn cụ thể, qua đó hạn chế đáng kể hiện tượng ảo giác và nâng cao độ tin cậy của kết quả.

Thứ tư, kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy quản trị rủi ro là nội dung trung tâm của chiến lược ứng dụng AI trong tư pháp. Sự xuất hiện của AI tạo sinh đã làm gia tăng nguy cơ phát sinh các hiện tượng ảo giác tạo lập các án lệ hoặc trích dẫn pháp luật không có thật, đồng thời tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ dữ liệu tư pháp nếu sử dụng các nền tảng AI công cộng. Hướng dẫn của Tòa án Singapore, Judicial Office của Vương quốc Anh và Trung tâm Quốc gia về Tòa án Bang Hoa Kỳ (NCSC) đều khuyến cáo thẩm phán và cán bộ tư pháp không đưa thông tin mật hoặc dữ liệu nhận dạng cá nhân lên các nền tảng AI công cộng, đồng thời yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát truy cập, mã hóa dữ liệu và giám sát việc sử dụng AI trong nội bộ cơ quan. Anh và Hàn Quốc đều ban hành hướng dẫn riêng về sử dụng AI trong ngành tòa án, yêu cầu người sử dụng phải kiểm chứng độc lập toàn bộ kết quả do AI tạo ra, nghiêm cấm nhập dữ liệu mật của vụ án lên các nền tảng AI công cộng và xác định rõ trách nhiệm pháp lý của người sử dụng đối với mọi tài liệu được hỗ trợ bởi AI. Điều này cho thấy trọng tâm của quản trị AI không phải là hạn chế

đổi mới sáng tạo mà là xây dựng các cơ chế bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm chứng và trách nhiệm giải trình của con người trong toàn bộ quá trình sử dụng AI. Thực tiễn tại Hàn Quốc và nhiều quốc gia khác đã ghi nhận hiện tượng tiền lệ ma hoặc các tài liệu pháp lý chứa trích dẫn giả mạo do AI tự tạo ra, gây ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng và hoạt động xét xử. Do đó, cùng với việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu bản án và án lệ điện tử, cần xây dựng hệ thống xác thực số đối với bản án, án lệ và các tài liệu pháp lý chính thức, đồng thời tích hợp chức năng tự động kiểm tra nguồn trích dẫn trong các công cụ AI hỗ trợ thẩm phán và người tiến hành tố tụng. Đây sẽ là nền tảng quan trọng để bảo đảm AI hoạt động trên cơ sở dữ liệu đáng tin cậy, góp phần nâng cao chất lượng xét xử và củng cố niềm tin của xã hội đối với nền tư pháp số.

Thứ năm, các quốc gia đều lựa chọn phương thức triển khai AI theo lộ trình từng bước, trên cơ sở đánh giá tác động và mở rộng dần phạm vi ứng dụng. AI trước hết được triển khai trong các hoạt động có tính chất hỗ trợ như quản lý hồ sơ, tìm kiếm án lệ, chuyển lời nói thành văn bản, tóm tắt hồ sơ hoặc phân tích dữ liệu thống kê trước khi được mở rộng sang các nhiệm vụ có mức độ phức tạp cao hơn. Cách tiếp cận này vừa hạn chế rủi ro công nghệ, vừa tạo điều kiện để đội ngũ thẩm phán và cán bộ tòa án thích ứng dần với phương thức làm việc mới, đồng thời giúp cơ quan quản lý có đủ thời gian đánh giá tác động pháp lý, đạo đức và xã hội của AI trước khi triển khai trên quy mô toàn hệ thống. Bên cạnh đó, chuyển đổi số chỉ có thể thành công khi đi đôi với phát triển nguồn nhân lực. Kết quả khảo sát “Lợi thế của AI” do Everlaw và Hiệp hội Quốc gia các Tổ chức Hỗ trợ Pháp lý và Bào chữa Hoa Kỳ (NLADA) thực hiện cho thấy, mặc dù AI đang được sử dụng ngày càng phổ biến trong lĩnh vực pháp lý, vẫn còn khoảng 45,5% người được khảo sát cho rằng họ thiếu kiến thức và kỹ năng cần thiết để khai thác hiệu quả công nghệ này. Thực trạng đó cho thấy khoảng cách giữa tốc độ phát triển của AI và năng lực sử dụng của đội ngũ hành nghề pháp lý là thách thức chung ngay cả tại những quốc gia có nền tư pháp phát triển.

Thứ sáu, chuyển đổi số tư pháp chỉ thực sự thành công khi hướng tới mục tiêu nâng cao khả năng tiếp cận công lý của người dân. Thực tiễn tại Anh cho thấy việc đẩy mạnh số hóa các thủ tục tố tụng và thu hẹp quá nhanh các điểm tiếp nhận trực tiếp đã tạo ra không ít rào cản đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người có thu nhập thấp và những người có kỹ năng số hạn chế. Điều này cho thấy chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, tránh coi công nghệ là giải pháp thay thế hoàn toàn phương thức phục vụ truyền thống. Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc sử dụng AI để chuyển các bản án thành ngôn ngữ dễ hiểu dành cho người khuyết tật trí tuệ, hay việc Anh duy trì các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật số dành cho người cao tuổi và các nhóm yếu thế cho thấy công nghệ phải phục vụ con người, chứ không tạo ra những rào cản mới đối với việc thực hiện quyền tiếp cận công lý. Đây cũng là yêu cầu phù hợp với nguyên tắc lấy người dân làm trung tâm trong cải cách hành chính và xây dựng nền tư pháp hiện đại mà ngành Tòa án Việt Nam hoàn toàn có thể tham khảo, ứng dụng trong hoạt động của mình.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng giá trị lớn nhất mà kinh nghiệm quốc tế mang lại không phải là các giải pháp công nghệ cụ thể, bởi công nghệ luôn thay đổi, mà là mô hình quản trị AI trong hoạt động tư pháp dựa trên năm trụ cột cơ bản: **(i) cải cách quy trình nghiệp vụ gắn với chuyển đổi số; (ii) xây dựng cơ sở dữ liệu tư pháp thống nhất và có chất lượng cao; (iii) xác lập khuôn khổ pháp lý và đạo đức cho việc sử dụng AI; (iv) bảo đảm nguyên tắc con người giữ vai trò quyết định trong hoạt động xét xử; và (v) triển khai AI theo lộ trình phù hợp, lấy quyền tiếp cận công lý của người dân làm mục tiêu cuối cùng.**

Từ các giá trị tham khảo nêu trên, chúng tôi cho rằng Việt Nam cần tập trung thực hiện một số định hướng chính sách sau đây.

Thứ nhất, nghiên cứu ban hành Chiến lược ứng dụng AI trong hệ thống Tòa án nhân dân gắn với Chiến lược cải cách tư pháp và Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Trong chiến lược này cần xác định rõ mục tiêu, lộ trình và nguyên tắc quản trị AI. Chiến lược cần xác định rõ định hướng “tái cấu trúc quy trình”, không bê nguyên quy trình thủ công rườm rà lên môi trường mạng mà cần tinh giản, loại bỏ các bước trung gian không cần thiết. Đồng thời, Việt Nam cũng có thể tham khảo mô hình chỉ đạo tập trung từ trên xuống như Trung Quốc nhưng có tính đến sự chênh lệch thực tế không thể tránh khỏi về năng lực số giữa các vùng miền để có chiến lược phù hợp về nguồn vốn đầu tư, đồng bộ hóa hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực tương ứng với điều kiện thực tế của Tòa án ở mỗi khu vực, vùng miền.

Thứ hai, ưu tiên đầu tư xây dựng hệ sinh thái dữ liệu tư pháp thống nhất, bảo đảm kết nối giữa dữ liệu bản án, án lệ, hồ sơ điện tử, văn bản quy phạm pháp luật và các cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành Tòa án. Đây là kinh nghiệm quan trọng từ các quốc gia mà Việt Nam cần tham khảo khi xây dựng các mô hình AI hỗ trợ thẩm phán, theo đó hệ thống phải được huấn luyện trên nguồn dữ liệu tư pháp chính thống của Tòa án nhân dân tối cao, bao gồm văn bản quy phạm pháp luật, án lệ, bản án đã được công bố, sổ tay nghiệp vụ và các tài liệu hướng dẫn nội bộ; đồng thời mọi kết quả do AI tạo ra cần được gắn với căn cứ pháp lý cụ thể để người sử dụng có thể kiểm chứng độc lập. Điều này phản ánh nguyên tắc “garbage in, garbage out” trong khoa học dữ liệu: chất lượng đầu ra của AI phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng dữ liệu đầu vào. Vì vậy, xây dựng cơ sở dữ liệu tư pháp thống nhất, đầy đủ và có khả năng liên thông cần được xem là điều kiện tiên quyết đối với việc phát triển AI trong hệ thống tòa án Việt Nam. Hiện tại, việc cập nhật dữ liệu được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng để chuyển đổi số ngành tòa án. Theo đó, các đơn vị có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu nghiệp vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ trực tiếp trên các phần mềm, hệ thống thông tin nội bộ của ngành; dữ liệu là căn cứ chính thức để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đặc biệt đối với người đứng đầu; phần mềm quản lý án và các phần mềm nội bộ của Tòa án là nguồn dữ liệu gốc, có giá trị pháp lý và nghiệp vụ trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của ngành; Việc cập nhật và khai thác dữ liệu trên phần mềm nội bộ là yêu cầu bắt buộc, thay thế cho báo cáo thủ công khi dữ liệu đã được yêu

cầu cập nhật trên hệ thống¹⁵⁹. Cùng với những chỉ đạo quyết liệt này, việc học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia trong việc xây dựng hệ thống dữ liệu tư pháp sẽ tạo nền tảng ứng dụng hiệu quả AI trong hoạt động của Tòa án Việt Nam.

Thứ ba, xây dựng Bộ nguyên tắc hoặc Hướng dẫn sử dụng AI trong hoạt động của Tòa án, quy định rõ phạm vi được phép sử dụng AI, trách nhiệm kiểm chứng kết quả, bảo vệ dữ liệu tư pháp và trách nhiệm giải trình của người sử dụng. Hướng dẫn này cần xác định rõ phạm vi ứng dụng, các trường hợp được và không được sử dụng AI, trách nhiệm của từng chủ thể tham gia tố tụng cũng như cơ chế kiểm soát đối với các kết quả do AI tạo ra. Cần khẳng định rõ nguyên tắc rằng AI chỉ hỗ trợ các công việc mang tính kỹ thuật như nghiên cứu hồ sơ, tra cứu văn bản pháp luật, án lệ, tổng hợp chứng cứ hoặc dự thảo văn bản; việc đánh giá chứng cứ, xác định sự thật khách quan của vụ án, giải thích và áp dụng pháp luật, cũng như đưa ra phán quyết cuối cùng phải luôn thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của thẩm phán. Đây cũng là nguyên tắc “con người chịu trách nhiệm cuối cùng” đang được thừa nhận rộng rãi trong các khuôn khổ quản trị AI của nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của Singapore và Vương quốc Anh trong việc yêu cầu luật sư và người tham gia tố tụng kiểm chứng độc lập các nội dung do AI tạo ra, đồng thời cân nhắc quy định nghĩa vụ công khai việc sử dụng AI trong quá trình chuẩn bị tài liệu tố tụng khi cần thiết. Song song với đó, cần xây dựng cơ chế xác thực điện tử đối với bản án, án lệ và các tài liệu tư pháp được công bố trên môi trường số nhằm ngăn ngừa tình trạng sử dụng các bản án, án lệ hoặc chứng cứ giả mạo do AI tạo sinh, qua đó bảo đảm tính xác thực của nguồn chứng cứ và duy trì niềm tin đối với hoạt động xét xử. Ngoài việc điều chỉnh hoạt động của các chủ thể trong tố tụng, hành lang pháp lý cũng cần hướng tới việc kiểm soát các rủi ro phát sinh từ việc thương mại hóa AI trong lĩnh vực pháp lý. Thực tiễn tại Hoa Kỳ cho thấy sự xuất hiện của các nền tảng AI có khả năng tự động soạn đơn kiện, phân tích hồ sơ hoặc hỗ trợ khởi kiện hàng loạt đặt ra nhiều thách thức đối với năng lực tiếp nhận và xử lý của tòa án. Vì vậy, Việt Nam cần nghiên cứu cơ chế quản lý đối với các dịch vụ AI pháp lý, đặc biệt là các ứng dụng có khả năng tự động hóa quy trình khởi kiện, thu hồi nợ hoặc xử lý số lượng lớn hồ sơ, nhằm ngăn ngừa nguy cơ lạm dụng công nghệ để tạo ra các vụ kiện thiếu căn cứ, gây quá tải cho hệ thống tòa án hoặc ảnh hưởng đến quyền tiếp cận công lý của các nhóm yếu thế. Chỉ khi khuôn khổ pháp lý được xây dựng đầy đủ, minh bạch và đặt con người ở vị trí trung tâm, AI mới thực sự trở thành công cụ hỗ trợ nâng cao chất lượng xét xử, thay vì tạo ra những rủi ro mới cho hoạt động tư pháp.

Thứ tư, tăng cường công tác đào tạo về ứng dụng AI, chuyển đổi số trong hoạt động của Tòa án. Việt Nam cần xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo chính thức về chuyển đổi số và AI dành cho thẩm phán, thư ký tòa án và các chức danh tư pháp, không chỉ trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ AI mà còn nâng cao năng lực kiểm chứng

¹⁵⁹ Hoài Ngân (2026), 09 nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số xây dựng Tòa án điện tử trong hệ thống Tòa án nhân dân, <https://tapchitoaan.vn/09-nhiem-vu-trong-tam-chuyen-doi-so-xay-dung-toa-an-dien-tu-trong-he-thong-toa-an-nhan-dan14741.html>, truy cập ngày 30/6/2026

kết quả, nhận diện rủi ro về ảo giác của AI, bảo mật dữ liệu và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp khi ứng dụng AI trong hoạt động xét xử.

Cuối cùng, cần triển khai các dự án thí điểm đối với một số hoạt động có tính khả thi cao như tóm tắt hồ sơ vụ án, tra cứu án lệ, hỗ trợ nghiên cứu pháp luật, chuyển lời nói thành văn bản và quản lý tiến độ giải quyết vụ án; trên cơ sở kết quả đánh giá tác động, từng bước mở rộng phạm vi ứng dụng sang các lĩnh vực khác. Trong giai đoạn đầu triển khai Tòa án số, cần duy trì mô hình hybrid (kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp), đồng thời bố trí các quầy hỗ trợ hoặc trung tâm hỗ trợ số tại tòa án nhằm hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục điện tử, đặc biệt là các nhóm yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số và những người chưa có điều kiện tiếp cận công nghệ số. Đây không chỉ là yêu cầu của chuyển đổi số bao trùm mà còn là giải pháp quan trọng để bảo đảm quyền tiếp cận công lý theo tinh thần cải cách tư pháp. Cách tiếp cận này sẽ góp phần bảo đảm quá trình ứng dụng AI trong hoạt động của Tòa án Việt Nam diễn ra theo hướng thận trọng, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu bảo vệ quyền con người, giữ vững nguyên tắc độc lập tư pháp và đáp ứng yêu cầu xây dựng nền tư pháp số hiện đại trong giai đoạn mới./.

Kết luận:

Kinh nghiệm của Singapore, Hàn Quốc, Anh, Trung Quốc và Hoa Kỳ cho thấy ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động xét xử là quá trình đổi mới đồng bộ phương thức quản trị tòa án, quy trình nghiệp vụ và cách thức cung cấp dịch vụ tư pháp. Những lợi ích về thời gian, chi phí và khả năng xử lý thông tin chỉ có thể được phát huy bền vững khi đi cùng với dữ liệu đáng tin cậy, cơ chế kiểm chứng kết quả, bảo vệ thông tin và trách nhiệm giải trình rõ ràng. Đồng thời, những khó khăn và rủi ro từ thực tiễn các quốc gia cũng cho thấy mức độ ứng dụng công nghệ chưa đủ để phản ánh chất lượng của nền tư pháp số; chất lượng đó cần được đánh giá qua khả năng bảo đảm xét xử công bằng, bảo vệ quyền và tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý.

Đối với Việt Nam, việc tiếp thu kinh nghiệm quốc tế cần có sự chọn lọc, phù hợp với điều kiện thể chế, hạ tầng và năng lực của đội ngũ thẩm phán, cán bộ tòa án. Các ưu tiên cần được triển khai trong môi liên hệ chặt chẽ, bao gồm cải cách và chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ; xây dựng cơ sở dữ liệu tư pháp thống nhất, có chất lượng; ban hành nguyên tắc, hướng dẫn sử dụng AI; đào tạo năng lực số gắn với đạo đức nghề nghiệp; và thí điểm, đánh giá tác động trước khi mở rộng phạm vi áp dụng. Trong quá trình đó, cần quan tâm đến sự khác biệt về điều kiện tiếp cận công nghệ giữa các địa bàn, nhóm dân cư và duy trì các phương thức hỗ trợ phù hợp đối với người yếu thế.

Dù công nghệ phát triển đến đâu, việc đánh giá chứng cứ, giải thích và áp dụng pháp luật, cân nhắc hoàn cảnh cụ thể của vụ án và đưa ra phán quyết vẫn phải thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của chủ thể xét xử. AI có thể hỗ trợ năng lực phân tích và xử lý công việc, nhưng sự độc lập, bản lĩnh nghề nghiệp và suy xét nhân văn của thẩm phán vẫn giữ vai trò cốt lõi. Bảo đảm nguyên tắc này chính là cơ sở để ứng dụng AI và chuyển đổi số

góp phần nâng cao chất lượng xét xử, củng cố niềm tin của xã hội và xây dựng nền tư pháp hiện đại, công bằng, vì con người./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lam, L. (2026, January 12). *Singapore judiciary to celebrate 200 years of rule of law with year-long public exhibition*. Channel NewsAsia. <https://www.channelnewsasia.com/singapore/singapore-judiciary-bicentennial-celebrations-200-years-rule-law-5852126>;
2. Richard Susskind, *Online Courts and the Future of Justice* (Oxford University Press, 2019); Richard Susskind, *How to Think About AI* (Oxford University Press, 2024). See also: AAAi Podcast Ep. 12, “Richard Susskind on Legal Futures” (6 June 2025): <https://www.adr.org/news-and-insights/aaai-podcast-blog-episode-12/>.
3. Xu, A. (2026, April 11). *Speech at the National Conference on Judicial Process Re-engineering and Digital Transformation*. Singapore Judiciary. <https://www.judiciary.gov.sg/news-and-resources/news/news-details/justice-aidan-xu--speech-at-the-national-conference-on-judicial-process-re-engineering-and-digital-transformation>
4. Singapore Courts. (2025, September 10). *Media release: New generative AI-powered case summarisation tool to help Small Claims Tribunals users*. <https://www.judiciary.gov.sg/news-and-resources/news/news-details/media-release--new-generative-ai-powered-case-summarisation-tool-to-help-small-claims-tribunals-users>
5. Ministry of Law. (2026). *Divorce Aide – LAB’s matrimonial asset division estimator*. Legal Aid Bureau. <https://lab.mlaw.gov.sg/resources/divorce-aide-lab-matrimonial-asset-division-estimator>
6. Singapore Judiciary. (n.d.). *About eLitigation*. eLitigation. <https://www.elitigation.sg/layouts/IELS/HomePage/Pages/AboutElit.aspx>
7. Singapore Judiciary. (2025, April 30). *Enhancements to eLitigation Helpdesk and Service Bureau*. <https://www.judiciary.gov.sg/news-and-resources/news/news-details/enhancements-to-elitigation-helpdesk-and-service-bureau>
8. Singapore Judiciary. (2024). *Guide on the use of generative artificial intelligence tools by court users*. <https://www.judiciary.gov.sg/docs/default-source/news-and-resources-docs/guide-on-the-use-of-generative-ai-tools-by-court-users.pdf>
9. Ministry of Law. (2026, March 6). *Guide for using generative AI in the legal sector*. https://www.mlaw.gov.sg/files/Guide_for_using_Generative_AI_in_the_Legal_Sector_Published_on_6_Mar_2026.pdf
10. World Bank. (2025). *Digital justice in Korea: Case studies*. World Bank. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099012125231020407/pdf/P174073-f697916a-316a-443d-af4d-04fe67f7ec32.pdf>

11. Supreme Court of Korea. (n.d.). *e-Court System: Electronic Case Filing System (ECFS)*. <https://ecfs.scourt.go.kr/pspo/index-en.on?m=PSPLE10M01>
12. Supreme Court of Korea. (n.d.). *e-Trials*. <https://eng.scourt.go.kr/eng/judiciary/eCourt/eTrials.jsp>
13. Kim, S.-T. (2026, February 13). *South Korea's judiciary launches AI-powered trial support system*. Seoul Economic Daily. <https://en.sedaily.com/society/2026/02/13/south-koreas-judiciary-launches-ai-powered-trial-support>
14. Kim, J. (2026, February 18). *South Korean courts expand AI adoption with trial support and legal research tools*. ChosunBiz. <https://biz.chosun.com/en/en-society/2026/02/18/XJJSEBUTYZDQHNU555EEDW4DTI/>
15. Kim, S.-T. (2026, February 24). *Korean courts publish AI guidebook for judges*. Seoul Economic Daily. <https://en.sedaily.com/society/2026/02/24/korean-courts-publish-ai-guidebook-for-judges>
16. Korea AI Basic Act. (n.d.). *Framework Act on the Development of Artificial Intelligence and the Establishment of a Foundation for Trustworthiness*. <https://aibasicact.kr/>
17. United Nations Development Programme. (2026, May). *Responsible AI in justice: Regional policy guidance*. https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2026-05/responsible_ai_in_justice.pdf
18. Judiciary of England and Wales. (2023, January 19). *CVH introductory email for court users (Version 2)*. <https://www.judiciary.uk/wp-content/uploads/2023/01/C-VH-introductory-email-for-court-users-V2-190123.pdf>
19. Ministry of Justice. (2026, March 26). *HMCTS reform evaluation thematic report: Digitalisation*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/publications/hmcts-reform-evaluation-thematic-report-digitalisation>
20. HM Courts & Tribunals Service. (2021, November 23). *HMCTS Common Platform: View or manage a case*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/guidance/hmcts-common-platform-view-or-manage-a-case>
21. HM Courts & Tribunals Service. (n.d.). *Single justice procedure notices*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/single-justice-procedure-notices>
22. HM Courts & Tribunals Service. (2018). *Fact sheet: Online Civil Money Claims*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/publications/hmcts-reform-civil-fact-sheets/fact-sheet-online-civil-money-claims>
23. HM Courts & Tribunals Service. (n.d.). *Get a divorce*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/get-a-divorce>
24. HM Courts & Tribunals Service. (n.d.). *When someone dies*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/when-someone-dies>
25. HM Courts & Tribunals Service. (2018, March 21). *Social security and child support forms*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/collections/social-security-and-child-support-forms>

26. HM Courts & Tribunals Service. (2025, March 24). *Courts and Tribunals Service Centres: Supporting users through centralised systems and teams*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/case-studies/courts-and-tribunals-service-centres-supporting-users-through-centralised-systems-and-teams>
27. HM Courts & Tribunals Service. (2025, March 24). *Modernising courts and tribunals: Benefits of digital services*. GOV.UK. <https://www.gov.uk/guidance/modernising-courts-and-tribunals-benefits-of-digital-service>
28. Judiciary of England and Wales. (2026, May). *Digitisation report*. <https://www.judiciary.uk/wp-content/uploads/2026/05/Final-version-Digitisation-report-May-2026.pdf>
29. We Are Group. (n.d.). *HMCTS digital support service: Leaving no one behind – Enabling people to adopt HM Courts and Tribunals Service's digital-first services*. <https://www.wearegroup.com/digital-support-hmcts>
30. Neilson, C., & Jamil, A. (2025, November 25). *AI on the bench: What Evans v HMRC tells us about the future of justice*. Dentons. <https://www.dentons.com/en/insights/articles/2025/november/25/ai-on-the-bench-what-evans-v-hmrc-tells-us-about-the-future-of-justice>
31. Judiciary of England and Wales. (2025, October 31). *Artificial intelligence (AI): Guidance for judicial office holders*. <https://www.judiciary.uk/wp-content/uploads/2025/10/Artificial-Intelligence-AI-Guidance-for-Judicial-Office-Holders-2.pdf>
32. Webster, G., Creemers, R., Kania, E., & Triolo, P. (2017, August 1). *Full translation: China's "New Generation Artificial Intelligence Development Plan" (2017)*. DigiChina, Stanford University. <https://digichina.stanford.edu/work/full-translation-chinas-new-generation-artificial-intelligence-development-plan-2017/>
33. Supreme People's Court of the People's Republic of China. (2022, December 9). *加快推动人工智能同司法工作深度融合——最高法发布《关于规范和加强人工智能司法应用的意见》* [Accelerating the deep integration of artificial intelligence with judicial work: The Supreme People's Court issues the *Opinions on Regulating and Strengthening the Application of Artificial Intelligence in the Judicial Field*]. <https://www.court.gov.cn/zixun/xiangqing/382471.htm>
34. Supreme People's Court of the People's Republic of China. (2026, May 28). *Chinese courts accelerate intelligent judicial services with AI technologies*. https://english.court.gov.cn/2026-05/28/c_1187213.htm
35. China Daily. (2026, April 20). *AI-powered judicial platform enhances efficiency and public legal services*. <https://www.chinadaily.com.cn/a/202604/20/WS69e5ea80a310d6866eb44715.html>
36. Supreme People's Court of the People's Republic of China. (2024, November 16). *SPC launches AI-generated platform to help judges, public*. https://english.court.gov.cn/2024-11/16/c_1053704.htm

37. Oxford Institute of Technology and Justice. (2025). *China*. Blavatnik School of Government, University of Oxford. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/research/china>
38. Oxford Institute of Technology and Justice. (2025). *China*. Blavatnik School of Government, University of Oxford. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/research/china>
39. Oxford Institute of Technology and Justice. (2025). *China AI Justice Atlas*. Blavatnik School of Government, University of Oxford. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/hubfs/China-AI%20Justice%20Atlas-pdf.pdf>
40. Oxford Institute of Technology and Justice. (2025). *China*. Blavatnik School of Government, University of Oxford. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/research/china>;
41. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/research/china>
42. <https://peking.bjd.com.cn/content/s68db806be4b02424b0c0f466.html>
43. Oxford Institute of Technology and Justice. (2025). *China*. Blavatnik School of Government, University of Oxford. <https://www.techandjustice.bsg.ox.ac.uk/research/china>
44. Administrative Office of the U.S. Courts. (2022). *Judiciary budget justification: Fiscal year 2023—Appendix 2: Electronic Public Access Program*. <https://www.uscourts.gov/file/41640/download>
45. Todd, D. (2025, August 11). *U.S. courts ramp up security after sophisticated CM/ECF & PACER breach*. SecureWorld. <https://www.secureworld.io/industry-news/us-courts-ramp-up-cybersecurity-breach>
46. Administrative Office of the U.S. Courts. (2022, October 19). *Letter to Honorable Richard J. Durbin, Chair, Committee on the Judiciary, regarding CM/ECF modernization and PACER*. https://www.uscourts.gov/sites/default/files/letter_to_chairman_richard_durbin_october_2022_0.pdf
47. Administrative Office of the U.S. Courts. (2022). *Judiciary budget justification: Fiscal year 2023—Appendix 2: Electronic Public Access Program*. <https://www.uscourts.gov/file/41640/download>
48. Ambrogi, R. (2024, January 2). *Chief Justice Roberts, in year-end report, says AI won't make judges obsolete, but will transform their work*. LawNext. <https://www.lawnext.com/2024/01/chief-justice-roberts-in-year-end-report-says-ai-wont-make-judges-obsolete-but-will-transform-their-work.html>
49. New York City Bar Association. (2026, March 30). *Artificial intelligence in federal courts: A random-sample survey of judges*. <https://www.nycbar.org/reports/artificial-intelligence-in-federal-courts-a-random-sample-survey-of-judges/>

50. Pro Bono Institute. (2026, February 6). *AI and technology help bridge access to justice*. <https://www.probonoinst.org/2026/02/06/ai-and-technology-help-bridge-access-to-justice/>
51. JusticeBench. (n.d.). *Sandi*. <https://www.justicebench.org/project/sandi>
52. Rentervention. (n.d.). *Rentervention*. <https://rentervention.com/>
53. Legal Aid of North Carolina. (2025, November 18). *Legal Aid of North Carolina launches LIA 2.0, marking a new era in accessible, AI-powered legal information*. <https://legalaidnc.org/2025/11/18/legal-aid-of-north-carolina-launches-lia-2-0-marking-a-new-era-in-accessible-ai-powered-legal-information/>
54. Court Statistics Project. (2025, June 24). *Is GenAI revolutionizing court filings?* National Center for State Courts. <https://www.ncsc.org/resources-courts/genai-revolutionizing-court-filings>
55. U.S. Congress. Senate. (2026). *Research and Oversight of Artificial Intelligence (AI) in Courts Act of 2026* (S. 4154, 119th Cong.). <https://www.welch.senate.gov/wp-content/uploads/2026/03/Research-and-Oversight-of-Artificial-Intelligence-AI-in-Courts-Act-of-2026-Bill-Text-Final.pdf>

THAM LUẬN 6

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

TS. Hoàng Anh Tuyền

Phó hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát

Tóm tắt:

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nơi không gian số trở thành môi trường mới và dữ liệu được coi là nguồn tài nguyên giá trị. Trong bối cảnh đó, tội phạm phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao gia tăng với tính chất ngày càng tinh vi, đặt ra những thách thức đối với các nền tư pháp truyền thống vốn dựa trên quy trình thủ công và hồ sơ giấy. Đối với Việt Nam, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định mục tiêu xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, trong đó trọng tâm là xây dựng “Viện kiểm sát số”. Đây không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là yêu cầu của thực tiễn để bảo đảm công lý được thực thi nhanh chóng, chính xác và minh bạch. Bài viết nghiên cứu, phân tích kinh nghiệm quốc tế trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động công tố và kiểm sát: từ “Hệ thống 206” của Trung Quốc, nền tảng KICS của Hàn Quốc đến các quy định chuẩn mực đạo đức AI của Châu Âu... trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện hành lang pháp lý, hạ tầng kỹ thuật và đào tạo nhân lực, nhằm hoàn thiện mô hình “Viện kiểm sát số” trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Viện kiểm sát nhân dân; Thực hành quyền công tố; Kiểm sát hoạt động tư pháp; Trí tuệ nhân tạo (AI); Chuyển đổi số; Chứng cứ điện tử.

Đặt vấn đề:

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự bùng nổ của Trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) đang làm thay đổi sâu sắc diện mạo của đời sống kinh tế – xã hội trên quy mô toàn cầu. Không gian số đã và đang trở thành một môi trường hoạt động mới, nơi dữ liệu được định vị là nguồn tài nguyên chiến lược quan trọng nhất. Tuy nhiên, sự phát triển này cũng kéo theo sự gia tăng nhanh chóng của các loại tội phạm phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao và tội phạm xuyên quốc gia với thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp. Thực tiễn điều tra và truy tố tội phạm hiện nay chứng kiến sự bùng nổ chưa từng có của hệ thống chứng cứ kỹ thuật số - từ dữ liệu camera giám sát, tin nhắn mạng xã hội, nhật ký cuộc gọi đến các dòng tiền điện tử và sao kê tài chính xuyên biên giới. Thực tế đó tạo ra áp lực quá tải khổng lồ, đặt nền tư pháp hình sự truyền thống vốn vận hành dựa trên quy trình thủ công và hồ sơ giấy trước nguy cơ chậm trễ, khó đáp ứng yêu cầu xử lý tội phạm kịp thời và chính xác.

Tại Việt Nam, chủ trương chuyển đổi số và hiện đại hóa hoạt động tư pháp đã được

Đảng và Nhà nước xác định là một đột phá chiến lược. Đặc biệt, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đặt ra yêu cầu xây dựng một nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính và phụng sự Tổ quốc. Trong lộ trình đó, mục tiêu xây dựng “Viện kiểm sát số” trở thành nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của ngành Kiểm sát nhân dân, nhằm đổi mới căn bản phương thức thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện, xử lý nghiêm minh, không để xảy ra oan sai và không bỏ lọt tội phạm.

Tuy nhiên, việc tích hợp AI vào hoạt động công tố và kiểm sát không đơn thuần là quá trình số hóa hồ sơ hay áp dụng các công cụ kỹ thuật mới, mà là một bài toán phức tạp giữa hiệu quả thực thi quyền lực công và nghĩa vụ bảo đảm quyền con người. Hoạt động công tố tác động trực tiếp đến sinh mệnh pháp lý, quyền tự do, nhân phẩm và tài sản của công dân. Trong khi AI mang lại năng lực vượt trội trong việc phân tích khối dữ liệu chứng cứ khổng lồ, đối soát mâu thuẫn lời khai và dự báo xu hướng xét xử, thì công nghệ này cũng đồng thời làm phát sinh những thách thức pháp lý và đạo đức sâu sắc: nguy cơ định kiến thuật toán, tính thiếu minh bạch của cơ chế “hộp đen” và hiện tượng “ảo giác AI” có thể làm xâm phạm quyền bào chữa, nguyên tắc suy đoán vô tội và sự độc lập trong suy luận của Kiểm sát viên.

Xuất phát từ yêu cầu lý luận và đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng AI và chuyển đổi số trong hoạt động công tố, kiểm sát là hết sức cần thiết. Từ các mô hình tự động hóa toàn diện và kiểm sát thông minh tại Trung Quốc, chuyển đổi số quy trình tư pháp hình sự tại Liên bang Nga, hệ thống dữ liệu liên thông KICS tại Hàn Quốc, việc quản trị rủi ro và giám định chứng cứ tại Hoa Kỳ, cho đến các khung chuẩn mực đạo đức thuật toán khắt khe của Liên minh Châu Âu và nền tảng e-File của Estonia... bài viết sẽ phân tích toàn diện những mặt ưu việt cũng như các rào cản, rủi ro tiềm ẩn của từng mô hình. Trên cơ sở đó, tác giả luận giải và đề xuất hệ thống các giải pháp hoàn thiện hành lang pháp lý, phát triển hạ tầng kỹ thuật và nâng cao năng lực cho đội ngũ “Kiểm sát viên số”, góp phần kiến tạo thành công mô hình “Viện kiểm sát số” tại Việt Nam trong kỷ nguyên số.

1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động công tố và kiểm sát

1.1. Trung Quốc

Tại Trung Quốc, việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số trong hoạt động công tố, kiểm sát được triển khai sâu rộng dưới chiến lược “Kiểm sát thông minh”¹⁶⁰. Đây là một nỗ lực ở cấp quốc gia nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu suất và đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng pháp luật.

¹⁶⁰ Tahura, U. S., & Selvadurai, N. (2021). The use of artificial intelligence in judicial decision-making: The example of China. *Computer Law & Security Review*, 43, Article 105621.

1.1.1. Khung chính sách và lộ trình triển khai

- *Chiến lược dài hạn*: Ngay từ năm 2016, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao Trung Quốc (SPP) đã đưa ra “Quy hoạch phát triển công tác kiểm sát trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 13”, đặt mục tiêu xây dựng hệ thống dữ liệu lớn¹⁶¹. Tiếp đó là Hướng dẫn hoạt động kiểm sát thông minh (2018-2020) nhằm xây dựng hệ sinh thái số cho mọi hoạt động nghiệp vụ¹⁶². Đến tháng 4/2025, SPP khởi động chương trình thí điểm xây dựng “Kiểm sát thông minh” tại 10 tỉnh thành lớn (bao gồm Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Đông, Giang Tô...). Chương trình này nhằm vào 18 loại tội phạm phổ biến (như trộm cắp, lừa đảo, lái xe nguy hiểm, tội phạm mạng) để tự động hóa việc phân loại hồ sơ, trích xuất cấu thành tội phạm và phân tích dòng tiền¹⁶³.

1.1.2. Các ứng dụng AI nổi bật trong công tác công tố và kiểm sát

- *Hệ thống “206” (Thượng Hải)*: Đây là hệ thống cốt lõi tích hợp dữ liệu liên thông giữa Cảnh sát, Viện Kiểm sát và Tòa án. Hệ thống này giúp công tố viên thẩm định chứng cứ tự động: AI phân tích hồ sơ để kiểm tra tính hợp pháp của chứng cứ, phát hiện mâu thuẫn giữa lời khai và vật chứng, cảnh báo nếu cảnh sát thu thập chứng cứ sai quy trình. Hỗ trợ quyết định bắt giữ: Đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của nghi phạm để tham mưu cho Kiểm sát viên quyết định phê chuẩn lệnh bắt hay cho tại ngoại¹⁶⁴.

- *Công tố viên AI*: Được phát triển và thử nghiệm tại quận Phố Đông (Thượng Hải), công cụ này học từ 17.000 vụ án thực tế (2015-2020) và chạy trên máy tính để bàn¹⁶⁵. Dựa trên bản mô tả vụ án, Kiểm sát viên AI có khả năng ra quyết định truy tố với độ chính xác 97% đối với 8 tội danh phổ biến (như lừa đảo thẻ tín dụng, đánh bạc, trộm cắp, lái xe liều lĩnh...).

- *Robot và Hệ thống quản lý án: **Tại An Huy***: Tháng 4/2025, hệ thống xử lý án dùng AI được triển khai, tích hợp 10 kịch bản nghiệp vụ (đọc duyệt hồ sơ, điền biểu mẫu tự động, soạn thảo văn bản, phát hiện lỗi), giúp giảm từ 50-70% thời gian xử lý án cho Kiểm sát viên. ***Tại Giang Tô***: sử dụng “Robot quản lý án” từ năm 2016 để tự động đối chiếu các tài liệu pháp lý, phát hiện lỗi hoặc các khiếm khuyết trong hồ sơ¹⁶⁶.

¹⁶¹ Wang, H. (2023). AI and administration of justice in China. *Journal of Digital Justice*, 12(A), 1-37.

Lelieur, J. (Ed.). (2023). *Artificial intelligence and administration of criminal justice* (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

¹⁶² Guo, Z., & Yang, J. (2025). The application of artificial intelligence in China’s criminal justice system. *Legal Issues in the Digital Age*, 6(1), 83–104. <https://doi.org/10.17323/2713-2749.2025.1.83.104>

Wang, H. (2023). AI and administration of justice in China. *Journal of Digital Justice*, 12(A), 1-37.

¹⁶³ Tahura, U. S., & Selvadurai, N. (2021). The use of artificial intelligence in judicial decision-making: The example of China. *Computer Law & Security Review*, 43, Article 105621.

¹⁶⁴ Tahura, U. S., & Selvadurai, N. (2021). The use of artificial intelligence in judicial decision-making: The example of China. *Computer Law & Security Review*, 43, Article 105621.

Ryan, F., Allen, B., Shih, S., Robin, S., Attrill, N., Alpert, J., Young, A., & Hoja, T. (2025). The party’s AI: How China’s new AI systems are reshaping human rights (Policy Brief). Australian Strategic Policy Institute.

¹⁶⁵ Tahura, U. S., & Selvadurai, N. (2021). The use of artificial intelligence in judicial decision-making: The example of China. *Computer Law & Security Review*, 43, Article 105621.

¹⁶⁶ Ryan, F., Allen, B., Shih, S., Robin, S., Attrill, N., Alpert, J., Young, A., & Hoja, T. (2025). The party’s AI: How China’s new AI systems are reshaping human rights (Policy Brief). Australian Strategic Policy Institute.

- *Gợi ý hình phạt (Hệ thống Bao công nhỏ - Xiao Baogong)*: Nền tảng này sử dụng dữ liệu lớn từ các bản án tương tự trước đó để đề xuất mức hình phạt¹⁶⁷. Đáng chú ý, để hạn chế việc lạm quyền, nếu mô hình AI đề xuất phạt tù giam nhưng Kiểm sát viên muốn đề xuất cho hưởng án treo thì bắt buộc phải làm báo cáo giải trình lý do và gửi cho lãnh đạo phê duyệt¹⁶⁸.

- *Tích hợp Mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs)*: Các cơ quan kiểm sát tại Thượng Hải, Quý Châu và nhiều nơi khác đã tích hợp các LLMs (điển hình như DeepSeek trong năm 2025) để rà soát hàng trăm nghìn văn bản pháp lý, phát hiện các đường dây gian lận và hỗ trợ soạn thảo Cáo trạng¹⁶⁹.

- *Hỗ trợ hành chính và tương tác với người dân*: Công nghệ nhận diện giọng nói (Speech-to-text) của iFlyTek được dùng để tự động tạo biên bản ghi lời khai, biên bản phiên tòa. Tại Thiên Tân, “Robot” tích hợp nhận diện khuôn mặt được đặt ở trung tâm dịch vụ 12309 để đón tiếp người dân, tư vấn pháp lý và quản lý khiếu nại¹⁷⁰.

1.1.3. Những thách thức và rủi ro tồn tại

Dù ứng dụng mạnh mẽ, mô hình kiểm sát số của Trung Quốc cũng vấp phải những quan ngại nghiêm trọng:

- *Trách nhiệm pháp lý*: Việc giao phó quyết định cho máy móc tạo ra câu hỏi lớn: “Mặc dù độ chính xác là 97%, nhưng ai sẽ chịu trách nhiệm cho 3% sai sót hoặc án oan sai?”.

- *Rủi ro “Hộp đen” và quyền bào chữa*: Hệ thống 206 và các thuật toán tương tự hoạt động như một “hộp đen”. Các luật sư bào chữa thường chỉ được thông báo kết quả do AI đề xuất mà không được cung cấp thông số thuật toán hay dữ liệu đầu vào, ảnh hưởng lớn đến sự bình đẳng và quyền bào chữa trong tố tụng¹⁷¹.

- *Hiệu ứng mỏ neo và đùn đẩy trách nhiệm*: Sự xuất hiện của tiêu chuẩn AI khiến nhiều cán bộ nảy sinh “sức ỳ”. Họ có xu hướng phụ thuộc vào kết quả của máy móc (do sợ bị phạt nếu làm trái ý AI mà sai sót), dẫn đến nền tư pháp máy móc, mất đi tính nhân văn và các yếu tố suy luận độc lập của con người¹⁷².

1.2. Liên bang Nga

Tại Liên bang Nga, việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số trong hoạt động của Viện kiểm sát và các cơ quan thực thi pháp luật đang được triển khai mạnh mẽ dựa trên chiến lược cấp quốc gia, hướng tới việc hiện đại hóa toàn diện quy trình tố tụng

¹⁶⁷ China-AI Justice Atlas-pdf.pdf

¹⁶⁸ Ryan, F., Allen, B., Shih, S., Robin, S., Attrill, N., Alpert, J., Young, A., & Hoja, T. (2025). The party’s AI: How China’s new AI systems are reshaping human rights (Policy Brief). Australian Strategic Policy Institute.

¹⁶⁹ Ryan, F., Allen, B., Shih, S., Robin, S., Attrill, N., Alpert, J., Young, A., & Hoja, T. (2025). The party’s AI: How China’s new AI systems are reshaping human rights (Policy Brief). Australian Strategic Policy Institute.

¹⁷⁰ Wang, H. (2023). AI and administration of justice in China. *Journal of Digital Justice*, 12(A), 1-37.

Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

¹⁷¹ Ryan, F., Allen, B., Shih, S., Robin, S., Attrill, N., Alpert, J., Young, A., & Hoja, T. (2025). The party’s AI: How China’s new AI systems are reshaping human rights (Policy Brief). Australian Strategic Policy Institute.

¹⁷² Wang, H. (2023). AI and administration of justice in China. *Journal of Digital Justice*, 12(A), 1-37.

hình sự và dân sự. Cụ thể như sau:

1.2.1. Chiến lược chuyển đổi số ngành kiểm sát đến năm 2025

Nga đang thực hiện “Khái niệm chuyển đổi số của các cơ quan và tổ chức Kiểm sát Liên bang Nga đến năm 2025”¹⁷³. Lộ trình này tập trung vào 3 lĩnh vực ưu tiên: (1) Giám sát công nghệ cao, (2) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, và (3) Môi trường tin cậy¹⁷⁴.

- *Nền tảng kỹ thuật số liên ngành*: Nga đang phát triển một nền tảng trực tuyến duy nhất để liên thông dữ liệu giữa Viện kiểm sát, cơ quan điều tra và tòa án. Nền tảng này cho phép Viện kiểm sát giám sát trực tuyến tính hợp pháp của các quyết định tố tụng mà không cần yêu cầu cơ quan điều tra gửi hồ sơ giấy. Khi kết thúc điều tra, Kiểm sát viên sẽ nhận được kết luận điều tra điện tử, loại bỏ việc phải vận chuyển các bộ hồ sơ nhiều tập. Nền tảng này dự kiến ứng dụng các công nghệ như học máy (mạng nơ-ron ngữ nghĩa, thị giác máy tính), phân tích cụm dữ liệu và công nghệ blockchain để bảo mật thông tin và chống gian lận.

- *Hệ thống thống kê pháp lý tự động hóa của Nhà nước (GAS PS - ГАС ПС)*: Đây là công cụ trung tâm do Tổng Viện kiểm sát phát triển để quản lý kho dữ liệu tội phạm thống nhất cấp liên bang¹⁷⁵. Hệ thống bao gồm nhiều mô-đun như “Phân tích”, “Quản lý công việc của Kiểm sát viên”, giúp tự động hóa việc hình thành các báo cáo thống kê từ vài ngày xuống chỉ còn vài phút. Tuy nhiên, quá trình triển khai hệ thống này khá phức tạp. Theo Sắc lệnh số 3 ngày 10/01/2023 của Tổng kiểm sát viên trưởng, việc vận hành thử nghiệm GAS PS đã bị tạm đình chỉ để tiến hành nâng cấp toàn diện và thay thế hoàn toàn bằng các phần mềm, thiết bị nội địa (nhằm đảm bảo an ninh quốc gia và tự chủ công nghệ)¹⁷⁶.

1.2.2. Ứng dụng AI trong hỗ trợ điều tra và phân tích chứng cứ

Các cơ quan thực thi pháp luật và pháp y của Nga đã phát triển nhiều công cụ AI chuyên biệt để hỗ trợ phá án và đánh giá chứng cứ:

- *Mạng lưới nhận diện khuôn mặt và dự báo tội phạm*: Chương trình “Thành phố an toàn” tại Moscow kết nối hơn 178.000 camera với hệ thống nhận diện khuôn mặt FindFace Security (của công ty NtechLab), giúp tự động quét, lưu trữ và phát hiện tội

¹⁷³ Astashkina, E. N., Kurokhtina, E. S., Beketova, K. G., & Yakusheva, S. E. (2022). Digital transformation of the prosecution authorities work within the information society development. In *European Proceedings of Social and Behavioural Sciences* (Vol. 122, pp. 41–47). European Publisher. <https://doi.org/10.15405/epsbs.2022.01.7>

¹⁷⁴ Tabolina, K., & Tabolin, V. (2021). Digital transformation of the Prosecutor's Office and its impact on criminal proceedings. In *Proceedings of the 1st International Scientific Conference “Legal Regulation of the Digital Economy and Digital Relations: Problems and Prospects of Development” (LARDER 2020)* (Vol. 171, pp. 143–147). Atlantis Press. <https://doi.org/10.2991/aebmr.k.210318.023>

¹⁷⁵ Astashkina, E. N., Kurokhtina, E. S., Beketova, K. G., & Yakusheva, S. E. (2022). Digital transformation of the prosecution authorities work within the information society development. In *European Proceedings of Social and Behavioural Sciences* (Vol. 122, pp. 41–47). European Publisher. <https://doi.org/10.15405/epsbs.2022.01.7>

- Shirokova, P. V. (2023). On the issue of using information systems in the activities of the prosecutor. *Vestnik of Kostroma State University*, 29(1), 196–200. <https://doi.org/10.34216/1998-0817-2023-29-1-196-200>

¹⁷⁶ Shirokova, P. V. (2023). On the issue of using information systems in the activities of the prosecutor. *Vestnik of Kostroma State University*, 29(1), 196–200. <https://doi.org/10.34216/1998-0817-2023-29-1-196-200>

phạm bỏ trốn chỉ trong vài giây. Bên cạnh đó, hệ thống IASMCS được sử dụng như một bản đồ tương tác để phân tích dữ liệu lớn, phát hiện các điểm nóng tội phạm nhằm phòng ngừa chủ động¹⁷⁷.

- *Hệ thống định hình tội phạm hàng loạt*: Viện Nghiên cứu khoa học pháp y Nga đã phát triển phần mềm dựa trên học máy để phân tích đặc điểm chữ viết tay, giúp liên kết các vụ án giết người hàng loạt. Một thuật toán mạng nơ-ron khác được sử dụng để “vẽ chân dung” tội phạm hiếp dâm hàng loạt (dự đoán tuổi, khoảng cách từ nơi ở đến hiện trường, tình trạng tâm thần) với độ chính xác có thể vượt quá 90%¹⁷⁸.

- *Các hệ thống chuyên án*: Nga sử dụng phần mềm để phân tích dữ liệu và đề xuất các giả thuyết điều tra có khả năng xảy ra cao nhất, giúp thu hẹp phạm vi nghi phạm. Ngoài ra còn có hệ thống “Block” cho tội phạm kinh tế, “Maniac” cho các vụ giết người hàng loạt có yếu tố tình dục, “Octopus” để truy vết mạng lưới liên lạc của tội phạm, và phần mềm “Mirror” tích hợp mạng nơ-ron để phát hiện video giả mạo (deepfake)¹⁷⁹.

1.2.3. Ứng dụng AI trong xét xử và dự báo pháp lý

Dù chưa giao toàn quyền quyết định cho AI, Nga đang thử nghiệm nhiều công cụ hỗ trợ thẩm phán và kiểm sát viên:

- *Cân điện tử công lý*: Đây là một hệ thống thiết kế nhằm hỗ trợ thẩm phán xác định mức hình phạt tối ưu. Dựa trên chuỗi số Fibonacci và tỷ lệ “tỉ lệ vàng”, hệ thống sử dụng một ma trận chấm điểm để tự động đối chiếu các tình tiết tăng nặng (25 tình tiết) và giảm nhẹ (25 tình tiết), từ đó đưa ra gợi ý mức hình phạt một cách nhất quán nhằm tránh sự cảm tính.

- *Robot pháp lý*: Được phát triển dựa trên mạng nơ-ron (như Word2vec và thuật toán học máy), LegalApe có khả năng phân tích ngôn ngữ tự nhiên, trả lời các câu hỏi pháp lý phức tạp, tham gia tranh luận và tự động soạn thảo ý kiến pháp lý.

- *Tự động hóa hành chính*: Nga đã triển khai dịch vụ “Justice Online” giúp tự động dự thảo các văn bản tư pháp. Từ năm 2019, hệ thống phân công án tự động cũng được áp dụng, dựa trên 9 tiêu chí đánh giá độ phức tạp của hồ sơ để phân công công việc công bằng cho các thẩm phán¹⁸⁰.

1.2.4. Khung pháp lý và thách thức đạo đức

Việc ứng dụng AI tại Nga vẫn đối mặt với những khoảng trống:

- *Thiếu luật chuyên biệt*: Hiện Nga chưa có luật cụ thể điều chỉnh riêng về việc sử dụng AI trong hệ thống Viện kiểm sát và dự báo tội phạm. AI chỉ được quản lý gián tiếp qua luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, luật bí mật quốc gia và Chiến lược phát triển AI Quốc gia

¹⁷⁷ Gubko, V., Novogonskaya, M., Stepanov, P., & Yundina, M. (2023). AI and administration of justice in Russia.

¹⁷⁸ Gubko, V., Novogonskaya, M., Stepanov, P., & Yundina, M. (2023). AI and administration of justice in Russia.

¹⁷⁹ Gubko, V., Novogonskaya, M., Stepanov, P., & Yundina, M. (2023). AI and administration of justice in Russia.

¹⁸⁰ Gubko, V., Novogonskaya, M., Stepanov, P., & Yundina, M. (2023). AI and administration of justice in Russia.

đến năm 2030. Các phần mềm AI không bị bắt buộc phải cấp chứng nhận trừ khi chúng liên quan đến việc bảo vệ bí mật nhà nước.

- *Rủi ro từ hệ thống*: Mặc dù AI (như hệ thống nhận diện khuôn mặt) mang lại hiệu quả bắt giữ cao, nhưng vẫn có tỷ lệ sai sót nhất định (ví dụ: bị phạt nhầm trong thời gian cách ly Covid-19). Đồng thời, các học giả của Nga cũng cảnh báo về việc các cán bộ tư pháp dễ rơi vào trạng thái “phụ thuộc” vào máy móc, làm xói mòn quyền định đoạt độc lập của con người và có thể tạo ra một thể hệ thẩm phán, Kiểm sát viên kém năng lực suy luận¹⁸¹.

1.3. Hàn Quốc

Tại Hàn Quốc, công cuộc chuyển đổi số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động công tố và tư pháp hình sự được thực hiện một cách toàn diện, bài bản thông qua việc tái thiết kế toàn bộ quy trình làm việc thay vì chỉ số hóa giấy tờ đơn thuần. Cốt lõi của quá trình này là Hệ thống KICS và các sáng kiến tích hợp AI thế hệ mới.

1.3.1. Hệ thống thông tin dịch vụ tư pháp hình sự (KICS)

Ra mắt từ năm 2010, KICS là nền tảng kỹ thuật số liên thông dữ liệu giữa 4 cơ quan: Cảnh sát, Viện công tố, Tòa án và Bộ Tư pháp. KICS đã thay thế hoàn toàn quy trình làm việc trên giấy tờ truyền thống vốn chậm chạp và dễ sai sót.

Liên thông dữ liệu: Điểm đặc biệt của KICS là không sử dụng một cơ sở dữ liệu tập trung khổng lồ. Thay vào đó, hệ thống sử dụng liên thông dữ liệu với một máy chủ trung gian đóng vai trò luân chuyển dữ liệu theo thời gian thực giữa các hệ thống độc lập của từng cơ quan. Thiết kế này được lựa chọn để giải quyết các lo ngại về Hiến pháp, giúp bảo vệ tính độc lập và quyền tự chủ của Viện công tố cũng như các cơ quan khác, đồng thời ngăn chặn rủi ro một cơ quan thao túng toàn bộ dữ liệu¹⁸².

1.3.2. Tự động hóa quy trình truy tố và xét xử

Hệ thống KICS đã tạo ra bước đột phá trong việc tự động hóa các vụ án hình sự có tính chất đơn giản, không có tranh chấp về tình tiết (điển hình như vi phạm giao thông, lái xe khi say rượu DUI). Hiện tại, KICS đã tự động hóa khoảng 30% tổng số các vụ án hình sự. Việc số hóa toàn bộ quy trình này (không sử dụng hồ sơ giấy) đã giúp rút ngắn thời gian xử lý án trung bình từ 47 ngày xuống chỉ còn 25 ngày. Viện kiểm sát và Tòa án có thể ban hành lệnh điện tử và thông báo kết quả, tiền phạt cho người vi phạm qua email hoặc tin nhắn SMS¹⁸³.

1.3.3. Tích hợp AI thông qua Dự án KICS Thế hệ mới

Để đáp ứng nhu cầu của kỷ nguyên số, Hàn Quốc đã khởi động dự án KICS Thế hệ

¹⁸¹ Gubko, V., Novogonskaya, M., Stepanov, P., & Yundina, M. (2023). AI and administration of justice in Russia.

¹⁸² World Bank. (2024). Digitalization of South Korea's justice system: Enhancing access and efficiency. International Bank for Reconstruction and Development. <https://www.worldbank.org>

¹⁸³ World Bank. (2024). Digitalization of South Korea's justice system: Enhancing access and efficiency. International Bank for Reconstruction and Development. <https://www.worldbank.org>

mới (hoàn thành vào năm 2024), tập trung mạnh mẽ vào việc ứng dụng công nghệ ICT tiên tiến như Trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu.

- *Hỗ trợ ra quyết định thông minh*: AI được tích hợp để cải tiến quy trình ra quyết định của công tố viên và tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực.

- *Chatbot AI Tư pháp Hình sự*: Cung cấp dịch vụ tương tác 24/7 để trả lời các câu hỏi của người dân về tiến độ vụ án và các khoản phạt.

- *Dịch vụ “Zero-Stop” qua thiết bị di động*: Cho phép tiến hành các cuộc điều tra từ xa qua video trên điện thoại thông minh và giúp cảnh sát xử lý quy trình đối với các vi phạm nhỏ ngay tại hiện trường mà không cần đưa người dân về đồn.

1.3.4. Ứng dụng AI trong phòng ngừa tội phạm và giám sát

Bên cạnh KICS, các cơ quan thực thi pháp luật Hàn Quốc tích cực sử dụng AI để ngăn chặn tội phạm từ sớm:

- *Phát hiện tội phạm bám đuôi*: Cơ quan Cảnh sát Quốc gia (NPA) và Cơ quan an ninh Internet (KISA) đã phát triển công nghệ AI phân tích trực tiếp dữ liệu camera giám sát (CCTV) để nhận diện các dấu hiệu tiền trạm của hành vi bám đuôi, từ đó phát cảnh báo sớm cho cảnh sát và nạn nhân tiềm năng để ngăn chặn hậu quả.

- *Hệ thống giám sát CCTV thông minh*: AI được triển khai để tự động phân loại người, vật thể và phát hiện các hành vi bất thường (như đánh nhau, xâm nhập trái phép). Để đảm bảo quyền riêng tư, hệ thống AI sẽ tự động làm mờ khuôn mặt và biển số xe, đồng thời mã hóa dữ liệu video xuất ra¹⁸⁴.

1.3.5. Xây dựng niềm tin và hành lang pháp lý

Việc chia sẻ lượng lớn dữ liệu nhạy cảm đòi hỏi sự tin tưởng tuyệt đối. Hàn Quốc đã ban hành *Đạo luật Thúc đẩy số hóa quy trình tư pháp hình sự* làm nền tảng pháp lý vững chắc cho KICS. Về mặt quản trị, Hàn Quốc thiết lập Hội đồng Hệ thống thông tin tư pháp hình sự với sự tham gia bình đẳng của các cơ quan để đưa ra quyết định. Về bảo mật, mọi quyền truy cập vào hệ thống của Công tố viên hay cán bộ đều phải được chứng minh bằng lý do công vụ, được lưu vết chi tiết và xác thực bằng nhiều phương thức (như sinh trắc học vân tay, chứng thư số đa lớp) để ngăn chặn việc lạm dụng dữ liệu cá nhân¹⁸⁵.

1.4. Hoa Kỳ

Quá trình ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số trong hoạt động công tố, điều tra và tư pháp tại Hoa Kỳ diễn ra mạnh mẽ nhưng mang tính phân tán cao do cấu trúc liên bang¹⁸⁶. Việc ứng dụng tập trung vào các công cụ phân tích chứng cứ, dự

¹⁸⁴ World Bank. (2024). Digitalization of South Korea's justice system: Enhancing access and efficiency. International Bank for Reconstruction and Development. <https://www.worldbank.org>

¹⁸⁵ World Bank. (2024). Digitalization of South Korea's justice system: Enhancing access and efficiency. International Bank for Reconstruction and Development. <https://www.worldbank.org>

¹⁸⁶ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

báo tội phạm và đặc biệt là hệ thống đánh giá rủi ro hỗ trợ ra quyết định.

1.4.1. Phân tích chứng cứ kỹ thuật số và hỗ trợ điều tra

Hoạt động công tố và điều tra tại Mỹ đang phải đối mặt với sự bùng nổ của chứng cứ kỹ thuật số (camera, điện thoại, email, mạng xã hội). AI đóng vai trò “bộ lọc thông minh” giúp rút ngắn thời gian xử lý:

- *Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) và Thị giác máy tính*: Các thuật toán NLP được sử dụng để phân tích ngữ nghĩa, bối cảnh và cảm xúc trong các email, tin nhắn nhằm phát hiện ý định phạm tội hoặc ngôn ngữ mã hóa ngầm¹⁸⁷. Công nghệ thị giác máy tính và nhận diện khuôn mặt (như Clearview AI) được áp dụng để xác định danh tính nghi phạm hoặc nạn nhân từ hàng nghìn giờ video và hình ảnh¹⁸⁸.

- *Phân tích dữ liệu lớn (Big Data)*: Các công tố viên và cảnh sát sử dụng các phần mềm phân tích dữ liệu tiên tiến (điển hình như Palantir) để trích xuất dữ liệu, vẽ sơ đồ các mối quan hệ, chuỗi chỉ huy của mạng lưới tội phạm hoặc theo dõi dòng tiền bất hợp pháp¹⁸⁹.

- *Dự báo tội phạm*: Các công cụ như “Patternizr” của Sở Cảnh sát New York dùng AI để nhận diện các vụ trộm cắp, cướp giật có cùng phương thức hoạt động để liên kết các vụ án do cùng một người/nhóm thực hiện¹⁹⁰. Dù vậy, một số thành phố (như Santa Cruz, New Orleans) đã cấm hoặc đình chỉ công nghệ này do lo ngại vi phạm dân quyền¹⁹¹.

1.4.2. Các hệ thống đánh giá rủi ro

Đây là mảng ứng dụng AI gây tiếng vang lớn nhất nhưng cũng gây tranh cãi nhất tại Mỹ, được dùng để hỗ trợ thẩm phán và công tố viên quyết định việc bảo lãnh tại ngoại, định khung hình phạt và ân xá:

- *Hệ thống COMPAS*: Là phần mềm thuật toán độc quyền phân tích câu trả lời từ 137 câu hỏi về lý lịch và hoàn cảnh của bị cáo để chấm điểm nguy cơ tái phạm từ 1 (thấp) đến 10 (cao). Hệ thống này được dùng phổ biến ở cấp tiểu bang (như Wisconsin) để tham mưu mức án¹⁹².

- *Hệ thống PATTERN*: Được Cục đánh giá nhà tù Liên bang sử dụng từ năm 2019, ứng dụng phương pháp tương tự AI để đánh giá rủi ro và xác định xem một phạm nhân có

¹⁸⁷ Paraschiv, C. S. (2025). Advantages of using AI in the criminal prosecution phase for digital evidence analysis. RAIS Journal for Interdisciplinary Studies.

¹⁸⁸ Bo, M. (2026). Artificial intelligence in the prosecution of international crimes. International Law Studies, 107, 291–326.

¹⁸⁹ Bo, M. (2026). Artificial intelligence in the prosecution of international crimes. International Law Studies, 107, 291–326.

¹⁹⁰ Bo, M. (2026). Artificial intelligence in the prosecution of international crimes. International Law Studies, 107, 291–326.

¹⁹¹ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

¹⁹² Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

đủ điều kiện được giảm án hay thả tự do sớm hay không¹⁹³.

- *Hệ thống Học máy tại Pennsylvania*: Từ năm 2013, Ủy ban Quản chế và Ân xá Pennsylvania đã sử dụng các mô hình học máy (như thuật toán *random forests*) phân tích hồ sơ phạm nhân để hỗ trợ ra các quyết định ân xá¹⁹⁴.

1.4.3. Nghiên cứu pháp lý và tự động hóa

Công nghệ AI cũng được các luật sư và công tố viên Mỹ sử dụng để dự đoán trước phán quyết của tòa án. Các công cụ như Ravel Law (thuộc LexisNexis) sử dụng NLP và học máy để phân tích hàng triệu án lệ, từ đó cung cấp chiến lược và dự báo xu hướng ra quyết định của từng vị thẩm phán cụ thể¹⁹⁵.

1.4.4. Thách thức, rủi ro và hành lang pháp lý

Việc ứng dụng AI ở Mỹ vấp phải những thách thức rất lớn về mặt pháp lý và đạo đức:

- *Thiên kiến thuật toán và phân biệt chủng tộc*: Tổ chức độc lập ProPublica đã công bố nghiên cứu chấn động chỉ ra rằng phần mềm COMPAS phân biệt đối xử có hệ thống. Hệ thống này dự đoán sai người da màu có rủi ro tái phạm (đặc biệt là tội phạm bạo lực) cao gấp đôi so với người da trắng¹⁹⁶.

- *Rủi ro “Hộp đen” và quyền bào chữa*: Trong vụ án nổi tiếng *State v. Loomis* (2016), bị cáo đã kháng cáo vì cho rằng việc tòa án dùng COMPAS vi phạm quyền được xét xử công bằng, bởi thuật toán này là bí mật thương mại của công ty tư nhân nên bị cáo không thể biết máy tính đã suy luận thế nào để ra điểm số bất lợi cho mình. Dù Tối cao pháp viện Wisconsin bác đơn kiện, họ đã ra phán quyết bắt buộc các báo cáo phải có “lời cảnh báo” về sự thiếu chính xác và rủi ro của COMPAS¹⁹⁷.

- *Sự phụ thuộc vào AI và ảo giác AI*: Việc quá tin tưởng vào công nghệ sinh ra rủi ro thẩm phán/công tố viên lười suy luận. Thêm vào đó, việc dùng công cụ AI tạo sinh lòng leo đã dẫn đến sự việc luật sư lạm dụng ChatGPT để nộp các “án lệ giả mạo” không hề tồn tại lên tòa án, dẫn đến bị phạt nặng.

- *Khung pháp lý đang định hình*: Hoa Kỳ hiện chưa có một đạo luật liên bang duy nhất quản lý AI trong tư pháp. Tuy nhiên, các nỗ lực đang được thúc đẩy: Ở cấp liên bang: Nhà Trắng đã ban hành “Kế hoạch chi tiết cho Tuyên ngôn Nhân quyền AI” để bảo vệ công dân trước các hệ thống tự động. Ở cấp địa phương: Bang Idaho đã ban hành đạo luật (năm 2019) yêu cầu mọi công cụ đánh giá rủi ro trước xét xử phải hoàn toàn minh bạch, không được viện dẫn lý do “bí mật thương mại” để trốn tránh việc cung cấp dữ liệu

¹⁹³ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

¹⁹⁴ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

¹⁹⁵ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

¹⁹⁶ European Commission for the Efficiency of Justice. (2018). European ethical Charter on the use of Artificial Intelligence in judicial systems and their environment. Council of Europe.

¹⁹⁷ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

cho quá trình đối tụng¹⁹⁸.

Tóm lại, bài học từ Hoa Kỳ cho thấy công nghệ AI mang lại năng lực xử lý chứng cứ và dự báo vượt trội cho Viện công tố nhưng nếu triển khai dưới dạng phần mềm độc quyền “hộp đen” mà thiếu sự giám sát thì có thể trực tiếp xâm phạm đến quyền con người và nguyên tắc công bằng của nền tư pháp.

1.5. Tại châu Âu

Việc ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số trong hoạt động công tố, kiểm sát tư pháp hình sự mang một đặc trưng rất riêng biệt: phát triển công nghệ luôn phải đặt dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt của pháp luật về quyền con người và đạo đức. Khác với sự phát triển ồ ạt tại Mỹ hay Trung Quốc, Châu Âu áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro và quản trị thận trọng¹⁹⁹.

1.5.1. Khung pháp lý và đạo đức “Kiểm sát số”

Châu Âu là khu vực đi đầu thế giới trong việc thiết lập các hàng lang pháp lý và đạo đức cho AI trong tư pháp:

- *Đạo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 của Liên minh Châu Âu (EU AI Act)*: Có hiệu lực vào năm 2024, đạo luật này phân loại AI theo mức độ rủi ro. Các hệ thống AI dùng để đánh giá độ tin cậy của chứng cứ, dự đoán rủi ro tái phạm hay phân tích hồ sơ trong thực thi pháp luật và công tố đều bị xếp vào nhóm “rủi ro cao”²⁰⁰. Các cơ quan công tố muốn sử dụng phải tiến hành đánh giá tác động đến quyền cơ bản và luôn phải có sự giám sát của con người²⁰¹.

- *Hiến chương đạo đức của CEPEJ*: Hội đồng Châu Âu (CEPEJ) ban hành Hiến chương năm 2018 với 5 nguyên tắc cốt lõi cho việc sử dụng AI trong tư pháp: (1) Tôn trọng quyền cơ bản; (2) Không phân biệt đối xử; (3) Chất lượng và bảo mật dữ liệu; (4) Minh bạch, công bằng; và đặc biệt là (5) Luôn dưới sự kiểm soát của người dùng – nghĩa là công tố viên và thẩm phán không bao giờ được bị ràng buộc một cách máy móc bởi đề xuất của AI.

- *Công ước khung của Hội đồng Châu Âu về AI*: Đây là hiệp ước quốc tế mang tính ràng buộc pháp lý đầu tiên trên thế giới về AI, Nhân quyền, Dân chủ và Pháp quyền (mở niêm yết ký từ tháng 9/2024), buộc các hoạt động của AI (kể cả trong tư pháp) phải bảo

¹⁹⁸ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

¹⁹⁹ OECD. (2025). Governing with Artificial Intelligence: The state of play and way forward in core government functions. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/795de142-en>

²⁰⁰ Oberto, G. (2024, October 20). *Artificial Intelligence and judicial activities: The position of the European Commission for the Efficiency of Justice (CEPEJ)* [Paper presentation]. International Conference on the subject “Artificial Intelligence: Its Impact on the Judicial Activities”, Cape Town, South Africa

²⁰¹ Oberto, G. (2024, October 20). *Artificial Intelligence and judicial activities: The position of the European Commission for the Efficiency of Justice (CEPEJ)* [Paper presentation]. International Conference on the subject “Artificial Intelligence: Its Impact on the Judicial Activities”, Cape Town, South Africa

vệ phẩm giá con người và quyền riêng tư²⁰².

1.5.2. Quản lý chứng cứ điện tử xuyên biên giới

Sự bùng nổ của tội phạm mạng khiến 85% các cuộc điều tra hình sự tại Châu Âu cần đến chứng cứ điện tử và hơn 65% trong số đó yêu cầu tương trợ tư pháp²⁰³.

- *Gói luật chứng cứ điện tử*: Liên minh Châu Âu đã thông qua Quy định (EU) 2023/1543 và Chỉ thị (EU) 2023/1544, tạo ra hệ thống lệnh sản xuất Châu Âu (EPO) và Lệnh bảo quản Châu Âu. Hệ thống này cho phép cơ quan công tố của một quốc gia thành viên yêu cầu trực tiếp các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông/internet (như Google, Meta) ở một quốc gia khác phải bảo quản hoặc cung cấp dữ liệu điện tử (như email, tin nhắn) trong vòng 10 ngày (hoặc 8 giờ nếu khẩn cấp) mà không cần thông qua các thủ tục tương trợ tư pháp chậm chạp²⁰⁴.

- *Dự án SIRIUS và DATACROS*: Europol và Eurojust triển khai mạng lưới SIRIUS để giúp công tố viên truy cập dữ liệu điện tử xuyên biên giới. Dự án DATACROS sử dụng AI để rà soát cấu trúc sở hữu của hơn 70 triệu công ty tại 44 quốc gia Châu Âu, giúp công tố viên phát hiện các dấu hiệu rửa tiền và tham nhũng một cách tự động²⁰⁵.

1.5.3. Thực tiễn ứng dụng AI trong điều tra và công tố tại các quốc gia châu Âu

Các nước châu Âu chủ yếu sử dụng AI để tự động hóa hành chính, xử lý dữ liệu lớn và che giấu danh tính, hạn chế tối đa việc dùng AI để định tội:

- *Hà Lan (Hệ thống điều tra số Hansken)*: Viện Pháp y Hà Lan (NFI) phát triển nền tảng Hansken ứng dụng AI để trích xuất và phân tích khối lượng dữ liệu khổng lồ từ điện thoại, máy tính, máy chủ bị thu giữ. Hansken có khả năng tự động nhận diện hình ảnh (ví dụ: phát hiện hình ảnh ma túy hoặc vũ khí), trích xuất tin nhắn chat, phân tích siêu dữ liệu và tìm kiếm mối liên hệ giữa các nghi phạm, giúp công tố viên tìm ra chứng cứ nhanh chóng²⁰⁶.

- *Pháp (Phân tích tội phạm và ẩn danh hóa)*: Cảnh sát và công tố viên Pháp sử dụng các phần mềm như SALVAC và ANACRIM để phân tích dữ liệu và tìm kiếm mối liên hệ trong các vụ án giết người, cưỡng hiếp hàng loạt. Đặc biệt, Tòa án tối cao Pháp sử dụng AI để tự động nhận diện và ẩn danh hóa (xóa tên, địa chỉ, thông tin cá nhân) trong các bản án trước khi công khai lên mạng. Pháp cũng quy định nghiêm cấm việc dùng AI để lập hồ

²⁰² Oberto, G. (2024, October 20). *Artificial Intelligence and judicial activities: The position of the European Commission for the Efficiency of Justice (CEPEJ)* [Paper presentation]. International Conference on the subject “Artificial Intelligence: Its Impact on the Judicial Activities”, Cape Town, South Africa

²⁰³ Flander, B., & Erbežnik, A. (2024). Innocent toolkit for handling and admissibility of electronic evidence: Empowering legal practitioners to critically review electronic evidence from the procedural rights perspective. *Annales ZRS*.

²⁰⁴ Flander, B., & Erbežnik, A. (2024). Innocent toolkit for handling and admissibility of electronic evidence: Empowering legal practitioners to critically review electronic evidence from the procedural rights perspective. *Annales ZRS*.

²⁰⁵ OECD. (2025). *Governing with Artificial Intelligence: The state of play and way forward in core government functions*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/795de142-en>

²⁰⁶ Lelieur, J. (Ed.). (2023). *Artificial intelligence and administration of criminal justice* (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

sơ, đánh giá hay dự đoán hành vi của các thẩm phán, công tố viên²⁰⁷.

- *Đức (Dự báo tội phạm và phân tích tài chính)*: Đơn vị tình báo tài chính Đức (FIU) sử dụng phần mềm AI “FIU Analytics” để chấm điểm rủi ro (từ 1 đến 100) cho hàng trăm nghìn báo cáo giao dịch đáng ngờ, giúp lọc ra các hồ sơ rửa tiền cần ưu tiên điều tra. Cảnh sát Đức cũng tài trợ cho các dự án như X-SONAR và ERAME để dùng AI phân tích ngữ nghĩa trên mạng xã hội (YouTube, Twitter) nhằm phát hiện dấu hiệu cực đoan hóa và khủng bố²⁰⁸.

- *Estonia*:

+ *Hệ sinh thái e-File (Hồ sơ điện tử) và X-Road* - Nền tảng của “*Tư pháp không giấy tờ*” Trung tâm của mọi hoạt động tư pháp tại Estonia là hệ thống e-File (tiếng Estonia là e-Toimik). Đây là một hệ thống thông tin trung tâm kết nối tất cả các cơ quan trong quy trình tố tụng, bao gồm cảnh sát, văn phòng công tố, tòa án, nhà tù và các luật sư.

Hệ thống này vận hành trên **cơ sở hạ tầng X-Road**, một nền tảng trao đổi dữ liệu phi tập trung, cho phép các cơ quan chia sẻ thông tin theo thời gian thực một cách an toàn và bảo mật tuyệt đối. Nhờ sự liên thông này, quy trình làm việc của công tố viên trở nên hoàn toàn “không giấy tờ”. Ví dụ, khi cảnh sát nhập dữ liệu về một vụ bắt giữ, thông tin đó sẽ ngay lập tức xuất hiện trên màn hình của công tố viên trực mà không cần bất kỳ thủ tục chuyển phát giấy tờ thủ công nào. E-File cũng cho phép các bên liên quan nộp tài liệu điện tử và theo dõi tiến độ vụ án một cách minh bạch²⁰⁹.

+ *Trợ lý ảo “Salme”*: Tự động hóa ghi chép lời khai và phiên tòa Để giảm tải khối lượng công việc hành chính, Estonia đã ứng dụng AI nhận dạng giọng nói mang tên “Salme”. Trợ lý ảo này có khả năng tự động chuyển đổi giọng nói trong các phiên điều trần, lấy lời khai thành văn bản theo thời gian thực với độ chính xác lên tới 92%. Việc sử dụng Salme không chỉ giúp giảm đáng kể gánh nặng cho các thư ký tòa án và trợ lý công tố mà còn đảm bảo tính khách quan, chính xác của các biên bản tố tụng.

+ *Tự động hóa xử lý các khiếu nại nhỏ*: Estonia đã đi tiên phong trong việc sử dụng hệ thống tự động để giải quyết các tranh chấp hoặc khiếu nại dân sự, hình sự đơn giản có giá trị nhỏ (dưới 6.400 - 8.000 EUR)²¹⁰. Mặc dù truyền thông thường gọi đây là “*Thẩm phán Robot*”, Bộ Tư pháp Estonia đính chính rằng đây là một hệ thống dựa trên thuật toán

²⁰⁷ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

²⁰⁸ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

²⁰⁹ De Roock, E. (2019, July 29). *Estonian e-File system*. European Commission Digital Building Blocks. <https://ec.europa.eu/digital-building-blocks/sites/spaces/DIGITAL/blog/2019/07/29/533365926/Estonian+e-File+system>

²¹⁰ Franguloiu, S. (2023). Principles for the use of Artificial Intelligence (AI) in the judiciary as derived from the European Ethics Charter: Justice efficiency and limitations. Bulletin of the Transilvania University of Braşov, Series VII: Social Sciences

tự động²¹¹. Hệ thống này tự động phân tích dữ liệu đầu vào của các bên và ban hành các dự thảo quyết định hành chính/pháp lý. Sau đó, các dự thảo này sẽ được gửi cho thẩm phán hoặc công tố viên kiểm tra và ký số trước khi ban hành chính thức²¹².

+ *Quản trị AI minh bạch và nâng cao năng lực nhân sự*: Chuyển đổi số tư pháp tại Estonia được xây dựng dựa trên nguyên tắc lấy con người làm trung tâm và đảm bảo tính minh bạch tuyệt đối²¹³.

Để đảm bảo rằng AI trong hệ thống chính quyền hoạt động một cách công bằng, chính đáng và có thể giải thích được, Estonia đã công bố một số chương trình nhằm ghi chép và công khai cách thức các AI được sử dụng trong quản lý nhà nước. Công dân luôn có quyền xem dữ liệu cá nhân của họ bị truy cập vào lúc nào và như thế nào²¹⁴. Estonia rất chú trọng phát triển kỹ năng cho đội ngũ cán bộ công chức thông qua việc duy trì một mạng lưới chuyên gia dữ liệu (hơn 500 thành viên), thường xuyên tổ chức các buổi thảo luận và các sự kiện thử nghiệm về AI để nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong khu vực công²¹⁵.

Tóm lại, mô hình chuyển đổi số công tố của Estonia không tập trung vào việc dùng AI để định tội mà hướng tới việc xây dựng một hạ tầng dữ liệu liên thông vững chắc (X-Road/e-File) và dùng AI để tự động hóa các tác vụ hành chính, qua đó giúp hệ thống tư pháp vận hành tinh gọn, minh bạch và hiệu quả.

- *Bỉ, Tây Ban Nha, Latvia*: Các nước này đẩy mạnh sử dụng AI tạo sinh (như Microsoft Copilot) trong môi trường bảo mật để giúp công tố viên tóm tắt hồ sơ, dịch thuật tài liệu pháp lý và kiểm tra lỗi chính tả, ngữ pháp²¹⁶.

1.5.4. Những thách thức và tranh luận

- *Bài toán “Hộp đen”*: Tòa án Công lý Châu Âu (CJEU) và các học giả cảnh báo mạnh mẽ về hiện tượng thuật toán học máy đưa ra kết quả nhưng không thể giải thích được lý do (thiếu tính minh bạch). Nếu dùng AI để phân tích chứng cứ, luật sư bào chữa có quyền yêu cầu giải thích logic của AI và nếu không giải thích được thì chứng cứ đó có

²¹¹ Franguloiu, S. (2023). Principles for the use of Artificial Intelligence (AI) in the judiciary as derived from the European Ethics Charter: Justice efficiency and limitations. *Bulletin of the Transilvania University of Braşov, Series VII: Social Sciences and Law*, 16(65), 51–58. <https://doi.org/10.31926/but.ssl.2023.16.65.3.5>

²¹² Franguloiu, S. (2023). Principles for the use of Artificial Intelligence (AI) in the judiciary as derived from the European Ethics Charter: Justice efficiency and limitations. *Bulletin of the Transilvania University of Braşov, Series VII: Social Sciences*

²¹³ International Telecommunication Union. (2025). The annual AI governance report 2025: Steering the future of AI. <https://www.itu.int/publications/publication/the-annual-ai-governance-report-2025-steering-the-future-of-ai>

²¹⁴ International Telecommunication Union. (2025). The annual AI governance report 2025: Steering the future of AI. <https://www.itu.int/publications/publication/the-annual-ai-governance-report-2025-steering-the-future-of-ai>

²¹⁵ OECD. (2025). Governing with Artificial Intelligence: The state of play and way forward in core government functions. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/795de142-en>

²¹⁶ Consultative Council of European Prosecutors. (2025). *Thematic study of the CCPE on the use of artificial intelligence (AI) in the work of prosecution services* (CCPE(2025)6). Council of Europe. <https://rm.coe.int/2025-thematic-study-of-the-ccpe/488028fc1b>

nguy cơ bị loại bỏ²¹⁷.

- *Rủi ro thiên kiến thuật toán*: Các nước Châu Âu (như Hà Lan từng gặp với hệ thống SyRI dự đoán gian lận phúc lợi) rất e ngại AI sẽ tạo ra phân biệt đối xử đối với các nhóm yếu thế hoặc người nhập cư dựa trên dữ liệu lịch sử²¹⁸.

- *Bảo vệ Quyền im lặng và chống tự buộc tội*: Khi công tố viên yêu cầu nghi phạm cung cấp mật khẩu, sinh trắc học (khuôn mặt, vân tay) để mở khóa các thiết bị điện tử chứa chứng cứ, hệ thống luật pháp Châu Âu đang tranh cãi gay gắt về việc điều này có vi phạm đặc quyền chống tự buộc tội theo Công ước nhân quyền Châu Âu (ECHR) hay không²¹⁹.

Tóm lại, Châu Âu đang xây dựng một nền “kiểm sát số” ưu tiên sử dụng AI để phân tích chứng cứ không lỗi và tự động hóa giấy tờ, thay vì để AI thay thế con người trong các phán quyết định tội hay lượng hình. Các ứng dụng này phải đặt trong một khuôn khổ pháp lý khắt khe gồm Đạo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 (AI Act) và tiêu chuẩn GDPR để bảo vệ tuyệt đối sự công bằng và quyền con người.

2. Những giá trị tham khảo và đề xuất giải pháp xây dựng “Viện kiểm sát số” tại Việt Nam

2.1. Chuyển đổi số về hạ tầng kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ số

Hạ tầng kỹ thuật và dữ liệu là nền tảng cốt lõi không thể thiếu để vận hành “Viện kiểm sát số”. Các giải pháp tập trung vào việc hiện đại hóa công cụ làm việc và liên thông dữ liệu:

- *Xây dựng nền tảng dữ liệu liên thông*: Tham khảo hệ thống KICS của Hàn Quốc, Việt Nam cần xây dựng một nền tảng chia sẻ dữ liệu điện tử giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án dựa trên dữ liệu liên thông, sử dụng máy chủ trung gian để luân chuyển dữ liệu theo thời gian thực thay vì gom chung vào một cơ sở dữ liệu khổng lồ, qua đó vừa đảm bảo sự liên thông xuyên suốt, vừa bảo vệ tính độc lập và quyền tự chủ của từng cơ quan tư pháp²²⁰.

- *Số hóa toàn diện và tự động hóa quy trình nghiệp vụ*: Chuyển đổi hoàn toàn từ “hồ sơ giấy” sang “hồ sơ điện tử” thống nhất. Hệ thống theo dõi chặt chẽ tiến độ tố tụng từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm đến khi thi hành án, đồng thời áp dụng các công cụ tự động hóa hành chính (như công nghệ OCR trích xuất dữ liệu, công nghệ Speech-to-text tự động gõ băng ghi âm lời khai, phiên tòa) tương tự như trợ lý ảo Salme của Estonia hoặc

²¹⁷ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

²¹⁸ OECD. (2025). Governing with Artificial Intelligence: The state of play and way forward in core government functions. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/795de142-en>

²¹⁹ Flander, B., & Erbežnik, A. (2024). Innocent toolkit for handling and admissibility of electronic evidence: Empowering legal practitioners to critically review electronic evidence from the procedural rights perspective. Annales ZRS.

²²⁰ World Bank. (2024). Digitalization of South Korea's justice system: Enhancing access and efficiency. International Bank for Reconstruction and Development. <https://www.worldbank.org>

hệ thống nhận diện giọng nói của iFlyTek tại Trung Quốc²²¹.

- *Triển khai hệ thống trợ lý AI và phân tích chứng cứ*: Tích hợp AI vào quy trình đánh giá chứng cứ và quản lý án. Cụ thể, có thể phát triển các “Robot quản lý án” giúp đối chiếu chéo hàng ngàn trang hồ sơ để phát hiện mâu thuẫn lời khai, cảnh báo các vi phạm về thủ tục tố tụng và tự động đề xuất hướng giải quyết hoặc mức hình phạt tương tự dựa trên phân tích dữ liệu lớn (Big Data)²²². Đây là bước đi đã được Trung Quốc áp dụng rất thành công qua Hệ thống 206 tại Thượng Hải. Các công cụ phân tích ngôn ngữ tự nhiên (NLP) hoặc thị giác máy tính cũng cần được trang bị để giúp Kiểm sát viên xử lý khối lượng lớn chứng cứ kỹ thuật số như camera giám sát, sao kê tài chính, tin nhắn điện tử.

2.2. Chuyển đổi số về tư duy pháp lý và đạo đức thuật toán

Việc sử dụng AI trong tư pháp tác động trực tiếp đến quyền tự do và nhân phẩm của con người, do đó cần một khung pháp lý và đạo đức chặt chẽ để kiểm soát rủi ro:

- *Định vị AI là “Trí tuệ tăng cường”, không phải chủ thể thay thế*: Cần thể chế hóa nguyên tắc AI chỉ mang tính chất hỗ trợ, không bao giờ được phép thay thế quyền quyết định và suy luận pháp lý của Kiểm sát viên. Mọi quyết định tố tụng cuối cùng phải luôn có vai trò của con người để kiểm duyệt và chịu trách nhiệm pháp lý²²³.

- *Tuân thủ Hiến chương đạo đức và đảm bảo quyền lợi bị can*: Xây dựng quy định dựa trên các nguyên tắc của Hội đồng Châu Âu (CEPEJ) và UNESCO, bao gồm: tôn trọng quyền cơ bản, không phân biệt đối xử (ngăn chặn thuật toán học lại các định kiến xã hội) và đảm bảo tính công bằng. Đặc biệt, cần bảo vệ nguyên tắc “suy đoán vô tội” và quyền bào chữa khi áp dụng các bằng chứng do AI phân tích²²⁴.

- *Minh bạch hóa thuật toán và chống “Hộp đen”*: Pháp luật cần quy định yêu cầu về tính minh bạch của các phần mềm AI được sử dụng trong hoạt động công tố, kiểm sát. Các thuật toán không được phép nấp bóng “bí mật thương mại” để từ chối giải thích logic ra quyết định, nhằm đảm bảo bị can và luật sư có quyền chất vấn các chứng cứ được tạo ra từ AI. Cần thiết lập cơ chế kiểm toán thuật toán độc lập để thường xuyên đánh giá độ tin cậy và phát hiện sai lệch của hệ thống²²⁵.

- *Quản trị rủi ro “ảo giác AI” và bảo mật*: Cảnh giác và có chế tài đối với việc lạm dụng AI tạo sinh (như ChatGPT) gây ra các bản án giả mạo. Cần quy định tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu nghiêm ngặt để tránh rò rỉ bí mật công tác, bí mật nhà nước khi tải hồ sơ vụ

²²¹ Wang, H. (2023). AI and administration of justice in China. *Revue Internationale de Droit Pénal / International Review of Penal Law*, 94(2), 1–37.

²²² Wang, H. (2023). AI and administration of justice in China. *Revue Internationale de Droit Pénal / International Review of Penal Law*, 94(2), 1–37.

²²³ Lelieur, J. (Ed.). (2023). *Artificial intelligence and administration of criminal justice* (Vol. 94, Issue 2). Maklu.min

²²⁴ Flander, B., & Erbežnik, A. (2024). Innocent toolkit for handling and admissibility of electronic evidence: Empowering legal practitioners to critically review electronic evidence from the procedural rights perspective. *Annales ZRS*.

²²⁵ COUNCIL OF EUROPE - European Ethical Charter on

án lên mạng²²⁶.

2.3. Chuyển đổi số về nguồn nhân lực - đào tạo “Kiểm sát viên số”

Công nghệ tiên tiến nhất cũng sẽ thất bại nếu con người không sẵn sàng thích ứng. Nhóm giải pháp nhân lực đóng vai trò quyết định sự thành bại của “Viện kiểm sát số”:

- *Đào tạo năng lực số và “xóa mù thuật toán”*: Chương trình đào tạo và bồi dưỡng tại Trường Đại học kiểm sát cần bổ sung bắt buộc các học phần chuyên sâu về tội phạm mạng, chứng cứ điện tử, pháp y kỹ thuật số và rủi ro đạo đức của AI²²⁷. “Kiểm sát viên số” không chỉ cần giỏi luật mà phải hiểu rõ giới hạn, điểm mù của công nghệ để không rơi vào trạng thái lệ thuộc dẫn đến quyết định máy móc²²⁸.

- *Quản trị sự thay đổi và vượt qua rào cản văn hóa*: Kinh nghiệm từ Hàn Quốc cho thấy rào cản lớn nhất đối với số hóa tư pháp không phải là công nghệ mà là sự kháng cự văn hóa từ những người đã quen với “hồ sơ giấy”. Ngành Kiểm sát cần chiến lược thay đổi tư duy thông qua sự dẫn dắt quyết liệt từ lãnh đạo ngành, triển khai áp dụng thí điểm từng bước và có đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ để giúp cán bộ dần làm quen và tin tưởng vào hệ thống mới²²⁹.

- *Xây dựng đội ngũ chuyên gia liên ngành*: Các ứng dụng AI trong kiểm sát nên được thiết kế theo phương pháp đa ngành. Viện kiểm sát cần thu hút và tuyển dụng các chuyên gia khoa học dữ liệu, kỹ sư an ninh mạng vào làm việc, kết hợp chặt chẽ với Kiểm sát viên để đảm bảo các phần mềm nghiệp vụ vừa đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật cao, vừa phản ánh chính xác ngôn ngữ và quy luật của khoa học pháp lý. Ngành có thể xây dựng các chứng chỉ chuyên môn cho đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ riêng cho hoạt động tư pháp²³⁰.

Kết luận:

Quá trình nghiên cứu về lý luận và thực tiễn ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) cùng công cuộc chuyển đổi số trong hoạt động công tố và kiểm sát trên thế giới, chúng ta có thể thấy rằng:

Thứ nhất, chuyển đổi số và ứng dụng AI là xu thế tất yếu mang tính thời đại của nền tư pháp toàn cầu. Trước sự bùng nổ của chứng cứ kỹ thuật số và khối lượng án kiện ngày càng phức tạp, việc ứng dụng công nghệ không còn là một lựa chọn đơn thuần mà đã trở thành yêu cầu cấp bách. Kinh nghiệm từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Châu Âu

²²⁶ World Bank. (2024). Digitalization of South Korea's justice system: Enhancing access and efficiency. International Bank for Reconstruction and Development. <https://www.worldbank.org>

²²⁷ Consultative Council of European Prosecutors. (2025). *Thematic study of the CCPE on the use of artificial intelligence (AI) in the work of prosecution services* (CCPE(2025)6). Council of Europe. <https://rm.coe.int/2025-thematic-study-of-the-ccpe/488028fc1b>

²²⁸ Lelieur, J. (Ed.). (2023). Artificial intelligence and administration of criminal justice (Vol. 94, Issue 2). Maklu.

²²⁹ World Bank. (2024). Digitalization of South Korea's justice system: Enhancing access and efficiency. International Bank for Reconstruction and Development. <https://www.worldbank.org>

²³⁰ Flander, B., & Erbežnik, A. (2024). Innocent toolkit for handling and admissibility of electronic evidence: Empowering legal practitioners to critically review electronic evidence from the procedural rights perspective. Annales ZRS.

minh chứng rõ nét rằng công nghệ giúp giải phóng sức lao động, tối ưu hóa quản lý hồ sơ, phân tích dữ liệu lớn và rút ngắn đáng kể thời gian giải quyết vụ án.

Thứ hai, AI mang lại những cơ hội đột phá nhưng cũng đi kèm với rủi ro pháp lý và đạo đức sâu sắc. Trong khi AI giúp tăng cường tính nhất quán trong đường lối xử lý và phát hiện các mâu thuẫn chứng cứ, nó đồng thời tạo ra rủi ro về hiện tượng “hộp đen” thuật toán, định kiến xã hội, xâm phạm quyền riêng tư và đặc biệt là “ảo giác AI” dẫn đến các bản án giả mạo. Do đó, sự đồng thuận toàn cầu (được thể hiện qua các hướng dẫn của UNESCO, CEPEJ hay Đạo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 của Châu Âu) đã xác lập nguyên tắc tối thượng: AI chỉ là “Trí tuệ tăng cường” mang tính hỗ trợ, tuyệt đối không được thay thế quyền quyết định và suy luận pháp lý của con người. Thẩm phán và Kiểm sát viên phải luôn là người kiểm soát cuối cùng và chịu trách nhiệm pháp lý.

Thứ ba, việc xây dựng “Viện kiểm sát số” tại Việt Nam cần một chiến lược toàn diện, đi từ hạ tầng dữ liệu đến văn hóa, con người. Thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW và các định hướng của VKSND Tối cao, Việt Nam không nên áp dụng công nghệ một cách nóng vội mà cần một lộ trình bài bản:

(i) Hạ tầng và dữ liệu là nền móng: Cần thiết lập hệ thống “Hồ sơ điện tử” thống nhất và liên thông dữ liệu an toàn giữa Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát - Tòa án (tham khảo mô hình liên bang KICS của Hàn Quốc hay X-Road của Estonia).

(ii) Lộ trình ứng dụng: Bắt đầu bằng các công cụ tự động hóa hành chính có tính rủi ro thấp (chuyển đổi giọng nói thành văn bản, tự động ẩn danh hóa, chatbot tra cứu) sau đó mới tiến tới thí điểm AI phân tích chứng cứ trong các loại tội phạm phổ biến.

(iii) Hoàn thiện hành lang pháp lý: Xây dựng quy định rõ ràng về giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử và kết luận do AI hỗ trợ, đồng thời thiết lập cơ chế giám sát thuật toán.

(iv) Lấy con người làm trung tâm: Sự kháng cự văn hóa là rào cản lớn nhất. Do đó, việc đào tạo đội ngũ “Kiểm sát viên số” có tư duy pháp lý, hiểu biết về điểm mù của thuật toán và đạo đức công nghệ là yếu tố quyết định thành bại.

Kết luận:

Công nghệ dù tiên tiến đến đâu cũng chỉ là công cụ phục vụ cho mục đích cuối cùng của hệ thống tư pháp là bảo vệ quyền con người và duy trì sự công bằng. Việc xây dựng thành công “Viện kiểm sát số” giúp ngành Kiểm sát nhân dân Việt Nam không chỉ bắt kịp xu hướng pháp lý toàn cầu mà còn thiết lập một nền tư pháp minh bạch, chuyên nghiệp, hiện đại và đậm tính nhân văn trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Astashkina, E. N., Kurokhina, E. S., Beketova, K. G., & Yakusheva, S. E. (2022). Digital transformation of the prosecution authorities work within the information society development. In *European Proceedings of Social and Behavioural Sciences* (Vol. 122, pp. 41–47). European Publisher. <https://doi.org/10.15405/epsbs.2022.01.7>

2. Bo, M. (2026). Artificial intelligence in the prosecution of international crimes. *International Law Studies*, 107, 291–326.
3. Consultative Council of European Prosecutors. (2025). *Thematic study of the CCPE on the use of artificial intelligence (AI) in the work of prosecution services* (CCPE(2025)6). Council of Europe. <https://rm.coe.int/2025-thematic-study-of-the-ccpe/488028fc1b>.
4. De Roock, E. (2019, July 29). *Estonian e-File system*. European Commission Digital Building Blocks. <https://ec.europa.eu/digital-building-blocks/sites/spaces/DIGITAL/blog/2019/07/29/533365926/Estonian+e-File+system>
5. European Commission for the Efficiency of Justice. (2018). *European ethical Charter on the use of Artificial Intelligence in judicial systems and their environment*. Council of Europe.
6. Flander, B., & Erbežnik, A. (2024). *Innocent toolkit for handling and admissibility of electronic evidence: Empowering legal practitioners to critically review electronic evidence from the procedural rights perspective*. Annales ZRS.
7. Franguloiu, S. (2023). Principles for the use of Artificial Intelligence (AI) in the judiciary as derived from the European Ethics Charter: Justice efficiency and limitations. *Bulletin of the Transilvania University of Braşov, Series VII: Social Sciences and Law*, 16(65), 51–58. <https://doi.org/10.31926/but.ssl.2023.16.65.3.5>.
8. Gubko, V., Novogonskaya, M., Stepanov, P., & Yundina, M. (2023). *AI and administration of justice in Russia*.
9. Guo, Z., & Yang, J. (2025). The application of artificial intelligence in China's criminal justice system. *Legal Issues in the Digital Age*, 6(1), 83–104. <https://doi.org/10.17323/2713-2749.2025.1.83.104>.
10. International Telecommunication Union. (2025). *The annual AI governance report 2025: Steering the future of AI*. <https://www.itu.int/epublications/publication/the-annual-ai-governance-report-2025-steering-the-future-of-ai>.
11. Lelieur, J. (Ed.). (2023). *Artificial intelligence and administration of criminal justice* (Vol. 94, Issue 2). Maklu.
12. Oberto, G. (2024, October 20). *Artificial Intelligence and judicial activities: The position of the European Commission for the Efficiency of Justice (CEPEJ)* [Paper presentation]. International Conference on the subject “Artificial Intelligence: Its Impact on the Judicial Activities”, Cape Town, South Africa.
13. OECD. (2025). *Governing with Artificial Intelligence: The state of play and way forward in core government functions*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/795de142-en>.

14. Paraschiv, C. S. (2025). Advantages of using AI in the criminal prosecution phase for digital evidence analysis. *RAIS Journal for Interdisciplinary Studies*.
15. Ryan, F., Allen, B., Shih, S., Robin, S., Attrill, N., Alpert, J., Young, A., & Hoja, T. (2025). *The party's AI: How China's new AI systems are reshaping human rights* (Policy Brief). Australian Strategic Policy Institute.
16. Shirokova, P. V. (2023). On the issue of using information systems in the activities of the prosecutor. *Vestnik of Kostroma State University*, 29(1), 196–200. <https://doi.org/10.34216/1998-0817-2023-29-1-196-200>.
17. Tabolina, K., & Tabolin, V. (2021). Digital transformation of the Prosecutor's Office and its impact on criminal proceedings. In *Proceedings of the 1st International Scientific Conference "Legal Regulation of the Digital Economy and Digital Relations: Problems and Prospects of Development"* (LARDER 2020) (Vol. 171, pp. 143–147). Atlantis Press. <https://doi.org/10.2991/aebmr.k.210318.023>.
18. Tahura, U. S., & Selvadurai, N. (2021). The use of artificial intelligence in judicial decision-making: The example of China. *Computer Law & Security Review*, 43, Article 105621.
19. Wang, H. (2023). AI and administration of justice in China. *Revue Internationale de Droit Pénal / International Review of Penal Law*, 94(2), 1–37.
20. World Bank. (2024). *Digitalization of South Korea's justice system: Enhancing access and efficiency*. International Bank for Reconstruction and Development .

THAM LUẬN 7
ỨNG DỤNG AI VÀ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ - KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA
VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

TS. Ngô Thị Ngọc Vân
Phó Trưởng khoa, Khoa Đào tạo chung
nguồn thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư
ThS. Lưu Ngọc Liên
Giảng viên, Khoa Đào tạo chung nguồn
thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, Học viện Tư pháp

Tóm tắt: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và thực hiện chuyển đổi số là xu thế khách quan trong hoạt động hành nghề luật sư tại Việt Nam hiện nay. Xu hướng này đã và đang làm thay đổi cách tiếp cận hoạt động hành nghề luật sư từ phương thức truyền thống sang hướng hiện đại hơn. Điều này mang lại những giá trị và cơ hội phát triển cho luật sư trong tối ưu hóa hiệu suất, nâng cao chất lượng, năng lực chuyên môn, đồng thời đặt ra những yêu cầu đối với công tác quản trị rủi ro và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Bài viết phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về ứng dụng AI và thực hiện chuyển đổi số và đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng AI và hoạt động chuyển đổi số trong hoạt động hành nghề luật sư tại Việt Nam.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo (AI); chuyển đổi số; hoạt động hành nghề luật sư

Đặt vấn đề: Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra sâu rộng tại Việt Nam, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ số hóa đã trở thành xu thế tất yếu đối với hoạt động hành nghề luật sư, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị “Về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”. Trên thế giới, các quốc gia đã và đang áp dụng nhiều mô hình, cách tiếp cận đa dạng nhằm tích hợp AI và chuyển đổi số vào thực tiễn pháp lý. Việc ứng dụng AI và chuyển đổi số sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động hành nghề luật sư tại Việt Nam trong thời gian tới.

1. Một số vấn đề chung về ứng dụng AI và chuyển đổi số trong hành nghề luật sư

Sự bùng nổ của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư không chỉ đơn thuần là sự gia tăng về mặt công nghệ mà còn là sự dịch chuyển trong quản trị và thực thi pháp luật. Thế giới chứng kiến làn sóng bùng nổ về công nghệ chưa từng có với nhiều tiến bộ vượt bậc. Trí tuệ nhân tạo (AI) không còn là khái niệm xa lạ mà đã xuất hiện trong từng hoạt động, lĩnh vực đời sống của con người bởi tính ưu việt của nó trong việc tối ưu “tự động hóa”

(automation) bằng ứng dụng khoa học công nghệ và internet. Thời gian qua, hàng loạt các hãng công nghệ lớn trên thế giới đã nghiên cứu và ra mắt các công cụ ngôn ngữ AI như ChatGPT của OpenAI, BingAI của Microsoft, GoogleBard của Google... tạo ra sự đột phá trong việc tìm kiếm, tổng hợp thông tin ưu việt so với các công cụ tìm kiếm truyền thống. Việc ứng dụng công nghệ và AI trong lĩnh vực có liên quan đến hoạt động nghiên cứu, tư vấn giúp tối ưu hoá chi phí, thời gian, dễ dàng tạo sự kết nối toàn cầu, tận dụng và tổng hợp được các công trình nghiên cứu một cách nhanh chóng và dễ dàng. Đối với nghề luật sư, việc ứng dụng AI trong tạo lập và khai thác nguồn hồ sơ, kho tàng nghiên cứu khoa học trên toàn thế giới thông qua máy tính và internet sẽ tạo ra rất nhiều tiện ích trong việc tiếp cận các nguồn, dữ liệu pháp luật, công trình nghiên cứu toàn cầu. Trí tuệ nhân tạo (AI) với khả năng mô phỏng trí thông minh của con người thông qua học sâu (Machine Learning) và dữ liệu khổng lồ (Big Data) đã trở thành một tất yếu khách quan. AI có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, theo Từ điển Larousse, AI là “tập hợp các lý thuyết và kỹ thuật được sử dụng để tạo nên những máy có khả năng mô phỏng trí thông minh của con người”. Trong những năm gần đây, AI có sự phát triển đáng kể nhờ vào sự kết hợp giữa quy mô tính toán lớn, dữ liệu khổng lồ (Big Data) và tiến bộ trong lĩnh vực học sâu (Machine Learning). ChatGPT là một ví dụ về ứng dụng của AI được phát triển bởi Công ty công nghệ OpenAI. ChatGPT là một mô hình ngôn ngữ tự động dựa trên kiến trúc GPT (Generative Pre-trained Transformer) do OpenAI phát triển. ChatGPT được huấn luyện trên một lượng lớn dữ liệu văn bản từ Internet, cho phép nó có khả năng tạo ra các phản hồi tự nhiên và hợp lý dựa trên thông tin đầu vào. AI và các sản phẩm dựa trên công nghệ AI (như ChatGPT, Bard, Gemini, NotebookLM, gamma...) được đánh giá là xu thế công nghệ AI trong tương lai. Trong hành nghề luật, thời gian gần đây, việc ứng dụng công nghệ ngày càng phổ biến, từ các nền tảng ứng dụng trong học tập, trao đổi công việc chuyên môn (như nền tảng Zoom, Microsoft Teams, Google Meet, Zavi...), cho đến sự ra đời của các công ty áp dụng công nghệ vào lĩnh vực pháp lý (Legal Tech).... Dù có nhiều quan điểm trái chiều liên quan đến tác động của AI đối với nghề luật nhưng các chuyên gia đều thừa nhận rằng sự phát triển của AI và các công cụ như ChatGPT, BingAI, Bard... là xu hướng không thể đảo ngược hay ngăn chặn. Bởi vậy, nghề luật sư và hoạt động đào tạo nghề luật sư nói riêng sẽ không thể nằm ngoài xu thế đó. Do đó, thay vì chối bỏ hay trốn tránh, chúng ta cần phải hiểu về những tác động tích cực và tiêu cực có thể dự đoán của nó để nhận định được các cơ hội, thách thức đối với nghề luật sư và hoạt động đào tạo nghề luật sư trong kỷ nguyên số.

Về cơ bản, AI không thay thế tư duy pháp lý mà là sự mở rộng năng lực xử lý vụ việc của luật sư, chuyển đổi từ mô hình “luật sư truyền thống” sang mô hình “luật sư số”. Không thể phủ nhận AI đang tác động mạnh mẽ đến nghề luật sư bằng cách thay đổi cách thức nghiên cứu, phân tích dữ liệu và thậm chí là hỗ trợ tư vấn pháp lý. Tuy nhiên, sự tiến bộ này cũng đặt ra nhiều thách thức mới. Vậy, công nghệ AI mang đến những thách thức gì cho nghề luật? Một luật sư hiện đại cần trang bị kiến thức và kỹ năng nào để thích ứng với thời đại mới?

Trước hết, chúng ta cần nhận thức công nghệ pháp lý là đề cập đến việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến ví dụ như AI trong lĩnh vực pháp lý để thực hiện một số nhiệm vụ mà trước đây thường do luật sư đảm nhiệm. Ví dụ, AI có thể hỗ trợ tự động viết đơn đăng ký sáng chế cho các nhà nghiên cứu với chi phí thấp hơn đến một nửa so với cách thức truyền thống; sự xuất hiện của các ứng dụng hỗ trợ giúp kết nối trực tiếp giữa khách hàng với luật sư, cung cấp hồ sơ năng lực và đánh giá độ uy tín của từng luật sư để khách hàng dễ dàng lựa chọn. Điều này tạo nên môi trường cạnh tranh gay gắt, khi các luật sư hiện đại không chỉ phải chứng minh năng lực chuyên môn mà còn phải duy trì hình ảnh và uy tín cá nhân của mình.

Dù hiện tại, việc chuyển đổi số trong ngành luật ở nước ta chưa thực sự phổ biến và các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI) vẫn còn khá mới mẻ đối với lĩnh vực pháp lý, các luật sư vẫn có thể hành nghề theo phương pháp truyền thống, chỉ ứng dụng công nghệ vào một số bước nhất định. Tuy nhiên, để sẵn sàng cho những biến đổi trong tương lai, các luật sư hiện đại cần trang bị kiến thức và kỹ năng công nghệ ngay từ bây giờ. Việc từng bước tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng công nghệ mới sẽ giúp họ tối ưu hóa các quy trình làm việc, từ đó tăng độ chính xác và tốc độ xử lý trong việc hỗ trợ khách hàng. Về lâu dài, những luật sư bắt kịp xu hướng công nghệ sẽ có lợi thế cạnh tranh nhờ vào khả năng nâng cao chất lượng dịch vụ pháp lý, tối ưu năng suất làm việc.

Thứ nhất, ứng dụng AI và chuyển đổi số hỗ trợ hiệu quả cho các công việc mang tính hành chính, có tính chất thường xuyên, lặp lại trong hoạt động nghề nghiệp của luật sư

Việc thực hiện các công việc hành chính và quản trị văn phòng, thời gian, kế hoạch hoạt động là nhóm công việc chiếm lượng thời gian làm việc không nhỏ của luật sư. Trên thực tế, luật sư có thể phải soạn thảo nhiều loại văn bản khác nhau như: thư tư vấn, hợp đồng mua bán, hợp đồng lao động, điều lệ công ty, các văn bản tố tụng như đơn khởi kiện, bản luận cứ, kiến nghị, thỏa thuận hòa giải,... Những dạng văn bản này có thể có những nội dung mang tính chất lặp lại như thông tin khách hàng, các điều khoản bắt buộc trong hợp đồng,... Các công cụ AI tạo sinh (Generative AI) như ChatGPT, Claude, Gemini, Copilot hay các nền tảng pháp lý chuyên biệt (Westlaw Edge, Casetext, Harvey AI) có khả năng tự động đề xuất mẫu văn bản chuẩn, điền thông tin tự động từ cơ sở dữ liệu khách hàng. Bên cạnh đó, các công cụ AI có khả năng hỗ trợ luật sư trong việc kiểm tra tính logic, phát hiện các thông tin mâu thuẫn hay đưa ra các đề xuất bổ sung các điều khoản bảo vệ tối ưu. Nhờ đó, luật sư có thêm thời gian để tập trung vào phân tích tình huống cụ thể, đánh giá rủi ro và xây dựng chiến lược thay vì mất hàng giờ cho các công đoạn soạn thảo cơ bản. Ngoài ra, việc tự động hóa hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, thân chủ và người tham gia tố tụng thống nhất, tự động cập nhật lịch sử tương tác giúp luật sư có thể cá nhân hóa dịch vụ tư vấn, dự báo nhu cầu và nâng cao chất lượng công việc giữa luật sư với khách hàng.

Thứ hai, AI và công nghệ số hóa là công cụ hỗ trợ cần thiết trong hoạt động thống kê, quản lý và xây dựng hồ sơ vụ việc

Hầu hết các văn phòng luật sư, công ty luật hiện nay đều đồng thời quản lý hàng chục đến hàng trăm vụ việc thuộc nhiều lĩnh vực. Hoạt động quản lý thủ công bằng hồ sơ giấy hoặc thống kê qua sổ quản lý giấy hay nhập liệu bằng tay theo phương thức truyền thống có thể dẫn tới sự rời rạc, dễ thất lạc hoặc thiếu sót tài liệu, gây khó khăn khi thống kê hiệu suất và kiểm soát thời hạn giải quyết công việc. Các hệ thống quản lý thực hành pháp lý (Legal Practice Management Systems) tích hợp AI cho phép tự động hóa việc cập nhật tiến độ giải quyết vụ việc theo từng giai đoạn (tư vấn; đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; các giai đoạn tranh tụng từ khi bắt đầu thụ lý vụ án cho đến giai đoạn ban hành quyết định bản án; giai đoạn thi hành án), gửi nhắc nhở tự động và thống kê báo cáo chi tiết theo vụ việc, theo luật sư hoặc theo nhóm chuyên môn. Hệ thống quản lý chung của tổ chức hành nghề luật sư tích hợp AI cho phép người đứng đầu tổ chức có thể theo dõi hiệu quả công việc của từng luật sư hoặc luật sư tập sự, luật sư mới, nhân viên văn phòng một cách khoa học, phân công nhiệm vụ hợp lý và lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực.

Công nghệ quét tài liệu (Scanning) kết hợp OCR (nhận diện ký tự quang học) cho phép số hóa nhanh chóng hàng nghìn trang bút lục, hợp đồng, biên bản, quyết định, bản án... Các phần mềm như CamScanner, ABBYY FineReader, Adobe Acrobat giúp xử lý tài liệu chất lượng hình ảnh kém (mờ, tối, lệch sáng), tự động chuyển đổi thành văn bản có thể tìm kiếm, phân loại theo thứ tự logic, theo lĩnh vực, theo khách hàng hoặc theo giai đoạn tố tụng. Hồ sơ số được lưu trữ an toàn trên nền tảng điện toán đám mây (Google Drive, Microsoft OneDrive, Dropbox, Legal Works...), cho phép truy cập mọi lúc, mọi nơi, chia sẻ dễ dàng giữa các luật sư, cộng tác viên và khách hàng, đồng thời tiết kiệm chi phí in ấn, không gian lưu trữ và giảm thiểu rủi ro hư hỏng, thất lạc tài liệu. Những công cụ quét dữ liệu này cũng tạo ra nguồn dữ liệu số đầu vào đầy đủ, toàn diện để luật sư có thể áp dụng các công cụ AI chuyên ngành hỗ trợ cho hoạt động soạn thảo văn bản, nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn tiếp theo. Việc ứng dụng AI và chuyển đổi số giúp luật sư rút ngắn thời gian thực hiện hoạt động xây dựng và sắp xếp hồ sơ, từ đó tạo điều kiện cho luật sư chủ động trong việc tối ưu hóa các đầu công việc của cá nhân.

Thứ ba, AI là công cụ hỗ trợ hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ việc, nâng cao chất lượng tư vấn, tranh tụng của luật sư

Việc ứng dụng AI đem lại hiệu quả trong việc nghiên cứu, tóm tắt các tình tiết vụ án, phân tích đối chiếu chứng cứ và tìm kiếm văn bản pháp luật điều chỉnh hay tham khảo các phương án giải quyết với tình huống pháp lý có tính chất tương tự. Đặc biệt đối với các luật sư tham gia tranh tụng trong các vụ án hình sự, dân sự, hành chính,... với hệ thống tài liệu có thể lên đến hàng nghìn bút lục, việc ứng dụng AI giúp luật sư có thể trích xuất nhanh các tài liệu, từ đó nâng cao hiệu suất nghiên cứu hồ sơ. Các nền tảng AI pháp lý sử dụng học máy (machine learning) và tìm kiếm ngữ nghĩa (semantic search) có khả năng quét qua hàng triệu bản án, quyết định, văn bản quy phạm pháp luật và các cơ sở dữ liệu khác để gợi ý các trường hợp tương tự, phân tích xu hướng xét xử, xác định lập luận pháp lý hiệu quả nhất và đánh giá tính liên quan của chứng cứ. Một số công cụ như eDiscovery giúp tự động xác định, thu thập, lọc, phân loại và ưu tiên tài liệu quan trọng,

phát hiện mâu thuẫn và mối liên hệ ẩn giữa các chứng cứ. Nhờ đó, luật sư có cái nhìn toàn diện, khách quan hơn, xây dựng luận cứ và chiến lược bào chữa, tư vấn vững chắc và thuyết phục hơn.

Thứ tư, AI và chuyển đổi số nâng cao đáng kể khả năng hỗ trợ đoán định tư pháp (predictive justice)

Theo Antoine Garapon, đoán định tư pháp là khả năng của máy móc trong việc xử lý vụ việc và dự đoán xác suất quyết định có thể xảy ra²³¹. Tại Việt Nam, xu thế này đang hình thành qua các chủ trương của Đảng, Nhà nước. Dự án Trợ lý ảo của TANDTC phối hợp với Viettel, nhằm số hóa bản án và hỗ trợ công tác xét xử tại tòa án được kì vọng sẽ tiếp tục được phát triển trong thời gian tới và được kì vọng có thể phát triển thành công cụ AI hữu ích hỗ trợ đoán định tư pháp cho người dân, luật sư và các đối tượng khác như các nhà nghiên cứu²³². Các luật sư ngoài việc tự đưa ra các phương án giải quyết, tư vấn có thể có thêm nguồn tham khảo từ AI để đánh giá hậu quả pháp lý tiềm ẩn. Đặc biệt, đối với các vụ việc như dân sự (theo nghĩa rộng), hành chính, luật sư có thể đưa ra lời khuyên cho khách hàng về việc cân nhắc về lợi ích, rủi ro trong lựa chọn giữa các phương thức giải quyết tranh chấp như thương lượng, hòa giải hay tranh tụng tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Đồng thời, với mỗi phương thức giải quyết, luật sư có thể đưa ra dự toán chi phí, ước tính khối lượng công việc và thù lao, từ đó cung cấp thông tin tư vấn, trao đổi đầy đủ, phù hợp với khách hàng.

Với AI và nguồn dữ liệu lớn (Big Data), luật sư có thể phân tích hàng loạt bản án tương tự, đánh giá xác suất thành công của từng phương án, dự báo xu hướng xét xử của từng thẩm phán hoặc tòa án, mức bồi thường trung bình, thời gian thủ tục... Luật sư có thể điều chỉnh lập luận cho phù hợp với thói quen xét xử của thẩm phán, tư vấn chiến lược đàm phán dựa trên dữ liệu thực tiễn, giúp khách hàng đưa ra quyết định sáng suốt hơn. Việc đoán định tư pháp qua AI không thay thế mà hỗ trợ luật sư, giúp giảm chi phí dịch vụ cho các công việc chuẩn hóa, nâng cao độ chính xác dự báo và giải phóng thời gian cho luật sư tập trung vào giá trị cốt lõi: sáng tạo giải pháp, đàm phán và bảo vệ quyền lợi thực chất cho khách hàng.

2. Kinh nghiệm ứng dụng AI và chuyển đổi số trong hành nghề luật sư của một số quốc gia

Cho tới nay, hầu hết các quốc gia chưa xây dựng khung pháp lý đầy đủ về AI. Trên thế giới, một số tổ chức quốc tế đã ban hành văn bản làm nền tảng quy chuẩn cho việc xây dựng, phát triển, ứng dụng AI trên nhiều lĩnh vực nói chung và hoạt động hành nghề của luật sư nói riêng, trong đó có thể kể đến một số tổ chức như: OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế) đã ban hành Nguyên tắc AI (OECD AI Principles) năm 2019, được xem là kim chỉ nam cho chính sách AI của hơn 40 quốc gia (bao gồm cả các nước G20)

²³¹ Antoine Garapon, Jean Lassegue, Justice digital, Revolution graphique et rupture anthropologique, PUF. 2018. P. 219–364

²³² Ngô Thị Ngọc Vân, Trần Thị Thanh Thủy, “Đ đoán định tư pháp trong hành nghề luật sư tại Việt Nam”

UNESCO đã ban hành Khuyến nghị về đạo đức trong AI (Recommendation on the Ethics of Artificial Intelligence) được phiên họp lần thứ 41 của Đại hội đồng UNESCO (tháng 11-2021) thông qua.²³³ Các văn bản này không mang tính quy phạm bắt buộc phải thực hiện mà mang tính chất định hướng thực hiện nhằm đảm bảo cho hoạt động hợp tác quốc tế giữa các quốc gia thành viên.

Hiện nay, sự phát triển bùng nổ của trí tuệ nhân tạo chủ yếu đến từ khu vực tư nhân. Đứng trước thực tế này, mỗi quốc gia đang chủ động định hình các hành lang pháp lý và chính sách riêng biệt nhằm kiểm soát rủi ro, đồng thời tối ưu hóa lợi ích của AI, chuyển đổi số sao cho phù hợp với bối cảnh trong nước và các tiêu chuẩn hợp tác quốc tế. Riêng đối với lĩnh vực pháp lý, đặc biệt là hoạt động hành nghề luật sư – nơi đòi hỏi tính bảo mật và sự cẩn trọng tuyệt đối, quá trình thích ứng và quản trị AI mang đậm dấu ấn đặc thù của từng hệ thống pháp luật. Để làm rõ hơn bức tranh đa dạng này, chúng ta có thể tham khảo kinh nghiệm quản lý và ứng dụng AI và chuyển đổi số thực tiễn từ một số quốc gia tiêu biểu.

2.1. Mỹ

Hiện nay, Mỹ chưa có đạo luật liên bang quy định toàn diện để điều chỉnh về trí tuệ nhân tạo, chính sách phát triển AI thường chịu ảnh hưởng bởi các lệnh hành pháp qua từng nhiệm kỳ tổng thống, do đó có thể có sự thay đổi nhất định trong từng giai đoạn. Đối với phạm vi hoạt động tại các tiểu bang và các quận tại Mỹ, do sự khác biệt trong cơ chế quản lý và pháp luật của từng bang, mỗi tiểu bang có thể xây dựng quy trình tổ tụng chuyển đổi số phù hợp²³⁴. Ở cấp độ liên bang, vào tháng 1/2023, Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia (NIST) đã công bố Bộ khung quản lý rủi ro AI (NIST AI Risk Management Framework - NIST AI RMF). Theo đó, NIST AI RMF không phải là bộ khung quản lý mang tính bắt buộc áp dụng mà dựa trên cơ sở tự nguyện sử dụng. NIST AI RMF được xây dựng hướng tới 4 nhóm lõi (Core Functions), bao gồm: (1) Quản trị (Govern): Xây dựng văn hóa quản trị rủi ro trong tổ chức; (2) Thiết lập bản đồ (Map): Nhận diện các rủi ro cụ thể gắn liền với bối cảnh sử dụng AI; (3) Đo lường (Measure): Sử dụng các công cụ định lượng và định tính để đánh giá mức độ rủi ro; (4) Quản lý (Manage): Phân bổ nguồn lực để giảm thiểu và xử lý các rủi ro đã nhận diện.²³⁵ Mặc dù không mang tính chất bắt buộc, tuy nhiên trên thực tế nhiều tổ chức phát triển AI lớn như Microsoft cũng sử dụng bộ khung quản trị rủi ro này để xây dựng bộ tiêu chuẩn và các cam kết sử dụng dữ liệu đối với người dùng²³⁶.

²³³ Nguyễn Ngọc Trân (2023), Quản trị AI trên thế giới và tại Việt Nam, Tạp chí Kinh tế Sài Gòn Online. <https://thesaigontimes.vn/quan-tri-ai-tren-the-gioi-va-tai-viet-nam/>

²³⁴ Natasza Gadowska (2025), Seizing Global AI Regulation: Chips for Peace as America's Last Call to Lead, Harvard Journal of Law & Technology <https://jolt.law.harvard.edu/digest/seizing-global-ai-regulation-chips-for-peace-as-americas-last-call-to-lead>

²³⁵ <https://www.nist.gov/itl/ai-risk-management-framework>

²³⁶ <https://learn.microsoft.com/en-us/azure/cloud-adoption-framework/ai/govern>

Mỹ là một trong những quốc gia phát triển công nghệ từ sớm, cùng với nền tảng phát triển internet, hoạt động chuyển đổi số nhằm phục vụ phát triển cơ sở vật chất cho nhiều lĩnh vực công cộng được hình thành. Trong lĩnh vực tư pháp, nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý của Tòa án, hệ thống quản lý PACER đã bắt đầu được sử dụng thí điểm từ năm 1988 như một mô hình quản lý án của từng tòa án. Cho đến đầu những năm 1990, PACER đã được mở rộng ra toàn bộ hệ thống tòa án liên bang. Đến nay, PACER đã phát triển và mở rộng hoạt động như một sự kết hợp của công thông tin điện tử của tòa án để giao nộp hay tiếp cận tài liệu, chứng cứ. Đối với hoạt động giao nộp hay thu thập đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ trên hệ thống đều có quy định về chi phí, tùy thuộc vào loại tài liệu, chứng cứ mà mức phí sẽ có quy định khác nhau. Các chi phí này là chi phí phục vụ hoạt động vận hành PACER. Trừ trường hợp phục vụ nghiên cứu, người muốn truy cập và tiếp cận hồ sơ có thể làm đơn yêu cầu miễn phí lệ phí dành cho người nghiên cứu²³⁷.

Mô hình PACER của Mỹ tương đối giống với mô hình phát triển Công thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao tại Việt Nam hiện nay, tuy nhiên phạm vi truy xuất dữ liệu của PACER được mở rộng hơn rất nhiều. Tất cả cá nhân, tổ chức không tham gia tố tụng cũng có thể tiếp xúc với hồ sơ vụ án. Theo đó, quan điểm của Mỹ là các tài liệu, chứng cứ đều được công khai, trừ các trường hợp tài liệu thuộc nhóm tài liệu được bảo mật (sealeds) vì lý do bảo vệ bí mật nhà nước, tài liệu có liên quan đến bí mật kinh doanh. Mọi nhóm đối tượng bao gồm luật sư, người tham gia tố tụng hay những chủ thể khác có nhu cầu tiếp cận hồ sơ vụ án nhằm mục đích nghiên cứu, học tập, tham khảo đều có quyền được truy cập vào công thông tin.

Đối với hoạt động của luật sư, việc được tiếp cận đa dạng hồ sơ giúp các luật sư có nguồn tham khảo với nhiều tình huống pháp lý, bên cạnh đó, với sự hỗ trợ của các công cụ AI tư nhân mà luật sư lựa chọn, nhiều công cụ AI sử dụng việc truy cập nguồn dữ liệu này để tiến hành phân tích và có thể đưa ra các đánh giá cụ thể về hoạt động nghiên cứu hồ sơ, phương án giải quyết vụ án, thậm chí đưa ra phân tích cá nhân hóa dự đoán giải quyết một thẩm phán có thể đưa ra. Tại Mỹ, việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp ứng dụng trí tuệ nhân tạo của luật sư chủ yếu sử dụng các phần mềm AI tư nhân, tùy thuộc vào nhu cầu mà các tổ chức hành nghề luật sư sẽ lựa chọn ứng dụng và kết hợp sử dụng sản phẩm của các nhà cung ứng dịch vụ AI phù hợp. Các phần mềm AI chuyên biệt hóa về pháp lý như Lexis+, Trellis, Westlaw Precision,... cho phép khả năng thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn thông tin ngoài phạm vi tiểu bang, vì vậy, các luật sư có thể tham khảo những tình huống pháp lý tương tự ở phạm vi lớn và đưa ra những phương án pháp lý phù hợp. Tuy nhiên, việc sử dụng AI trong phạm vi ở các tiểu bang khác nhau sẽ có sự khác biệt, phụ thuộc vào mức độ hoàn thiện về nguồn cơ sở dữ liệu của mỗi tiểu bang.

²³⁷ <https://pacer.uscourts.gov/my-account-billing/billing/fee-exemption-request-researchers>

2.2. Trung Quốc

Mặc dù chưa ban hành đạo luật riêng về AI, Trung Quốc đã lồng ghép các quy định quản lý vào các văn bản pháp luật hiện hành (phạm vi quản lý chung chỉ áp dụng cho Trung Quốc đại lục, không áp dụng cho các khu vực Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao), tiêu biểu như:

+ Tại Điều 20 Luật An ninh mạng (sửa đổi năm 2026), Nhà nước Trung Quốc đưa ra quy định mang tính chất nền tảng trong phát triển trí tuệ nhân tạo, theo đó Nhà nước hỗ trợ nghiên cứu lý thuyết cơ bản về AI và phát triển các công nghệ then chốt như thuật toán; thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng về tài nguyên dữ liệu huấn luyện và tính toán; hoàn thiện các quy phạm đạo đức AI; tăng cường giám sát, đánh giá rủi ro và quản lý an toàn; thúc đẩy ứng dụng và phát triển lành mạnh của AI. Nhà nước ủng hộ các phương pháp tiếp cận đổi mới trong quản lý an ninh mạng và việc sử dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo để tăng cường khả năng bảo vệ an ninh mạng²³⁸;

+ Quy định Quản lý dịch vụ thuật toán đề xuất Internet do Văn phòng Thông tin Internet Nhà nước, Bộ Công nghiệp và Công nghệ Thông tin Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc, Bộ Công an Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cục Quản lý Thị trường Nhà nước ban hành ngày 16/11/2021, có hiệu lực từ 01/3/2022. Theo đó, Trung Quốc ràng buộc tính trách nhiệm trong việc đề xuất, sử dụng thuật toán cung cấp dịch vụ thông tin, tin tức trên Internet của các nhà cung cấp dịch vụ, bao gồm các nền tảng mạng xã hội như Tiktok, Weibo,... hay các trang thương mại điện tử lớn như Taobao, Tmall,... khi thực hiện cung ứng dịch vụ (bao gồm các dịch vụ có sử dụng thuật toán liên quan đến AI) đều được cơ quan có thẩm quyền quản lý bởi hệ thống quản lý an ninh phân cấp và bảo mật cho các thuật toán. Bên cạnh đó, quy định này cũng yêu cầu tính chủ động phát hiện các thông tin bất hợp pháp từ nhà cung cấp, người dùng nhằm tăng cường khả năng quản trị hệ sinh thái nội dung thông tin trực tuyến. Việc các nhà cung cấp sử dụng thuật toán đưa ra các thông tin sai lệch gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia hoặc lợi ích công cộng, tác động tiêu cực đến các tiêu chuẩn cộng đồng có thể bị xử lý vi phạm theo từng mức độ khác nhau.²³⁹

Từ khoảng giữa năm 2010, Trung Quốc đã bắt đầu triển khai áp dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong hệ thống tòa án và phát triển mô hình “tòa án thông minh” (Smart courts) trên toàn quốc. Thiết chế tòa án thông minh được xây dựng hướng tới 03 mục tiêu: (1) xử lý trực tuyến toàn bộ hoạt động; (2) công khai pháp lý toàn bộ quy trình; (3) dịch vụ thông minh toàn diện²⁴⁰. Theo đó, hệ thống này tích hợp đa dạng công nghệ AI và kỹ thuật số có khả năng gợi ý vụ án tương tự, hỗ trợ tuyên án và cơ chế cảnh báo sai lệch sử

²³⁸ Điều 20 Luật An ninh mạng năm 2025 (có hiệu lực từ 01/01/2026) của Trung Quốc

https://ynbm.yn.gov.cn/html/2026/zhengcefagui_0209/818.html

²³⁹ https://www.cac.gov.cn/2022-01/04/c_1642894606364259.htm

²⁴⁰ Trần Thanh Tâm (2026), Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong hoạt động của Tòa án: Kinh nghiệm từ “Tòa án thông minh” của Trung Quốc và định hướng cho Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết 66-NQ/TW, Tạp chí điện tử Pháp lý

<https://phaply.net.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-cao-va-du-lieu-lon-trong-hoat-dong-cua-toa-an-kinh-nghiem-tu-toa-an-thong-minh-cua-trung-quoc-va-dinh-huong-cho-viet-nam-theo-tinh-than-nghi-quyet-66-nqtw-a260746.html>

dụng dữ liệu lớn và AI cho thẩm phán. Luật sư tham gia tố tụng có thể tiếp cận với toàn bộ hồ sơ vụ án mà mình đang tham gia giải quyết bằng phương thức trực tuyến thông qua cổng dịch vụ Tòa án trực tuyến²⁴¹. Bên cạnh đó, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp tại Trung Quốc đã ban hành “Quy định về bảo vệ quyền tiếp cận hồ sơ vụ án của luật sư theo pháp luật” vào cuối năm 2025 nhằm thiết lập một cơ chế hỗ trợ toàn diện tích hợp việc xem xét tài liệu tại chỗ, từ xa và trực tuyến dành cho luật sư. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư trong việc tiếp cận hồ sơ vụ án lưu trữ tại Viện kiểm sát bằng con đường trực tuyến²⁴².

Đối với luật sư hay những đối tượng khác có nhu cầu tham khảo, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực pháp luật, Trung Quốc xây dựng Cổng dịch vụ dữ liệu tư pháp Trung Quốc (China Justice Big Data Service Platform) cho phép luật sư có thể tìm kiếm các trường hợp pháp lý tương tự, phân tích việc áp dụng pháp luật và tham khảo các dự đoán phán quyết do trợ lý ảo AI tích hợp trên trang web đưa ra. Nguồn dữ liệu trên Cổng dịch vụ này là nguồn dữ liệu chung và chính thống, giúp luật sư có thể nghiên cứu các thông tin về các vụ án mang tính chất tương tự với độ tin cậy cao. Ngoài ra, luật sư hoàn toàn có quyền sử dụng nền tảng khác nhưng có sự kiểm soát bởi các quy định pháp luật, không được tiếp cận toàn bộ hồ sơ nếu không phải là người tham gia tố tụng.

Trên cơ sở sự khuyến khích tự phát triển AI của Nhà nước Trung Quốc, tại các trường học như Đại học Thanh Hoa tại Bắc Kinh đã nghiên cứu, phát triển nền tảng trí tuệ nhân tạo như LegalOne-R1 phục vụ mục đích giảng dạy và học tập trong lĩnh vực pháp luật²⁴³. Ngoài phục vụ cho đối tượng là giảng viên, sinh viên, các luật sư hoàn toàn có thể tiếp cận và sử dụng ứng dụng này nhằm nghiên cứu tư duy của thẩm phán trên cơ sở phân tích các bản án trên thực tế, kết hợp với nguồn dữ liệu pháp luật, án lệ. Bên cạnh đó, AI cũng hỗ trợ cho luật sư trong soạn thảo văn bản bằng việc đưa ra các lập luận pháp lý. Luật sư hoàn toàn có thể tham khảo cách lập luận, đưa ra luận điểm, luận cứ khoa học, đầy đủ, thuyết phục.

2.3. Các nước thuộc Liên minh Châu Âu (EU)

Liên minh Châu Âu (EU) là khu vực đi tiên phong trong việc ban hành Đạo Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 của EU (EU Artificial Intelligence Act) (EU AI Act) (có hiệu lực từ 01/8/2024), Đạo luật quy định toàn diện về AI áp dụng cho toàn lãnh thổ các quốc gia thành viên. Đây được xem là một văn bản pháp lý toàn diện về AI chưa từng có trên thế giới. Theo đó, EU AI Act được xem là luật gốc mang tính ràng buộc và được áp dụng trực tiếp với các quốc gia thành viên. Các quốc gia trong EU có quyền xây dựng các văn bản pháp luật khác phù hợp với từng quốc gia nhưng không được trái với những quy định đã được đưa ra trong EU AI Act. Đạo luật về AI phân loại rủi ro theo 4 mức độ rủi ro bao gồm: (1) *Rủi ro không thể chấp nhận (Unacceptable risk)*; (2) *Rủi ro cao (High risk)*; (3)

²⁴¹ https://fy.huaian.gov.cn/col/11895_474188/art/17749728/1775628836823SsdkApWi.html

²⁴² https://www.spp.gov.cn/xwfbh/wsfbt/202512/t20251208_712981.shtml#1

²⁴³ 计算机系(2026), 清华大学LegalOne-R1法律大模型正式发布, Tsinghua University
<https://www.tsinghua.edu.cn/info/1175/124154.htm>

Rủi ro hạn chế (limited risk); (4) *Rủi ro tối thiểu (Minimal or low risk)*²⁴⁴. Với mỗi mức độ rủi ro, các quy định EU AI Act đưa ra nhằm quy định phù hợp đảm bảo những nguyên tắc chung về quản trị rủi ro, tính minh bạch, đảm bảo an toàn, bảo mật trong phát triển, sử dụng AI. Trên cơ sở đặt ra khung pháp lý toàn diện về AI, việc ứng dụng AI trong các lĩnh vực tạo môi trường đáng tin cậy cho mọi cá nhân, cơ quan, tổ chức tại EU.

Bên cạnh đó, EU cũng thành lập Nhóm công tác Nghị viện về AI để giám sát quá trình triển khai luật, đảm bảo luật thực sự thúc đẩy phát triển số và không kìm hãm đổi mới. Tại mỗi quốc gia thành viên, nhiều mô hình “hộp cát” (sandbox) thử nghiệm AI được thiết lập nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp (startup) và các doanh nghiệp nhỏ hoặc vừa (SME) tăng cường thử nghiệm ứng dụng AI và chuyển đổi số. Việc thử nghiệm sẽ được đặt trong môi trường kiểm soát trước khi các công cụ AI được chính thức ra mắt. Điều này giúp các nhà cung ứng có định hướng phát triển. Các tổ chức hành nghề luật sư tại các quốc gia thành viên cũng có thể tham gia vào mô hình sandbox, tạo ra quan hệ hỗ trợ đồng thời giữa các nhà cung ứng dịch vụ về AI với các tổ chức này khi được tiếp cận và ứng dụng sớm, đồng thời đưa ra được những yêu cầu mang tính cá biệt hóa phục vụ cho hoạt động của tổ chức mình.

Cổng thông tin tư pháp điện tử Châu Âu (European e-Justice portal) là nơi cung cấp đầy đủ thông tin cho luật sư, doanh nghiệp và công chúng quan tâm đến các vấn đề pháp lý xuyên biên giới trong phạm vi Châu Âu (trừ Đan Mạch)²⁴⁵. Theo đó, e-Justice portal cung cấp thông tin về hệ thống tư pháp và pháp luật của tất cả các quốc gia thành viên và cho phép truy cập vào luật pháp và án lệ của EU và quốc gia. Cổng thông tin tích hợp 15 công cụ hoặc chức năng, bao gồm: Tìm luật sư, Tìm doanh nghiệp, Công cụ tương tác về Quyền cơ bản, Cơ sở dữ liệu Tòa án có thẩm quyền và nền tảng đào tạo cho luật sư và ngành tư pháp. Trang web có thể được truy cập bằng tất cả các ngôn ngữ chính thức của EU²⁴⁶, giúp cung cấp thông tin về các luật sư tại các quốc gia thành viên và hỗ trợ người khởi kiện xác định tòa án có thẩm quyền giải quyết cho một số các vụ việc cụ thể trong phạm vi EU, bên cạnh đó cung cấp hướng dẫn về thủ tục tố tụng, cách thức chuẩn bị hồ sơ gửi đến tòa án. Hệ thống này giúp tăng cơ hội tiếp cận đa dạng nguồn khách hàng của luật sư, đồng thời đạt được hiệu quả cao trong giải quyết các tranh chấp mang tính xuyên quốc gia trong phạm vi EU.

Ngoài những quy định pháp luật và nền tảng cơ sở hạ tầng số sử dụng chung trong EU, các quốc gia thành viên cũng xây dựng nền tư pháp ứng dụng AI và chuyển đổi số, tiêu biểu như:

²⁴⁴ Đào Trung Thành, *Luật Trí tuệ nhân tạo trên thế giới và Việt Nam Bài 1: Tổng quan về Luật trí tuệ nhân tạo trên thế giới*, Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Việt Nam <https://vjst.vn/luat-tri-tue-nhan-cao-tren-the-gioi-va-viet-nam-bai-1-tong-quan-ve-luat-tri-tue-nhan-cao-tren-the-gioi-76313.html>

²⁴⁵ https://e-justice.europa.eu/topics/taking-legal-action/european-judicial-atlas-civil-matters/taking-evidence-recast_en

²⁴⁶ <https://e-justice.europa.eu/select-language?destination=/node/2>

+ Tại Đức, hệ thống ERV - Elektronischer Rechtsverkehr) được xây dựng là hệ thống giao dịch điện tử trong lĩnh vực tư pháp của nước này. ERV như một hệ sinh thái gồm nhiều hộp thư điện tử chuyên dụng có xác thực bảo mật cao dành cho từng nhóm đối tượng khác nhau (luật sư, công chứng viên, cơ quan nhà nước, tổ chức công, tổ chức tư nhân, doanh nghiệp, cá nhân). Trong đó, beA (Besonderes elektronisches Anwaltspostfach - Hộp thư điện tử đặc biệt dành cho luật sư) là kênh bắt buộc đối với luật sư và cơ quan tư pháp từ ngày 1/1/2022. Mọi luật sư bắt buộc phải duy trì và kiểm tra beA, kể cả khi không hành nghề nhưng vẫn giữ chứng chỉ hành nghề luật sư, thực hiện việc gửi và nhận văn bản tố tụng²⁴⁷. Việc này đảm bảo tính an toàn và giá trị pháp lý cho các tài liệu và hỗ trợ luật sư trong hoạt động nghiên cứu, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thời yêu cầu luật sư phải tuân thủ nghiêm ngặt hơn các quy định pháp lý ràng buộc trong hoạt động hành nghề.

+ Estonia được công nhận là quốc gia dẫn đầu trong chuyển đổi số ngành tư pháp với hệ thống e-file. Đây là một nền tảng tập trung cho phép cảnh sát, luật sư, công tố viên và tòa án chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực, giúp loại bỏ tình trạng cô lập thông tin giữa các cơ quan²⁴⁸. Trên cơ sở đó, Estonia đã phát triển một hệ thống tự động hóa để xử lý các yêu cầu thanh toán không có tranh chấp trong các vụ việc dân sự có giá trị dưới 7.000€²⁴⁹. Hệ thống này tự động thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy trình đã được định sẵn và có thể đưa ra quyết định hoặc đề xuất bản dự thảo phán quyết, giúp luật sư gần như nhận được kết quả tức thời đối với các vụ việc đơn giản, từ đó tiết kiệm nguồn lực của cá nhân các luật sư và các tổ chức hành nghề luật sư nhằm tập trung vào những vụ án có tính chất phức tạp hơn. Tuy nhiên, Chính Phủ Estonia cũng khẳng định rằng công nghệ này chỉ nhằm hỗ trợ, chứ không thay thế vai trò ra phán quyết cuối cùng của thẩm phán. Bên cạnh đó, Estonia đã phát triển Hệ thống Thông tin Tòa án (Court Information System - KIS) – một hệ thống quản lý hồ sơ toàn diện được sử dụng tại tất cả các cấp tòa án, cho phép đăng ký vụ việc, lên lịch phiên tòa, tự động phân công thẩm phán, tạo giấy triệu tập và công bố bản án trên cổng thông tin chính thức²⁵⁰. Đồng thời, Estonia cũng phát triển các hoạt động tố tụng như thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp, phiên tòa, lấy lời khai,...theo hình thức trực tuyến theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và Bộ luật tố tụng dân sự của nước này, phù hợp với các quy định về số hóa cho các quốc gia thành viên (Digitalisation Regulation - Member State notifications) của EU²⁵¹. Việc ứng dụng AI và chuyển đổi số mạnh mẽ, mang tính đồng bộ cao tại Estonia đã mang lại nhiều tác động tích cực về hiệu quả chuyên môn, tiết kiệm chi phí, thời gian cho luật sư.

+ Pháp và Ý là hai quốc gia đều tập trung phát triển chuyển đổi số theo hướng xây dựng các nền tảng số an toàn, với mục tiêu số hóa toàn diện quy trình tố tụng nhằm tạo ra

²⁴⁷ <https://www.deutscheranwaltspiegel.de/e-justice/digitalisierung/mein-justizpostfach-151524/>

²⁴⁸ <https://publicadministration.un.org/en/Research/Case-Studies/unpsacases/ctl/NominationProfilev2014/mid/1170/id/5158>

²⁴⁹ <https://cyberjustice.blog/2022/05/03/estonia-a-fully-digital-judicial-system/>

²⁵⁰ <https://www.rik.ee/et/node/80>

²⁵¹ https://e-justice.europa.eu/topics/court-procedures/digitalisation-regulation-member-state-notifications/ee_en

sự thay đổi căn bản trong hoạt động hành nghề luật sư. Cụ thể, Pháp vận hành mạng RPVA (Réseau Privé Virtuel des Avocats) thông qua cổng e-Barreau²⁵², trong khi Ý phát triển hệ thống PCT (Processo Civile Telematico)²⁵³ – cả hai đều là các nền tảng giao tiếp điện tử tập trung do cơ quan nhà nước hoặc tổ chức nghề nghiệp quản lý này cho phép luật sư thực hiện mọi thao tác tố tụng từ xa: từ hỗ trợ khách hàng nộp đơn khởi kiện, trao đổi hồ sơ, quản lý tài liệu đến nhận bản án có chữ ký số của Thẩm phán mà không cần phải có mặt trực tiếp tại tòa án. Nhờ đó, luật sư tiết kiệm được thời gian di chuyển, chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả xử lý công việc. Ngoài ra, việc số hóa toàn bộ vòng đời của vụ án – từ khởi kiện, xét xử đến thi hành án – còn giúp luật sư dễ dàng truy xuất hồ sơ, theo dõi tiến độ và phối hợp với các bên liên quan một cách minh bạch, nhanh chóng, tạo nền tảng để chuyển đổi sang mô hình hành nghề số hóa hiện đại.

3. Khuyến nghị về ứng dụng AI và chuyển đổi số trong hành nghề luật sư tại Việt Nam

Hoạt động hành nghề luật sư hiện nay không chỉ diễn ra trong không gian nghề nghiệp truyền thống mà đang từng bước dịch chuyển lên môi trường số thông qua website, nền tảng kết nối, phương thức giao dịch điện tử và các công cụ hỗ trợ pháp lý bằng công nghệ. Sự chuyển dịch đó cho thấy nhu cầu hành nghề hiện đại đang thay đổi nhanh chóng cả về cách thức cung cấp dịch vụ, tiếp cận khách hàng và tổ chức vận hành nghề nghiệp. Điều đó cũng đồng nghĩa rằng, nếu pháp luật không được hoàn thiện kịp thời, môi trường số sẽ phát triển nhanh hơn khuôn khổ điều chỉnh hiện hành, từ đó làm nảy sinh khoảng trống pháp lý giữa yêu cầu đổi mới phương thức hành nghề với cơ chế quản lý nghề luật sư vốn được thiết kế chủ yếu cho mô hình truyền thống. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số trong hành nghề luật sư không làm suy giảm trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư đối với nội dung tư vấn cuối cùng. Luật sư vẫn phải là người kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm về tính chính xác của ý kiến pháp lý, tính phù hợp của văn bản soạn thảo, cũng như việc bảo mật dữ liệu đã đưa vào hệ thống.

Thứ nhất, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ngành luật chưa được đẩy mạnh toàn diện chủ yếu do những e ngại sâu sắc về tính bảo mật thông tin khách hàng. Bảo mật trong nghề luật không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là nguyên tắc đạo đức cốt lõi; việc rò rỉ dữ liệu qua các công cụ AI công cộng có thể dẫn đến những tổn hại nghiêm trọng về uy tín và pháp lý. Do đó, trong bối cảnh Việt Nam chưa có một khung pháp lý cụ thể điều chỉnh trực tiếp AI, khuyến nghị đầu tiên là các luật sư và tổ chức hành nghề cần ưu tiên lựa chọn các công cụ AI được phát triển bởi những nhà cung cấp uy tín, có cam kết minh bạch và chặt chẽ về an toàn dữ liệu. Để lấp đầy khoảng trống pháp lý trong ngắn hạn, các tổ chức hành nghề có thể chủ động tham khảo, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị

²⁵² <https://www.justice.gouv.fr/actualites/espace-presse/archives-convention-nationale-entre-ministere-justice-cnb>

²⁵³ Brunelli, B. (2025). *VERSO UNA NUOVA FASE DEL PCT: UN COMMENTO A PRIMA LETTURA DELLE REGOLE TECNICHE DI NUOVO CONIO*. *RIVISTA TRIMESTRALE DI DIRITTO E PROCEDURA CIVILE*, LXXIX(2), 489-507

<https://cris.unibo.it/handle/11585/1026657>

rủi ro trí tuệ nhân tạo (ví dụ như Khung quản lý rủi ro AI của NIST) nhằm xây dựng bộ quy tắc ứng xử nội bộ khi sử dụng AI, đảm bảo mọi dữ liệu nhạy cảm của khách hàng đều được ẩn danh hóa trước khi đưa vào hệ thống xử lý. Ưu tiên sử dụng các công cụ AI do các nhà cung ứng dịch vụ phát triển có cam kết về bảo mật thông tin và áp dụng các bộ tiêu chuẩn quản trị rủi ro.

Thứ hai, hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng trang chuyên về công bố bản án, theo đó tất cả các bản án, quyết định của Tòa án được đăng tải sau khi đã mã hóa thông tin cá nhân của người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, việc truy xuất các tài liệu này có thể gặp khó khăn. Đối với các bản án trên trang Công bố bản án của Tòa án nhân dân tối cao được đăng tải ở định dạng tệp PDF, nằm bên trong một khung xem (viewer) và có cơ chế ngăn chặn các trình thu thập dữ liệu tự động để bảo vệ thông tin, vì vậy các công cụ AI không thể tiếp cận được với các nguồn tài liệu này tự động. Điều này đem đến sự hạn chế về tính đa dạng của nguồn tham khảo mà luật sư phải làm thủ công để cung cấp cho AI có đủ cơ sở dữ liệu phân tích và không đáp ứng được tính toàn diện trong việc ứng dụng AI. Do đó, trong quá trình sử dụng, luật sư cần có sự chủ động trong cung cấp hệ thống nguồn dữ liệu đáng tin cậy làm tư liệu cho các công cụ AI sử dụng để phân tích, phát triển và cá nhân hóa theo nhu cầu sử dụng của luật sư.

Thứ ba, pháp luật Việt Nam có nhiều quy định mang tính đặc thù áp dụng theo phạm vi địa lý hành chính cụ thể (ví dụ: quy định về diện tích tách thửa tối thiểu được áp dụng khác nhau tại từng tỉnh thành dựa trên quyết định của UBND cấp tỉnh ban hành) hoặc các tranh chấp về dân sự được giải quyết theo tập quán vùng miền. Đây là những vấn đề đòi hỏi sự thấu hiểu về bối cảnh kinh tế - xã hội và văn hóa mà các hệ thống AI hiện nay chưa thể nhận diện hay xử lý chính xác. Vì vậy, khuyến nghị luật sư cần giữ vai trò kiểm soát tuyệt đối và là “người phiên dịch” giữa kết quả thô của máy móc với thực tiễn vụ án. Khi dùng AI để tham khảo lập luận tranh tụng hay đề xuất phương án, luật sư phải vận dụng tư duy pháp lý sắc bén để sàng lọc, đối chiếu, đảm bảo việc áp dụng pháp luật không rập khuôn mà hoàn toàn phù hợp với từng tình tiết cụ thể, từ đó đưa ra những tư vấn chính xác, khả thi và trao đổi hiệu quả nhất với khách hàng.

Thứ tư, hiện nay mức độ ứng dụng chuyển đổi số AI tại các tổ chức hành nghề luật sư ở Việt Nam còn chưa đồng đều. Bên cạnh đó, hầu hết mới dừng ở mức phần mềm quản lý hồ sơ nội bộ hoặc thực hiện các tác vụ đơn giản như dự thảo hợp đồng mẫu, chưa thể hỗ trợ đưa ra chiến lược tố tụng phức tạp. Để thúc đẩy quá trình này, các tổ chức hành nghề cần hoạch định ngân sách rõ ràng cho lộ trình nâng cấp hạ tầng công nghệ và chi phí duy trì hệ thống hàng năm. Song song đó, các Đoàn luật sư và Liên đoàn Luật sư cần thiết kế các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng ứng dụng AI và chuyển đổi số cho các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư với thời lượng tinh gọn, trực quan để phổ biến trên diện rộng. Mục tiêu là nâng cao nhận thức, trang bị kỹ năng trong ứng dụng AI, chuyển đổi số phục vụ cho công việc của luật sư, giúp họ tối ưu hóa quy trình làm việc gắn liền với tư duy bảo mật thông tin thay vì chỉ sử dụng công nghệ một cách thụ động.

Thứ năm, các luật sư cần xác định rõ AI và chuyển đổi số chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ trong hoạt động hành nghề, những công cụ này hoàn toàn không thể làm thay tư duy con người. Do AI thu thập thông tin từ nhiều nguồn đa dạng trên internet, các mô hình ngôn ngữ hiện nay vẫn thường xuyên gặp phải hiện tượng “ảo giác” (hallucination) – biểu hiện qua việc AI có thể tự bịa ra các điều luật hay số liệu không tồn tại, trích dẫn sai bối cảnh, hoặc cung cấp các đường link tham khảo không chính xác hoặc không có thật (dead links). Do đó, luật sư tuyệt đối không được phụ thuộc hay tin tưởng tuyệt đối vào kết quả do AI kết xuất. Trách nhiệm nghề nghiệp yêu cầu luật sư phải tự mình kiểm tra chéo, rà soát lại mọi thông tin, căn cứ pháp lý để đảm bảo tính trung thực. Suy cho cùng, sản phẩm pháp lý nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho khách hàng là do luật sư chịu trách nhiệm và là cơ sở để luật sư bảo đảm uy tín trong quá trình hành nghề.

Thứ sáu, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đề xuất, xây dựng, rà soát, đồng bộ và phát triển hệ thống pháp luật về AI nhằm phục vụ cho mục đích ứng dụng thực hành nghề luật sư, cũng như giải quyết các nội dung chuyên môn về tranh chấp, vụ việc có liên quan đến AI. Về lâu dài, Nhà nước có thể xem xét việc xây dựng các cổng kết nối dữ liệu mở (API) chuẩn hóa để các phần mềm pháp lý của tổ chức hành nghề luật có thể truy xuất án lệ, văn bản luật một cách chính thống và an toàn. Đồng thời, các ứng dụng AI chuyên ngành cần thiết lập cơ chế giới hạn phạm vi tài nguyên: chỉ ưu tiên khai thác dữ liệu từ Cổng thông tin điện tử của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan nhà nước. Việc khoanh vùng này giúp chặn đứng rủi ro AI tổng hợp thông tin sai lệch từ các bài viết phân tích cá nhân, các diễn đàn không chính thống trên mạng xã hội, đảm bảo chất lượng và độ tin cậy tuyệt đối cho các tham vấn pháp lý.

Kết luận:

Trong bối cảnh kỷ nguyên số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và thực hiện chuyển đổi số trở thành nhu cầu tất yếu và là xu thế khách quan đối với hoạt động hành nghề luật sư tại Việt Nam, việc nhận diện các cơ hội, thực tiễn ứng dụng AI và chuyển đổi số chính là tiền đề để Việt Nam tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo dựng một hành lang pháp lý đồng bộ và an toàn cho luật sư nói riêng và những người hành nghề trong lĩnh vực pháp luật, người dân nói chung khi tham gia vào bất cứ quan hệ pháp luật nào. Việc tiếp cận trên cơ sở hiểu, áp dụng đúng đắn công nghệ vào hoạt động hành nghề giúp luật sư nâng cao chất lượng công việc, giải phóng sức lao động thủ công, phát triển năng lực chuyên môn, tư duy chiến lược mà không làm mất đi giá trị cốt lõi của hoạt động hành nghề luật sư - đó là sứ mệnh cao cả trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng. Khi sức mạnh công nghệ được cộng hưởng mạnh mẽ với bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp của người luật sư sẽ tạo nên động lực to lớn thúc đẩy đất nước hướng tới một nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội trong bối cảnh mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật An ninh mạng năm 2025 (có hiệu lực từ 01/01/2026) của Trung Quốc
2. Song An, “Tham vấn chính sách xây dựng dự án Luật Luật sư (sửa đổi)”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử*, 2026, <https://danchuphapluat.vn/tham-van-chinh-sach-xay-dung-du-an-luat-luat-su-sua-doi-8844.html>, truy cập ngày 08/04/2026.
3. Matthias Artzt, Trần Việt Dũng, “Artificial Intelligence and Data Protection: How to Reconcile Both Areas from the European Law Perspective”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 07, No. 02, 2022, pp. 43, DOI: 10.2478/vjls-2022-0007.
4. Bộ Tư pháp, “Đề nghị xây dựng Luật Luật sư mới”, *Trang thông tin điện tử Bộ Tư pháp*, 2024, <https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=4204>, truy cập ngày 08/04/2026.
5. Báo Điện tử Chính phủ, “Cảnh báo thủ đoạn mạo danh Bộ Công an, công ty Luật, Văn phòng Luật sư hỗ trợ lấy lại tiền bị lừa, bị treo”, *Trang thông tin điện tử Chính phủ*, 2024, <https://baochinhphu.vn/canh-bao-thu-doan-mao-danh-bo-cong-an-cong-ty-luat-van-phong-luat-su-ho-tro-lay-lai-tien-bi-lua-bi-treo-102240415152340808.htm>, truy cập ngày 08/04/2026.
6. Công văn số 545/LĐLSVN ngày 05/11/2024 của Liên đoàn Luật sư Việt Nam về việc mạo danh LĐLSVN, Chủ tịch LĐLSVN để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.
7. Council of Bars and Law Societies of Europe, “CCBE guidelines on the use of cloud computing by Bars and lawyers”, *Trang thông tin điện tử CCBE*, 2025, https://www.ccbe.eu/fileadmin/speciality_distribution/public/documents/IT_LAW/ITL_Guides_recommendations/EN_ITL_20250227_CCBE-guidelines-on-the-use-of-cloud-computing-by-lawyers.pdf, truy cập ngày 10/04/2026.
8. Sébastien Lafrance, “The Impact of Artificial Intelligence on the Formation and the Development of the Law”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 02, No. 01, 2020, pp. 3, DOI: 10.2478/vjls-2020-0007.
9. Jake Van der Laan, “Explainability of Artificial Intelligence Models: Technical Foundations and Legal Principles”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 07, No. 02, 2022, pp. 1–2, DOI: 10.2478/vjls-2022-0006.
10. Karolina Mania, “Legal Technology: Assessment of the Legal Tech Industry’s Potential”, *Journal of the Knowledge Economy*, tập 14, 2023, pp. 595–619, DOI: 10.1007/s13132-022-00924-z.
11. Bruna T. Nishikawa, Renato J. Orsato, “Professional services in the age of platforms: Towards an analytical framework”, *Technological Forecasting and Social Change*, Vol. 173, 2021, Article 121131, DOI: 10.1016/j.techfore.2021.121131.

12. Kalliopi Terzidou, “Generative AI systems in legal practice offering quality legal services while upholding legal ethics”, *International Journal of Law in Context*, Vol. 21, No. 3, 2025, pp. 431–452, DOI: 10.1017/S1744552325000047.

13. 计算机系(2026), 清华大学LegalOne-R1法律大模型正式发布, Tsinghua University
<https://www.tsinghua.edu.cn/info/1175/124154.htm>

14. Natasza Gadowska (2025), Seizing Global AI Regulation: Chips for Peace as America’s Last Call to Lead, *Harvard Journal of Law & Technology*

15. Đào Trung Thành, Luật Trí tuệ nhân tạo trên thế giới và Việt Nam Bài 1: Tổng quan về Luật trí tuệ nhân tạo trên thế giới, Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Việt Nam

THAM LUẬN 8

ỨNG DỤNG AI VÀ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG, ĐẤU GIÁ: KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

TS. Phạm Thị Thúy Hồng

Trưởng Khoa Đào tạo Công chứng viên và các chức danh khác, Học viện Tư pháp.

CCV. Nguyễn Chí Khang

Trưởng Văn phòng Công chứng Nguyễn Chí Khang, tỉnh Khánh Hòa;

Ủy viên Ban Chấp hành Hội Công chứng viên tỉnh Khánh Hòa

Tóm tắt: Bài viết làm rõ tính tất yếu của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số đối với hoạt động công chứng, đấu giá trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Thông qua phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia như Pháp, Trung Quốc và Nhật Bản, bài viết đánh giá thực trạng tại Việt Nam và đề xuất định hướng hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng số nhằm bảo đảm quá trình chuyển đổi số diễn ra an toàn, minh bạch và hiệu quả.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, công chứng điện tử, đấu giá trực tuyến, trách nhiệm pháp lý.

Đặt vấn đề:

Trong bối cảnh kinh tế số phát triển mạnh mẽ, dữ liệu trở thành nguồn lực cốt lõi, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và bảo đảm khả năng tiếp cận công lý. Trên bình diện quốc tế, nhiều quốc gia như Pháp, Trung Quốc và Nhật Bản đã ứng dụng AI, Blockchain, Big Data và các nền tảng số trong công chứng và đấu giá, góp phần nâng cao tính minh bạch, an toàn pháp lý và hiệu quả giao dịch. Nhìn nhận rằng, sự kết hợp giữa công nghệ và pháp luật phản ánh quá trình chuyển dịch sang mô hình quản trị số, trong đó dữ liệu và công nghệ trở thành nền tảng vừa kiến tạo niềm tin, vừa giám chi phí giao dịch, nhưng vẫn đảm bảo phòng ngừa rủi ro pháp lý. Tại Việt Nam, dù khát vọng chuyển đổi số đã được định hình thành “đột phá chiến lược” qua Nghị quyết 57-NQ/TW, cùng sự ra đời của Luật Giao dịch điện tử 2023 và Luật Trí tuệ nhân tạo 2025, nhưng thể chế pháp lý hiện hành vẫn đang trong trạng thái “vừa chạy vừa xếp hàng”. Sự thiếu đồng bộ thể hiện rõ nét ở các khoảng trống pháp lý về định danh, giá trị chứng cứ của dữ liệu số và bảo mật hệ thống. Đặc biệt, trong công chứng và đấu giá, pháp luật vẫn chưa hoàn thiện cơ sở dữ liệu tập trung, xác thực đa yếu tố và cơ chế kiểm soát rủi ro gian lận trực tuyến. Vì vậy, việc học hỏi kinh nghiệm trong và ngoài nước để hoàn thiện thể chế và hạ tầng số là yêu cầu cấp thiết, nhằm xây dựng hành lang pháp lý vững chắc, bảo đảm chuyển đổi số an toàn, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm.

1. Tính tất yếu của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số trong hoạt động công chứng, đấu giá

Trong kỷ nguyên số, sự giao thoa giữa không gian thực và số đã tạo ra mối liên kết tất yếu, nơi công nghệ đóng vai trò dẫn dắt sự phát triển của pháp luật. Đặc biệt, sự bùng nổ của Trí tuệ nhân tạo (AI, *artificial intelligence*), Blockchain, dữ liệu lớn (*Big Data*) đang tạo ra áp lực chuyển đổi sâu rộng²⁵⁴, đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng xây dựng một mô hình “*pháp luật số*” linh hoạt và vững chắc²⁵⁵. Chính vì vậy, việc hoàn thiện thể chế pháp luật để thích ứng với công nghệ là điều kiện tiên quyết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong thực tiễn. Xuất phát từ bối cảnh đó, việc am hiểu và ứng dụng công nghệ vào dịch vụ pháp lý, đặc biệt là công chứng và đấu giá trở thành yêu cầu tất yếu.

Đứng trước áp lực chuyển đổi sâu rộng của nền kinh tế số, việc nghiên cứu và tích hợp Trí tuệ nhân tạo (AI) cùng công nghệ số vào hoạt động công chứng, đấu giá đang trở thành yêu cầu hết sức cần thiết, được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Thứ nhất, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số đang làm thay đổi căn bản bản chất của dịch vụ pháp lý, bao gồm cả hoạt động công chứng và đấu giá

Trước hết, làn sóng công nghệ đang làm thay đổi tận gốc bản chất của dịch vụ pháp lý, khiến phương thức xử lý hồ sơ thủ công truyền thống dần trở nên lạc hậu. Bởi lẽ, AI hiện đã chứng minh sự ưu việt trong việc tự động rà soát hợp đồng, chuẩn hóa hồ sơ và nhận diện rủi ro, qua đó nâng cao tối đa độ chính xác và tính minh bạch²⁵⁶. Minh chứng rõ nét cho xu hướng này là số liệu khảo sát từ Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ (ABA): tỷ lệ ứng dụng AI trong ngành luật đã tăng vọt từ 11% (2023) lên 30% (2024), cùng với 77% luật sư khẳng định AI sẽ mang lại bước ngoặt chuyển đổi toàn diện trong 5 năm tới²⁵⁷. Chính vì vậy, thực tiễn đang đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc đổi mới đào tạo, buộc người hành nghề phải hội tụ đồng thời tư duy pháp lý và năng lực số. Tựu trung lại, việc làm chủ công nghệ không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro trong xác minh và bảo mật thông tin, mà nay đã chính thức trở thành một tiêu chuẩn nghề nghiệp bắt buộc, phản ánh sự gắn kết tất yếu giữa pháp luật và tiến trình chuyển đổi số.

²⁵⁴ Ngô Hữu Phước (2026), Luật và công nghệ: xu thế tất yếu trong đào tạo ngành luật tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học Pháp Lý Việt Nam, số 03(199)/2026, tr.22-31.

²⁵⁵ Nguyễn Hoàng Chi Mai (2025), Từ pháp luật truyền thống đến “pháp luật số” - Sự thay đổi trong tư duy pháp lý, Trang thông tin Bộ Tư pháp, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2694>, truy cập ngày 18/4/2026.

²⁵⁶ Trịnh Phương Linh, Phạm Thu Hà, Nguyễn Minh Phương (2026), Thực tiễn ứng dụng AI trong hoạt động pháp lý tại Việt Nam hiện nay, Tạp chí Khoa học & Pháp lý, <https://vjst.vn/thuc-tien-ung-dung-ai-trong-hoat-dong-phap-ly-tai-viet-nam-hien-nay-85167.html>, truy cập ngày 18/4/2026.

²⁵⁷ Thomson Reuters Institute (2024), 2024 Report on the State of the U.S. Legal Market (Báo cáo năm 2024 về Tình hình Thị trường Pháp lý Hoa Kỳ), <https://www.thomsonreuters.com/en-us/posts/legal/state-of-the-us-legal-market-2024/>, truy cập ngày 28/04/2026.

Thứ hai, đang tồn tại một “khoảng trống” lớn về năng lực số của đội ngũ hành nghề, tạo thành điểm nghẽn kìm hãm tiến trình chuyển đổi số

Thực trạng cho thấy, phần lớn công chứng viên và đấu giá viên vẫn quen với phương thức xử lý hồ sơ thủ công, phụ thuộc vào hồ sơ giấy và quy trình truyền thống, từ đó làm chậm tiến độ xử lý hồ sơ và hạn chế mức độ an toàn pháp lý trong giao dịch. Trái ngược với thói quen đó, nền kinh tế số lại đòi hỏi việc vận hành các nền tảng phức tạp như ký số, xác thực sinh trắc học hay Hợp đồng thông minh trên nền tảng công nghệ Chuỗi khối²⁵⁸. Sự đối lập này dẫn đến tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực có khả năng quản trị dữ liệu và kiểm soát thuật toán. Do đó, việc đẩy mạnh đào tạo và ứng dụng liên ngành Luật - Công nghệ không còn là lựa chọn, mà trở thành yêu cầu bắt buộc nhằm thu hẹp khoảng cách năng lực và bảo đảm hệ thống vận hành hiệu quả trong môi trường số hóa.

Thứ ba, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số mang lại “lợi ích kép”, vừa đáp ứng xu thế phát triển tất yếu, vừa kiến tạo những giá trị thực tiễn đột phá trên ba phương diện: nghiệp vụ, thị trường và thể chế

Trước hết, về phương diện nghiệp vụ, sự hội tụ giữa Trí tuệ nhân tạo, công nghệ Chuỗi khối và Dữ liệu lớn giúp hình thành các “hồ sơ truy vết số” có tính bất biến và độ tin cậy cao. Nhờ cơ chế lưu vết này, hệ thống có thể kiểm soát rủi ro gian lận như giao dịch trùng lặp đối với cùng một tài sản trong công chứng, đồng thời hạn chế các hành vi thông đồng, thao túng giá trong đấu giá. Qua đó, tính minh bạch và an toàn pháp lý được nâng cao đáng kể. Tiếp theo, từ góc độ thị trường, việc trang bị năng lực số cho đội ngũ hành nghề không chỉ gia tăng sức cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa dịch vụ pháp lý, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới đào tạo theo hướng tích hợp công nghệ. Cuối cùng, xét ở tầm thể chế, quá trình chuyển đổi này góp phần hình thành thể hệ chuyên gia pháp lý chất lượng cao, kết hợp hài hòa giữa tư duy luật học và kỹ năng công nghệ. Họ không chỉ là lực lượng nòng cốt vận hành cơ sở dữ liệu và nền tảng trực tuyến, mà còn đóng vai trò tiên phong trong hoạch định chính sách và xây dựng cơ chế thử nghiệm công nghệ mới.

Do vậy, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động công chứng, đấu giá không còn là một sự lựa chọn, mà chính là yêu cầu mang tính tất yếu. Sự chậm trễ trong việc thích ứng không chỉ làm suy giảm chất lượng hành nghề, mà còn đẩy toàn bộ hệ thống dịch vụ pháp lý vào nguy cơ tụt hậu. Do đó, việc khẩn trương chuyển đổi chính là chìa khóa duy nhất để ngành luật bắt nhịp với kỷ nguyên số, đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển kinh tế số bền vững.

²⁵⁸ Lê Minh Tuấn, Đặng Khánh Hòa, Đỗ Phương Nhung, Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Hoài Giang (2025), Ứng dụng công nghệ chuỗi khối trong đấu giá tài sản công, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, số 3A/2025, tr.57.

2. Thực tiễn ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số trong hoạt động công chứng, hoạt động đấu giá trên thế giới

Biến áp lực chuyển đổi số thành động lực phát triển, nhiều quốc gia đang chứng kiến sự chuyển mình mạnh mẽ trong dịch vụ pháp lý. Theo đó, hệ thống công chứng và đấu giá được tái định hình bởi Trí tuệ nhân tạo và công nghệ số, hướng tới xây dựng nền tảng giao dịch minh bạch, hiệu quả và thích ứng thực tiễn, cụ thể như sau:

2.1. Trong hoạt động công chứng

2.1.1. Tại Pháp

Pháp là một trong những quốc gia của hệ thống Công chứng La tinh (*Civil Law Notary*), tiêu biểu cho hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, cũng đồng thời là quốc gia tiên phong tái cấu trúc toàn diện quy trình công chứng thông qua sự kết hợp giữa AI và Blockchain, qua đó nâng tầm công chứng viên thành “*tiers de confiance, bên thứ ba tin cậy về kỹ thuật số*”²⁵⁹. Bởi, sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là các công cụ học máy và xử lý ngôn ngữ, đang đóng vai trò như một “trợ lý ảo” hỗ trợ công chứng viên, giúp giảm bớt các công việc lặp lại như nhập dữ liệu hồ sơ (AI nhận dạng và trích xuất thông tin - OCR), kiểm tra biểu mẫu văn bản công chứng (AI xử lý ngôn ngữ tự nhiên - NLP), đối chiếu thông tin giấy tờ (AI so khớp dữ liệu), và lưu trữ tài liệu (AI quản lý và phân loại dữ liệu tự động)²⁶⁰. Điển hình là dự án “VictorIA”²⁶¹ do Phòng Công chứng Paris phối hợp với Hyperlex phát triển, cho phép phân tích khối lượng lớn tài liệu trong các kho dữ liệu điện tử²⁶². Dự án VictorIA là bước đột phá công nghệ do Phòng Công chứng Paris, Hyperlex và Banque des Territoires hợp tác phát triển, được đầu tư từ quỹ đổi mới trị giá 6,2 triệu Euro²⁶³. Bằng cách ứng dụng AI, hệ thống có khả năng tự động nhận diện, phân loại và trích xuất thông tin quan trọng từ hàng ngàn kho dữ liệu điện tử (datarooms) khổng lồ trong các giao dịch bất động sản²⁶⁴. Điểm sáng của dự án là mô

²⁵⁹ Axel Gasser (2020), Le rôle contractuel des tiers de confiance dans l'économie collaborative (Vai trò hợp đồng của các bên thứ ba đáng tin cậy trong nền kinh tế chia sẻ), <https://hal.science/hal-03052708/document>, truy cập ngày 19/4/2026.

²⁶⁰ Dossiers Science Hors-série (2019), Intelligence artificielle, le point sur les avancées et dernières découvertes (*Trí tuệ nhân tạo, điểm lại các tiến bộ và những khám phá mới nhất*), Editions du Sens, 15-54

²⁶¹ Chambre des Notaires de Paris, VictorIA, le projet en intelligence artificielle (IA) de la Chambre des Notaires de Paris (*VictorIA, dự án trí tuệ nhân tạo (AI) của Phòng Công chứng Paris*), <https://paris.notaires.fr/fr/presse/communique-de-presse/victoria-le-projet-en-intelligence-artificielle-ia-de-la-chambre-des-notaires-de-paris>, truy cập ngày 17/4/2026.

²⁶² Raphaël Lichten et Arnaud Dumourier (2020), VictorIA : l'intelligence artificielle au service des notaires (*VictorIA: trí tuệ nhân tạo phục vụ các công chứng viên*), Le Monde du Droit, www.lemondedudroit.fr, truy cập ngày 17/4/2026.

²⁶³ PriceHubble (2020), Intelligence artificielle : la Chambre des Notaires de Paris choisit PriceHubble pour développer un nouvel algorithme d'estimation immobilière (*Trí tuệ nhân tạo: Phòng Công chứng Paris chọn PriceHubble để phát triển thuật toán định giá bất động sản mới*), <https://paris.notaires.fr/fr/presse/communique-de-presse/intelligence-artificielle-la-chambre-des-notaires-de-paris-choisit-pricehubble-pour-developper-un>, truy cập ngày 17/4/2026.

²⁶⁴ Manuella Bourassin, Corine Namont Dauchez, Marc Pichard (2018), Présentation de la recherche “Notariat et numérique” menée par le CEDCACE... Entretien: Le cyber-notaire au coeur de la République numérique (*Giới thiệu nghiên cứu “Công chứng và kỹ thuật số” do CEDCACE thực hiện... Phỏng vấn: Công chứng viên không gian mạng ở trung tâm của nền Cộng hòa kỹ thuật số*), La semaine juridique. Notariale et immobilière, số 23/2018, tr. Act-530.

hình AI học tập liên tục thông qua sự kiểm soát trực tiếp của con người: người làm công tác pháp luật dân nhân dữ liệu, sau đó các công chứng viên đánh giá và hiệu chỉnh. Kế thừa thành công rực rỡ từ nền tảng phân tích VIDOC trước đó, mục tiêu lớn nhất của VictorIA không phải để thay thế con người mà để nâng cao hiệu suất công việc, giúp các công chứng viên tiết kiệm thời gian và tập trung hoàn toàn vào giá trị cốt lõi là bảo đảm mức độ an toàn pháp lý cao nhất cho hồ sơ của người khách hàng và làm rõ bản chất của giao dịch²⁶⁵. Ngoài ra, trong lĩnh vực định giá, các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tiêu biểu như nền tảng PriceHubble²⁶⁶, sử dụng dữ liệu từ hệ thống BIEN để xây dựng mô hình định giá tự động, phân tích nhiều yếu tố như diện tích, vị trí, số phòng, hướng nhà, nhu cầu đối với các bất động sản liên kề,... và các biến số liên quan để xác định giá trị phù hợp²⁶⁷. Nhờ đó, công chứng viên có thể ước tính giá trị bất động sản một cách nhanh chóng và có độ tin cậy cao.

Ở khía cạnh tương tác với khách hàng, các chương trình trả lời tự động được triển khai để giải đáp các câu hỏi pháp lý cơ bản liên tục và thông báo tiến độ xử lý hồ sơ, qua đó góp phần tiết kiệm thời gian và nâng cao chất lượng phục vụ²⁶⁸. Việc soạn thảo văn bản công chứng cũng được rút ngắn đáng kể nhờ các phần mềm chuyên dụng như Softlaw²⁶⁹, cho phép tự động quét, trích xuất dữ liệu và điền vào các hệ thống nghiệp vụ như iNot²⁷⁰. Bên cạnh đó, có thể hình dung việc sử dụng các công cụ tạo lập văn bản dựa trên trí tuệ nhân tạo như Chat GPT của OpenAI²⁷¹, góp phần hỗ trợ xây dựng nội dung văn bản trong tương lai. Tuy nhiên, ở giai đoạn hiện nay, trí tuệ nhân tạo vẫn chủ yếu ở mức độ hạn chế, chưa có khả năng hiểu đầy đủ các tình huống pháp lý phức tạp hoặc các yếu tố mang tính linh hoạt của đời sống xã hội. Vì vậy, việc kiểm tra và quyết định cuối cùng của công chứng viên vẫn giữ vai trò không thể thay thế nhằm bảo đảm tính chính xác và an toàn pháp lý của văn bản²⁷².

²⁶⁵ Marc Cagniard, Nicolas Kirilowits (2021), *L'heure de l'IA et de la blockchain a sonné dans le milieu notarial (Đã đến lúc của AI và blockchain trong môi trường công chứng)*, Actu-juridique Lextenso, truy cập ngày 18/4/2026.

²⁶⁶ <https://www.pricehubble.com/>.

²⁶⁷ Cơ sở dữ liệu BIEN là công cụ do các công chứng viên khu vực Grand Paris xây dựng, chỉ ghi nhận thông tin về bất động sản tại vùng Île-de-France. Trong khi đó, cơ sở dữ liệu PERVAL thu thập dữ liệu về bất động sản trên phạm vi toàn lãnh thổ Pháp. Cả hai cơ sở dữ liệu này được cập nhật bởi công chứng viên trong quá trình lập văn bản công chứng, và từ ngày 01/7/2021, việc cung cấp thông tin đã trở thành nghĩa vụ bắt buộc.

²⁶⁸ Mustapha Mekki (2019), *L'intelligence artificielle et le notariat (Trí tuệ nhân tạo và nghề công chứng)*, JCP (N), https://mustaphamekki.openum.ca/files/sites/37/2019/01/Doc_23_01_19_06_30_58.pdf, truy cập ngày 19/4/2026.

²⁶⁹ <https://www.septeo.com/fr/metier/notaire>

²⁷⁰ L'outil Softlaw permet d'extraire des informations à partir des documents afin de les intégrer directement dans le logiciel iNot, développé par la société Genapi (*Công cụ Softlaw cho phép trích xuất thông tin từ tài liệu và tích hợp trực tiếp vào phần mềm iNot của công ty Genapi*), <https://www.septeo.com/en/products-and-services/notary-management-software-inot>, truy cập ngày 19/4/2026.

²⁷¹ Công cụ ChatGPT do OpenAI phát triển và được ra mắt ngày 30/11/2022, là một chatbot dựa trên công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP). Công cụ này có khả năng tương tác và trả lời các câu hỏi của người dùng dựa trên dữ liệu và mô hình được huấn luyện trước. Hiện nay, công nghệ này đã được thương mại hóa và được tích hợp trong một số sản phẩm của các tập đoàn lớn, tiêu biểu như Microsoft.

²⁷² Nguyễn Văn Mich (2025), *Ứng dụng phương tiện điện tử và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động công chứng*, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, ấn phẩm 200 trang “Hoàn thiện pháp luật về công chứng”, tr. 142-153.

2.1.2. Tại Trung Quốc

Hệ thống công chứng Trung Quốc thuộc nhóm dân luật như Pháp, Đức, trong đó công chứng viên giữ vai trò “thẩm phán phòng ngừa”, thực hiện công lý phòng ngừa theo mô hình công chứng nội dung²⁷³. Văn bản công chứng vì vậy được Tòa án thừa nhận là chứng cứ hiển nhiên về sự kiện pháp lý. Trên nền tảng đó, Trung Quốc đã phát triển một hệ sinh thái công chứng số toàn diện, vượt xa mức số hóa thủ tục đơn thuần²⁷⁴. Quá trình chuyển đổi sâu rộng này được định hình qua bốn khía cạnh đột phá sau đây, gắn liền với những thực tiễn sinh động:

Thứ nhất, hợp nhất và liên thông dữ liệu giữa các ngành để xóa bỏ rào cản trong xác minh

Các tổ chức công chứng tại Trung Quốc đã thiết lập cơ chế kết nối trực tiếp với dữ liệu của các lĩnh vực như công an, giáo dục và đất đai nhằm giảm thiểu các bước kiểm tra thủ công trùng lặp. Hiệp hội Công chứng Trung Quốc đã xây dựng hệ thống quản lý thống nhất, thu hút 2.961 tổ chức và 13.385 công chứng viên tham gia (tính đến tháng 8/2018), qua đó chia sẻ thông tin về giao dịch, di chúc và quyền sở hữu trí tuệ để nâng cao hiệu quả xác minh²⁷⁵. Ở cấp địa phương, các tổ chức công chứng tại Thâm Quyển đã mở rộng kết nối với nhiều cơ quan chức năng như công an, y tế, giáo dục, dân chính và giao thông, qua đó xử lý nhanh chóng 84.163 trường hợp chứng thực có yếu tố nước ngoài trong năm 2024²⁷⁶.

Thứ hai, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tự động hóa việc rà soát và soạn thảo văn bản

Trên nền tảng dữ liệu đã được kết nối, hệ thống AI hỗ trợ soạn thảo văn bản, tự động nhận diện và đối chiếu các điều khoản hợp đồng, kiểm tra tính hợp lệ của giấy tờ tùy thân cũng như trạng thái thực tế của tài sản, giúp phát hiện nhanh các lỗi hổng pháp lý²⁷⁷. Trong thực tế hành nghề công chứng, công chứng viên, tổ chức công chứng Trung Quốc đã ứng dụng rộng rãi công nghệ nhận dạng giọng nói tự động (ASR) của công ty iFlytek trong việc ghi bút lục, thông tin hồ sơ lưu và hỗ trợ xử lý hồ sơ, giúp giảm tải công việc

²⁷³ Tổ Biên tập Dự án luật - Bộ Tư pháp (2022), Báo cáo thông thuật pháp luật về công chứng ngày 31/3/2022.

²⁷⁴ Zhaoxun Cao, Ramalinggam Rajamanickam, Nur Khalidah Dahlan (2024), Cyber Notary: The Transformation of Public Legal Services Based on “Internet+ Notarization” (*Công chứng không gian mạng: Sự chuyển đổi của Dịch vụ pháp lý công dựa trên “Internet + Công chứng”*), Asian Journal of Law and Governance, số 6(2)/2024, tr.1-9.

²⁷⁵ Phạm Thị Tuyền Giang (2025), Building and developing digital notarization in Vietnam in the context of digital transformation - experiences from some countries across the world (*Xây dựng và phát triển công chứng kỹ thuật số tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số - kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới*), Russian Law Journal, số XIII(1)/2025, tr.1785.

²⁷⁶ Chu Kiến (2025), Accelerating digital transformation to support enterprises going global (overseas expansion) (*Đẩy nhanh chuyển đổi số để hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra toàn cầu*), https://www.moj.gov.cn/pub/sfbgw/fzgz/fzgzggflfw/fzgzggflfw/202502/t20250206_513880.html, truy cập ngày 18/4/2026.

²⁷⁷ Li, S. (2025), Artificial intelligence background under the transformation opportunities and challenges of the notary industry service model (*Bối cảnh trí tuệ nhân tạo trước những cơ hội và thách thức chuyển đổi của mô hình dịch vụ ngành công chứng*), Frontiers of Social Sciences, số 1(7)/2025, tr.17

hành chính cho thư ký, chuyên viên nghiệp vụ²⁷⁸. Đồng thời, hệ thống “Fa Xin” được triển khai nhằm tự động gợi ý và thông báo các vụ việc, hồ sơ tương tự, qua đó hỗ trợ công chứng viên bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật, theo hướng các trường hợp tương tự được xử lý nhất quán²⁷⁹.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ Blockchain trong lưu trữ và bảo đảm chứng cứ điện tử

Dữ liệu điện tử được lưu trữ theo cơ chế khó bị thay đổi, góp phần tăng cường an toàn và độ tin cậy của thông tin. Tại Phòng Công chứng CITIC, công nghệ chuỗi khối được sử dụng để lưu trữ và quản lý chứng cứ điện tử, hỗ trợ kiểm soát nội bộ và phục vụ hoạt động tố tụng²⁸⁰. Cách tiếp cận này cũng giúp giảm đáng kể chi phí so với phương thức công chứng truyền thống.

Thứ tư, phát triển dịch vụ công chứng số gắn với hội nhập quốc tế

Trong khuôn khổ các chương trình hợp tác quốc tế, Trung Quốc đã xây dựng cơ chế liên thông giữa công chứng và chứng thực lãnh sự, hỗ trợ xử lý nhanh các hồ sơ liên quan đến nước ngoài. Một số địa phương như Quý Châu và Bắc Kinh đã triển khai cơ chế xử lý tập trung, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục phục vụ các dự án quốc tế. Đồng thời, nhiều địa phương cũng triển khai dịch vụ công chứng trực tuyến qua nền tảng di động, giúp người dân thực hiện giao dịch từ xa.

Tổng thể, sự kết hợp giữa dữ liệu liên thông, trí tuệ nhân tạo và công nghệ chuỗi khối đã giúp Trung Quốc hình thành mô hình công chứng số có mức độ tự động hóa và hiệu quả cao. Đây là những kinh nghiệm thực tiễn có giá trị tham khảo quan trọng đối với Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật về công chứng điện tử trong thời gian tới.

2.2. Trong hoạt động đấu giá

2.2.1. Tại Nhật Bản

Nhật Bản đang chứng kiến quá trình chuyển đổi mạnh mẽ trong hoạt động đấu giá và giao dịch tài sản dưới tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số, nhằm ứng phó với các thách thức như thiếu hụt lao động, già hóa dân số và gia tăng tài sản bỏ hoang. Quá trình này được thể hiện qua một số trụ cột chính. Trước hết, quy trình đấu giá tư pháp được số hóa toàn diện, với việc chuyển các tài liệu đấu giá lên cổng thông tin điện tử của tòa án, đồng thời từng bước ứng dụng công nghệ hợp trực tuyến và tham quan ảo, tạo nền tảng cho đấu giá trực tuyến theo thời gian thực. Bên cạnh đó, trí tuệ nhân tạo được sử dụng để xây dựng mô hình định giá tự động (AVM), hỗ trợ phân tích và ước tính giá

²⁷⁸ Zhu hao Wang (2021), China's E-justice revolution (*Cuộc cách mạng tư pháp điện tử của Trung Quốc*), Judicature, số 105/2021, tr.36.

²⁷⁹ Nyu Wang (2022), AI Now Institute, A new era of “e-justice”: A look inside the digital transformation of China’s court system (*Một kỷ nguyên mới của “tư pháp điện tử”: Góc nhìn từ bên trong quá trình chuyển đổi số của hệ thống tòa án Trung Quốc*), <https://ainowinstitute.org/publications/collection/a-new-era-of-e-justice-a-look-inside-the-digital-transformation-of-chinas-court-system>, truy cập ngày 18/4/2026.

²⁸⁰ Grokipedia, Public notary office of China (*Phòng công chứng công của Trung Quốc*), [https://grokipedia.com/page/public notary office of china](https://grokipedia.com/page/public%20notary%20office%20of%20china), truy cập ngày 19/4/2026.

trị tài sản dựa trên dữ liệu thị trường, qua đó giảm phụ thuộc vào nhân lực chuyên môn trong bối cảnh khan hiếm nguồn nhân lực. Đáng chú ý, AI và dữ liệu không gian được ứng dụng để phát hiện bất động sản bỏ hoang thông qua phân tích ảnh vệ tinh, giúp xác định sớm nguồn tài sản tiềm năng phục vụ đấu giá và đầu tư. Tổng thể, Nhật Bản đang hình thành một hệ sinh thái đấu giá số hóa kết hợp giữa pháp lý truyền thống và công nghệ tiên tiến, hướng tới mô hình giao dịch minh bạch, hiệu quả và có khả năng mở rộng trong tương lai.

2.2.2. Tại Trung Quốc

Tại Trung Quốc, khác với Nhật Bản tập trung giải quyết các áp lực vĩ mô, quá trình chuyển đổi số trong hoạt động đấu giá hướng tới xây dựng một hệ sinh thái thương mại số toàn diện và mở rộng sang nhiều loại hình tài sản mới.

Thứ nhất, tái cấu trúc phương thức giao dịch theo mô hình kết hợp trực tuyến - trực tiếp (O2O) và công nghệ thực tế ảo (VR). Các nền tảng lớn như Alibaba Group đã tích hợp đồng thời giao dịch trực tuyến và trực tiếp, cho phép người mua quan sát tài sản từ xa thông qua hình ảnh, video và công nghệ VR, qua đó tăng tính minh bạch và giảm chi phí trung gian.

Thứ hai, mở rộng sang thị trường tài sản dữ liệu. Các nền tảng đấu giá tại Trung Quốc đã đưa vào giao dịch nhiều loại tài sản phi truyền thống như tên miền, dữ liệu người dùng và các tài nguyên số, qua đó hình thành quan niệm dữ liệu như một loại tài sản có giá trị kinh tế.

Thứ ba, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ chuỗi khối để tối ưu hóa và bảo đảm an toàn giao dịch. Trí tuệ nhân tạo được sử dụng để phân tích dữ liệu lớn, hỗ trợ định giá và kết nối tài sản với người mua phù hợp, trong khi công nghệ chuỗi khối giúp xác thực nguồn gốc tài sản và tăng cường tính minh bạch, đặc biệt trong lĩnh vực tài sản có giá trị cao như nghệ thuật.

Thứ tư, phát triển mô hình dịch vụ “một cửa” trong đấu giá. Hệ sinh thái này tích hợp toàn bộ quy trình từ thẩm định, đấu giá, thanh toán đến sang tên, đồng thời có sự tham gia của ngân hàng và tổ chức bảo lãnh nhằm hỗ trợ người tham gia xử lý thủ tục tài chính và pháp lý một cách thuận lợi. Tổng thể, thực tiễn tại Trung Quốc cho thấy sự kết hợp giữa nền tảng thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo và chuỗi khối đã hình thành một mô hình đấu giá số hóa toàn diện, minh bạch và mở rộng mạnh về loại hình tài sản.

3. Thực tiễn triển khai, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động công chứng, đấu giá tại Việt Nam

Tiếp thu xu thế chuyển đổi số toàn cầu, Việt Nam đã có những bước khởi đầu trong số hóa hoạt động tư pháp, tuy nhiên quá trình này vẫn chủ yếu ở giai đoạn đầu và còn tồn tại nhiều điểm nghẽn. Có thể khái quát thực tiễn qua ba nhóm vấn đề chính sau với các minh chứng cụ thể:

Thứ nhất, đã bước đầu hình thành nền tảng pháp lý và kỹ thuật cho chuyển đổi số

Nhà nước từng bước hoàn thiện khung pháp lý thông qua các văn bản như Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (sửa đổi, bổ sung năm 2024), Luật Công chứng năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025) cùng Nghị định số 104/2025/NĐ-CP đã chính thức công nhận giá trị pháp lý của văn bản công chứng điện tử và cho phép thực hiện công chứng trực tuyến. Đồng thời, định hướng phát triển trí tuệ nhân tạo đã được thể chế hóa mạnh mẽ thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 (có hiệu lực từ 01/3/2026). Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã lựa chọn 5 địa phương đầu tiên (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Hà Tĩnh) để triển khai thí điểm công chứng điện tử. Việc áp dụng nền tảng này mang lại hiệu quả to lớn, ước tính với khoảng 8 triệu hồ sơ công chứng mỗi năm, nếu số hóa toàn bộ có thể tiết kiệm cho xã hội ít nhất 300 tỷ đồng chi phí lưu trữ²⁸¹. Về đấu giá, Cổng đấu giá tài sản quốc gia²⁸² cũng đã được thiết lập theo định hướng tập trung để thay thế tình trạng các tổ chức tự xây dựng trang web rời rạc, nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và chống thất thoát tài sản nhà nước.

Thứ hai, mức độ số hóa vẫn chưa toàn diện và còn mang tính hình thức

Trong lĩnh vực công chứng, phần lớn tổ chức mới dừng ở việc sử dụng các phần mềm để quản lý hồ sơ, lưu trữ hoặc tra cứu thông tin ngăn chặn (như phần mềm Master, VSD, Uchi, CeNM, H2-QLCC...). Hạ tầng công nghệ thông tin của nhiều tổ chức hành nghề công chứng ở địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu về tốc độ, bảo mật và lưu trữ lâu dài. Việc ứng dụng AI hỗ trợ công chứng viên bảo đảm tính xác thực, hợp pháp của giao dịch và tự động hóa quy trình gần như chưa được triển khai đồng bộ. Trong lĩnh vực đấu giá, hệ thống hiện nay chủ yếu mới dừng ở đấu giá điện tử cơ bản. Tính đến giữa năm 2022, cả nước mới chỉ có 8 tổ chức đấu giá được phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến, cho thấy mức độ phổ cập còn hạn chế²⁸³. Hệ thống vẫn chưa phát triển thành mô hình thông minh có khả năng tự động phân tích dữ liệu, phát hiện hành vi bất thường như “thông đồng, đùm giã, quân xanh - quân đỏ”.

Thứ ba, quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam đang gặp ba nhóm rào cản chính có tính liên kết

Về tư duy pháp lý và nguồn nhân lực: Tư duy vẫn thiên về mô hình truyền thống, phụ thuộc hồ sơ giấy; năng lực cá nhân của nguồn nhân lực pháp luật về kỹ năng số còn hạn chế. Theo báo cáo của Cisco, kỹ năng số của lực lượng lao động Việt Nam nói chung mới chỉ đạt 12,06 điểm - thuộc nhóm “tăng tốc” nhưng chỉ số về vốn con người và khả

²⁸¹ Ngọc Diệp, Đoàn Yến (2026), Công chứng điện tử: Bước tiến pháp lý còn nhiều thách thức, Tạp chí Khoa học & Công nghệ, <https://vjst.vn/cong-chung-dien-tu-buoc-tien-phap-ly-con-nhieu-thach-thuc-76182.html>, truy cập ngày 18/4/2026.

²⁸² <https://dgts.moj.gov.vn/>.

²⁸³ Lê Sơn (2022), Đấu giá tài sản trực tuyến đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, công khai, minh bạch, Báo Điện tử Chính phủ, <https://baochinhphu.vn/daugia-tai-san-truc-tuyen-dap-ung-yeu-cau-chuyen-doi-so-cong-khai-minh-bach-102221005161821136.htm>, truy cập ngày 18/4/2026.

năng áp dụng công nghệ đều ở mức thấp. Các chương trình đào tạo cán bộ pháp lý, công chứng viên hiện nay ít chú trọng đến kỹ năng sử dụng công nghệ pháp lý (legaltech), phân tích dữ liệu hay sử dụng AI.

Về kết nối dữ liệu: Hiện nay, dữ liệu giữa các lĩnh vực như dân cư, đất đai, thuế và công chứng vẫn còn phân tán, thiếu tính liên thông đồng bộ. Mặc dù 34/34 tỉnh, thành phố đã triển khai kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, song trên thực tế việc đồng bộ hóa dữ liệu đất đai vẫn chưa hoàn chỉnh và chưa đạt mức tích hợp toàn diện. Sự thiếu vắng một hệ thống liên thông thống nhất đã gây khó khăn trong việc tra cứu, xác minh tính hợp lệ của văn bản công chứng điện tử, đồng thời dẫn đến tình trạng người dân vẫn phải xuất trình nhiều loại giấy tờ bản giấy, mặc dù các thông tin tương ứng đã tồn tại trong hệ thống cơ sở dữ liệu.

Về khung pháp luật và cơ chế thử nghiệm (sandbox): Trước đây, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình công nghệ mới, dẫn đến tình trạng thiếu không gian pháp lý để kiểm chứng, đánh giá rủi ro trước khi triển khai rộng rãi. Điểm nghẽn này chỉ bắt đầu được tháo gỡ trong thời gian gần đây thông qua việc ban hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 và Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025. Các văn bản này đã chính thức ghi nhận và thiết lập cơ chế sandbox đối với trí tuệ nhân tạo, theo đó cho phép áp dụng cơ chế miễn trừ hoặc giảm nhẹ một số nghĩa vụ tuân thủ trong phạm vi, thời gian và điều kiện thử nghiệm nhằm kiểm soát rủi ro trước khi triển khai trên diện rộng. Tuy nhiên, do đây là các quy định mới, việc cụ thể hóa và triển khai cơ chế sandbox trong thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực như công chứng và đấu giá, vẫn cần thêm thời gian cùng hệ thống văn bản hướng dẫn chi tiết để bảo đảm tính khả thi và phù hợp thực tiễn.

4. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động công chứng, đấu giá tại Việt Nam

Với việc hệ thống pháp luật đã được Quốc hội và Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung toàn diện (như Luật Công chứng năm 2024, Luật sửa đổi Luật Đấu giá tài sản năm 2024, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 và Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành),...

Thứ nhất, nhóm giải pháp đối với hoạt động công chứng

Triển khai đồng bộ Cơ sở dữ liệu công chứng tập trung quốc gia: Thực hiện quyết liệt Nghị quyết số 66.14/2026/NQ-CP (có hiệu lực từ 10/02/2026), Bộ Tư pháp cần nhanh chóng đưa cơ sở dữ liệu công chứng thống nhất toàn quốc vào vận hành, thay thế mô hình phân tán tại các địa phương. Cần hoàn thành việc đồng bộ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu công chứng địa phương lên hệ thống trung ương bảo đảm nguyên tắc “*đúng - đủ - sạch - sống*” và được quản lý tập trung²⁸⁴.

²⁸⁴ Huy Phong (2025), Đưa dữ liệu sạch về đất đai vào khai thác, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, <https://lsvn.vn/dua-du-lieu-sach-ve-dat-dai-vao-khai-thac-a167536.html>, truy cập ngày 20/4/2026.

Đẩy mạnh liên thông dữ liệu để loại bỏ giấy tờ vật lý: Thực thi quy định sử dụng dữ liệu điện tử thay thế giấy tờ khi công chứng. Cần khẩn trương liên thông Cơ sở dữ liệu công chứng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp và thuế. Khi thông tin đã có sẵn trong cơ sở dữ liệu đủ điều kiện khai thác, công chứng viên sẽ đối chiếu trực tiếp trên hệ thống, người dân không cần xuất trình bản chính giấy tờ bản cứng. Giải pháp này giúp giảm chi phí tuân thủ, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao độ chính xác, an toàn pháp lý của giao dịch. Đồng thời, cần mở rộng sử dụng văn bản công chứng điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính tại các địa phương. Tiêu biểu như TP. Hà Nội đã triển khai tiếp nhận văn bản công chứng điện tử theo Công văn số 710/TTPVHCC-BPM, yêu cầu cơ quan hành chính chấp nhận hồ sơ điện tử và không yêu cầu bản giấy khi dữ liệu đã được xác thực trên hệ thống. Mô hình này góp phần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính và xây dựng nền hành chính số, không giấy tờ.

Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và an toàn thông tin cho công chứng điện tử cần được triển khai đồng bộ theo Luật Công chứng năm 2024 và Nghị định năm 104/2025/NĐ-CP, bao gồm cả công chứng trực tiếp và trực tuyến. Cần có cơ chế hướng dẫn, tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất trong tổ chức thực hiện. Việc xác minh giá trị pháp lý của văn bản công chứng điện tử được thực hiện thông qua Cổng Chứng thực điện tử quốc gia (NEAC)²⁸⁵ kết hợp quét mã QR để kiểm tra nguồn gốc và tính hợp pháp của văn bản. Các tổ chức hành nghề công chứng cần đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang bị chữ ký số, dịch vụ cấp dấu thời gian và hệ thống truyền hình bảo mật phục vụ công chứng trực tuyến đa điểm. Đồng thời, phải thiết lập cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và tăng cường an ninh mạng nhằm phòng chống rủi ro và tội phạm mạng trong giao dịch, đặc biệt là giao dịch bất động sản.

Thứ hai, nhóm giải pháp đối với hoạt động đấu giá

Đưa Hệ thống mạng đấu giá tài sản quốc gia vào vận hành bắt buộc: Triển khai triệt để quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024, bắt buộc các loại tài sản công, tài sản tư pháp phải được đấu giá trực tuyến thông qua Hệ thống mạng đấu giá tài sản quốc gia tập trung. Giải pháp này giúp chấm dứt tình trạng mỗi tổ chức tự xây dựng trang thông tin đấu giá rời rạc, lúng túng trong áp dụng.

Tích hợp định danh và xác thực điện tử (VNeID): Bắt buộc sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID để đăng ký, xác thực người tham gia đấu giá, người có tài sản đấu giá và tổ chức đấu giá. Giải pháp này đã chứng minh tính hiệu quả trong thực tế thí điểm, giúp ngăn chặn triệt để vấn nạn sử dụng giấy tờ giả mạo, “quân xanh, quân đỏ”, hay thông đồng dìm giá.

Cần nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia như Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản trong việc số hóa và minh bạch hóa hoạt động đấu giá, từ đó từng bước triển khai mô hình đấu giá lai (hybrid) kết hợp giữa quy trình đấu giá truyền thống và nền tảng công nghệ Blockchain (ví dụ: Binance Smart Chain hoặc các Blockchain tương đương). Trong

²⁸⁵ <https://neac.gov.vn/vi>.

mô hình này, toàn bộ quá trình đấu giá như đăng ký tham gia, đặt giá, ghi nhận lịch sử trả giá và xác định người trúng đấu giá được mã hóa và thực hiện thông qua hợp đồng thông minh (Smart Contract). Hợp đồng thông minh sẽ tự động hóa việc so khớp điều kiện trúng đấu giá, loại bỏ sự can thiệp thủ công từ con người trong các khâu then chốt. Việc ứng dụng Blockchain giúp bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của hoạt động đấu giá tài sản công, bao gồm: (i) Minh bạch trong toàn bộ quá trình đấu giá; (ii) Bất biến dữ liệu, không thể sửa đổi hoặc xóa bỏ lịch sử giao dịch; (iii) Khả năng truy vết toàn bộ quá trình đấu giá; (iv) Giảm thiểu rủi ro gian lận và can thiệp chủ quan; (v) Tối ưu chi phí tổ chức và vận hành hệ thống đấu giá. Trên cơ sở đó, cần từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý để công nhận giá trị pháp lý của dữ liệu blockchain và hợp đồng thông minh trong hoạt động đấu giá tài sản công, tiến tới xây dựng nền tảng đấu giá số hóa toàn diện.

Thứ ba, nhóm giải pháp nền tảng về AI và Nguồn nhân lực

Áp dụng Cơ chế Sandbox và Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025: Tận dụng hành lang pháp lý từ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025 và Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 để vận hành hiệu quả Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) cho các nền tảng AI pháp lý. Đưa Cổng thông tin điện tử một cửa về AI và Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống AI vào hoạt động để đăng ký, phân loại rủi ro (thấp, trung bình, cao) của các công cụ AI được ứng dụng.

Ứng dụng AI hỗ trợ nghiệp vụ pháp lý chuyên sâu: Triển khai các “trợ lý ảo” AI để hỗ trợ công chứng viên rà soát tính hợp pháp, phát hiện mâu thuẫn trong hợp đồng, tự động hóa quy trình xác thực nhân thân. Tuy nhiên, cần tuân thủ nguyên tắc giới hạn trách nhiệm: AI chỉ hỗ trợ tra cứu, gợi ý và phân tích, các quyết định pháp lý cuối cùng vẫn phải do con người (Công chứng viên, Đấu giá viên) đưa ra và chịu trách nhiệm.

Đào tạo, nâng cao kỹ năng số cho nguồn nhân lực: Tổ chức đào tạo lại và bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ pháp lý (Legaltech) cho đội ngũ cán bộ quản lý, công chứng viên, đấu giá viên. Lực lượng này không chỉ cần am hiểu quy trình công chứng trực tuyến phân tán, mà còn phải sử dụng thành thạo chữ ký số, khả năng nhận diện rủi ro giả mạo trên không gian số và xử lý dữ liệu qua các nền tảng AI một cách an toàn.

Kết luận:

Tóm lại, chuyển đổi số và ứng dụng AI trong hoạt động công chứng, hoạt động đấu giá không chỉ là việc áp dụng một phần mềm hay số hóa vài loại giấy tờ, mà là sự thay đổi căn bản về phương thức vận hành nền tư pháp. Nếu thực hiện thành công với lộ trình bài bản, Việt Nam không chỉ tạo ra một môi trường giao dịch dân sự, kinh tế an toàn, minh bạch trong nước mà còn tạo tiền đề vững chắc để hội nhập quốc tế, tiến tới khả năng công nhận chéo và thực hiện các giao dịch pháp lý xuyên biên giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Axel Gasser (2020), Le rôle contractuel des tiers de confiance dans l'économie collaborative (Vai trò hợp đồng của các bên thứ ba đáng tin cậy trong nền kinh tế chia sẻ), <https://hal.science/hal-03052708/document>, truy cập ngày 19/4/2026.
2. Cơ sở dữ liệu BIEN là công cụ do các công chứng viên khu vực Grand Paris xây dựng, chỉ ghi nhận thông tin về bất động sản tại vùng Île-de-France. Trong khi đó, cơ sở dữ liệu PERVAL thu thập dữ liệu về bất động sản trên phạm vi toàn lãnh thổ Pháp. Cả hai cơ sở dữ liệu này được cập nhật bởi công chứng viên trong quá trình lập văn bản công chứng, và từ ngày 01/7/2021, việc cung cấp thông tin đã trở thành nghĩa vụ bắt buộc.
3. Chambre des Notaires de Paris, VictorIA, le projet en intelligence artificielle (IA) de la Chambre des Notaires de Paris (*VictorIA, dự án trí tuệ nhân tạo (AI) của Phòng Công chứng Paris*), <https://paris.notaires.fr/fr/presse/communique-de-presse/victoria-le-projet-en-intelligence-artificielle-ia-de-la-chambre-des-notaires-de-paris>, truy cập ngày 17/4/2026.
4. Chu Kiến (2025), Accelerating digital transformation to support enterprises going global (overseas expansion) (*Đẩy nhanh chuyển đổi số để hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra toàn cầu*), https://www.moj.gov.cn/pub/sfbgw/fzgz/fzgzggflfw/fzgzggflfw/202502/t20250206_513880.html, truy cập ngày 18/4/2026.
5. Dossiers Science Hors-série (2019), Intelligence artificielle, le point sur les avancées et dernières découvertes (*Trí tuệ nhân tạo, điểm lại các tiến bộ và những khám phá mới nhất*), Editions du Sens, 15-54
6. Grokipedia, Public notary office of China (*Phòng công chứng công của Trung Quốc*), [https://grokipedia.com/page/public notary office of china](https://grokipedia.com/page/public%20notary%20office%20of%20china), truy cập ngày 19/4/2026.
7. <https://dgts.moj.gov.vn/>.
8. <https://neac.gov.vn/vi>.
9. <https://www.pricehubble.com/>.
10. <https://www.septeo.com/fr/metier/notaire>
11. Huy Phong (2025), Đưa dữ liệu sạch về đất đai vào khai thác, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, <https://lsvn.vn/dua-du-lieu-sach-ve-dat-dai-vao-khai-thac-a167536.html>, truy cập ngày 20/4/2026.
12. L'outil Softlaw permet d'extraire des informations à partir des documents afin de les intégrer directement dans le logiciel iNot, développé par la société Genapi (*Công cụ Softlaw cho phép trích xuất thông tin từ tài liệu và tích hợp trực tiếp vào phần mềm*

iNot của công ty Genapi), <https://www.septeo.com/en/products-and-services/notary-management-software-inot>, truy cập ngày 19/4/2026.

13. Lê Minh Tuấn, Đặng Khánh Hòa, Đỗ Phương Nhung, Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Hoài Giang (2025), Ứng dụng công nghệ chuỗi khối trong đấu giá tài sản công, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, số 3A/2025, tr.57.

14. Lê Sơn (2022), Đấu giá tài sản trực tuyến đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, công khai, minh bạch, *Báo Điện tử Chính phủ*, <https://baochinhphu.vn/daugia-tai-san-truc-tuyen-dap-ung-yeu-cau-chuyen-doi-so-cong-khai-minh-bach-102221005161821136.htm>, truy cập ngày 18/4/2026.

15. Li, S. (2025), Artificial intelligence background under the transformation opportunities and challenges of the notary industry service model (*Bối cảnh trí tuệ nhân tạo trước những cơ hội và thách thức chuyển đổi của mô hình dịch vụ ngành công chứng*), *Frontiers of Social Sciences*, số 1(7)/2025, tr.17

16. Manuella Bourassin, Corine Namont Dauchez, Marc Pichard (2018), Présentation de la recherche “Notariat et numérique” menée par le CEDCACE... Entretien: Le cyber-notaire au coeur de la République numérique (*Giới thiệu nghiên cứu “Công chứng và kỹ thuật số” do CEDCACE thực hiện... Phỏng vấn: Công chứng viên không gian mạng ở trung tâm của nền Cộng hòa kỹ thuật số*), *La semaine juridique. Notariale et immobilière*, số 23/2018, tr. Act-530.

17. Marc Cagniard, Nicolas Kirilowits (2021), L’heure de l’IA et de la blockchain a sonné dans le milieu notarial (*Đã đến lúc của AI và blockchain trong môi trường công chứng*), *Actu-juridique Lextenso*, truy cập ngày 18/4/2026.

18. Mustapha Mekki (2019), L’intelligence artificielle et le notariat (*Trí tuệ nhân tạo và nghề công chứng*), JCP (N), https://mustaphamekki.openum.ca/files/sites/37/2019/01/Doc_23_01_19_06_30_58.pdf, truy cập ngày 19/4/2026.

19. Nyu Wang (2022), AI Now Institute, A new era of “e-justice”: A look inside the digital transformation of China’s court system (*Một kỷ nguyên mới của “tư pháp điện tử”: Góc nhìn từ bên trong quá trình chuyển đổi số của hệ thống tòa án Trung Quốc*), <https://ainowinstitute.org/publications/collection/a-new-era-of-e-justice-a-look-inside-the-digital-transformation-of-chinas-court-system>, truy cập ngày 18/4/2026.

20. Ngọc Diệp, Đoàn Yến (2026), Công chứng điện tử: Bước tiến pháp lý còn nhiều thách thức, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, <https://vjst.vn/cong-chung-dien-tu-buoc-tien-phap-ly-con-nhieu-thach-thuc-76182.html>, truy cập ngày 18/4/2026.

21. Ngô Hữu Phước (2026), Luật và công nghệ: xu thế tất yếu trong đào tạo ngành luật tại Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Pháp Lý Việt Nam*, số 03(199)/2026, tr.22-31.

22. Nguyễn Hoàng Chi Mai (2025), Từ pháp luật truyền thống đến “pháp luật số” - Sự thay đổi trong tư duy pháp lý, Trang thông tin Bộ Tư pháp, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2694>, truy cập ngày 18/4/2026.

23. Nguyễn Văn Mích (2025), Ứng dụng phương tiện điện tử và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động công chứng, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, ấn phẩm 200 trang “Hoàn thiện pháp luật về công chứng”, tr. 142-153.

24. PriceHubble (2020), Intelligence artificielle : la Chambre des Notaires de Paris choisit PriceHubble pour développer un nouvel algorithme d'estimation immobilière (*Trí tuệ nhân tạo: Phòng Công chứng Paris chọn PriceHubble để phát triển thuật toán định giá bất động sản mới*), <https://paris.notaires.fr/fr/presse/communiquede-presse/intelligence-artificielle-la-chambre-des-notaires-de-paris-choisit-pricehubble-pour-developper-un>, truy cập ngày 17/4/2026.

25. Phạm Thị Tuyền Giang (2025), Building and developing digital notarization in Vietnam in the context of digital transformation - experiences from some countries across the world (*Xây dựng và phát triển công chứng kỹ thuật số tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số - kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới*), *Russian Law Journal*, số XIII(1)/2025, tr.1785.

26. Raphaël Lichten et Arnaud Dumourier (2020), VictorIA : l'intelligence artificielle au service des notaires (*VictorIA: trí tuệ nhân tạo phục vụ các công chứng viên*), *Le Monde du Droit*, www.lemondedudroit.fr, truy cập ngày 17/4/2026.

27. Tổ Biên tập Dự án luật - Bộ Tư pháp (2022), Báo cáo thông thuật pháp luật về công chứng ngày 31/3/2022.

28. Thomson Reuters Institute (2024), 2024 Report on the State of the U.S. Legal Market (Báo cáo năm 2024 về Tình hình Thị trường Pháp lý Hoa Kỳ), <https://www.thomsonreuters.com/en-us/posts/legal/state-of-the-us-legal-market-2024/>, truy cập ngày 28/04/2026.

29. Trịnh Phương Linh, Phạm Thu Hà, Nguyễn Minh Phương (2026), Thực tiễn ứng dụng AI trong hoạt động pháp lý tại Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Khoa học & Pháp lý*, <https://vjst.vn/thuc-tien-ung-dung-ai-trong-hoat-dong-phap-ly-tai-viet-nam-hien-nay-85167.html>, truy cập ngày 18/4/2026.

30. Zhaoxun Cao, Ramalingam Rajamanickam, Nur Khalidah Dahlan (2024), Cyber Notary: The Transformation of Public Legal Services Based on “Internet+ Notarization” (*Công chứng không gian mạng: Sự chuyển đổi của Dịch vụ pháp lý công dựa trên “Internet + Công chứng”*), *Asian Journal of Law and Governance*, số 6(2)/2024, tr.1-9.

31. Zhuhao Wang (2021), China's E-justice revolution (*Cuộc cách mạng tư pháp điện tử của Trung Quốc*), *Judicature*, số 105/2021, tr.36.

THAM LUẬN 9

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO, THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THI HÀNH ÁN VÀ THỪA HÀNH VIÊN: KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

ThS. NCS. Huỳnh Nữ Khuê Các

Giảng viên, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và chuyển đổi số trong thi hành án dân sự (THADS) theo Luật THADS năm 2025. Tác giả luận giải sự dịch chuyển địa vị pháp lý của Thừa hành viên sang thiết chế thực thi quyền lực kỹ thuật số, vận hành dựa trên các trụ cột: quản trị dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định và cưỡng chế kỹ thuật. Trên cơ sở khảo cứu mô hình tư pháp số của các quốc gia như EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Singapore và Estonia, nghiên cứu chỉ ra các thách thức về cưỡng chế tài sản số, trách nhiệm dân sự do lỗi thuật toán và bảo mật thông tin. Cuối cùng, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: AI, Chấp hành viên, chuyển đổi số, Luật Thi hành án dân sự năm 2025, Thừa hành viên.

Đặt vấn đề:

Trong hệ thống cơ quan tư pháp và hành pháp của nhà nước pháp quyền, thi hành án dân sự (THADS) đóng vai trò bảo đảm tính thực thi của phán quyết tư pháp và tính nghiêm minh của pháp luật trên thực tế. Tuy nhiên, hoạt động THADS thời gian qua vẫn tồn tại những hạn chế mang tính hệ thống như: sự thiếu hụt thông tin về điều kiện thi hành án của đương sự, quy trình xác minh tài sản chủ yếu thực hiện thủ tục thủ công và việc kiểm soát hành vi tẩu tán tài sản chưa đạt hiệu quả tối ưu, gây ảnh hưởng đến niềm tin của xã hội đối với hiệu lực pháp luật.

Hiện nay, chuyển đổi số trong hoạt động tư pháp đã trở thành định hướng chiến lược mang tính bắt buộc. Theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật của Bộ Chính trị, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật song hành với ứng dụng công nghệ được xác định là giải pháp then chốt nhằm đổi mới phương thức quản trị và tăng cường năng lực thực thi pháp luật. Quán triệt chủ trương này, tại phiên thảo luận về thực thi pháp luật do Bộ Tư pháp phối hợp với Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) tổ chức năm 2026, các chuyên gia đã khẳng định: “Chuyển đổi số không phải là mục đích tự thân, mà là phương tiện để bảo đảm sự công bằng, minh bạch và khả năng

*tiếp cận công lý cho tất cả mọi người”*²⁸⁶. Yêu cầu này đòi hỏi các cơ quan THADS và các chủ thể liên quan phải thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ nhằm hình thành hệ sinh thái tư pháp số đồng bộ.

Sự ra đời của Luật Thi hành án dân sự năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/07/2026) đã tạo ra những thay đổi căn bản trong tư duy lập pháp. Đạo luật này không chỉ quy định về việc số hóa quy trình nghiệp vụ mà còn xác lập địa vị pháp lý mới của Thừa hành viên (THV). Theo đó, Thừa hành viên chuyển dịch từ vai trò thực hiện dịch vụ đơn thuần sang chủ thể được trao quyền tổ chức thi hành bản án, quyết định và quyền truy cập, khai thác thông tin từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin chuyên ngành để thực hiện nghiệp vụ xác minh điều kiện thi hành án²⁸⁷. Phương thức quản trị tư pháp dựa trên dữ liệu điện tử đã thay thế mô hình quản lý hồ sơ giấy truyền thống, buộc các cơ quan THADS và Văn phòng THADS phải điều chỉnh toàn diện phương thức vận hành nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội²⁸⁸.

Mặc dù vậy, việc ứng dụng công nghệ số cũng làm phát sinh những thách thức pháp lý mới. *Thứ nhất*, sự phổ biến của tài sản số đã làm thay đổi bản chất của quan hệ chiếm hữu, dẫn đến sự bất cập của các quy định hiện hành trong nghiệp vụ truy vết và áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với loại hình tài sản này²⁸⁹. *Thứ hai*, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo rủi ro tẩu tán tài sản làm phát sinh yêu cầu về kiểm soát đạo đức thuật toán. Nguy cơ đánh giá sai lệch hoặc phân biệt đối xử của thuật toán có khả năng xâm phạm quyền lợi của đương sự và quyền yêu cầu giải trình trong quy trình tố tụng²⁹⁰. Bối cảnh này đòi hỏi việc triển khai Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 phải gắn liền với việc thiết lập hành lang pháp lý chặt chẽ đối với các hệ thống AI có rủi ro cao.

Từ yêu cầu về thúc đẩy chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước gắn với nghĩa vụ bảo đảm các quyền con người, việc nghiên cứu cơ sở lý luận, phân tích kinh nghiệm quốc tế nhằm nhận diện thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện khung pháp lý về ứng dụng AI, chuyển đổi số trong nghiệp vụ THADS và THV là yêu cầu cấp thiết, mang ý nghĩa quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn.

²⁸⁶ Tạp chí Dân chủ & Pháp luật (2026), *Bộ Tư pháp tăng cường chuyển đổi số, hoàn thiện và thực thi pháp luật trong kỷ nguyên mới*, [<https://danchuphapluat.vn/bo-tu-phap-tang-cuong-chuyen-doi-so-hoan-thien-va-thuc-thi-phap-luat-trong-ky-nguyen-moi-9018.html>], truy cập ngày 01/04/2026.

²⁸⁷ Hoàng Đức Hoài (2026), Mô hình Văn phòng thi hành án dân sự và Thừa hành viên theo Luật Thi hành án dân sự năm 2025, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr.24-31.

²⁸⁸ Nguyễn Minh Hằng (2026), Tổng quan những điểm mới cơ bản của Luật Thi hành án dân sự năm 2025, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr.1-11.

²⁸⁹ Huỳnh Nữ Khuê Các (2026), Giải pháp hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự đối với tài sản số ở Việt Nam, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr.96-102.

²⁹⁰ Tạp chí Tòa án nhân dân (2026), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam: cơ hội, thách thức và định hướng phát triển*, [<https://tapchitoaan.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-cao-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-co-hoi-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien13897.html>], truy cập ngày 30/03/2026.

1. Một số vấn đề lý luận về ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số trong nghiệp vụ thi hành án và thừa hành viên

Dưới góc độ lý luận về quản trị tư pháp số (e-Justice), quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực thi hành án dân sự (THADS) không chỉ dừng lại ở việc số hóa các thủ tục hành chính thuần túy. Về bản chất, đây là quá trình tái cấu trúc các quan hệ pháp lý và quy trình nghiệp vụ nhằm tối ưu hóa hiệu suất thực thi công vụ, qua đó hạn chế các rủi ro về chậm trễ thủ tục, yếu tố trực tiếp tạo điều kiện cho đối tượng phải thi hành án thực hiện các hành vi tẩu tán tài sản²⁹¹. Việc Bộ Tư pháp vận hành Nền tảng số THADS và Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh (IOC) xác lập sự thay đổi từ mô hình quản lý dữ liệu phân tán sang kiến trúc dữ liệu tập trung, bảo đảm tính thống nhất và hội tụ thông tin trong hoạt động thi hành án trên phạm vi toàn quốc²⁹². Sự chuyển dịch này phản ánh xu hướng phát triển chung của pháp luật hiện đại: chuyển đổi từ phương thức điều chỉnh mang tính phản ứng sang mô hình quản trị tư pháp chủ động dựa trên nền tảng dữ liệu số²⁹³.

1.1. Vai trò của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thi hành án

Việc tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) vào hệ thống thi hành án tạo lập cơ sở cho sự thay đổi phương thức quản lý từ hồ sơ vật lý sang quản trị dựa trên kết quả phân tích dữ liệu lớn. Dựa trên các nghiên cứu nền tảng về ứng dụng thuật toán trong hoạt động hành pháp của Đại học Stanford²⁹⁴ và các chuẩn mực đạo đức công nghệ của Hội đồng Châu Âu²⁹⁵ [5], lý luận về ứng dụng AI trong thi hành án được cấu thành bởi ba trụ cột cơ bản: (i) Khả năng tiếp cận dữ liệu (Data access); (ii) Hệ thống thuật toán hỗ trợ ra quyết định (Algorithmic decision support); và (iii) Năng lực cưỡng chế kỹ thuật (Technical enforcement power).

²⁹¹ Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/06/2020 Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

²⁹² Bộ Tư pháp (2026), *Khai trương Nền tảng số Thi hành án dân sự và Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh*, [<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo.aspx?ItemID=7683>], truy cập ngày 01/04/2026.

²⁹³ Hildebrandt, M. (2015), *Smart Technologies and the End(s) of Law: Novel Entanglements of Law and Technology*, Edward Elgar Publishing, Cheltenham, tr. 150-185.

²⁹⁴ Stanford Law School (2020), *Government by Algorithm: Artificial Intelligence in Federal Administrative Agencies*, [<https://law.stanford.edu/wp-content/uploads/2020/02/ACUS-AI-Report.pdf>], truy cập ngày 01/04/2026.

²⁹⁵ Administrative Conference of the United States (2024), *Artificial Intelligence and Regulatory Enforcement*, [<https://www.acus.gov/sites/default/files/documents/AI-Reg-Enforcement-Final-Report-2024.12.09.pdf>], truy cập ngày 30/03/2026.



(Sơ đồ 1: Mô hình cấu trúc AI trong THADS - Tác giả tự tổng hợp)

1.2. Chuyển đổi số và sự dịch chuyển địa vị pháp lý của thiết chế thi hành án

Sự vận hành của các trụ cột công nghệ trong tư pháp số đã dẫn đến sự thay đổi về bản chất trong địa vị pháp lý và phạm vi quyền lực của thiết chế thi hành án. Trong không gian tư pháp hiện đại, sự dịch chuyển này được thể hiện qua các phương diện lý luận sau:

Thứ nhất, sự chuyển dịch từ “chiếm hữu vật lý” sang “quyền kiểm soát kỹ thuật”. Theo quan điểm của Viện Luật Châu Âu (ELI), sự phát triển của các loại hình tài sản phi tập trung (tiền mã hóa, tài sản số không thể thay thế - NFT, dữ liệu số) đã làm thay đổi ranh giới thực thi của quyền lực cưỡng chế²⁹⁶. Đối với các tài sản không tồn tại dưới dạng vật chất hữu hình, thẩm quyền của người phải thi hành án không còn giới hạn ở các hành vi kê biên, niêm phong hiện trường hay thu giữ tang vật vật lý. Thay vào đó, quyền lực cưỡng chế được chuyển hóa thành năng lực kiểm soát mã khóa bảo mật thông qua các lệnh thuật toán hoặc can thiệp trực tiếp vào cấu trúc của hợp đồng thông minh nhằm thực thi nghĩa vụ tài sản của đương sự²⁹⁷.

Thứ hai, xác lập khái niệm “thẩm quyền mã hóa” trong thi hành án. Lý luận về phân quyền tư pháp hiện đại chỉ ra rằng, trong hệ sinh thái tư pháp số (e-Justice), CHV, THV không chỉ vận hành quyền lực nhà nước được ủy quyền theo cách truyền

²⁹⁶ European Law Institute (2026), *ELI Principles and Guidance for Enforcement Against Digital Assets*, [https://www.europeanlawinstitute.eu/fileadmin/user_upload/p_eli/Projects/Access_to_Digital_Assets/ELI_Principles_and_Guidance_for_Enforcement_Against_Digital_Assets.pdf], truy cập ngày 30/03/2026.

²⁹⁷ UIHJ (2021), *Global Code of Digital Enforcement*, [<https://www.uihj.com/downloads-2/global-code-of-enforcement/>] truy cập ngày 30/03/2026.

thống mà còn thực thi quyền năng can thiệp kỹ thuật trực tiếp vào hạ tầng số²⁹⁸. Khi được xác thực bằng chứng thư số và cấp quyền truy cập hệ thống dữ liệu liên thông quốc gia, quyết định hành chính của họ có khả năng tạo ra hiệu lực thi hành tức thì trên môi trường mạng. Lúc này, địa vị pháp lý của thiết chế cưỡng chế được tái định nghĩa là một chủ thể “thực thi quyền lực công kỹ thuật số”, có khả năng tác động trực tiếp đến các quan hệ tài sản trên không gian số mà không cần sự hiện diện vật lý²⁹⁹.

Thứ ba, sự thay đổi vai trò từ chủ thể thực thi hành chính sang chuyên gia thẩm định dữ liệu và bảo chứng đạo đức công nghệ. Trong hệ sinh thái tư pháp số, CHV, THV phải đảm nhận vai trò kép mang tính chuyên môn cao. Một mặt, họ đóng vai trò là chuyên gia giám định kỹ thuật số, có năng lực kiểm chứng và thẩm định các báo cáo truy vết, phân tích dòng tiền do trí tuệ nhân tạo khởi tạo³⁰⁰. Mặt khác, họ giữ vai trò là chủ thể bảo đảm tính nhân văn và công bằng của pháp luật. Theo Hiến chương đạo đức của Hội đồng Châu Âu (CEPEJ), con người phải giữ quyền kiểm soát tối cao (human-in-the-loop) để kiểm soát các rủi ro từ tính thiếu minh bạch của thuật toán và ngăn ngừa hiện tượng phân biệt đối xử do thiên kiến dữ liệu³⁰¹. Chấp hành viên, Thừa hành viên phải chịu trách nhiệm giải trình tuyệt đối về tính hợp pháp và tính hợp lý đối với mọi lệnh cưỡng chế kỹ thuật số được ban hành, bảo đảm công lý được thực thi dựa trên bối cảnh xã hội thay vì các quyết định máy móc từ hệ thống.

1.3. Bản chất pháp lý của tài sản số và học thuyết “mã lệnh là pháp luật”

Sự chuyển dịch sang kỷ nguyên tư pháp số không chỉ đơn thuần là thay đổi công cụ lưu trữ mà là một cuộc cách mạng về bản chất đối tượng và phương thức thi hành án. Về mặt lý luận, sự trỗi dậy của công nghệ Blockchain, dữ liệu lớn (Big Data) và AI đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết về việc tái định nghĩa các học thuyết truyền thống:

Sự dịch chuyển từ chiếm hữu vật lý sang kiểm soát kỹ thuật. Trong lý luận vật quyền truyền thống, quyền sở hữu được bảo vệ thông qua sự cầm giữ vật chất hoặc đăng ký tại cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, đối với tài sản số, quyền năng của chủ thể được xác lập thông qua quyền kiểm soát kỹ thuật đối với các mã khóa mật mã trên sổ cái phân tán. Dưới góc độ chuyển đổi số, sự chiếm hữu không còn là trạng thái vật lý mà là trạng thái dữ liệu. Do đó, hoạt động xác minh và phong tỏa tài sản của CHV và THV cần chuyển từ truy tìm thực thể sang truy vết dòng chảy dữ liệu mã hóa.

²⁹⁸ Administrative Conference of the United States (2024), *Artificial Intelligence and Regulatory Enforcement*, [<https://www.acus.gov/sites/default/files/documents/AI-Reg-Enforcement-Final-Report-2024.12.09.pdf>], truy cập ngày 30/03/2026.

²⁹⁹ UIHJ (2021), *Global Code of Digital Enforcement*, [<https://www.uihj.com/downloads-2/global-code-of-enforcement/>] truy cập ngày 30/03/2026.

³⁰⁰ Stanford Law School (2020), *Government by Algorithm: Artificial Intelligence in Federal Administrative Agencies*, [<https://law.stanford.edu/wp-content/uploads/2020/02/ACUS-AI-Report.pdf>], truy cập ngày 01/04/2026.

³⁰¹ CEPEJ (2018), *European Ethical Charter on the use of artificial intelligence in judicial systems and their environment*, Council of Europe, Strasbourg, [<https://rm.coe.int/ethical-charter-en-for-publication-4-december-2018/16808f699c>], truy cập ngày 01/04/2026.

Học thuyết “Mã lệnh là Pháp luật” (Code is Law) và Quản trị thuật toán: Theo Lawrence Lessig, trong không gian số, các thuật toán và mã nguồn (Code) đóng vai trò như những quy tắc điều chỉnh hành vi của chủ thể một cách mặc định và cưỡng bức³⁰². Tiếp nối lý thuyết này, Mireille Hildebrandt phát triển khái niệm “*Pháp luật bằng mã*” (Code-driven law) để chỉ các quy tắc mang tính tự thực thi³⁰³. Trong thi hành án, điều này có nghĩa là các quyết định tư pháp có thể được chuyển hóa thành các lệnh kỹ thuật (ví dụ: lệnh phong tỏa tự động trên hợp đồng thông minh). Tuy nhiên, thách thức đặt ra là sự xung đột giữa tính linh hoạt của pháp luật văn bản do con người giải thích với tính cứng nhắc, không thể đảo ngược của thuật toán.

AI và sự chuyển dịch phương thức cưỡng chế. Lý luận thi hành án hiện đại đang chuyển dịch từ cưỡng chế vật chất sang “*Cưỡng chế thực hiện hành vi kỹ thuật*”. Trong mô hình này, AI không chỉ đóng vai trò hỗ trợ tra cứu mà còn là công cụ đánh giá điều kiện thi hành án thông qua phân tích dữ liệu đương sự trên môi trường mạng³⁰⁴. Việc áp dụng cưỡng chế đối với tài sản số yêu cầu nhà nước phải có khả năng can thiệp vào tầng kỹ thuật (mã lệnh) hoặc buộc đương sự thực hiện các thao tác chuyển đổi số để bàn giao quyền kiểm soát tài sản cho cơ quan thi hành án.

2. Kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng AI và chuyển đổi số trong nghiệp vụ thi hành án và thừa hành viên

Qua khảo cứu, các mô hình tư pháp số trên thế giới hiện nay được phân định thành bốn hệ thống cơ bản dựa trên triết lý tiếp cận công nghệ khác nhau.

2.1. Mô hình thiết lập chuẩn mực pháp lý và bảo vệ quyền con người

2.1.1. Khung pháp lý của Liên minh Châu Âu

Tại Liên minh Châu Âu (EU), việc tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) vào hệ thống tư pháp và nghiệp vụ thi hành án được định hướng bởi nguyên tắc phòng ngừa rủi ro và ưu tiên bảo vệ các quyền cơ bản. Đạo luật Trí tuệ nhân tạo của EU (EU AI Act)³⁰⁵ đã thiết lập cơ chế phân loại rủi ro nghiêm ngặt đối với các hệ thống thuật toán. Theo đó, các hệ

³⁰² Lawrence Lessig (2006), *Code: Version 2.0*, Basic Books, p.5. (Nội dung: “This is the first of two meanings of the phrase ‘code is law.’ The second is more literal. It is the idea that the code of cyberspace-the software and hardware that make it what it is-regulates behavior.” tạm dịch: “Đây là ý nghĩa đầu tiên trong hai tầng nghĩa của cụm từ ‘mã lệnh là pháp luật’. Ý nghĩa thứ hai mang tính trực diện hơn. Đó là quan điểm cho rằng chính mã lệnh của không gian mạng -bao gồm phần mềm và phần cứng kiến tạo nên bản chất của không gian đó - thực hiện chức năng điều chỉnh hành vi.”)

³⁰³ Mireille Hildebrandt (2020), *Code-Driven Law: Freezing the Future and Scaling the Past*, trong Simon Deakin và Christopher Markou (Chủ biên), *Is Law Computable? Critical Perspectives on Law and Artificial Intelligence*, Hart Publishing, Oxford, p. 69.

³⁰⁴ Viện Luật Châu Âu (ELI) (2025), *ELI Principles and Guidance for Enforcement Against Digital Assets (Bố nguyên tắc và Hướng dẫn về Thi hành án đối với Tài sản số)*, [https://www.europeanlawinstitute.eu/fileadmin/user_upload/p_eli/Projects/Access_to_Digital_Assets/ELI_Principle_s_and_Guidance_for_Enforcement_Against_Digital_Assets.pdf], truy cập ngày 17/04/2026.

³⁰⁵ European Parliament (2024), *EU AI Act: first regulation on artificial intelligence*, [<https://www.europarl.europa.eu/topics/en/article/20230601STO93804/eu-ai-act-first-regulation-on-artificial-intelligence>], truy cập ngày 30/03/2026.

thống AI được cơ quan thi hành án sử dụng nhằm mục đích dự báo hành vi, đánh giá năng lực tài chính hoặc chấm điểm tín dụng của đương sự phục vụ quá trình tổ chức thi hành án đều được xếp vào nhóm “hệ thống AI có rủi ro cao”³⁰⁶.

Hệ quả pháp lý của quy định này là các nền tảng số phục vụ thi hành án bắt buộc phải tuân thủ các nghĩa vụ về tính minh bạch thuật toán và cơ chế giám sát của con người. Hội đồng Châu Âu, thông qua Ủy ban Châu Âu về Hiệu quả Tư pháp (CEPEJ), đã xác lập nguyên tắc “*Con người kiểm soát tối cao*” (Human-in-the-loop), theo đó nghiêm cấm việc tự động hóa hoàn toàn quy trình ban hành các quyết định cưỡng chế tài sản³⁰⁷.

Theo triết lý lập pháp của EU, thuật toán chỉ giữ vai trò hỗ trợ phân tích dữ liệu, trong khi thẩm quyền ban hành lệnh kê biên tài sản thuộc về Thừa phát lại hoặc các cơ quan tư pháp sau khi đã thẩm định các yếu tố định tính về ngữ cảnh xã hội- những giá trị mà AI chưa có năng lực lượng hóa³⁰⁸.

Sự thận trọng của EU được cụ thể hóa thông qua ba cơ chế quản trị bắt buộc:

Thứ nhất, nghĩa vụ minh bạch và trách nhiệm giải trình thuật toán. Theo EU AI Act 2024 (Đạo luật Trí tuệ nhân tạo), các hệ thống hỗ trợ thực thi pháp luật phải có tính năng lưu vết tự động mọi công đoạn xử lý dữ liệu³⁰⁹. Nếu thuật toán đề xuất biện pháp phong tỏa tài khoản, hệ thống phải cung cấp báo cáo giải trình chi tiết về các tham số logic để Thừa phát lại thẩm định và đương sự có thể thực hiện quyền phản biện.

Thứ hai, bảo đảm quyền của chủ thể dữ liệu theo Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR): Dựa trên Điều 22 GDPR³¹⁰, đương sự có quyền không bị lệ thuộc vào các quyết định chỉ dựa trên quá trình xử lý dữ liệu tự động³¹¹. Trong hệ thống thi hành án số của

³⁰⁶ WilmerHale (2024), *What Are High-Risk AI Systems Within the Meaning of the EU's AI Act?*, [<https://www.wilmerhale.com/en/insights/blogs/wilmerhale-privacy-and-cybersecurity-law/20240717-what-are-highrisk-ai-systems-within-the-meaning-of-the-eus-ai-act-and-what-requirements-apply-to-them>], truy cập ngày 30/03/2026.

³⁰⁷ CEPEJ (2018), *European Ethical Charter on the use of artificial intelligence in judicial systems and their environment*, [<https://www.coe.int/en/web/cepej/cepej-european-ethical-charter-on-the-use-of-artificial-intelligence-ai-in-judicial-systems-and-their-environment>], truy cập ngày 30/03/2026.

³⁰⁸ School for the Judiciary (2025), *Artificial Intelligence, Judicial Decision-Making and Fundamental Rights (JuLIA Handbook)*, [https://ssm-italia.eu/wp-content/uploads/2025/02/JuLIA_handbook-Justice_final.pdf], truy cập ngày 01/04/2026.

³⁰⁹ European Parliament (2024), *Regulation (EU) 2024/1689 laying down harmonised rules on artificial intelligence (Artificial Intelligence Act) - Title III, Chapter 2 (Requirements for high-risk AI systems)*, [<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32024R1689>], truy cập ngày 06/04/2026.

³¹⁰ Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu (2016), *General Data Protection Regulation (GDPR) - Article 22: Automated individual decision-making, including profiling*, [<https://gdpr-info.eu/art-22-gdpr/>], truy cập ngày 06/04/2026.

³¹¹ Nguyên văn Điều 22 Quy định chung về bảo vệ dữ liệu: “Article 22. Automated individual decision-making, including profiling ... 3. In the cases referred to in points (a) and (c) of paragraph 2, the data controller shall implement suitable measures to safeguard the data subject's rights and freedoms and legitimate interests, at least the right to obtain human intervention on the part of the controller, to express his or her point of view and to contest the decision.” (tạm dịch: Điều 22. Việc ra quyết định cá nhân hoàn toàn tự động, bao gồm cả lập hồ sơ ...3. Trong các trường hợp được nêu tại điểm (a) và (c) của Khoản 2, bên kiểm soát dữ liệu phải thực hiện các biện pháp thích hợp để bảo vệ quyền, sự tự do và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu, ít nhất là quyền yêu cầu sự can thiệp của con

EU, AI chỉ được cấp quyền năng truy vấn và đề xuất, nhưng không được cấp quyền ban hành lệnh phong tỏa hoặc tước đoạt tài sản nếu thiếu sự xác nhận trực tiếp của người có thẩm quyền thi hành án.

Thứ ba, cơ chế kiểm soát đặc thù đối với cường chế tài sản số. Dù có Đạo luật MiCA, giới tư pháp EU vẫn duy trì sự thận trọng đối với việc tích hợp các hợp đồng thông minh vào quy trình cường chế tự động. Việc truy vết dòng tiền mã hóa có thể do AI hỗ trợ, nhưng quyết định phong tỏa ví điện tử hoặc thanh lý tài sản mã hóa bắt buộc phải thông qua phán quyết của con người nhằm bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba ngay tình³¹².

2.1.2. Bộ nguyên tắc của Viện Luật Châu Âu (ELI) về thi hành án đối với tài sản số

Viện Luật Châu Âu (ELI) đã đi đầu trong việc định hình hành lang pháp lý bằng việc ban hành *Bộ nguyên tắc và Hướng dẫn về Thi hành án đối với Tài sản số* (ELI Principles). Văn bản này xác lập sự dịch chuyển mang tính bản chất trong lý luận cường chế: thay thế nguyên tắc chiếm hữu vật lý bằng thẩm quyền kiểm soát kỹ thuật đối với dữ liệu³¹³.

Theo nguyên tắc này, cơ chế thi hành án đối với tài sản phi truyền thống được cấu thành bởi ba phương diện kỹ thuật pháp lý:

Thứ nhất, xác định quyền kiểm soát thông qua mã khóa bảo mật: Đối với các tài sản tồn tại dưới dạng dữ liệu điện tử, thẩm quyền của Thừa phát lại (Bailiff) không còn giới hạn ở các hành vi kê biên vật lý mà tập trung vào năng lực kiểm soát các mã khóa bảo mật (private keys). ELI quy định cơ chế buộc đương sự phải thực hiện nghĩa vụ cung cấp mã khóa hoặc các phương thức truy cập tương đương nhằm thực thi quyền định đoạt tài sản theo phán quyết của Tòa án.

Thứ hai, xác lập nghĩa vụ phối hợp của bên thứ ba trong không gian số. Nguyên tắc của ELI quy định rõ thẩm quyền của cơ quan thi hành án trong việc ban hành các lệnh mang tính cường chế đối với các Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản ảo (Virtual Asset Service Providers - VASPs) như các sàn giao dịch tiền mã hóa. Khi có lệnh từ cơ quan có thẩm quyền, các VASPs buộc phải thực hiện các biện pháp kỹ thuật khẩn cấp như: phong tỏa ví nóng (hot wallets), đình chỉ giao dịch hoặc chuyển giao tài sản số vào ví lưu giữ tạm thời do cơ quan tư pháp hoặc Thừa phát lại quản lý[10].

Thứ ba, nâng cao năng lực điều tra kỹ thuật số. Để thực thi hiệu quả các biện pháp trên, giới tư pháp Châu Âu yêu cầu Thừa phát lại phải được đào tạo chuyên sâu về kỹ

người từ phía bên kiểm soát dữ liệu, quyền được bày tỏ quan điểm cá nhân và quyền khiếu nại đối với quyết định đó.)

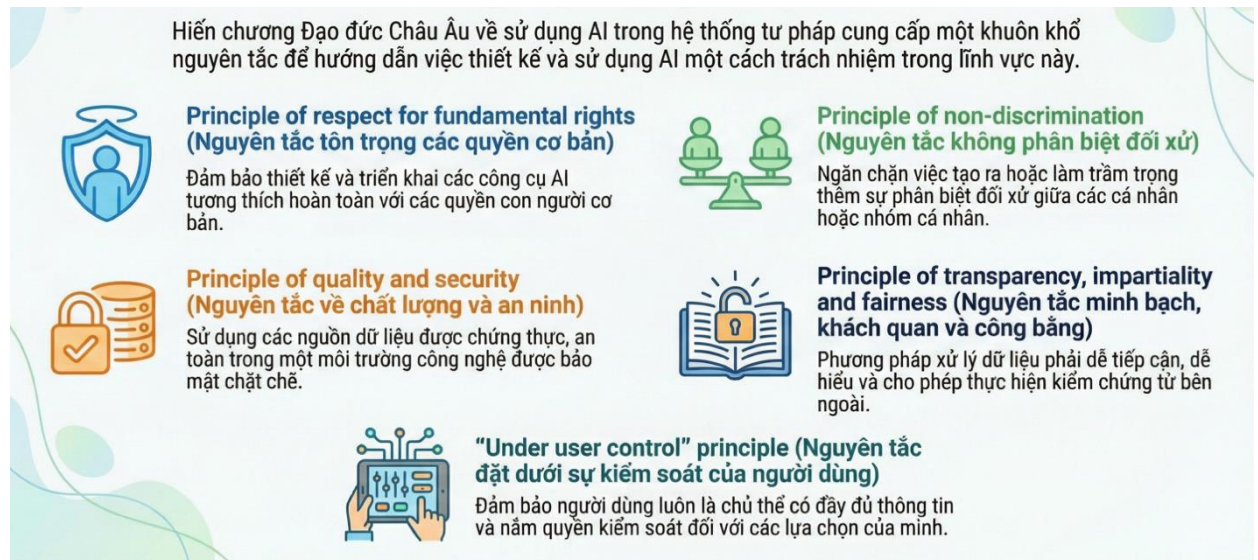
³¹² European Law Institute (2023), *ELI Principles on the Use of Digital Assets as Security*, tr. 45-48, [<https://www.europeanlawinstitute.eu/projects-publications/completed-projects-old/use-of-digital-assets-as-security/>], truy cập ngày 06/04/2026.

³¹³ European Law Institute (2026), *ELI Principles and Guidance for Enforcement Against Digital Assets*, [https://www.europeanlawinstitute.eu/fileadmin/user_upload/p_eli/Projects/Access_to_Digital_Assets/ELI_Principles_and_Guidance_for_Enforcement_Against_Digital_Assets.pdf], truy cập ngày 30/03/2026.

năng truy vết chuỗi khối (blockchain forensics). Sự hỗ trợ của các thuật toán AI giúp bóc tách các lớp ẩn danh, xác định danh tính thực sự của chủ sở hữu tài sản mã hóa, qua đó ngăn chặn các hành vi tẩu tán tài sản tinh vi qua biên giới[11].

2.1.3. Hiến chương đạo đức của Hội đồng Châu Âu

Dưới góc độ xây dựng chuẩn mực quốc tế, Hội đồng Châu Âu (CoE), thông qua Ủy ban Châu Âu về Hiệu quả Tư pháp (CEPEJ), đã thiết lập một hệ tư tưởng nền tảng nhằm dung hòa giữa tốc độ chuyển đổi số và các nguyên tắc nhân quyền hiến định. *Hiến chương Đạo đức Châu Âu về sử dụng Trí tuệ nhân tạo trong hệ thống tư pháp*³¹⁴ (European Ethical Charter on the use of Artificial Intelligence in judicial systems and their environment) đã quy định 05 nguyên tắc cốt lõi, mang tính bắt buộc đối với việc thiết kế và vận hành các thuật toán trong lĩnh vực thực thi pháp luật: (i) Tôn trọng các quyền cơ bản; (ii) Không phân biệt đối xử; (iii) Chất lượng và an ninh; (iv) Tính minh bạch, khách quan và công bằng; và (v) Dưới sự kiểm soát của người dùng. Dưới đây là sơ đồ minh họa cho 5 nguyên tắc này:



(Sơ đồ 2: Năm nguyên tắc đạo đức cốt lõi về Trí tuệ nhân tạo trong hệ thống tư pháp)

Giá trị tham chiếu lớn nhất cho hệ thống thi hành án nằm ở cơ chế kiểm soát quyền lực thuật toán. Cụ thể, trong *Hướng dẫn thực tiễn tốt nhất về thi hành phán quyết tư pháp*, CEPEJ nhấn mạnh rằng mọi hệ thống e-Justice được thiết kế để truy vết tài sản hay tổng đài điện tử chỉ được phép cung cấp thông tin dưới dạng đề xuất hoặc cảnh báo rủi ro³¹⁵.

³¹⁴ CEPEJ (2018), *European Ethical Charter on the use of artificial intelligence in judicial systems and their environment*, Tuyên bố tại Phiên họp toàn thể lần thứ 31, tr. 7, [[European Ethical Charter on the use of Artificial Intelligence in judicial systems and their environment](#)], truy cập ngày 30/03/2026.

³¹⁵ CEPEJ (2026), *Good practice guide on enforcement of judicial decisions*, [<https://rm.coe.int/european-commission-for-the-efficiency-of-justice-cepej-good-practice-/16807477bf>], truy cập ngày 30/03/2026

Theo triết lý lập pháp này, thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế bắt buộc phải thuộc về chủ thể mang quyền lực công được Nhà nước ủy nhiệm. Quy định này loại bỏ khả năng vận hành của các mô hình thi hành án tự động hóa hoàn toàn - vốn thiếu năng lực thẩm định các giá trị đạo đức và ngữ cảnh xã hội - đồng thời khẳng định vị thế quyết định của con người trong quy trình tài phán. Việc duy trì sự can thiệp trực tiếp của người có thẩm quyền thi hành án không chỉ bảo đảm tính nhân đạo của pháp luật mà còn là cơ chế kiểm soát tối cao đối với các sai số kỹ thuật tiềm ẩn của trí tuệ nhân tạo, bảo chứng cho sự công bằng và minh bạch trong thực thi công vụ.

2.1.4. Mô hình Pháp

Cộng hòa Pháp, cái nôi của thiết chế Thừa phát lại, đã thực hiện tiến trình cải cách thiết chế thi hành án dân sự thông qua việc hợp nhất các chức danh tư pháp. Trên cơ sở Sắc lệnh số 2016-728³¹⁶ và Nghị định số 2021-1625³¹⁷, kể từ tháng 7/2022, Pháp đã hợp nhất chức danh Thừa phát lại và Bán đầu giá viên thành một thiết chế duy nhất mang tên Ủy viên Tư pháp (Commissaire de justice). Cùng với chiến lược Trí tuệ nhân tạo phục vụ tư pháp (L'IA au service de la justice) do Bộ Tư pháp Pháp ban hành, các Ủy viên Tư pháp đã ứng dụng hệ thống thuật toán chuyên biệt trong nghiệp vụ. Công nghệ này cho phép tự động hóa việc phân tích hồ sơ hợp đồng, trích xuất dữ liệu tài sản và thiết lập sơ đồ giao dịch của đương sự, giúp tối ưu hóa quy trình hành chính và tập trung nguồn lực vào công tác thẩm định rủi ro pháp lý³¹⁸.

Tuy nhiên, thực tiễn vận hành AI tại Pháp cũng bộc lộ những thách thức pháp lý và rủi ro thực thi, cụ thể trên các phương diện sau:

(i) *Rủi ro về thiên kiến thuật toán.* Trong lĩnh vực an sinh xã hội, việc ứng dụng hệ thống AI để chấm điểm rủi ro tự động đã dẫn đến các khiếu nại về hành vi phân biệt đối xử đối với nhóm đối tượng có thu nhập thấp và người khuyết tật³¹⁹. Hành vi này vi phạm trực tiếp Điều 22 Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của Liên minh Châu Âu (GDPR)³²⁰ liên quan đến quyền không bị áp đặt bởi các quyết định hoàn toàn tự động, đồng thời mâu thuẫn với các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Đạo luật số 78-17 của Pháp. Thực tiễn này cho thấy, nếu các thuật toán đánh giá nguy cơ tẩu tán tài sản trong thi hành án

³¹⁶ Chính phủ Pháp (2016), Sắc lệnh số 2016-728 ngày 02 tháng 06 năm 2016 về quy chế Ủy viên Tư pháp (*Ordonnance n° 2016-728 du 2 juin 2016 relative au statut de commissaire de justice*), [<https://www.legifrance.gouv.fr/loda/id/JORFTEXT000032623732>], truy cập ngày 06/04/2026.

³¹⁷ Chính phủ Pháp (2021), Nghị định số 2021-1625 ngày 10 tháng 12 năm 2021 quy định về thẩm quyền của Ủy viên tư pháp (*Décret n° 2021-1625 du 10 décembre 2021 relatif aux compétences des commissaires de justice*), [<https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000044471465>], truy cập ngày 06/04/2026.

³¹⁸ Ministère de la Justice France (2025), *L'IA au service de la justice : stratégie et solutions opérationnelles*, [https://www.justice.gouv.fr/sites/default/files/2025-08/rapport_ia_au_service_de_la_justice.pdf], truy cập ngày 30/03/2026.

³¹⁹ Amnesty International (2024), *France: Discriminatory algorithm used by the social security agency must be stopped*, [<https://www.amnesty.org/en/latest/news/2024/10/france-discriminatory-algorithm-used-by-the-social-security-agency-must-be-stopped/>], truy cập ngày 30/03/2026.

³²⁰ Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu (2016), *General Data Protection Regulation (GDPR) - Article 22*, [<https://gdpr-info.eu/art-22-gdpr/>], truy cập ngày 06/04/2026.

dân sự không được kiểm soát chặt chẽ, có khả năng dẫn đến việc xâm phạm quyền lợi hợp pháp của các nhóm yếu thế trong xã hội³²¹.

(ii) *Rủi ro về sự sai lệch dữ liệu trong xác lập chứng cứ*. Các cơ quan thực thi pháp luật và Tòa án tại Pháp đã ghi nhận hiện tượng đương sự sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI) để soạn thảo các bản giải trình chứa đựng các án lệ hoặc tình tiết không xác thực nhằm chứng minh tình trạng mất khả năng thanh toán³²². Việc đệ trình các tài liệu này vi phạm nguyên tắc về nghĩa vụ chứng minh và tính trung thực trong tố tụng được quy định tại Điều 9 và Điều 11 Bộ luật Tố tụng Dân sự Pháp (Code de procédure civile)³²³.

Tổng hợp từ khung pháp lý của Liên minh Châu Âu, Hiến chương đạo đức của Hội đồng Châu Âu, các nguyên tắc của Viện Luật Châu Âu (ELI) và thực tiễn vận hành nền tảng số tại Cộng hòa Pháp, **giá trị tham khảo** cơ bản cho Việt Nam nằm ở việc thiết lập các cơ chế kiểm soát quyền lực dựa trên nguyên tắc đạo đức thuật toán. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thi hành án dân sự không đồng nghĩa với quá trình tự động hóa hoàn toàn các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền tài sản của đương sự. Hệ thống pháp luật Việt Nam cần thể chế hóa nguyên tắc “Con người kiểm soát tối cao”, theo đó năng lực vận hành của thuật toán chỉ được giới hạn trong phạm vi truy xuất dữ liệu, phân tích rủi ro và đề xuất phương án giải quyết. Chấp hành viên và Thừa hành viên bắt buộc phải là chủ thể thực hiện chức năng thẩm định tính hợp pháp cuối cùng và trực tiếp xác thực việc ban hành các quyết định cưỡng chế. Việc phân định rõ giới hạn thẩm quyền giữa hệ thống công nghệ và người có thẩm quyền thi hành án là điều kiện tiên quyết nhằm triệt tiêu các rủi ro xâm phạm quyền con người do sai lệch dữ liệu khởi tạo, qua đó bảo đảm tính nhân đạo và sự ổn định của trật tự pháp trong kỷ nguyên số.

2.2. Mô hình Hoa Kỳ

Hoa Kỳ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động hành pháp và tư pháp theo học thuyết thực dụng pháp lý. Trọng tâm của mô hình này là tối ưu hóa năng lực công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất xác minh điều kiện thi hành án, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro thông qua các nguyên tắc hiến định, đặc biệt là nguyên tắc “Quy trình tố tụng công bằng” theo Tu chính án thứ Năm và thứ Mười bốn³²⁴. Mô hình này được vận hành dựa trên ba phương diện cốt lõi:

³²¹ Morgan Lewis (2026), *The Risks of Hallucinations and Misuse of Generative Artificial Intelligence Before French Courts*, [<https://www.morganlewis.com/pubs/2026/03/the-risks-of-hallucinations-and-misuse-of-generative-artificial-intelligence-before-french-courts>], truy cập ngày 30/03/2026.

³²² Morgan Lewis (2026), *The Risks of Hallucinations and Misuse of Generative Artificial Intelligence Before French Courts*, [<https://www.morganlewis.com/pubs/2026/03/the-risks-of-hallucinations-and-misuse-of-generative-artificial-intelligence-before-french-courts>], truy cập ngày 30/03/2026.

³²³ Chính phủ Pháp, *Bộ luật Tố tụng Dân sự (Code de procédure civile) - Điều 9 & Điều 11*, [https://www.legifrance.gouv.fr/codes/section_lc/LEGITEXT000006070716/LEGISCTA000006135837/], truy cập ngày 06/04/2026.

³²⁴ Nguyên tắc “Quy trình tố tụng công bằng (Due Process) được quy định tại Tu chính án thứ Năm (áp dụng đối với chính quyền Liên bang) và Tu chính án thứ Mười bốn (áp dụng đối với chính quyền cấp Bang) của Hiến pháp Hoa Kỳ. Nguyên tắc này nghiêm cấm việc tước đoạt tài sản của công dân nếu thiếu đi một quy trình đánh giá minh bạch,

Thứ nhất, AI là công cụ hỗ trợ xác minh dữ liệu dưới sự điều chỉnh của các nguyên tắc hiến định. Theo báo cáo của Hội nghị Hành chính Hoa Kỳ (ACUS), AI được xác định là công cụ hiệu quả trong việc triển khai kỹ thuật khai phá dữ liệu nhằm nhận diện mạng lưới tài sản và các giao dịch tài chính xuyên biên giới³²⁵. Tuy nhiên, việc ứng dụng các thuật toán này chịu sự điều chỉnh của Sắc lệnh Hành pháp số 14110 (2023) về phát triển AI an toàn và Đạo luật Dân quyền năm 1964. Các quy định này nghiêm cấm cơ quan liên bang sử dụng thuật toán làm phát sinh hoặc gia tăng các sai lệch dữ liệu mang tính phân biệt đối xử³²⁶. Do đó, trong hệ thống tư pháp Hoa Kỳ, kết quả phân tích từ AI chỉ được coi là nguồn tin báo tư pháp hoặc căn cứ để đề xuất Tòa án ban hành lệnh cưỡng chế, chứ không được thừa nhận là chứng cứ tuyệt đối hay căn cứ mặc nhiên để tước đoạt quyền tài sản của đương sự³²⁷.

Thứ hai, ứng dụng AI giám định kỹ thuật số trong cưỡng chế tài sản mã hóa. Trọng tâm của công tác thi hành án hiện đại tại Hoa Kỳ là năng lực phá vỡ tính ẩn danh của tài sản số. Việc thu thập dữ liệu giao dịch tài sản số bắt buộc phải tuân thủ quy định tại Đạo luật Bảo mật Ngân hàng (BSA)³²⁸ và Đạo luật Chống rửa tiền năm 2020 (AMLA)³²⁹. Dựa trên nền tảng này, AI giám định thực hiện phân tích dữ liệu trên sổ cái công khai (blockchain) để nhận diện các phương thức tẩu tán tài sản phức tạp như luân chuyển tài sản xuyên chuỗi khối³³⁰ hoặc sử dụng dịch vụ trộn tiền mã hóa³³¹.

Về thẩm quyền cưỡng chế, kết quả truy vết từ AI là căn cứ để cơ quan thi hành án đệ trình Tòa án ban hành lệnh khám xét và thu giữ theo Quy tắc 41 của Quy tắc Tổ tụng Hình sự Liên bang³³², hoặc các lệnh khẩn cấp yêu cầu bên thứ ba phong tỏa tài khoản kỹ thuật số dựa trên Đạo luật về các Lệnh của Tòa án (All Writs Act)³³³. Các cơ chế này

hợp lý và có sự tham gia của con người. Xem thêm: Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, *U.S. Constitution - Fifth Amendment*, [https://www.law.cornell.edu/constitution/fifth_amendment], truy cập ngày 06/04/2026.

³²⁵ Administrative Conference of the United States (2024), *Artificial Intelligence and Regulatory Enforcement*, [<https://www.acus.gov/sites/default/files/documents/AI-Reg-Enforcement-Final-Report-2024.12.09.pdf>], truy cập ngày 30/03/2026.

³²⁶ US Commission on Civil Rights (2024), *The Civil Rights Implications of the Federal Use of Facial Recognition Technology*, [<https://www.usccr.gov/files/2024-09/civil-rights-implications-of-frt.pdf>], truy cập ngày 01/04/2026.

³²⁷ Stanford Law School (2020), *Government by Algorithm: Artificial Intelligence in Federal Administrative Agencies*, [<https://law.stanford.edu/wp-content/uploads/2020/02/ACUS-AI-Report.pdf>], truy cập ngày 01/04/2026.

³²⁸ Quốc hội Hoa Kỳ (1970), *Bank Secrecy Act* (31 U.S.C. §§ 5311-5332), [<https://www.govinfo.gov/content/pkg/USCODE-2022-title31/pdf/USCODE-2022-title31-subtitleIV-chap53-subchapII.pdf>], truy cập ngày 06/04/2026.

³²⁹ Quốc hội Hoa Kỳ (2021), *Anti-Money Laundering Act of 2020* (Division F, Public Law 116-283), [<https://www.congress.gov/116/plaws/publ283/PLAW-116publ283.pdf>], truy cập ngày 06/04/2026.

³³⁰ Đây là hành vi tội phạm liên tục hoán đổi từ loại tiền mã hóa này sang loại tiền mã hóa khác trên các chuỗi khối (blockchain) khác nhau (ví dụ: đổi từ Bitcoin sang Monero, rồi từ Monero sang Ethereum) thông qua các sàn giao dịch phi tập trung để xóa dấu vết dòng tiền.

³³¹ Đây là các dịch vụ (còn gọi là Cryptocurrency Tumblers/Mixers) cho phép gộp chung một lượng lớn các dòng tiền mã hóa từ nhiều nguồn khác nhau, “nhào trộn” chúng lại bằng thuật toán, sau đó trả lại cho người dùng bằng các đồng tiền mới, khiến cơ quan điều tra không thể truy vết được dòng tiền đầu ra có nguồn gốc từ đâu.

³³² Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, *Federal Rules of Criminal Procedure - Rule 41. Search and Seizure*, [https://www.law.cornell.edu/rules/frcrmp/rule_41], truy cập ngày 06/04/2026.

³³³ Quốc hội Hoa Kỳ, *All Writs Act* (28 U.S.C. § 1651), [<https://www.law.cornell.edu/uscode/text/28/1651>], truy cập ngày 06/04/2026.

tương tự như lệnh khám xét khẩn cấp Anton Piller³³⁴ trên không gian mạng, cho phép thu giữ các phương thức truy cập (khóa bảo mật) nhằm ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản kịp thời³³⁵.

Thứ ba, cơ chế trách nhiệm giải trình và bảo đảm tính cá biệt hóa trong thực thi công lý. Điểm đặc trưng của mô hình Hoa Kỳ là đề cao trách nhiệm cá nhân của các chức danh tư pháp. Khi CHV hoặc các cơ quan THA liên bang sử dụng kết quả phân tích từ AI để đề nghị Tòa án ban hành lệnh phong tỏa tài sản, chủ thể này phải chịu trách nhiệm giải trình trực tiếp về tính hợp pháp của quyết định. Người thực thi công vụ không được miễn trừ trách nhiệm pháp lý với lý do hành động theo chỉ định của thuật toán nếu lệnh cưỡng chế gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bên thứ ba ngay tình.

Cơ chế này xác lập nguyên tắc: công nghệ chỉ đóng vai trò hỗ trợ điều tra, trong khi con người bắt buộc phải thực hiện khâu thẩm định cuối cùng nhằm bảo đảm tính công bằng. Thuật toán chỉ thực hiện đánh giá dựa trên các tham số dữ liệu cố định, trong khi con người có năng lực xem xét các yếu tố định tính như hoàn cảnh nhân đạo, nguồn gốc tài sản và các quan hệ xã hội phức tạp mà AI không thể lượng hóa. Sự can thiệp mang tính cá biệt hóa này là cơ chế kiểm soát quan trọng nhằm ngăn ngừa các sai phạm về quyền con người phát sinh từ các quyết định tự động thiếu tính khách quan³³⁶.

Giá trị tham khảo đối với Việt Nam: Từ kinh nghiệm của Hoa Kỳ, định hướng cho Việt Nam trong lộ trình hiện đại hóa thi hành án dân sự là thiết lập sự cân bằng giữa khai thác năng lực công nghệ và tuân thủ nguyên tắc “quy trình tổ tụng công bằng”. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo để nhận diện tài sản và các mạng lưới tẩu tán phức tạp phải đi kèm với cơ chế kiểm soát tư pháp minh bạch. Theo đó, chứng cứ điện tử và kết quả phân tích thuật toán không đương nhiên cấu thành căn cứ tuyệt đối để tước đoạt tài sản. Mọi báo cáo từ AI đều phải trải qua quy trình thẩm định theo pháp luật tố tụng. Đồng thời, cần gắn chặt với nguyên tắc quy trách nhiệm cá nhân đối với Chấp hành viên và Thừa hành viên. Người thực thi công vụ không thể sử dụng các đề xuất tự động của máy móc làm căn cứ miễn trừ trách nhiệm khi ban hành các quyết định sai lệch, qua đó ngăn chặn hiệu quả nguy cơ lạm dụng thuật toán trong thực thi công quyền.

³³⁴ Lệnh Anton Piller là một lệnh khám xét khẩn cấp do Tòa án ban hành dựa trên yêu cầu đơn phương của một bên (ex parte - không cần thông báo cho bên kia biết). Lệnh này cấp quyền cho nguyên đơn (hoặc cơ quan thi hành án, thừa phát lại) được phép tiến hành khám xét cơ sở (nhà ở, văn phòng) của bị đơn và thu giữ các tài liệu, tài sản hoặc chứng cứ quan trọng mà không cần báo trước.

³³⁵ Law360 (2026), *How AI Is Easing Digital Asset Recovery In Fraud Cases*, [<https://www.lbkmlaw.com/news-shinerock-ai-digital-asset-recovery-law360.html>], truy cập ngày 30/03/2026.

³³⁶ Jurist.org (2024), *Human rights organizations issue complaint against risk-scoring algorithmic system in France*, [<https://www.jurist.org/news/2024/10/human-rights-organizations-issue-complaint-against-risk-scoring-algorithmic-system-in-france/>], truy cập ngày 30/03/2026. (Nội dung vụ việc: Tháng 10/2024, Cục Trợ cấp Gia đình Quốc gia Pháp (CNAF) bị khởi kiện do sử dụng hệ thống AI “chấm điểm rủi ro” (risk-scoring) tự động nhằm dự báo gian lận an sinh. Thuật toán này đã đánh đồng sự bất ổn kinh tế với rủi ro vi phạm pháp luật, qua đó tự động thiết lập một “sự suy đoán gian lận” mang tính kỳ thị đối với các nhóm yếu thế (mẹ đơn thân, người khuyết tật, người thu nhập thấp). Việc cắt giảm tự động quyền lợi tài sản mà không có sự thẩm định cá biệt hóa của con người đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc Không phân biệt đối xử theo Công ước Châu Âu về Nhân quyền và Quy định chung về bảo vệ dữ liệu - GDPR.)

2.3. Mô hình tự động hóa và kiểm soát thực thi tại Trung Quốc

Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tiếp cận việc chuyển đổi số trong lĩnh vực thi hành án dân sự theo hướng tối đa hóa hiệu lực của quyền lực công thông qua sự hội tụ dữ liệu và tự động hóa quy trình nghiệp vụ. Mô hình này thiết lập cơ chế cưỡng chế đa chiều, không chỉ tác động trực tiếp lên quyền tài sản mà còn hạn chế các quyền nhân thân của người phải thi hành án dựa trên hệ thống quy phạm pháp luật đồng bộ.

Thứ nhất, cơ chế liên thông dữ liệu và thẩm quyền khấu trừ trực tiếp qua mạng lưới. Pháp luật Trung Quốc đã thể chế hóa cơ chế liên thông bắt buộc giữa hệ thống tư pháp và hệ thống tài chính. Nền tảng pháp lý cốt lõi cho thẩm quyền này được quy định tại "Giải thích pháp luật số [2013] 20" của Tòa án Nhân dân Tối cao về việc truy vấn và phong tỏa tiền gửi qua mạng lưới³³⁷. Văn bản này chính thức công nhận giá trị pháp lý của các thông điệp dữ liệu và chữ ký điện tử trong hoạt động thi hành án. Đặc biệt, Điều 9 của văn bản này trao thẩm quyền cho Tòa án ban hành lệnh "khấu trừ trực tiếp" đối với số dư tài khoản của đương sự khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối liên thông³³⁸.

Để cụ thể hóa thẩm quyền nêu trên, "Thông báo số [2015] 321" của Tòa án Nhân dân tối cao và Ủy ban Điều tiết Ngân hàng Trung Quốc đã xác lập nghĩa vụ kỹ thuật bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng trong việc tiếp nhận và thực thi tự động các lệnh từ Tòa án³³⁹. Sự kết hợp giữa các quy phạm này đã thay đổi phương thức cưỡng chế truyền thống: Tòa án không thực hiện tổng đạt văn bản giấy cho từng tổ chức tín dụng mà ban hành lệnh thực thi dưới dạng dữ liệu điện tử. Các ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (như Alipay, WeChat Pay) có nghĩa vụ thực hiện lệnh khóa hoặc trích xuất tài khoản của đương sự theo thời gian thực. Cơ chế này giúp triệt tiêu sự chậm trễ trong quy trình thủ tục hành chính, bảo đảm tính kịp thời của biện pháp ngăn chặn³⁴⁰.

Thứ hai, mở rộng biên độ cưỡng chế thông qua hệ thống trừng phạt xã hội. Trung Quốc vận dụng AI để kiến tạo cơ chế giám sát nhằm thúc đẩy đương sự tự nguyện thi hành án. Cơ chế này được vận hành dựa trên hai văn bản quy phạm trọng yếu: Giải thích

³³⁷ Tòa án Nhân dân Tối cao Trung Quốc (2013), *Giải thích pháp luật số [2013] 20: Quy định về việc truy vấn và phong tỏa tiền gửi của người phải thi hành án qua mạng lưới*, [https://www.jetro.go.jp/ext_images/world/asia/cn/ip/law/pdf/origin/interpret20130902.pdf], truy cập ngày 05/04/2026.

³³⁸ Leiden University (2026), *Smart courts, smart justice? Automation and digitisation of courts in China*, [<https://scholarlypublications.universiteitleiden.nl/access/item%3A4039580/view>], truy cập ngày 30/03/2026.

³³⁹ Tòa án Nhân dân Tối cao, Ủy ban Điều tiết Ngân hàng Trung Quốc (2015), *Thông báo số [2015] 321 ban hành "Quy chuẩn công tác Truy vấn và Kiểm soát thi hành án trên mạng lưới giữa Tòa án nhân dân và các Tổ chức tài chính ngân hàng"*, [<https://www.court.gov.cn/fabu/xiangqing/17462.html>], truy cập ngày 06/04/2026.

³⁴⁰ Duke University / Judicature (2026), *China's E-Justice Revolution*, [<https://judicature.duke.edu/articles/chinas-e-justice-revolution/>], truy cập ngày 30/03/2026.

pháp luật số [2013] 17 về Danh sách người phải thi hành án không trung thực³⁴¹ và Quy định về hạn chế tiêu dùng cao đối với người phải thi hành án³⁴².

Theo đó, thông tin của người phải thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ sẽ được tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia, cấu thành dữ liệu đầu vào cho hệ thống quản lý nhà nước³⁴³. Điều 3 Quy định về hạn chế tiêu dùng năm 2015 thiết lập cơ sở pháp lý để hạn chế năng lực hành vi dân sự của đương sự đối với 09 nhóm dịch vụ, bao gồm: “(i) sử dụng phương tiện di chuyển cao cấp (máy bay, khoang giường nằm mềm, tàu thủy từ hạng 2 trở lên); (ii) tiêu dùng tại các không gian dịch vụ xa xỉ (khách sạn đạt chuẩn sao, câu lạc bộ đêm, sân golf); (iii) thực hiện giao dịch bất động sản (mua bán, xây mới hoặc cải tạo nhà ở cao cấp); (iv) thuê mượn không gian văn phòng tiêu chuẩn cao; (v) mua sắm phương tiện giao thông không phục vụ mục đích kinh doanh thiết yếu; (vi) tham gia các hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng; (vii) đăng ký cho con cái theo học tại các cơ sở giáo dục tư thục có mức thu phí cao; (viii) chi trả phí bảo hiểm mức cao đối với các sản phẩm quản lý tài sản; và (ix) sử dụng dịch vụ đường sắt tốc độ cao (toàn bộ các hạng ghế trên tàu cao tốc mã G và ghế hạng nhất trở lên đối với các tàu động lực khác)”. Theo Điều 6 của Quy định này, các đơn vị cung ứng dịch vụ phải đồng bộ hóa dữ liệu với hệ thống tư pháp, cho phép thuật toán tự động từ chối giao dịch của đối tượng trong danh sách mà không cần sự can thiệp trực tiếp của Chấp hành viên. Đây là sự chuyển dịch từ hình thức cưỡng chế tài sản thuần túy sang cơ chế hạn chế năng lực hành vi dân sự cục bộ thông qua hạ tầng kỹ thuật số.

Thứ ba, những giới hạn và thách thức về mặt pháp lý. Dù đạt được hiệu suất thu hồi tài sản tối ưu, việc tự động hóa toàn diện tại Trung Quốc cũng đặt ra những vấn đề lý luận về nguyên tắc tương xứng và quy trình tổ tụng công bằng. Việc ủy quyền cho thuật toán tự động áp dụng các biện pháp hạn chế quyền nhân thân tiềm ẩn rủi ro thiếu sự kiểm soát trực tiếp của con người. Trong trường hợp xảy ra sai lệch dữ liệu hoặc lỗi nhận diện hệ thống, đương sự chưa có cơ chế giải trình hoặc khiếu nại khẩn cấp đủ hiệu lực để tạm đình chỉ các lệnh trừng phạt tự động, dẫn đến nguy cơ xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp³⁴⁴.

Kinh nghiệm từ Trung Quốc mang lại **giá trị tham khảo** quan trọng cho Việt Nam trong tiến trình hiện đại hóa công tác thi hành án dân sự. Về mặt nghiệp vụ, việc luật hóa cơ sở hạ tầng liên thông giao thức lập trình ứng dụng giữa hệ thống tư pháp và mạng lưới

³⁴¹ Tòa án Nhân dân Tối cao Trung Quốc (2017), *Quyết định sửa đổi “Quy định về việc công bố thông tin Danh sách người phải thi hành án thất tín”* [<http://gongbao.court.gov.cn/details/dc27fdb3cf9926456af691c1ee94f.html>], truy cập ngày 06/04/2026.

³⁴² Tòa án Nhân dân Tối cao Trung Quốc (2015), *Quyết định sửa đổi “Quy định về việc hạn chế tiêu dùng cao và các tiêu dùng liên quan đối với người phải thi hành án”*, Pháp thích [2015] Số 17), [<http://gongbao.court.gov.cn/Details/3428801e5872c885b0a421b4e30ece.html>], truy cập ngày 06/04/2026.

³⁴³ Điều 5 của Giải thích pháp luật số [2013] 17; Dịch nguyên văn: “Điều 5. Tòa án nhân dân các cấp phải nhập thông tin danh sách người phải thi hành án thất tín vào kho dữ liệu danh sách người phải thi hành án thất tín của Tòa án nhân dân tối cao, và thông qua kho dữ liệu danh sách này công bố thống nhất cho xã hội.”

³⁴⁴ Duke University / Judicature (2026), *China's E-Justice Revolution*, [<https://judicature.duke.edu/articles/chinas-e-justice-revolution/>], truy cập ngày 30/03/2026.

tài chính, thương mại quốc gia đã chứng minh được hiệu quả thực chứng. Cơ chế này cho phép các cơ quan chức năng thực thi lệnh khấu trừ trực tiếp hoặc phong tỏa tài khoản tự động trên môi trường điện tử, thay thế phương thức tổng đạt văn bản vật lý truyền thống. Giải pháp này giúp loại bỏ sự chậm trễ trong quy trình hành chính, nâng cao hiệu năng ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản có tính thanh khoản cao. Tuy nhiên, dưới góc độ quản trị rủi ro, mô hình này khẳng định tính tất yếu của việc duy trì cơ chế kiểm soát quyền lực thuật toán. Việc ứng dụng các giao thức liên thông bắt buộc phải được giới hạn chặt chẽ bởi các quy phạm pháp luật về đối tượng, phạm vi và thời hạn truy xuất nhằm ngăn chặn xu hướng lạm quyền công nghệ, bảo đảm sự hài hòa giữa hiệu lực thực thi quyền lực công và quyền bảo mật dữ liệu riêng tư của đương sự.

2.4 Mô hình kiến tạo hệ sinh thái tư pháp điện tử (e-Justice) thân thiện (Singapore và Estonia)

Thay vì ứng dụng AI như một công cụ giám sát và phân loại rủi ro mang tính áp đặt, Singapore và Estonia tập trung thiết lập hệ sinh thái tư pháp điện tử (e-Justice) theo hướng tinh gọn quy trình thủ tục, lấy việc giảm thiểu chi phí giao dịch và bảo vệ quyền dữ liệu của đương sự làm nguyên tắc cốt lõi.

2.4.1. Singapore

Dưới định hướng của *Chiến lược Trí tuệ Nhân tạo Quốc gia 2.0* (National AI Strategy 2.0-NAIS 2.0) ban hành năm 2023³⁴⁵, hệ thống tư pháp Singapore đã tích hợp các thuật toán học máy vào nền tảng tố tụng điện tử (e-Litigation). Về phương diện pháp lý, việc vận hành hệ thống và giá trị pháp lý của các thông điệp dữ liệu được bảo chứng bởi Quy tắc Tòa án năm 2021 (Rules of Court 2021). Nền tảng này cho phép số hóa toàn diện quy trình thi hành án dân sự, bao gồm: tiếp nhận đơn yêu cầu, tổng đạt điện tử, thanh toán án phí và ban hành quyết định thi hành án.

Trong mô hình này, AI giữ vai trò là hệ thống hỗ trợ nghiệp vụ thay vì chủ thể ra quyết định. Thuật toán hỗ trợ Chấp hành viên trong việc tự động phân loại hồ sơ dựa trên các tham số về mức độ phức tạp, trích xuất dữ liệu từ các bản án có hiệu lực pháp luật và đề xuất phương án xác minh tài sản. Đặc biệt, quy trình tổng đạt điện tử và tổng đạt thay thế được thực hiện thông qua hệ thống định danh quốc gia (Singpass), bảo đảm tính xác thực của chứng cứ và tuân thủ nguyên tắc về thông báo hợp lệ trong tố tụng³⁴⁶. Việc ứng dụng AI giúp giảm thiểu đáng kể thời gian xử lý các thủ tục hành chính, tạo điều kiện để Thừa hành viên tập trung nguồn lực vào các công đoạn yêu cầu tính chuyên môn và tư duy pháp lý độc lập.

³⁴⁵ Smart Nation Group (2023), *Singapore National AI Strategy 2.0 (NAIS 2.0)*, [<https://file.go.gov.sg/smartnation2-report.pdf>], truy cập ngày 06/04/2026.

³⁴⁶ Chính phủ Singapore (2021), *Rules of Court 2021 (Subsidiary Legislation Supplement)*, [<https://sso.agc.gov.sg/SL/SCJA1969-S914-2021>], truy cập ngày 06/04/2026.

2.4.2. Estonia

Là quốc gia tiên phong về Chính phủ số tại Châu Âu³⁴⁷, Estonia xác lập cơ chế giải quyết mâu thuẫn giữa hiệu suất thực thi công vụ và quyền bảo mật dữ liệu thông qua nền tảng liên thông dữ liệu quốc gia X-Road.

Thay vì thiết lập cơ sở dữ liệu tập trung, nền tảng X-Road vận hành dựa trên nguyên lý dữ liệu phân tán và nguyên tắc chỉ một lần (Once-only principle) theo quy định tại Đạo luật Thông tin Công cộng³⁴⁸. Theo mô hình này, các cơ quan chức năng chỉ có thẩm quyền lưu trữ và quản lý dữ liệu trong phạm vi nhiệm vụ được pháp luật quy định.

Đối với hoạt động thi hành án, theo quy định tại Điều 16 Bộ luật Tổ tụng Thi hành án Estonia (Code of Enforcement Procedure)³⁴⁹, Thừa phát lại được trao quyền truy cập thông tin về điều kiện thi hành án của đương sự. Tuy nhiên, về mặt kỹ thuật, Thừa phát lại không trực tiếp nắm giữ cơ sở dữ liệu ngoại lai. Khi phát sinh quyết định thi hành án hợp pháp, hệ thống nghiệp vụ của Thừa phát lại sẽ thông qua nền tảng X-Road để thực hiện truy vấn theo thời gian thực (real-time query) đến Sổ đăng ký đất đai, Cơ quan thuế và Hải quan hoặc Sổ đăng ký dân số. Hệ thống chỉ trích xuất và trả về các kết quả tương ứng với vụ việc cụ thể thông qua các kênh truyền tải dữ liệu được mã hóa đầu cuối (end-to-end encryption). Cơ chế này bảo đảm Thừa phát lại có đầy đủ thông tin để thực hiện các biện pháp cưỡng chế tài sản kịp thời, đồng thời tuân thủ tuyệt đối quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR) do không phát sinh hành vi thu thập và lưu trữ dữ liệu trái thẩm quyền³⁵⁰.

Giá trị tham khảo cho Việt Nam: Trọng tâm của quá trình này không chỉ dừng lại ở việc số hóa các quy trình nghiệp vụ thông qua hệ thống định danh quốc gia, mà còn nằm ở việc xác lập một kiến trúc dữ liệu liên thông, phân tán nhằm bảo đảm quyền bảo mật thông tin cá nhân của đương sự. Đồng thời, việc duy trì nguyên tắc kiểm soát trực tiếp của con người đối với các đề xuất từ trí tuệ nhân tạo sẽ bảo chứng cho tính minh bạch và nghiêm minh của hoạt động thực thi công lý trong môi trường số.

3. Thực trạng quy định của pháp luật Việt nam về ứng dụng AI và chuyển đổi số trong nghiệp vụ thi hành án và thừa hành viên

3.1. Khung pháp luật hiện hành về chuyển đổi số trong thi hành án dân sự

Hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong THADS tại Việt Nam hiện nay được thiết lập dựa trên nguyên tắc lấy dữ liệu số làm nền tảng và thuật toán làm công cụ hỗ trợ điều hành. Cấu trúc pháp lý này

³⁴⁷ e-Estonia (2026), *e-Justice Factsheet*, [https://e-estonia.com/wp-content/uploads/factsheet_e-justice.pdf], truy cập ngày 30/03/2026

³⁴⁸ Quốc hội Estonia (2000), *Public Information Act (Avaliku teabe seadus)*, [<https://www.riigiteataja.ee/en/eli/518012016001/consolide>], truy cập ngày 06/04/2026.

³⁴⁹ Quốc hội Estonia (2005), *Code of Enforcement Procedure (Täitemenetluse seadustik)*, [<https://www.riigiteataja.ee/en/eli/516092014002/consolide>], truy cập ngày 06/04/2026.

³⁵⁰ e-Estonia (2026), *e-Justice Factsheet*, [https://e-estonia.com/wp-content/uploads/factsheet_e-justice.pdf], truy cập ngày 30/03/2026.

được hình thành thông qua sự thống nhất quy phạm của ba đạo luật cơ bản: Luật Thi hành án dân sự năm 2025, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 và Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025.

Về việc tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ tư pháp số. Luật Thi hành án dân sự năm 2025 đã chính thức thể chế hóa khái niệm “Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự”³⁵¹, xác định đây là tập hợp thông tin về hoạt động THADS, thi hành án hành chính và tổ chức, hoạt động của Thừa hành viên. Tại Điều 5, Luật xác lập nguyên tắc chuyển đổi số toàn diện: các thủ tục THADS được thực hiện trực tiếp hoặc trên môi trường số; văn bản, hồ sơ điện tử có chữ ký số được công nhận giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy. Điều này khẳng định sự chuyển dịch từ phương thức số hóa hồ sơ đơn thuần sang việc thiết lập trình tự, thủ tục tố tụng trên môi trường điện tử³⁵². Tại Điều 37, Luật quy định quyền truy xuất và liên thông dữ liệu của cơ quan THADS và THV đối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký giao dịch bảo đảm và hệ thống thông tin tài chính - ngân hàng³⁵³. Việc kết nối quy định này với hạ tầng kỹ thuật của Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư và xác thực điện tử cho phép thiết lập cơ chế kiểm soát biến động tài sản theo thời gian thực³⁵⁴. Sự liên thông dữ liệu cung cấp cơ sở để thuật toán học máy triển khai kỹ thuật khai phá dữ liệu nhằm tự động hóa việc nhận diện các biến động tài sản bất thường, qua đó khắc phục những hạn chế về tính kịp thời trong công tác xác minh điều kiện thi hành án theo phương thức truyền thống³⁵⁵.

Về hạ tầng kỹ thuật và tối ưu hóa nghiệp vụ thực thi. Theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, Nhà nước bảo đảm nguồn lực chuyển đổi số cho hệ thống THADS, đồng thời cho phép sử dụng khoản phí thi hành án để hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin. Việc ứng dụng các giao thức kết nối lập trình ứng dụng trực tiếp với các tổ chức tín dụng đã tối ưu hóa quy trình xác minh điều kiện thi hành án³⁵⁶. So với phương thức tổng đặt văn bản giấy truyền thống, cơ chế đối soát định danh và truy vết tài khoản tự động giúp rút ngắn thời gian xử lý, bảo đảm tính hiệu lực của các biện pháp ngăn chặn tẩu tán tài sản và bảo vệ quyền lợi của người được thi hành án theo đúng nguyên tắc của Luật. Sự thay đổi này chuyển đổi phương thức quản lý từ hậu kiểm sang giám sát chủ

³⁵¹ Khoản 11 Điều 3 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

³⁵² Nguyễn Minh Hằng (2026), *Luật Thi hành án dân sự năm 2025 - Tổng quan những điểm mới cơ bản*, Tạp chí Nghề Luật, Số 03, tr. 1-11.

³⁵³ Khoản 1 Điều 14, khoản 8 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự năm 2025

³⁵⁴ Báo Chính phủ (2026), *Tháo gỡ 6 'điểm nghẽn' để triển khai Đề án 06*, [<https://baochinhphu.vn/thao-go-6-diem-nghen-de-trien-khai-de-an-06-102260328160329712.htm>], truy cập ngày 30/03/2026.

³⁵⁵ Bùi Nguyễn Phương Lê & Nguyễn Thị Hương Giang (2026), *Quy định mới về thông báo và xác minh điều kiện thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự năm 2025*, Tạp chí Nghề Luật, Số 03, tr. 38-43.

³⁵⁶ Bộ Tư pháp (2026), *Vận hành toàn quốc Nền tảng số Thi hành án dân sự: Cuộc cách mạng chuyển đổi số trong công tác THADS*, [<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo.aspx?ItemID=7782>], truy cập ngày 01/04/2026.

động, góp phần bảo đảm tính hiệu lực của các biện pháp ngăn chặn tẩu tán tài sản và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án³⁵⁷.

Về cơ chế kiểm soát và quản trị rủi ro thuật toán. Việc ứng dụng công nghệ can thiệp vào quyền tài sản đòi hỏi cơ chế kiểm soát rủi ro pháp lý khắt khe. Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 phân loại các hệ thống AI sử dụng trong đánh giá rủi ro, dự báo khả năng thi hành nghĩa vụ tài sản và hỗ trợ quyết định cưỡng chế vào nhóm “hệ thống AI có rủi ro cao”³⁵⁸. Theo đó, các nền tảng số THADS phải tuân thủ nguyên tắc minh bạch thuật toán và cơ chế kiểm soát trực tiếp của con người³⁵⁹, thuật toán chỉ giữ vai trò hỗ trợ, trong khi thẩm quyền quyết định và trách nhiệm pháp lý cuối cùng thuộc về Thừa hành viên và Chấp hành viên³⁶⁰. Quy định này bảo đảm quyền giải trình của đương sự đối với các kết quả phân tích tự động, đồng thời tương thích với chuẩn mực pháp lý quốc tế về việc thuật toán chỉ giữ vai trò hỗ trợ, trong khi thẩm quyền phán quyết và trách nhiệm pháp lý cuối cùng thuộc về cơ quan nhà nước có thẩm quyền và người thực thi công vụ³⁶¹.

Về lộ trình thực thi và vận hành hệ sinh thái tư pháp điện tử. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang triển khai xây dựng hệ sinh thái tư pháp điện tử (e-Justice) liên thông. Lộ trình thực hiện các quy định này được triển khai tiệm tiến nhằm đảm bảo tính tương thích giữa thể chế và hạ tầng công nghệ: từ việc triển khai hóa đơn, biên lai điện tử vào tháng 7 năm 2025 đến việc kích hoạt Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) vào cuối tháng 12 năm 2025. Việc vận hành toàn diện Nền tảng số THADS và Trung tâm IOC vào tháng 01 năm 2026 sẽ xác lập không gian quản trị tư pháp dựa trên dữ liệu, bảo chứng bằng sự nghiêm minh của pháp luật và độ chính xác của công nghệ³⁶². Kiến trúc cốt lõi của Nền tảng số THADS bao gồm 05 phân hệ chức năng đồng bộ, bao quát toàn diện vòng đời của một vụ việc thi hành án như sơ đồ bên dưới:

³⁵⁷ Tạp chí Dân chủ & Pháp luật (2026), *Bộ Tư pháp tăng cường chuyển đổi số, hoàn thiện và thực thi pháp luật trong kỷ nguyên mới*, [<https://danchuphapluat.vn/bo-tu-phap-tang-cuong-chuyen-doi-so-hoan-thien-va-thuc-thi-phap-luat-trong-ky-nguyen-moi-9018.html>], truy cập ngày 01/04/2026.

³⁵⁸ Theo Điều 10 Luật Trí tuệ nhân tạo 2025, khoản 2 mục I Phụ lục (Dự thảo) Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao.

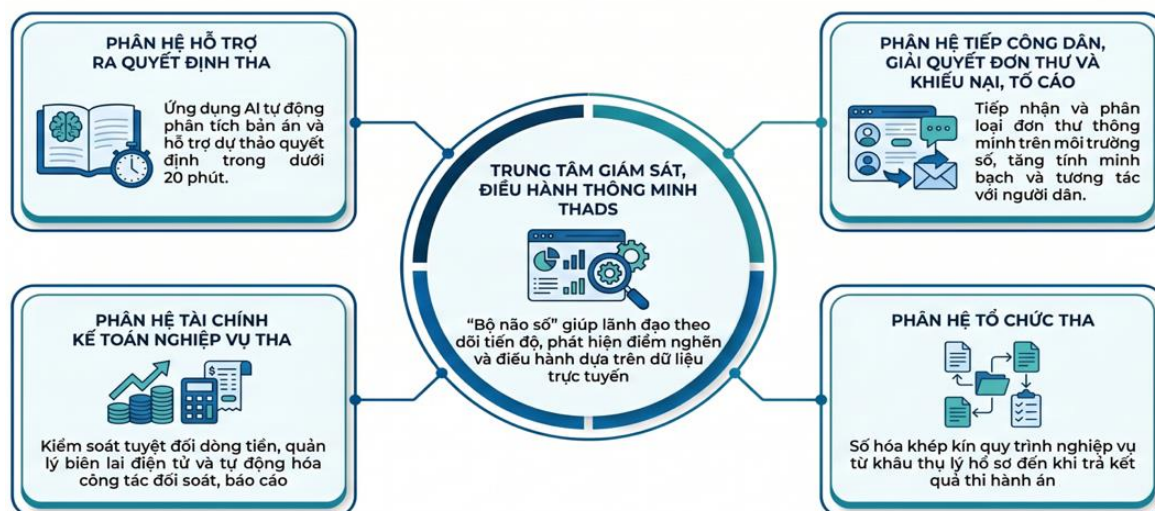
³⁵⁹ Tạp chí Tòa án nhân dân (2026), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam: cơ hội, thách thức và định hướng phát triển*, [<https://tapchitoaan.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-co-hoi-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien13897.html>], truy cập ngày 30/03/2026.

³⁶⁰ Điều 25, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

³⁶¹ CEPEJ (2018), *European Ethical Charter on the use of artificial intelligence in judicial systems and their environment*, [<https://www.coe.int/en/web/cepej/cepej-european-ethical-charter-on-the-use-of-artificial-intelligence-ai-in-judicial-systems-and-their-environment>], truy cập ngày 30/03/2026.

³⁶² Bộ Tư pháp (2026), *Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số Ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, [<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=3152>], truy cập ngày 30/03/2026

SƠ ĐỒ 3. KIẾN TRÚC NỀN TẢNG SỐ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (THADS)



(Sơ đồ 3. Kiến trúc nền tảng số trong thi hành án dân sự- Nguồn: tác giả tổng hợp)

3.2. Sự chuyển dịch địa vị pháp lý của chế định Thừa hành viên trong hệ sinh thái tư pháp số

Việc thiết lập hệ sinh thái tư pháp số và sự ban hành Luật Thi hành án dân sự năm 2025 đã tác động trực tiếp đến cấu trúc tổ chức và thẩm quyền của THV tại các Văn phòng THADS. Dưới góc độ lý luận thể chế, việc chuyển đổi danh xưng từ “Thừa phát lại” sang “Thừa hành viên” đánh dấu sự dịch chuyển về địa vị pháp lý: từ vai trò chủ thể cung ứng dịch vụ hỗ trợ tư pháp thuần túy sang thiết chế thực thi quyền lực công kỹ thuật số, có thẩm quyền truy cập và xác minh dữ liệu độc lập.

Thứ nhất, thẩm quyền xác minh điều kiện thi hành án trên môi trường số. Sự thay đổi căn bản về thẩm quyền của THV nằm ở năng lực tiếp cận dữ liệu điện tử. Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 37 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 (dẫn chiếu từ điểm d khoản 2 Điều 30), THV được trao thẩm quyền chủ động thực hiện các biện pháp xác minh điều kiện thi hành án, bao gồm quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức tín dụng và các tổ chức liên quan cung cấp thông tin về tài sản, tài khoản của đương sự. Việc luật hóa cơ chế này thiết lập tiền đề pháp lý để THV ứng dụng công nghệ khai thác dữ liệu nhằm tự động nhận diện các biến động tài sản bất thường, khắc phục hạn chế về thời gian và độ chính xác của phương thức xác minh thủ công truyền thống³⁶³.

Thứ hai, tối ưu hóa quy trình tổng đạt và giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử. Nghiệp vụ thông báo thi hành án được thực hiện thông qua nhiều phương thức, trong đó có thông báo trên môi trường số nhằm ngăn chặn hành vi trốn tránh tiếp nhận văn bản của đương sự³⁶⁴. Quy trình này được triển khai kỹ thuật qua nền tảng định danh điện tử VNeID được xác lập tại Quyết định số 1473/QĐ-BTP ngày 17/05/2025 của Bộ Tư pháp

³⁶³ Hoàng Đức Hoài (2026), Mô hình Văn phòng Thi hành án dân sự và Thừa hành viên theo Luật Thi hành án dân sự năm 2025, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr. 24-31.

³⁶⁴ Điểm a Khoản 3 Điều 35 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

về việc thông báo thi hành án³⁶⁵. Quy trình này chuyển hóa hành vi tổng đạt từ giao nhận văn bản giấy sang xác lập thông điệp dữ liệu mã hóa. Khi thông báo được gửi đến tài khoản định danh điện tử của đương sự, các trạng thái tiếp nhận và truy cập được lưu vết hệ thống, cấu thành chứng cứ điện tử có giá trị chứng minh cao, giúp triệt tiêu các rào cản về giới hạn địa lý và thời gian trong quá trình thông báo³⁶⁶.

Thứ ba, trách nhiệm quản trị dữ liệu và nghĩa vụ giải trình. Sự mở rộng thẩm quyền truy cập dữ liệu đi kèm với nghĩa vụ bảo mật và an toàn thông tin và trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân³⁶⁷. Mọi thao tác nghiệp vụ của THV phải được cập nhật đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự do Bộ Tư pháp quản lý³⁶⁸. Việc vận hành theo nguyên tắc lưu vết bất biến xác lập cho THV địa vị của chủ thể bảo đảm an toàn dữ liệu tư pháp. Mọi hành vi vi phạm trong việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu đều phải chịu trách nhiệm pháp lý và bồi thường thiệt hại nếu có. Cơ chế này buộc THV phải tuân thủ nguyên tắc giải trình, bảo đảm sự cân bằng giữa hiệu suất cưỡng chế và quyền nhân thân của công dân.

3.3. Thực trạng và một số bất cập trong tiến trình chuyển đổi số trong nghiệp vụ thi hành án và thừa hành viên

Mặc dù hạ tầng công nghệ đang được hiện đại hóa, việc vận hành thực tế trên môi trường số hiện đang bộc lộ những hạn chế mang tính hệ thống. Những bất cập này phát sinh từ sự thiếu tương thích giữa năng lực kỹ thuật và hành lang pháp lý thực định, tạo ra các rào cản, hạn chế tối ưu hóa hiệu suất của hệ thống tư pháp số.

3.3.1. Đối với chế định Thừa hành viên và Văn phòng Thi hành án dân sự

Trong khối xã hội hóa, việc chuyển đổi số đang đối diện với mâu thuẫn giữa thẩm quyền pháp lý và khả năng vận hành kỹ thuật.

Thứ nhất, sự thiếu đồng bộ giữa năng lực truy vết kỹ thuật và thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế. Bản chất của hệ thống giám sát dữ liệu thời gian thực là khả năng phản ứng tức thì trước các biến động tài sản. Căn cứ theo điểm d Khoản 1 Điều 30 và Khoản 8 Điều 37 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, THV được trao quyền ứng dụng công nghệ để khai thác thông tin từ các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm xác minh điều kiện thi hành án. Tuy nhiên, Khoản 4 Điều 31 của Luật này lại thiết lập giới hạn thẩm quyền: THV không được áp dụng các biện pháp bảo đảm và biện pháp cưỡng chế thi hành án. Sự phân định này dẫn đến thực trạng: THV có khả năng sử dụng thuật toán đối soát để nhận diện dòng tiền hoặc tài sản số đang bị tẩu tán, nhưng không có quyền ban hành các lệnh ngăn chặn ngay tại thời điểm phát sinh hành vi tẩu tán. THV buộc phải chuyển giao

³⁶⁵ Quyết định số 1473/QĐ-BTP ngày 17/5/2025 của Bộ Tư pháp về việc Ban hành Quy chế Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho Hệ thống thông báo thi hành án dân sự qua ứng dụng VNeID.

³⁶⁶ Bùi Nguyễn Phương Lê & Nguyễn Thị Hương Giang (2026), Quy định mới về thông báo và xác minh điều kiện thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự năm 2025, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr. 38-43.

³⁶⁷ Khoản 2 Điều 5 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

³⁶⁸ Khoản 1 Điều 5 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

hồ sơ cho cơ quan THADS để Chấp hành viên ban hành quyết định theo quy định tại Khoản 6 Điều 31. Việc thực hiện quy trình thủ tục trung gian này gây ra sự chậm trễ, tạo khoảng trống thời gian để đương sự hoàn tất việc dịch chuyển tài sản, đặc biệt là các loại tài sản có tính thanh khoản cao trên môi trường điện tử (như tiền mã hóa).

Thứ hai, rủi ro về tính bảo mật và thương mại hóa dữ liệu công. Việc luật hóa quyền truy cập hệ thống dữ liệu quốc gia cho các tổ chức hành nghề ngoài nhà nước như Văn phòng THADS làm nảy sinh rủi ro về an toàn thông tin. Để tối ưu hóa chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hồi nợ, các Văn phòng THADS có xu hướng tích hợp các phần mềm ứng dụng AI do bên thứ ba phát triển nhằm phân tích hồ sơ và truy vết đương sự.

Khi THV, với tư cách là chủ thể ngoài nhà nước, được quyền truy cập vào hệ sinh thái dữ liệu quốc gia (bao gồm dữ liệu dân cư, tình trạng tài chính và đăng ký tài sản), một khối lượng lớn dữ liệu công có nguy cơ bị thương mại hóa hoặc khai thác sai mục đích³⁶⁹. Nếu hạ tầng công nghệ thông tin của các Văn phòng THADS không bị bắt buộc đáp ứng các tiêu chuẩn mã hóa và kiểm định thuật toán cấp quốc gia theo quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, rủi ro rò rỉ dữ liệu cá nhân là không thể tránh khỏi.

Cơ quan quản lý nhà nước hiện nay đang đối diện với một yêu cầu quản lý nhà nước đa mục tiêu: một mặt phải phân quyền truy cập dữ liệu cho Văn phòng THADS nhằm bảo đảm hiệu suất thi hành án, mặt khác phải thiết lập cơ chế giám sát nghiêm ngặt để bảo vệ “chủ quyền dữ liệu” và quyền riêng tư của công dân³⁷⁰. Sự thiếu hụt các văn bản hướng dẫn quy định chi tiết về tiêu chuẩn kỹ thuật hạ tầng, kiểm toán thuật toán và giới hạn khai thác dữ liệu đối với các văn phòng THADS là một hạn chế lớn trong việc bảo vệ bí mật thông tin của đương sự.

3.3.2. Đối với Cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên

Hệ thống cơ quan nhà nước, dù giữ vai trò chủ đạo, cũng đang gặp phải những thách thức đặc thù trong quản trị tư pháp số.

Thứ nhất, sự thiếu đồng bộ trong cơ chế liên thông dữ liệu liên ngành. Mặc dù Luật đã ghi nhận nguyên tắc chia sẻ dữ liệu tại Điều 5, thực tiễn kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về THADS với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác (như đất đai, thuế, giao dịch bảo đảm) vẫn tồn tại sự không thống nhất về định dạng và tính cập nhật của dữ liệu. Chấp hành viên thường đối mặt với tình trạng dữ liệu không đồng nhất hoặc chưa được số hóa hoàn toàn tại các địa phương. Điều này dẫn đến tình trạng việc được xác minh trên môi trường số theo Khoản 3 Điều 37 chỉ mang tính hình thức, buộc Chấp hành viên phải thực

³⁶⁹ Báo Chính phủ (2026), *Tháo gỡ 6 'điểm nghẽn' để triển khai Đề án 06*, [<https://baochinhphu.vn/thao-go-6-diem-nghen-de-trien-khai-de-an-06-102260328160329712.htm>], truy cập ngày 30/03/2026.

³⁷⁰ Tạp chí Tòa án nhân dân (2026), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam: cơ hội, thách thức và định hướng phát triển*, [<https://tapchitoaan.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-co-hoi-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien13897.html>], truy cập ngày 30/03/2026.

hiện lại quy trình xác minh trực tiếp để đảm bảo tính pháp lý, gây chòng chéo về trình tự thủ tục và kéo dài thời gian thi hành án.

Thứ hai, xung đột giữa nghĩa vụ công khai thông tin và trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong tiến trình chuyển đổi số, Chấp hành viên đối diện với mâu thuẫn giữa nghĩa vụ công khai thông tin người chưa có điều kiện thi hành án nhằm mục đích giám sát xã hội và trách nhiệm bảo mật dữ liệu cá nhân, tài sản của đương sự. Do thiếu hướng dẫn về “phạm vi dữ liệu công khai tối thiểu”, người thực thi công vụ gặp khó khăn trong việc xác định ranh giới giữa yêu cầu minh bạch hóa tư pháp và rủi ro trách nhiệm cá nhân khi xảy ra rò rỉ thông tin nhạy cảm. Thực trạng này đòi hỏi việc sớm luật hóa quy trình xử lý dữ liệu điện tử chuyên biệt để bảo đảm quyền riêng tư mà vẫn duy trì hiệu quả thực thi bản án.

3.3.3. Thách thức pháp lý trong việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi thuật toán AI

Việc ứng dụng các hệ thống trí tuệ nhân tạo trong nghiệp vụ thi hành án dân sự (THADS) làm phát sinh rủi ro pháp lý khi kết quả phân tích dữ liệu không chính xác, dẫn đến việc Chấp hành viên hoặc Thừa hành viên ban hành các văn bản ngăn chặn hoặc thực hiện biện pháp cưỡng chế sai đối tượng, gây thiệt hại đến quyền tài sản của đương sự. Theo các quy định về trách nhiệm dân sự truyền thống và nguyên tắc thực thi công vụ tại Điều 25 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại được xác lập chủ yếu dựa trên yếu tố lỗi của người thực thi. Tuy nhiên, cách tiếp cận này bộc lộ sự bất cập khi áp dụng đối với các quyết định có sự hỗ trợ của hệ thống tự động.

Do tính chất thiếu minh bạch trong cấu trúc logic của thuật toán, việc phân định ranh giới lỗi giữa Chấp hành viên, Thừa hành viên (với nghĩa vụ thẩm định trực tiếp) và cơ quan vận hành hệ thống hoặc đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ là một thách thức đối với hoạt động tài phán. Thực trạng này dẫn đến những khó khăn trong việc xác minh mối quan hệ nhân quả và tạo gánh nặng chứng minh không hợp lý cho người bị thiệt hại khi phải đối diện với các quy trình kỹ thuật phức tạp³⁷¹.

Để giải quyết hạn chế nêu trên, lý luận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực tư pháp số cần được xem xét thông qua “*Thuyết trách nhiệm nghiêm ngặt*”, đặc biệt đối với các hệ thống AI được phân loại thuộc nhóm rủi ro cao³⁷². Dưới góc độ này, trách nhiệm bồi thường thiệt hại được kích hoạt dựa trên tính chất nguy hiểm nội tại của hoạt động ứng dụng công nghệ, không phụ thuộc hoàn toàn vào việc chứng minh lỗi chủ quan của người thực thi. Khi các nền tảng công nghệ được cơ quan có thẩm quyền phê

³⁷¹ European Commission (2022), *Proposal for a Directive on adapting non-contractual civil liability rules to artificial intelligence (AI Liability Directive)* (Dự thảo Chỉ thị về trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng đối với trí tuệ nhân tạo), [<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:52022PC0496>], truy cập ngày 17/04/2026.

³⁷² European Parliament (2020), *European Parliament resolution of 20 October 2020 with recommendations to the Commission on a civil liability regime for artificial intelligence* (Nghị quyết ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Nghị viện Châu Âu bao gồm các khuyến nghị gửi Ủy ban Châu Âu về cơ chế trách nhiệm dân sự đối với trí tuệ nhân tạo), [https://www.europarl.europa.eu/doceo/document/TA-9-2020-0276_EN.html], truy cập ngày 17/04/ 2026.

chuẩn để tác động đến quyền tài sản của công dân, rủi ro từ các sai lệch hệ thống phải được tiếp nhận như một rủi ro công vụ mang tính chất khách quan.

Việc áp dụng thuyết trách nhiệm nghiêm ngặt kết hợp với cơ chế bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bắt buộc đối với Thừa hành viên³⁷³, hoặc cơ chế bảo đảm tài chính từ ngân sách nhà nước đối với Chấp hành viên³⁷⁴, sẽ tạo lập hành lang an toàn cho hoạt động thực thi. Cơ chế này không chỉ bảo đảm quyền lợi của đương sự được phục hồi kịp thời mà còn tránh việc áp đặt trách nhiệm cá nhân mang tính tuyệt đối lên người thực thi công vụ trước các hạn chế khách quan về mặt trình độ kỹ thuật của hệ thống trợ giúp.

3.4. Khoảng trống pháp lý đối với tài sản số và rào cản cưỡng chế vật lý

Mặc dù Luật Thi hành án dân sự năm 2025 đã ghi nhận thẩm quyền xác minh, phong tỏa và xử lý đối với tài sản số, nhưng đối chiếu với yêu cầu của hoạt động thi hành án dân sự, một khoảng trống pháp lý đáng kể vẫn đang tồn tại:

Thứ nhất, sự xung đột giữa đặc tính phi tập trung của tài sản số và nguyên tắc chiếm hữu vật lý. Tài sản số tồn tại dưới dạng các bản ghi dữ liệu phi tập trung trên nền tảng chuỗi khối (blockchain), với các đặc trưng cơ bản là tính ẩn danh và phi biên giới. Hệ thống pháp luật THADS hiện hành, dù đã được sửa đổi vào năm 2025, vẫn được thiết kế dựa trên nguyên tắc cưỡng chế vật lý hoặc thông qua bên thứ ba có chức năng quản lý tập trung³⁷⁵. Các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế truyền thống (kê biên, phong tỏa, thu giữ) chỉ phát huy hiệu lực đối với tài sản hữu hình hoặc tài sản được quản lý bởi các định chế tài chính trong nước. Đối với tài sản số, quyền kiểm soát không xác lập qua sự chiếm hữu vật lý mà thông qua quyền kiểm soát kỹ thuật, được thực thi bởi các khóa bảo mật riêng tư³⁷⁶. Việc thiếu quy định về trình tự xác lập quyền kiểm soát đối với các ví lưu trữ phi tập trung khiến cơ quan thực thi gặp khó khăn khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn quy định tại Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Thứ hai, khoảng trống trong cơ chế cưỡng chế kỹ thuật. Luật Thi hành án dân sự 2025 mới chỉ dừng lại ở việc quy định nghĩa vụ kê khai trung thực của đương sự (Điều 7) và thẩm quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác định tài sản (Điều 37). Tuy nhiên, vẫn thiếu vắng cơ chế cưỡng chế kỹ thuật bắt buộc đương sự phải bàn giao phương thức truy cập hoặc cho phép can thiệp vào các giao thức thực thi tự động. Trong trường hợp người phải thi hành án không hợp tác cung cấp khóa bảo mật, cơ quan THADS thiếu các công cụ pháp lý và kỹ thuật thay thế để thực hiện việc chuyển dịch quyền sở hữu. Khoảng

³⁷³ Điều 27 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

³⁷⁴ Điều 51 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

³⁷⁵ Huỳnh Nữ Khuê Các (2026), Giải pháp hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự đối với tài sản số ở Việt Nam, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr. 96-102.

³⁷⁶ UIHJ (2021), *Global Code of Digital Enforcement*, [<https://www.uihj.com/wp-content/uploads/2021/11/Global-Code-of-Digital-Enforcement-EN.pdf>], truy cập ngày 30/03/2026.

trống này tạo ra nguy cơ người phải thi hành án lợi dụng không gian số để tẩu tán tài sản, gây phương hại đến quyền lợi hợp pháp của người được thi hành án³⁷⁷.

Thứ ba, giới hạn thẩm quyền đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản số quốc tế. Các tổ chức tín dụng và cơ quan đăng ký tài sản trong nước có trách nhiệm phối hợp phong tỏa tài khoản và tài sản theo yêu cầu của cơ quan thi hành án. Tuy nhiên, phần lớn các tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản số hoạt động trên nền tảng xuyên biên giới, nằm ngoài phạm vi điều chỉnh trực tiếp của pháp luật thực định Việt Nam. Khi kết quả truy vết xác định tài sản tọa lạc tại các sàn giao dịch quốc tế, việc ban hành và thực thi lệnh phong tỏa theo Điều 67 gặp trở ngại về nguyên tắc chủ quyền và xung đột pháp luật. Việc thiếu vắng các quy định về tương trợ tư pháp chuyên biệt đối với tài sản số là rào cản làm gián đoạn quy trình từ nhận diện đến thu hồi tài sản thực tế.

Thứ tư, bất cập trong nghiệp vụ định giá và xử lý dữ liệu tài sản số. Việc thẩm định giá và bán tài sản số được thực hiện theo quy định của pháp luật³⁷⁸, tuy nhiên, do tính chất biến động giá trị lớn và phụ thuộc vào thuật toán, các tiêu chuẩn thẩm định giá hiện hành chưa có hướng dẫn nghiệp vụ riêng biệt cho loại tài sản này. Thêm vào đó, quy trình bảo quản tài sản tại Điều 40 vẫn tập trung vào hình thức gửi giữ vật chất hoặc tại Kho bạc Nhà nước, chưa quy định các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật để lưu trữ an toàn các loại tài sản mã hóa, tiềm ẩn rủi ro mất mát dữ liệu hoặc bị tấn công mạng trong quá trình thi hành án.

4. Một số giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật thi hành án dân sự trong kỷ nguyên số

Dựa trên kết quả phân tích thực trạng và những bất cập tại Mục 3, bài viết đề xuất các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống thi hành án dân sự, bảo đảm sự hài hòa giữa hiệu suất thực thi công vụ, an ninh dữ liệu và quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

4.1. Hoàn thiện quy định về thẩm quyền và quản trị dữ liệu thi hành án

Việc tối ưu hóa hiệu quả chuyển đổi số đòi hỏi phải thiết lập cơ chế kiểm soát cân bằng giữa thẩm quyền cưỡng chế và yêu cầu bảo mật thông tin quốc gia

Thứ nhất, bổ sung thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm thời trên môi trường điện tử. Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 theo hướng cấp quyền cho Thừa hành viên ban hành lệnh “tạm phong tỏa tài khoản” thông qua giao thức kết nối liên thông đối với tài khoản ngân hàng của đương sự. Lệnh này được kích hoạt tự động trong một thời hạn nhất định (ví dụ: 24 đến 48 giờ) ngay khi hệ thống thuật toán phát hiện các giao dịch có dấu hiệu tẩu tán tài sản. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền tài sản của công dân, hết thời hạn nêu trên, biện pháp này bắt buộc phải

³⁷⁷ Huỳnh Nữ Khuê Các (2026), Giải pháp hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự đối với tài sản số ở Việt Nam, Tạp chí Nghề Luật, Số 03, tr. 96-102.

³⁷⁸ Điểm c Khoản 1 Điều 82 và Điểm c Khoản 2 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

được Chấp hành viên hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê chuẩn chính thức để tiếp tục duy trì hiệu lực pháp lý.

Thứ hai, thiết lập nền tảng cơ sở dữ liệu tư pháp tập trung. Hạn chế việc cho phép các Văn phòng Thi hành án tự thiết lập và quản lý hệ thống lưu trữ dữ liệu phân tán, Bộ Tư pháp cần thống nhất xây dựng một nền tảng cơ sở dữ liệu đám mây dùng chung. Toàn bộ các nghiệp vụ truy vấn thông tin, xác minh điều kiện thi hành án của Thừa hành viên phải được thao tác trực tiếp trên nền tảng này. Sự tập trung hóa hạ tầng kỹ thuật số không chỉ giúp cơ quan quản lý nhà nước nắm giữ quyền kiểm soát tuyệt đối đối với an ninh dữ liệu, mà còn tạo điều kiện để Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh (IOC) thực hiện chức năng giám sát theo thời gian thực, qua đó ngăn chặn các rủi ro lộ lọt và xâm phạm dữ liệu cá nhân.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ số cái phân tán (Blockchain) trong giám sát quyền truy cập. Mọi hoạt động truy xuất cơ sở dữ liệu quốc gia do Chấp hành viên, Thừa hành viên thực hiện phải được tự động ghi nhận bằng công nghệ Blockchain nhằm tạo lập cơ sở dữ liệu lưu vết bất biến. Mỗi lượt truy cập sẽ khởi tạo một bản ghi điện tử vĩnh viễn, định danh chính xác chủ thể, thời gian và mục đích trích xuất thông tin. Đây là chứng cứ điện tử mang tính bắt buộc, làm cơ sở pháp lý để xác định và quy trách nhiệm khi phát sinh các hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật hình sự trong hoạt động thi hành án.

Thứ tư, ban hành văn bản liên tịch về chuẩn dữ liệu tư pháp số. Kiến nghị Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các Bộ ngành có liên quan và Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chuẩn kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu. Trong đó, bắt buộc sử dụng định dạng dữ liệu có khả năng đọc máy để AI có thể tự động đối soát mà không cần Chấp hành viên, Thừa hành viên thực hiện lại quy trình thủ công.

4.2. Thiết lập khung pháp lý về quản trị thuật toán và trách nhiệm giải trình trong ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Việc thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro thuật toán và bảo đảm quyền bảo vệ dữ liệu của đương sự đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp pháp lý và kỹ thuật sau đây:

Thứ nhất, thể chế hóa quyền được giải thích thuật toán. Pháp luật thi hành án dân sự cần ghi nhận và quy định rõ nghĩa vụ giải trình của CHV, THV đối với các quyết định hành chính có sự can thiệp hoặc hỗ trợ từ hệ thống trí tuệ nhân tạo. Trong trường hợp cơ quan THADS áp dụng các biện pháp bảo đảm hoặc cưỡng chế dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tự động, đương sự phải được bảo đảm quyền tiếp cận thông tin liên quan đến các tham số logic và tiêu chí phân tích của thuật toán. Cơ chế minh bạch hóa này là tiền đề pháp lý bắt buộc để đương sự thực thi quyền khiếu nại, phản biện, qua đó bảo đảm nguyên tắc công bằng trong tố tụng.

Thứ hai, thiết lập danh mục dữ liệu được phép hiển thị tự động. Pháp luật cần quy định cụ thể phạm vi dữ liệu công khai tối thiểu. Ứng dụng kỹ thuật Ẩn danh hóa dữ liệu:

AI sẽ tự động che mờ các thông tin định danh không thiết yếu (số căn cước, số tài khoản chi tiết) và chỉ hiển thị trạng thái nghĩa vụ tài sản, nhằm bảo đảm quyền riêng tư theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025.

Thứ ba, thiết lập cơ chế con người kiểm soát tối cao. Tuân thủ nguyên tắc duy trì sự can thiệp của con người, năng lực của trí tuệ nhân tạo trong hoạt động thi hành án chỉ được giới hạn ở chức năng truy vết dữ liệu, phân tích rủi ro và đề xuất phương án. Pháp luật cần quy định cấm tuyệt đối việc ủy quyền cho hệ thống tự động ban hành các quyết định liên quan đến quyền tài sản. Mọi quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải trải qua quá trình thẩm định độc lập và được ký phê chuẩn trực tiếp bởi Chấp hành viên có thẩm quyền.

Thứ tư, luật hóa cơ chế kiểm toán thuật toán định kỳ. Bộ Tư pháp cần thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ nhằm tiến hành kiểm toán độc lập định kỳ đối với các thuật toán đang vận hành. Mục đích của hoạt động này là nhận diện, đánh giá và triệt tiêu các thiên kiến dữ liệu có khả năng làm phát sinh sự phân biệt đối xử hoặc đánh giá sai lệch năng lực tài chính của đương sự, bảo đảm hệ thống tư pháp luôn vận hành khách quan, chính xác và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức công nghệ.

4.3. Hoàn thiện hành lang pháp lý về cưỡng chế đối với tài sản số

Nhằm giải quyết các vướng mắc đối với tài sản số đã được nhận diện tại Mục 4.4, hệ thống pháp luật thi hành án dân sự cần có sự chuyển dịch tư duy từ nguyên tắc chiếm hữu vật lý sang thẩm quyền kiểm soát kỹ thuật. Cụ thể:

Thứ nhất, bổ sung chế định cưỡng chế hành vi kỹ thuật. Luật Thi hành án dân sự cần được sửa đổi theo hướng bổ sung thẩm quyền của cơ quan thi hành án trong việc ban hành quyết định buộc đương sự phải cung cấp quyền truy cập, bàn giao mã khóa bảo mật hoặc trực tiếp thực hiện các lệnh chuyển giao tài sản số dưới sự giám sát của cơ quan nhà nước. Hành vi cố ý không chấp hành nghĩa vụ này cần được quy định rõ là căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án với các chế tài tương xứng.

Thứ hai, trách nhiệm phối hợp của Nhà cung cấp dịch vụ tài sản số. Cần ban hành văn bản quy phạm hướng dẫn về nghĩa vụ của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản số trong việc thực thi lệnh phong tỏa, khấu trừ điện tử. Quy định rõ quy trình liên thông giữa cơ quan THADS và các sàn giao dịch tài sản số trong việc thu hồi tài sản theo bản án có hiệu lực.

Thứ ba, chuẩn hoá định giá tài sản số cần ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá riêng biệt cho tài sản số, cho phép tham chiếu dữ liệu thị trường trực tiếp thông qua các nguồn cấp dữ liệu điện tử tin cậy để hạn chế thiệt hại do biến động giá trị của loại tài sản này.

4.4. Chuẩn hoá năng lực chuyên môn và cơ chế phân định trách nhiệm của người thực thi công vụ

Sự chuyển đổi phương thức thi hành án từ thủ công sang tự động hóa đặt ra yêu cầu tất yếu phải chuẩn hóa năng lực chuyên môn và thiết lập cơ chế bảo vệ pháp lý tương xứng cho đội ngũ Chấp hành viên và Thừa hành viên:

Thứ nhất, chuẩn hóa khung chương trình đào tạo nghiệp vụ tư pháp số. Các cơ sở đào tạo chức danh tư pháp cần thiết lập các học phần chuyên sâu bắt buộc trong khung chương trình bồi dưỡng Chấp hành viên và Thừa hành viên, tập trung vào các kỹ năng nghiệp vụ đặc thù như: thu thập và bảo quản chứng cứ điện tử, quy trình truy vết tài sản trên nền tảng công nghệ số cái phân tán và năng lực thẩm định các báo cáo đánh giá rủi ro do hệ thống trí tuệ nhân tạo khởi tạo. Việc am hiểu cấu trúc logic của hệ thống dữ liệu là điều kiện tiên quyết để người thực thi công vụ có khả năng nhận diện các sai số kỹ thuật hoặc thiên kiến thuật toán, đảm bảo tính chính xác và khách quan trước khi ban hành các quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế. Về định hướng chiến lược, cần xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo bậc cử nhân liên ngành giữa Luật học và Công nghệ số nhằm tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn hỗn hợp, đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống tư pháp số và chuyển đổi số quốc gia.

Thứ hai, thiết lập cơ chế chia sẻ trách nhiệm và quỹ bảo hiểm rủi ro kỹ thuật số. Hoàn thiện chế định bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp quy định tại Điều 27 (đối với THV) và cơ chế bồi thường nhà nước tại Điều 51 (đối với CHV). Cần thiết lập Quỹ bảo hiểm rủi ro kỹ thuật số để chi trả cho các thiệt hại phát sinh từ lỗi hệ thống khách quan, nhằm bảo vệ quyền lợi đương sự và tạo hành lang an toàn cho người thực thi công vụ khi ứng dụng công nghệ mới.

Thứ ba, xác lập quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số. Cần bổ sung vào Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp các quy định về trách nhiệm bảo mật thông tin và nguyên tắc con người kiểm soát đối với các gợi ý từ thuật toán. CHV, THV phải được bảo đảm quyền bảo lưu ý kiến và từ chối áp dụng các đề xuất cưỡng chế tự động nếu có căn cứ cho rằng kết quả phân tích dữ liệu vi phạm nguyên tắc công bằng hoặc xâm phạm bất hợp lý đến quyền nhân thân của cá nhân, tổ chức.

4.5. Thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) trong thi hành án dân sự

Kiến nghị Chính phủ cho phép Bộ Tư pháp triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ cưỡng chế tài sản số xuyên biên giới và ứng dụng hợp đồng thông minh trong bán đấu giá tài sản. Kết quả từ thực tiễn thí điểm tại một số Văn phòng THADS và cơ quan THADS cấp tỉnh sẽ là cơ sở thực chứng để hoàn thiện các quy phạm pháp luật chính thức, bảo đảm sự tương thích giữa pháp luật thực định và sự phát triển của công nghệ số.

Kết luận:

Nghiên cứu về việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thực hiện chuyển đổi số trong nghiệp vụ thi hành án dân sự và thừa hành viên khẳng định sự chuyển dịch tất yếu của phương thức quản trị tư pháp- từ cơ chế điều chỉnh thủ công sang mô hình giám sát chủ động dựa trên nền tảng dữ liệu lớn. Mặc dù Luật Thi hành án dân sự năm 2025 và Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã thiết lập những tiền đề pháp lý quan trọng, hệ thống vẫn đang đối diện với các thách thức về bảo mật thông tin, trách nhiệm giải trình thuật toán và tính tương thích của cơ chế cưỡng chế đối với các loại hình tài sản phi truyền thống.

Tính hiệu quả của quá trình chuyển đổi này phụ thuộc vào khả năng kiến tạo một hành lang pháp lý đồng bộ, nơi thẩm quyền công nghệ được vận hành trong giới hạn kiểm soát của các nguyên tắc pháp quyền. Việc hoàn thiện các quy định về quản trị dữ liệu, tái định vị chức năng của Thừa hành viên và xác lập cơ sở lý luận về tài sản số theo các chuẩn mực quốc tế không chỉ bảo đảm tính tối thượng của phán quyết tư pháp mà còn duy trì sự cân bằng trọng yếu giữa hiệu suất hành chính và quyền lợi hợp pháp của chủ thể trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn kiện của Đảng và văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam

1. Nghị quyết số 57-NQ/TW do Bộ Chính trị ban hành ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
2. Nghị quyết số 66-NQ/TW do Bộ Chính trị ban hành ngày 30/04/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
3. Bộ luật Dân sự năm 2015 do Quốc hội ban hành ngày 24/11/2015.
4. Luật Thi hành án dân sự năm 2025 do Quốc hội ban hành.
5. Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 do Quốc hội ban hành.
6. Luật Công nghiệp Công nghệ số năm 2025 do Quốc hội ban hành.
7. Quyết định số 1473/QĐ-BTP do Bộ Tư pháp ban hành ngày 17/05/2025 về việc thông báo thi hành án qua nền tảng định danh điện tử VNeID.
8. Quyết định số 882/QĐ-TCTHADS do Tổng cục Thi hành án dân sự ban hành về Quy chế quản lý phần mềm THADS.
9. Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

B. Pháp luật quốc tế và pháp luật nước ngoài

10. Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu (2024), *Regulation (EU) 2024/1689 laying down harmonised rules on artificial intelligence (Artificial Intelligence Act)* (Quy định (EU) 2024/1689 thiết lập các quy tắc hài hòa về trí tuệ nhân tạo - Đạo luật Trí tuệ nhân tạo), [<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32024R1689>], truy cập ngày 06/04/2026.

11. Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu (2016), *General Data Protection Regulation (GDPR)* (Quy định chung về bảo vệ dữ liệu), [<https://gdpr-info.eu/art-22-gdpr/>], truy cập ngày 06/04/2026.

12. Quốc hội Hoa Kỳ (1970), *Bank Secrecy Act (31 U.S.C. §§ 5311-5332)* (Đạo luật Bảo mật Ngân hàng), [<https://www.govinfo.gov/content/pkg/USCODE-2022-title31/pdf/USCODE-2022-title31-subtitleIV-chap53-subchapII.pdf>], truy cập ngày 06/04/2026.

13. Quốc hội Hoa Kỳ (2021), *Anti-Money Laundering Act of 2020 (Division F, Public Law 116-283)* (Đạo luật Chống Rửa tiền năm 2020), [<https://www.congress.gov/116/plaws/publ283/PLAW-116publ283.pdf>], truy cập ngày 06/04/2026.

14. Quốc hội Hoa Kỳ, *All Writs Act (28 U.S.C. § 1651)* (Đạo luật về các Lệnh tư pháp), [<https://www.law.cornell.edu/uscode/text/28/1651>], truy cập ngày 06/04/2026.

15. Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, *U.S. Constitution - Fifth Amendment* (Hiến pháp Hoa Kỳ - Tu chính án thứ Năm), [https://www.law.cornell.edu/constitution/fifth_amendment], truy cập ngày 06/04/2026.

16. Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, *Federal Rules of Criminal Procedure - Rule 41. Search and Seizure* (Quy tắc Tố tụng Hình sự Liên bang - Quy tắc 41. Khám xét và Thu giữ), [https://www.law.cornell.edu/rules/frcrmp/rule_41], truy cập ngày 06/04/2026.

17. Tòa án Nhân dân Tối cao Trung Quốc (2013), *Giải thích pháp luật số [2013] 20: Quy định về việc truy vấn và phong tỏa tiền gửi của người phải thi hành án qua mạng lưới*, [https://www.jetro.go.jp/ext_images/world/asia/cn/ip/law/pdf/origin/interpret20130902.pdf], truy cập ngày 05/04/2026.

18. Tòa án Nhân dân Tối cao, Ủy ban Điều tiết Ngân hàng Trung Quốc (2015), *Thông báo số [2015] 321 ban hành “Quy chuẩn công tác Truy vấn và Kiểm soát thi hành án trên mạng lưới giữa Tòa án nhân dân và các Tổ chức tài chính ngân hàng”*, [<https://www.court.gov.cn/fabu/xiangqing/17462.html>], truy cập ngày 06/04/2026.

19. Tòa án Nhân dân Tối cao Trung Quốc (2017), *Quyết định sửa đổi “Quy định về việc công bố thông tin Danh sách người phải thi hành án thất tín”*,

[<http://gongbao.court.gov.cn/details/dc27fdfb3cf9926456af691c1ee94f.html>], truy cập ngày 06/04/2026.

20. Tòa án Nhân dân Tối cao Trung Quốc (2015), *Quyết định sửa đổi “Quy định về việc hạn chế tiêu dùng cao và các tiêu dùng liên quan đối với người phải thi hành án”* (Pháp thích [2015] Số 17), [<http://gongbao.court.gov.cn/Details/3428801e5872c885b0a421b4e30ece.html>], truy cập ngày 06/04/2026.

21. Chính phủ Pháp (2016), *Sắc lệnh số 2016-728 ngày 02 tháng 06 năm 2016 về quy chế Ủy viên Tư pháp (Ordonnance n° 2016-728 du 2 juin 2016 relative au statut de commissaire de justice)*, [<https://www.legifrance.gouv.fr/loda/id/JORFTEXT000032623732>], truy cập ngày 06/04/2026.

22. Chính phủ Pháp (2021), *Nghị định số 2021-1625 ngày 10 tháng 12 năm 2021 quy định về thẩm quyền của Ủy viên tư pháp (Décret n° 2021-1625 du 10 décembre 2021 relatif aux compétences des commissaires de justice)*, [<https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000044471465>], truy cập ngày 06/04/2026.

23. Chính phủ Pháp, *Bộ luật Tổ tụng Dân sự (Code de procédure civile) - Điều 9 & Điều 11*, [https://www.legifrance.gouv.fr/codes/section_lc/LEGITEXT000006070716/LEGISCTA000006135837/], truy cập ngày 06/04/2026.

24. Chính phủ Singapore (2021), *Rules of Court 2021 (Subsidiary Legislation Supplement)* (Quy tắc Tòa án năm 2021), [<https://sso.agc.gov.sg/SL/SCJA1969-S914-2021>], truy cập ngày 06/04/2026.

25. Quốc hội Estonia (2000), *Public Information Act (Avaliku teabe seadus)* (Đạo luật Thông tin Công cộng), [<https://www.riigiteataja.ee/en/eli/518012016001/consolide>], truy cập ngày 06/04/2026.

26. Quốc hội Estonia (2005), *Code of Enforcement Procedure (Täitemenetluse seadustik)* (Bộ luật Tổ tụng Thi hành án), [<https://www.riigiteataja.ee/en/eli/525012016002/consolide>], truy cập ngày 06/04/2026.

27. Viện Quốc tế về Nhất thể hóa Luật Tư (UNIDROIT) (2023), *Bộ nguyên tắc UNIDROIT về Tài sản số và Luật Tư (Principles on Digital Assets and Private Law)*, [<https://www.unidroit.org/wp-content/uploads/2023/09/Principles-on-Digital-Assets-and-Private-Law.pdf>], truy cập ngày 17/04/2026.

28. Viện Luật Châu Âu (ELI) (2025), *ELI Principles and Guidance for Enforcement Against Digital Assets* (Bộ nguyên tắc và Hướng dẫn của ELI về Thi hành án đối với Tài sản số),

[[https://www.europeanlawinstitute.eu/fileadmin/user_upload/p_eli/Projects/Access to Digital Assets/ELI Principles and Guidance for Enforcement Against Digital Assets.pdf](https://www.europeanlawinstitute.eu/fileadmin/user_upload/p_eli/Projects/Access_to_Digital_Assets/ELI_Principles_and_Guidance_for_Enforcement_Against_Digital_Assets.pdf)], truy cập ngày 30/03/2026.

29. Viện Luật Châu Âu (ELI) (2023), *ELI Principles on the Use of Digital Assets as Security* (Bộ nguyên tắc của ELI về Sử dụng Tài sản số làm Biện pháp bảo đảm), [<https://www.europeanlawinstitute.eu/projects-publications/completed-projects-old/use-of-digital-assets-as-security/>], truy cập ngày 06/04/2026.

30. Ủy ban Châu Âu (European Commission) (2022), *Proposal for a Directive on adapting non-contractual civil liability rules to artificial intelligence (AI Liability Directive)* (Dự thảo Chỉ thị về điều chỉnh các quy tắc trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng đối với trí tuệ nhân tạo), [<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:52022PC0496>], truy cập ngày 17/04/2026.

31. Nghị viện Châu Âu (European Parliament) (2020), *European Parliament resolution of 20 October 2020 with recommendations to the Commission on a civil liability regime for artificial intelligence* (Nghị quyết ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Nghị viện Châu Âu bao gồm các khuyến nghị gửi Ủy ban Châu Âu về cơ chế trách nhiệm dân sự đối với trí tuệ nhân tạo), [https://www.europarl.europa.eu/doceo/document/TA-9-2020-0276_EN.html], truy cập ngày 17/04/2026.

32. Ủy ban Châu Âu về Hiệu quả Tư pháp (CEPEJ) (2018), *European Ethical Charter on the use of artificial intelligence in judicial systems and their environment* (Hiến chương Đạo đức Châu Âu về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các hệ thống tư pháp và môi trường của chúng), [<https://rm.coe.int/ethical-charter-en-for-publication-4-december-2018/16808f699c>], truy cập ngày 01/04/2026.

33. Ủy ban Châu Âu về Hiệu quả Tư pháp (CEPEJ) (2026), *Good practice guide on enforcement of judicial decisions* (Hướng dẫn thực hành tốt về thi hành các quyết định tư pháp), [<https://rm.coe.int/european-commission-for-the-efficiency-of-justice-cepej-good-practice-/16807477bf>], truy cập ngày 30/03/2026.

34. Liên minh Quốc tế các Thừa phát lại (UIHJ) (2021), *Global Code of Digital Enforcement* (Bộ luật Toàn cầu về Thi hành án Kỹ thuật số), [<https://www.uihj.com/wp-content/uploads/2021/11/Global-Code-of-Digital-Enforcement-EN.pdf>], truy cập ngày 30/03/2026.

35. Smart Nation Group (2023), *Singapore National AI Strategy 2.0 (NAIS 2.0)* (Chiến lược Trí tuệ nhân tạo Quốc gia Singapore 2.0), [<https://www.smartnation.gov.sg/files/publications/nais-2.pdf>], truy cập ngày 06/04/2026.

C. Các tài liệu tham khảo khác

36. Administrative Conference of the United States (2024), *Artificial Intelligence and Regulatory Enforcement*, [<https://www.acus.gov/sites/default/files/documents/AI-Reg-Enforcement-Final-Report-2024.12.09.pdf>], truy cập ngày 30/03/2026.

37. Amnesty International (2024), *France: Discriminatory algorithm used by the social security agency must be stopped*, [<https://www.amnesty.org/en/latest/news/2024/10/france-discriminatory-algorithm-used-by-the-social-security-agency-must-be-stopped/>], truy cập ngày 30/03/2026.

38. Báo Chính phủ (2026), *Tháo gỡ 6 'điểm nghẽn' để triển khai Đề án 06*, [<https://baochinhphu.vn/thao-go-6-diem-nghen-de-trien-khai-de-an-06-102260328160329712.htm>], truy cập ngày 30/03/2026.

39. Bộ Tư pháp (2026), *Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số Ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, [<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=3152>], truy cập ngày 30/03/2026.

40. Bộ Tư pháp (2026), *Khai trương Nền tảng số Thi hành án dân sự và Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh*, [<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo.aspx?ItemID=7683>], truy cập ngày 01/04/2026.

41. Bộ Tư pháp (2026), *Vận hành toàn quốc Nền tảng số Thi hành án dân sự: Cuộc cách mạng chuyển đổi số trong công tác THADS*, [<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo.aspx?ItemID=7782>], truy cập ngày 01/04/2026.

42. Bùi Nguyễn Phương Lê & Nguyễn Thị Hương Giang (2026), Quy định mới về thông báo và xác minh điều kiện thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự năm 2025, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr. 38-43.

43. Cơ quan Nghiên cứu Nghị viện Châu Âu (EPRS) (2020), *Civil liability regime for artificial intelligence*, [[https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/STUD/2020/654178/EPRS_STU\(2020\)_654178_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/STUD/2020/654178/EPRS_STU(2020)_654178_EN.pdf)], truy cập ngày 17/04/2026.

44. Duke University / Judicature (2026), *China's E-Justice Revolution*, [<https://judicature.duke.edu/articles/chinas-e-justice-revolution/>], truy cập ngày 30/03/2026.

45. e-Estonia (2026), *e-Justice Factsheet*, [https://e-estonia.com/wp-content/uploads/factsheet_e-justice.pdf], truy cập ngày 30/03/2026.

46. European Parliament (2024), *EU AI Act: first regulation on artificial intelligence*, [<https://www.europarl.europa.eu/topics/en/article/20230601STO93804/eu-ai-act-first-regulation-on-artificial-intelligence>], truy cập ngày 30/03/2026. (*Lưu ý: Đây là bài viết thông cáo báo chí, không phải văn bản luật nên giữ lại ở phần C*).

47. Hildebrandt, M. (2015), *Smart Technologies and the End(s) of Law: Novel Entanglements of Law and Technology*, Edward Elgar Publishing, Cheltenham.
48. Hoàng Đức Hoài (2026), Mô hình Văn phòng thi hành án dân sự và Thừa hành viên theo Luật Thi hành án dân sự năm 2025, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr. 24-31.
49. Huỳnh Nữ Khuê Các (2026), Giải pháp hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự đối với tài sản số ở Việt Nam, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr. 96-102.
50. Jurist.org (2024), *Human rights organizations issue complaint against risk-scoring algorithmic system in France*, [<https://www.jurist.org/news/2024/10/human-rights-organizations-issue-complaint-against-risk-scoring-algorithmic-system-in-france/>], truy cập ngày 30/03/2026.
51. Law360 (2026), *How AI Is Easing Digital Asset Recovery In Fraud Cases*, [<https://www.lbkmlaw.com/news-shinerock-ai-digital-asset-recovery-law360.html>], truy cập ngày 30/03/2026.
52. Leiden University (2026), *Smart courts, smart justice? Automation and digitisation of courts in China*, [<https://scholarlypublications.universiteitleiden.nl/access/item%3A4039580/view>], truy cập ngày 30/03/2026.
53. Lessig, L. (2006), *Code: And Other Laws of Cyberspace, Version 2.0*, Basic Books, New York.
54. Ministère de la Justice France (2025), *L'IA au service de la justice : stratégie et solutions opérationnelles*, [https://www.justice.gouv.fr/sites/default/files/2025-08/rapport_ia_au_service_de_la_justice.pdf], truy cập ngày 30/03/2026.
55. Morgan Lewis (2026), *The Risks of Hallucinations and Misuse of Generative Artificial Intelligence Before French Courts*, [<https://www.morganlewis.com/pubs/2026/03/the-risks-of-hallucinations-and-misuse-of-generative-artificial-intelligence-before-french-courts>], truy cập ngày 30/03/2026.
56. Nguyễn Minh Hằng (2026), Tổng quan những điểm mới cơ bản của Luật Thi hành án dân sự năm 2025, *Tạp chí Nghề Luật*, Số 03, tr. 1-11.
57. Nhandan (2026), *Nền tảng số Thi hành án dân sự: Khi công nghệ song hành cùng thể chế hiện thực hóa Nghị quyết 57-NQ/TW*, [<https://nhandan.vn/nen-tang-so-thi-hanh-an-dan-su-khi-cong-nghe-song-hanh-cung-the-che-hien-thuc-hoa-nghi-quyet-57-nqtw-post943392.html>], truy cập ngày 12/04/2026.
58. School for the Judiciary (2025), *Artificial Intelligence, Judicial Decision-Making and Fundamental Rights (JuLIA Handbook)*, [https://ssm-italia.eu/wp-content/uploads/2025/02/JuLIA_handbook-Justice_final.pdf], truy cập ngày 01/04/2026.

59. Sourdin, T. (2018), Judge v Robot? Artificial Intelligence and Judicial Decision-Making, *UNSW Law Journal*, 41(4), tr. 1114-1133.

60. Stanford Law School (2020), *Government by Algorithm: Artificial Intelligence in Federal Administrative Agencies*, [<https://law.stanford.edu/wp-content/uploads/2020/02/ACUS-AI-Report.pdf>], truy cập ngày 01/04/2026.

61. Tạp chí Dân chủ & Pháp luật (2026), *Bộ Tư pháp tăng cường chuyển đổi số, hoàn thiện và thực thi pháp luật trong kỷ nguyên mới*, [<https://danchuphapluat.vn/bo-tu-phap-tang-cuong-chuyen-doi-so-hoan-thien-va-thuc-thi-phap-luat-trong-ky-nguyen-moi-9018.html>], truy cập ngày 01/04/2026.

62. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2026), *Quản lý nhà nước đối với trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam: Thách thức và hàm ý chính sách*, [<https://vjst.vn/quan-ly-nha-nuoc-doi-voi-tri-tue-nhan-cao-tai-viet-nam-thach-thuc-va-ham-y-chinh-sach-85061.html>], truy cập ngày 30/03/2026.

63. Tạp chí Tòa án nhân dân (2026), *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam: cơ hội, thách thức và định hướng phát triển*, [<https://tapchitoaan.vn/ung-dung-tri-tue-nhan-cao-trong-he-thong-phap-luat-viet-nam-co-hoi-thach-thuc-va-dinh-huong-phat-trien13897.html>], truy cập ngày 30/03/2026.

64. US Commission on Civil Rights (2024), *The Civil Rights Implications of the Federal Use of Facial Recognition Technology*, [<https://www.usccr.gov/files/2024-09/civil-rights-implications-of-frt.pdf>], truy cập ngày 01/04/2026.

65. VnExpress (2026), *Bốn điểm mới trong Luật Trí tuệ nhân tạo của Việt Nam*, [<https://vnexpress.net/bon-diem-moi-trong-luat-tri-tue-nhan-cao-cua-viet-nam-5046036.html>], truy cập ngày 30/03/2026.

66. WilmerHale (2024), *What Are High-Risk AI Systems Within the Meaning of the EU's AI Act?*, [<https://www.wilmerhale.com/en/insights/blogs/wilmerhale-privacy-and-cybersecurity-law/20240717-what-are-highrisk-ai-systems-within-the-meaning-of-the-eus-ai-act-and-what-requirements-apply-to-them>], truy cập ngày 30/03/2026.

67. Zalnieriute, M., Bennett Moses, L. & Williams, G. (2019), The Rule of Law and Automation of Government Decision-Making, *Modern Law Review*, 82(3), tr. 425-455.

QUỐC HỘI
Luật số: 134/2025/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT **TRÍ TUỆ NHÂN TẠO**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo (sau đây gọi là hoạt động trí tuệ nhân tạo); quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan và quản lý nhà nước đối với hoạt động trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam.

2. Hoạt động trí tuệ nhân tạo chỉ phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, cơ yếu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia vào hoạt động trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trí tuệ nhân tạo* là việc thực hiện bằng điện tử các năng lực trí tuệ của con người, bao gồm học tập, suy luận, nhận thức, phán đoán và hiểu ngôn ngữ tự nhiên.

2. *Hệ thống trí tuệ nhân tạo* là hệ thống dựa trên máy, được thiết kế để thực hiện các năng lực trí tuệ nhân tạo với các mức độ tự chủ khác nhau, có khả năng tự thích nghi sau khi được triển khai; căn cứ vào các mục tiêu được xác định rõ ràng hoặc được hình thành một cách ngầm định, hệ thống suy luận từ dữ liệu đầu vào để tạo ra các đầu ra như dự đoán, nội dung, khuyến nghị hoặc quyết định có thể gây ảnh hưởng tới môi trường vật lý hoặc môi trường số.

3. *Nhà phát triển* là tổ chức, cá nhân thực hiện việc thiết kế, xây dựng, huấn luyện, kiểm thử hoặc tinh chỉnh toàn bộ hoặc một phần mô hình, thuật toán hoặc hệ thống trí tuệ nhân tạo và có quyền kiểm soát trực tiếp đối với phương pháp kỹ thuật, dữ liệu huấn luyện hoặc tham số mô hình.

4. *Nhà cung cấp* là tổ chức, cá nhân đưa hệ thống trí tuệ nhân tạo ra thị trường hoặc đưa vào sử dụng dưới tên, thương hiệu hoặc nhãn hiệu của mình, không phụ

thuộc hệ thống đó do họ tự phát triển hay được phát triển bởi bên thứ ba.

5. *Bên triển khai* là tổ chức, cá nhân sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo thuộc phạm vi kiểm soát của mình trong hoạt động nghề nghiệp, thương mại hoặc cung cấp dịch vụ; không bao gồm trường hợp sử dụng cho mục đích cá nhân, phi thương mại.

6. *Người sử dụng* là tổ chức, cá nhân trực tiếp tương tác với hệ thống trí tuệ nhân tạo hoặc sử dụng kết quả đầu ra của hệ thống đó.

7. *Người bị ảnh hưởng* là tổ chức, cá nhân bị tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín hoặc cơ hội tiếp cận dịch vụ do việc triển khai hoặc do kết quả đầu ra của hệ thống trí tuệ nhân tạo.

8. *Sự cố nghiêm trọng* là sự kiện xảy ra trong hoạt động của hệ thống trí tuệ nhân tạo, gây ra hoặc có nguy cơ gây ra thiệt hại đáng kể đến tính mạng, sức khỏe, quyền con người, tài sản, an ninh mạng, trật tự công cộng, môi trường hoặc làm gián đoạn hoạt động của hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động trí tuệ nhân tạo

1. Lấy con người làm trung tâm; bảo đảm quyền con người, quyền riêng tư, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và an ninh quốc gia; tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

2. Trí tuệ nhân tạo phục vụ con người, không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người. Bảo đảm duy trì sự kiểm soát và khả năng can thiệp của con người đối với mọi quyết định và hành vi của hệ thống trí tuệ nhân tạo; an toàn hệ thống, an ninh dữ liệu và bảo mật thông tin; khả năng kiểm tra và giám sát quá trình phát triển và vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo.

3. Bảo đảm công bằng, minh bạch, không thiên lệch, không phân biệt đối xử và không gây hại cho con người hoặc xã hội; tuân thủ chuẩn mực đạo đức và giá trị văn hóa Việt Nam; thực hiện trách nhiệm giải trình về các quyết định và hệ quả của hệ thống trí tuệ nhân tạo.

4. Thúc đẩy phát triển trí tuệ nhân tạo xanh, bao trùm và bền vững; khuyến khích phát triển và ứng dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo theo hướng sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên và giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động trí tuệ nhân tạo

1. Có chính sách phát triển trí tuệ nhân tạo để trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững đất nước.

2. Khuyến khích thử nghiệm công nghệ có kiểm soát; áp dụng biện pháp quản lý tương xứng với mức độ rủi ro và khuyến khích cơ chế tự nguyện tuân thủ.

3. Có chính sách bảo đảm quyền và tạo điều kiện tiếp cận, học tập và thụ hưởng lợi ích từ trí tuệ nhân tạo của tổ chức, cá nhân; khuyến khích phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ an sinh xã hội, hỗ trợ người khuyết tật, người nghèo, người dân tộc thiểu số để thu hẹp khoảng cách số; bảo tồn, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Ưu tiên đầu tư và huy động nguồn lực xã hội để phát triển hạ tầng dữ liệu, hạ tầng tính toán, trí tuệ nhân tạo an toàn, nguồn nhân lực chất lượng cao và các nền tảng trí tuệ nhân tạo dùng chung mang tính chiến lược quốc gia.

5. Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công, hỗ trợ ra quyết định của cơ quan nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; khuyến khích ứng dụng rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản lý.

6. Khuyến khích các tổ chức, mạng lưới và sáng kiến xã hội thúc đẩy an toàn, đạo đức, tin cậy và xây dựng niềm tin xã hội trong phát triển trí tuệ nhân tạo.

7. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động của doanh nghiệp và các lĩnh vực kinh tế - xã hội trọng điểm; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến khích hợp tác công tư.

8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế; tham gia xây dựng và định hình chuẩn mực, khung quản trị toàn cầu; bảo đảm lợi ích và chủ quyền quốc gia trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Điều 6. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực

1. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực phải tuân thủ nguyên tắc quản lý rủi ro theo quy định của Luật này và phù hợp với pháp luật có liên quan.

2. Đối với các lĩnh vực thiết yếu có tác động trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của con người hoặc trật tự, an toàn xã hội, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo phải được quản lý rủi ro ở mức độ chặt chẽ hơn, phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực, trong đó bao gồm một số lĩnh vực sau đây:

a) Lĩnh vực y tế: bảo đảm an toàn cho người bệnh; độ tin cậy trong điều kiện sử dụng thực tế; bảo vệ dữ liệu về sức khỏe theo quy định của pháp luật;

b) Lĩnh vực giáo dục: bảo đảm phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và sự phát triển của người học; phòng ngừa rủi ro trong đánh giá, phân loại và tác động đến người học; bảo đảm an toàn dữ liệu và quyền riêng tư.

3. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động nghiên cứu khoa học phải bảo đảm tuân thủ đạo đức nghiên cứu, liêm chính khoa học và phòng ngừa hành vi gian lận, đạo văn trong quá trình nghiên cứu và công bố kết quả.

4. Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình quy định chi tiết yêu cầu về an toàn, quản lý rủi ro và điều kiện triển khai đối với việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong ngành, lĩnh vực quản lý, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật này.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Lợi dụng, chiếm đoạt hệ thống trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Phát triển, cung cấp, triển khai hoặc sử dụng các hệ thống trí tuệ nhân tạo nhằm mục đích sau đây:

- a) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của luật;
- b) Sử dụng yếu tố giả mạo hoặc mô phỏng người, sự kiện thật để lừa dối hoặc thao túng nhận thức, hành vi của con người một cách có chủ đích và có hệ thống, gây tổn hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con người;
- c) Lợi dụng điểm yếu của nhóm người dễ bị tổn thương, bao gồm trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số hoặc người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi để gây tổn hại cho chính họ hoặc người khác;
- d) Tạo ra hoặc phổ biến nội dung giả mạo có khả năng gây nguy hại nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

3. Thu thập, xử lý hoặc sử dụng dữ liệu để phát triển, huấn luyện, kiểm thử hoặc vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo trái với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và an ninh mạng.

4. Cản trở, vô hiệu hóa hoặc làm sai lệch cơ chế giám sát, can thiệp và kiểm soát của con người đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo theo quy định của Luật này.

5. Che giấu thông tin bắt buộc phải công khai, minh bạch hoặc giải trình; tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin, nhãn, cảnh báo bắt buộc trong hoạt động trí tuệ nhân tạo.

6. Lợi dụng hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá hoặc kiểm định hệ thống trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi trái quy định của luật.

Điều 8. Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo và Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo

1. Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo là nền tảng số được thiết lập nhằm hỗ trợ việc tiếp nhận, đăng ký tham gia thử nghiệm có kiểm soát; tiếp nhận thông báo kết quả phân loại hệ thống trí tuệ nhân tạo, báo cáo sự cố nghiêm trọng và báo cáo định kỳ; công khai thông tin về hệ thống trí tuệ nhân tạo, kết quả đánh giá sự phù hợp, kết quả xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và kết nối các chương trình hỗ trợ, quỹ, hạ tầng, dữ liệu dùng chung.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo được xây dựng, quản lý thống nhất để phục vụ quản lý, giám sát và công khai thông tin về hệ thống trí tuệ nhân tạo theo quy định của pháp luật.

3. Việc công khai, kết nối và chia sẻ dữ liệu trên Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo và Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và dữ liệu cá nhân.

4. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế vận hành, quản lý, khai thác Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo.

Chương II

PHÂN LOẠI VÀ QUẢN LÝ

HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO THEO RỦI RO

Điều 9. Phân loại mức độ rủi ro của hệ thống trí tuệ nhân tạo

1. Hệ thống trí tuệ nhân tạo được phân loại theo các mức độ rủi ro sau đây:
 - a) Hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao là hệ thống có thể gây thiệt hại đáng kể đến tính mạng, sức khỏe, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, an ninh quốc gia;
 - b) Hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro trung bình là hệ thống có khả năng gây nhầm lẫn, tác động hoặc thao túng người sử dụng do không nhận biết được chủ thể tương tác là hệ thống trí tuệ nhân tạo hoặc nội dung do hệ thống tạo ra;
 - c) Hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro thấp là hệ thống không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
2. Việc phân loại rủi ro của hệ thống trí tuệ nhân tạo được xác định trên cơ sở các tiêu chí về mức độ tác động đến quyền con người, an toàn, an ninh; lĩnh vực sử dụng của hệ thống, đặc biệt là lĩnh vực thiết yếu hoặc liên quan trực tiếp đến lợi ích công cộng; phạm vi người sử dụng và quy mô ảnh hưởng của hệ thống.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Phân loại và thông báo hệ thống trí tuệ nhân tạo

1. Nhà cung cấp tự phân loại hệ thống trí tuệ nhân tạo trước khi đưa vào sử dụng. Hệ thống được phân loại là rủi ro trung bình hoặc rủi ro cao phải có hồ sơ phân loại kèm theo.
2. Bên triển khai được kế thừa kết quả phân loại của nhà cung cấp và có trách nhiệm bảo đảm an toàn, nguyên vẹn của hệ thống trong quá trình sử dụng; trường hợp sửa đổi, tích hợp hoặc thay đổi chức năng làm phát sinh rủi ro mới hoặc rủi ro cao hơn thì phối hợp nhà cung cấp thực hiện phân loại lại.
3. Đối với hệ thống được phân loại là rủi ro trung bình hoặc rủi ro cao, nhà cung cấp phải thông báo kết quả phân loại cho Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo trước khi đưa vào sử dụng. Khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro thấp công khai thông tin cơ bản của hệ thống nhằm tăng tính minh bạch.
4. Trường hợp chưa xác định được mức độ rủi ro, nhà cung cấp được đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về phân loại trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật.
5. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện theo mức độ rủi ro của hệ thống:
 - a) Hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao được kiểm tra định kỳ hoặc khi có dấu hiệu vi phạm;
 - b) Hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro trung bình được giám sát thông qua báo cáo, kiểm tra chọn mẫu hoặc đánh giá của tổ chức độc lập;

c) Hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro thấp được theo dõi, kiểm tra khi có sự cố, phản ánh hoặc khi cần bảo đảm an toàn, không làm phát sinh nghĩa vụ không cần thiết cho tổ chức, cá nhân.

6. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát quy định tại khoản 5 Điều này, khi phát hiện sai lệch hoặc khai báo không trung thực, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tái phân loại, bổ sung hồ sơ hoặc tạm dừng việc sử dụng, đồng thời xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung cần thông báo, trình tự, thủ tục thông báo và hướng dẫn kỹ thuật về phân loại rủi ro.

Điều 11. Trách nhiệm minh bạch

1. Nhà cung cấp bảo đảm hệ thống trí tuệ nhân tạo tương tác trực tiếp với con người được thiết kế và vận hành để người sử dụng nhận biết khi đang tương tác với hệ thống, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Nhà cung cấp bảo đảm các nội dung âm thanh, hình ảnh, video do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra được đánh dấu ở định dạng máy đọc theo quy định của Chính phủ.

3. Bên triển khai có trách nhiệm thông báo rõ ràng khi cung cấp ra công cộng văn bản, âm thanh, hình ảnh, video được tạo ra hoặc chỉnh sửa bằng hệ thống trí tuệ nhân tạo nếu nội dung đó có khả năng gây nhầm lẫn về tính xác thực của sự kiện, nhân vật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Bên triển khai có trách nhiệm bảo đảm âm thanh, hình ảnh, video được tạo ra hoặc chỉnh sửa bằng hệ thống trí tuệ nhân tạo nhằm mô phỏng, giả lập ngoại hình, giọng nói của người thật hoặc tái hiện sự kiện thực tế phải được gắn nhãn để nhận biết để phân biệt với nội dung thật.

Đối với sản phẩm là tác phẩm điện ảnh, nghệ thuật hoặc sáng tạo, việc gắn nhãn quy định tại khoản này được thực hiện theo phương thức phù hợp, bảo đảm không làm cản trở việc hiển thị, trình diễn hoặc thương thức tác phẩm.

5. Nhà cung cấp và bên triển khai có trách nhiệm duy trì thông tin minh bạch theo quy định tại Điều này trong suốt quá trình cung cấp hệ thống, sản phẩm hoặc nội dung cho người sử dụng.

6. Chính phủ quy định chi tiết hình thức thông báo, gắn nhãn.

Điều 12. Trách nhiệm quản lý và xử lý sự cố trí tuệ nhân tạo

1. Nhà phát triển, nhà cung cấp, bên triển khai và người sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh, độ tin cậy và kịp thời phát hiện, khắc phục sự cố có khả năng gây tổn hại đến con người, tài sản, dữ liệu hoặc trật tự xã hội.

2. Khi hệ thống trí tuệ nhân tạo xảy ra sự cố nghiêm trọng, nhà phát triển, nhà cung cấp, bên triển khai, người sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm sau đây:

a) Nhà phát triển, nhà cung cấp phải khẩn trương áp dụng biện pháp kỹ thuật để khắc phục, tạm dừng hoặc thu hồi hệ thống, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền;

b) Bên triển khai và người sử dụng có nghĩa vụ ghi nhận, thông báo kịp thời sự cố và phối hợp trong quá trình khắc phục.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, xác minh và hướng dẫn xử lý sự cố; khi cần thiết, có quyền yêu cầu tạm dừng, thu hồi hoặc đánh giá lại hệ thống trí tuệ nhân tạo.

4. Báo cáo và xử lý sự cố được thực hiện qua Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo.

5. Chính phủ quy định việc báo cáo và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phù hợp với mức độ nghiêm trọng của sự cố và phạm vi ảnh hưởng của hệ thống trí tuệ nhân tạo.

Điều 13. Đánh giá sự phù hợp đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao

1. Hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao phải được đánh giá sự phù hợp theo quy định của Luật này trước khi đưa vào sử dụng hoặc khi có thay đổi đáng kể trong quá trình sử dụng. Trường hợp có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hệ thống trí tuệ nhân tạo thì còn phải thực hiện đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Đánh giá sự phù hợp là việc xác nhận hệ thống trí tuệ nhân tạo đáp ứng các yêu cầu tại Điều 14 của Luật này và được thực hiện như sau:

a) Đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao thuộc danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo phải chứng nhận sự phù hợp trước khi đưa vào sử dụng: việc đánh giá được thực hiện bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được đăng ký hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật;

b) Đối với các hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao khác: nhà cung cấp tự đánh giá sự phù hợp hoặc thuê tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được đăng ký hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả đánh giá sự phù hợp là điều kiện để hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao được phép đưa vào sử dụng; tổ chức, cá nhân có hệ thống đã được đánh giá sự phù hợp có trách nhiệm duy trì sự phù hợp và công khai thông tin theo quy định của Chính phủ, là căn cứ để thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định tại Điều 10 của Luật này.

4. Thủ tướng Chính phủ quy định Danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao, bao gồm danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo phải chứng nhận sự phù hợp trước khi đưa vào sử dụng.

5. Tổ chức đánh giá sự phù hợp, kiểm định hệ thống trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm tính độc lập, có đủ năng lực kỹ thuật theo quy định và chịu sự giám sát định kỳ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Quản lý hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao

1. Nhà cung cấp hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao có trách nhiệm sau đây:

a) Thiết lập và duy trì biện pháp quản lý rủi ro và thường xuyên rà soát khi hệ thống có thay đổi đáng kể hoặc phát sinh rủi ro mới;

b) Quản trị dữ liệu huấn luyện, kiểm thử và vận hành bảo đảm chất lượng trong phạm vi khả năng kỹ thuật và phù hợp với mục đích sử dụng của hệ thống;

c) Lập, cập nhật, lưu giữ hồ sơ kỹ thuật và nhật ký hoạt động ở mức cần thiết cho việc đánh giá sự phù hợp và kiểm tra sau khi đưa vào sử dụng; cung cấp các thông tin này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo nguyên tắc cần thiết, tương xứng với mục đích kiểm tra và không làm lộ bí mật kinh doanh;

d) Thiết kế hệ thống bảo đảm khả năng giám sát và can thiệp của con người đối với hệ thống;

đ) Thực hiện nghĩa vụ minh bạch và xử lý sự cố theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Luật này;

e) Thực hiện trách nhiệm giải trình đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mục đích sử dụng, nguyên lý hoạt động ở mức mô tả chức năng, loại dữ liệu đầu vào chủ yếu, biện pháp quản lý và kiểm soát rủi ro cùng các nội dung cần thiết phục vụ thanh tra, kiểm tra; cung cấp cho người sử dụng và người bị ảnh hưởng các thông tin công khai ở mức mô tả chức năng, cách thức vận hành và cảnh báo rủi ro để bảo đảm an toàn trong sử dụng. Việc giải trình và cung cấp thông tin không được yêu cầu tiết lộ mã nguồn, thuật toán chi tiết, bộ tham số hoặc thông tin thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ;

g) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bên triển khai trong kiểm tra, đánh giá, hậu kiểm và khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống.

2. Bên triển khai hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao có trách nhiệm sau đây:

a) Vận hành và giám sát hệ thống đúng mục đích, phạm vi và mức độ rủi ro đã được phân loại, không làm phát sinh rủi ro mới hoặc rủi ro cao hơn;

b) Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu và khả năng can thiệp của con người trong quá trình sử dụng;

c) Duy trì việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về trí tuệ nhân tạo trong quá trình vận hành hệ thống;

d) Thực hiện nghĩa vụ minh bạch và xử lý sự cố theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Luật này;

đ) Thực hiện trách nhiệm giải trình đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vận hành hệ thống, biện pháp kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố và các nội dung cần thiết phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; cung cấp cho người sử dụng và người bị ảnh hưởng các thông tin công khai ở mức mô tả chức năng, cách thức vận hành và cảnh báo rủi ro nhằm bảo đảm an toàn trong sử dụng;

e) Phối hợp với nhà cung cấp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong kiểm tra, đánh giá, hậu kiểm và khắc phục sự cố.

3. Người sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao có trách nhiệm tuân thủ quy trình vận hành, hướng dẫn kỹ thuật và các biện pháp bảo đảm an toàn; không can thiệp trái phép làm thay đổi tính năng của hệ thống; thông báo kịp thời các sự cố phát sinh cho bên triển khai.

4. Việc giải trình phải phù hợp với khả năng kỹ thuật của hệ thống, không làm lộ bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Khuyến khích nhà cung cấp, bên triển khai tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phù hợp khác để kịp thời khắc phục sự cố và bồi thường thiệt hại.

6. Nhà cung cấp nước ngoài có hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao được cung cấp tại Việt Nam phải có đầu mối liên hệ hợp pháp tại Việt Nam; trường hợp hệ thống thuộc diện bắt buộc chứng nhận sự phù hợp trước khi đưa vào sử dụng, phải có hiện diện thương mại hoặc đại diện được ủy quyền tại Việt Nam.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Quản lý hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro trung bình và thấp

1. Hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro trung bình được quản lý như sau:

a) Nhà cung cấp và bên triển khai phải bảo đảm minh bạch theo quy định tại Điều 11 của Luật này;

b) Nhà cung cấp có trách nhiệm giải trình về mục đích sử dụng, nguyên lý hoạt động ở mức mô tả chức năng, dữ liệu đầu vào chủ yếu và biện pháp quản lý rủi ro, an toàn của hệ thống khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước trong thanh tra, kiểm tra hoặc khi có dấu hiệu rủi ro hoặc sự cố; việc giải trình không yêu cầu tiết lộ mã nguồn, thuật toán chi tiết, bộ tham số hoặc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ;

c) Bên triển khai có trách nhiệm giải trình về việc vận hành, kiểm soát rủi ro, xử lý sự cố và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thanh tra, kiểm tra hoặc xử lý sự cố;

d) Người sử dụng có trách nhiệm tuân thủ quy định về thông báo, gắn nhãn hệ thống trí tuệ nhân tạo.

2. Hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro thấp được quản lý như sau:

a) Nhà cung cấp có trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Bên triển khai có trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

c) Người sử dụng có quyền khai thác, sử dụng hệ thống cho các mục đích

hợp pháp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động sử dụng của mình.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân triển khai hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro trung bình và thấp áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật về trí tuệ nhân tạo.

Chương III **PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ BẢO ĐẢM CHỦ QUYỀN** **TRÍ TUỆ NHÂN TẠO QUỐC GIA**

Điều 16. Hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia

1. Hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia là hạ tầng chiến lược, bao gồm hạ tầng do Nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức xã hội đầu tư; được phát triển như một hệ sinh thái thống nhất, mở, an toàn, có khả năng kết nối, chia sẻ và mở rộng, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

2. Nhà nước giữ vai trò định hướng, điều phối và bảo đảm năng lực hạ tầng phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia; khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức xã hội đầu tư, xây dựng và chia sẻ hạ tầng; tăng cường hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng trí tuệ nhân tạo.

3. Nhà nước đầu tư, xây dựng và vận hành hạ tầng trí tuệ nhân tạo cung cấp như dịch vụ công, phục vụ nghiên cứu, phát triển, quản lý nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm: năng lực tính toán và dữ liệu dùng chung; nền tảng huấn luyện, kiểm thử và môi trường thử nghiệm; mô hình nền tảng, mô hình trí tuệ nhân tạo đa dụng, mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số; các thành phần hạ tầng khác.

4. Hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia do Nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức xã hội đầu tư được kết nối, chia sẻ và khai thác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn, an ninh và bảo vệ dữ liệu.

5. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo quan trọng trong các lĩnh vực thiết yếu theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành phải được triển khai trên hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia để bảo đảm an toàn, an ninh và khả năng kiểm soát.

6. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế điều phối, chia sẻ, ưu đãi và biện pháp thúc đẩy phát triển hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia, phù hợp từng giai đoạn và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia.

Điều 17. Cơ sở dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo

1. Cơ sở dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo là thành phần quan trọng của hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia, bao gồm Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân, được tạo lập, quản lý và khai thác phục vụ huấn luyện, kiểm thử, đánh giá và phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sở hữu trí tuệ.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo do Nhà nước đầu tư, xây dựng và vận hành tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; được tổ chức theo nguyên tắc mở, an toàn, có kiểm soát, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, khả năng kết nối và khai thác; bao

gồm dữ liệu mở, dữ liệu mở có điều kiện và dữ liệu thương mại theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp được xây dựng, cập nhật và kết nối thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo; bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dữ liệu và an toàn thông tin.

4. Cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân phục vụ trí tuệ nhân tạo được khuyến khích chia sẻ với cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác theo cơ chế thỏa thuận; việc chia sẻ phải tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sở hữu trí tuệ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

5. Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bộ dữ liệu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực thiết yếu, trong đó ưu tiên dữ liệu văn hóa, ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số, dữ liệu thủ tục hành chính, y tế, giáo dục, nông nghiệp, môi trường, giao thông, kinh tế - xã hội và các lĩnh vực quan trọng khác.

6. Chính phủ quy định chi tiết về nguyên tắc kết nối, cơ chế chia sẻ, khai thác và bảo đảm an toàn dữ liệu trong cơ sở dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo.

Điều 18. Làm chủ công nghệ trí tuệ nhân tạo

1. Nhà nước ưu tiên phát triển và làm chủ các công nghệ trí tuệ nhân tạo cốt lõi; ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu, phát triển mô hình trí tuệ nhân tạo đa dụng, mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số, công nghệ xử lý trí thức Việt Nam, năng lực tính toán và công nghệ huấn luyện hiệu năng cao, phần cứng và bán dẫn phục vụ trí tuệ nhân tạo; thúc đẩy phát triển và ứng dụng mã nguồn mở nhằm tăng cường tự chủ công nghệ, an toàn và chủ quyền quốc gia trên môi trường số.

2. Nhà nước thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện và ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong nước; hỗ trợ tổ chức, cá nhân phát triển mô hình, thuật toán, phần mềm, phần cứng và các công nghệ nền tảng; khuyến khích giải pháp tiết kiệm tài nguyên, dễ triển khai và phù hợp điều kiện Việt Nam; phát triển năng lực nội sinh quốc gia và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo về trí tuệ nhân tạo; tăng cường hợp tác công tư để làm chủ công nghệ.

3. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ trí tuệ nhân tạo cốt lõi được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đặc thù theo quy định của pháp luật.

4. Nhà nước thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ hoạt động nghiên cứu, phân tích và mô phỏng khoa học, thiết kế và thử nghiệm công nghệ, tự động hóa quy trình nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia; tạo điều kiện để hình thành năng lực sáng tạo và làm chủ toàn bộ vòng đời công nghệ trí tuệ nhân tạo.

5. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế, tiêu chí và biện pháp thúc đẩy làm chủ công nghệ trí tuệ nhân tạo, phù hợp từng giai đoạn phát triển và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh quốc gia.

Chương IV

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO, PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 19. Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo, rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ ít nhất 03 năm một lần hoặc khi có biến động lớn về công nghệ, thị trường. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược vào chiến lược, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và bảo đảm nguồn lực thực hiện.

2. Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo được xây dựng trên cơ sở các định hướng phát triển công nghệ, hạ tầng, dữ liệu và nhân lực; thúc đẩy nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực ưu tiên; bảo đảm an toàn, đổi mới sáng tạo và chủ quyền quốc gia trên môi trường số. Chiến lược phải quy định hệ thống chỉ tiêu, phương pháp và cơ chế đo lường nhằm đánh giá mức độ phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia.

3. Nhà nước khuyến khích phát triển các nhóm công nghệ trí tuệ nhân tạo phù hợp với điều kiện Việt Nam, có tiềm năng tạo giá trị gia tăng, thân thiện môi trường, dễ ứng dụng rộng rãi và góp phần bảo đảm chủ quyền quốc gia trên môi trường số.

Điều 20. Phát triển hệ sinh thái và thị trường trí tuệ nhân tạo

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo được hưởng ưu đãi và hỗ trợ cao nhất theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, đầu tư, công nghiệp công nghệ số, công nghệ cao, chuyên đổi số và pháp luật có liên quan; được tạo điều kiện tiếp cận hạ tầng, dữ liệu và môi trường thử nghiệm phục vụ nghiên cứu, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo.

2. Nhà nước hỗ trợ phát triển hệ sinh thái và thị trường trí tuệ nhân tạo, bao gồm:

a) Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo, bao gồm sản giao dịch công nghệ và các nền tảng kết nối cung cầu;

c) Bảo đảm khả năng tiếp cận công bằng, minh bạch đối với hạ tầng tính toán, dữ liệu và môi trường thử nghiệm có kiểm soát;

d) Áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế, đầu tư và tài chính theo nguyên tắc khuyến khích nghiên cứu, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo.

3. Nhà nước khuyến khích phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo thế hệ mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ công.

4. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu và cơ quan nhà nước

được khuyến khích khai thác, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo phục vụ nghiên cứu, huấn luyện, kiểm thử và đổi mới sáng tạo, bảo đảm tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và sở hữu trí tuệ.

5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về trí tuệ nhân tạo được ưu tiên tiếp cận hạ tầng kỹ thuật, dữ liệu và môi trường thử nghiệm, được hưởng hỗ trợ về chi phí, đào tạo và kết nối thị trường phục vụ phát triển sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo.

6. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế, điều kiện và quy trình thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hệ sinh thái và thị trường trí tuệ nhân tạo.

Điều 21. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với trí tuệ nhân tạo

1. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với trí tuệ nhân tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Kết quả thử nghiệm có kiểm soát là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét:

- a) Công nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định của Luật này;
- b) Miễn, giảm hoặc điều chỉnh nghĩa vụ tuân thủ tương ứng của Luật này.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tiếp nhận, thẩm định và xử lý hồ sơ theo quy trình thẩm định và phản hồi nhanh; giám sát quá trình thử nghiệm và quyết định tạm dừng hoặc chấm dứt thử nghiệm khi có rủi ro ảnh hưởng đến an toàn, an ninh hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 22. Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia

1. Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì lợi nhuận, do Chính phủ thành lập để huy động, điều phối và phân bổ nguồn lực thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý trí tuệ nhân tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

2. Nguồn tài chính của Quỹ bao gồm nguồn do ngân sách nhà nước cấp; đóng góp, viện trợ, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài; các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, chấp nhận rủi ro trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phân bổ vốn linh hoạt theo tiến độ và yêu cầu thực hiện, không phụ thuộc năm ngân sách; được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với nhiệm vụ có tính chiến lược hoặc yêu cầu triển khai nhanh. Quỹ được ưu tiên sử dụng để đầu tư, tài trợ và hỗ trợ:

- a) Phát triển hạ tầng trí tuệ nhân tạo;

b) Nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ trí tuệ nhân tạo cốt lõi;

c) Phát triển doanh nghiệp trí tuệ nhân tạo;

d) Đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực trí tuệ nhân tạo;

đ) Nhiệm vụ đầu tư, hỗ trợ khác phục vụ mục tiêu phát triển trí tuệ nhân tạo do Chính phủ quy định.

4. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng mục đích; bảo đảm phối hợp, không trùng lặp với các quỹ tài chính nhà nước khác.

5. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế tài chính đặc thù, tổ chức, quản lý, sử dụng và giám sát Quỹ.

Điều 23. Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo

1. Nhà nước phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo theo hướng toàn diện, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo, bảo đảm hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao phục vụ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và quản lý trí tuệ nhân tạo.

2. Giáo dục phổ thông tích hợp nội dung cơ bản về trí tuệ nhân tạo, tư duy tính toán, kỹ năng số và đạo đức công nghệ vào chương trình bắt buộc; khuyến khích hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu và sáng tạo trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học được khuyến khích xây dựng chương trình đào tạo về trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu và các chuyên ngành liên quan; khuyến khích hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế trong đào tạo, thực tập, nghiên cứu và chuyên gia công nghệ.

4. Nhà nước triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, bao gồm chính sách đào tạo, học bổng, thu hút và trọng dụng chuyên gia, phát triển đội ngũ giảng viên, nhà khoa học và nhân lực quản lý trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

5. Tổ chức, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp tham gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo được hưởng cơ chế khuyến khích và ưu đãi theo quy định của pháp luật, đồng thời có trách nhiệm phối hợp trong đào tạo, nghiên cứu ứng dụng và thực hành nghề nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn.

6. Cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và trung tâm đổi mới sáng tạo có trách nhiệm hợp tác, chia sẻ tri thức và tham gia mạng lưới quốc gia, quốc tế về đào tạo, nghiên cứu và phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, trong đó quy định tiêu chuẩn, công nhận chương trình đào tạo, cơ chế huy động nguồn lực và chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân tham gia.

Điều 24. Phát triển cụm liên kết trí tuệ nhân tạo

1. Cụm liên kết trí tuệ nhân tạo là mạng lưới hợp tác giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức liên quan, được tổ chức theo hướng tăng

cường liên kết về chức năng, hạ tầng trí tuệ nhân tạo, không gian vật lý nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển trí tuệ nhân tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh.

2. Nhà nước khuyến khích phát triển cụm liên kết trí tuệ nhân tạo theo mô hình kết hợp giữa không gian vật lý tập trung và mạng lưới liên kết số; hình thành các trung tâm của cụm liên kết tại khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo; thu hút tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động của cụm liên kết, bao gồm phòng thí nghiệm, trung tâm thử nghiệm, kiểm định và các cơ sở hỗ trợ khác đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

3. Tổ chức, cá nhân là thành viên của cụm liên kết trí tuệ nhân tạo đã được công nhận được hưởng các chính sách ưu đãi sau đây:

a) Được ưu tiên truy cập và sử dụng hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia, dữ liệu dùng chung và các nền tảng thử nghiệm với chi phí ưu đãi;

b) Được hỗ trợ tham gia các chương trình đào tạo nhân lực, xúc tiến thương mại, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực trọng điểm.

4. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận, cơ chế hoạt động của cụm liên kết trí tuệ nhân tạo và chính sách ưu đãi tại khoản 3 Điều này.

Điều 25. Hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ chi phí đánh giá sự phù hợp quy định tại Luật này; được cung cấp miễn phí hồ sơ mẫu, công cụ tự đánh giá, đào tạo và tư vấn; được ưu tiên hỗ trợ từ Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia.

2. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức khoa học và công nghệ và nhóm nghiên cứu có dự án đổi mới sáng tạo khả thi được hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ để sử dụng hạ tầng tính toán, dữ liệu dùng chung, mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số, nền tảng huấn luyện, kiểm thử và dịch vụ tư vấn kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

3. Doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo được ưu tiên tham gia nhiệm vụ trong chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, nhiệm vụ phát triển công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, công nghệ chiến lược và sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; được hỗ trợ phát triển công nghệ cốt lõi, mô hình nền tảng, phân cụm và công nghệ huấn luyện hiệu năng cao theo định hướng phát triển năng lực trí tuệ nhân tạo quốc gia.

4. Doanh nghiệp tham gia thử nghiệm trí tuệ nhân tạo theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát được hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, đánh giá rủi ro, kiểm thử an toàn và kết nối với cơ sở thử nghiệm, kiểm định theo quy định của pháp luật.

5. Doanh nghiệp chia sẻ dữ liệu, mô hình, công cụ hoặc kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo được hưởng ưu đãi hoặc hỗ trợ theo quy định

của pháp luật, bảo đảm tuân thủ pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sở hữu trí tuệ.

6. Nhà nước khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và trung tâm đổi mới sáng tạo nhằm phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và mở rộng năng lực đổi mới sáng tạo; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư dài hạn vào nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo.

7. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế, chính sách, điều kiện và quy trình thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

Chương V

ĐẠO ĐỨC VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Điều 26. Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia

1. Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia được ban hành trên cơ sở các nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm an toàn, độ tin cậy và không gây hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và đời sống tinh thần của con người;

b) Tôn trọng quyền con người, quyền công dân, bảo đảm công bằng, minh bạch và không phân biệt đối xử trong phát triển và sử dụng trí tuệ nhân tạo;

c) Thúc đẩy hạnh phúc, thịnh vượng và sự phát triển bền vững của con người, cộng đồng và xã hội;

d) Khuyến khích đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

2. Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia được rà soát, cập nhật định kỳ hoặc khi có thay đổi lớn về công nghệ, pháp luật và thực tiễn quản lý.

3. Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia là căn cứ định hướng xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn chuyên ngành và chính sách khuyến khích phát triển trí tuệ nhân tạo an toàn, tin cậy và có trách nhiệm.

4. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân áp dụng Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia trong quá trình nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo nhằm bảo đảm tính minh bạch, công bằng, an toàn và tôn trọng quyền con người.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 27. Trách nhiệm đạo đức và đánh giá tác động khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công

1. Việc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công phải bảo đảm công khai, minh bạch và có trách nhiệm tuân thủ Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia.

2. Hệ thống trí tuệ nhân tạo không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của người ra quyết định theo quy định của pháp luật. Người ra quyết định chịu trách nhiệm về việc xem xét và sử dụng kết quả do hệ thống trí tuệ nhân tạo cung cấp.

3. Cơ quan vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao hoặc có tác động đáng kể đến quyền con người, công bằng xã hội hoặc lợi ích công cộng phải lập báo cáo đánh giá tác động việc sử dụng hệ thống; báo cáo gồm việc xác định rủi ro, biện pháp kiểm soát và bảo đảm khả năng giám sát, can thiệp của con người.

4. Cơ quan lập báo cáo đánh giá tác động chịu trách nhiệm về nội dung, tính trung thực và đầy đủ của báo cáo; báo cáo được công khai theo quy định của pháp luật, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh hoặc dữ liệu cá nhân.

5. Chính phủ quy định chi tiết nội dung, quy trình và trách nhiệm đánh giá tác động, quản lý rủi ro và giám sát việc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

Chương VI THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Thanh tra, kiểm tra

1. Hoạt động thanh tra trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

2. Cơ quan, tổ chức được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân trong hoạt động trí tuệ nhân tạo.

3. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ kỹ thuật, nhật ký lưu vết, dữ liệu huấn luyện và thông tin cần thiết khác để xác định nguyên nhân vi phạm, sự cố hoặc phân định trách nhiệm; việc cung cấp thông tin phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sở hữu trí tuệ.

4. Kết luận thanh tra, kiểm tra và quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Xử lý vi phạm và trách nhiệm bồi thường thiệt hại

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến trí tuệ nhân tạo, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm thì bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Trường hợp hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao được quản lý, vận hành và sử dụng đúng quy định nhưng vẫn phát sinh thiệt hại thì bên triển khai phải chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị thiệt hại. Sau khi bồi thường, bên triển khai yêu cầu nhà cung cấp, nhà phát triển hoặc các bên liên quan hoàn trả khoản tiền bồi thường nếu có thỏa thuận giữa các bên.

3. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 2 Điều này được miễn trừ trong các trường hợp sau đây:

- a) Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại;
- b) Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp hệ thống trí tuệ nhân tạo bị bên thứ ba xâm nhập, chiếm quyền điều khiển hoặc can thiệp trái pháp luật thì bên thứ ba phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Trường hợp bên triển khai, nhà cung cấp có lỗi trong việc để hệ thống bị xâm nhập, chiếm quyền điều khiển hoặc can thiệp trái pháp luật thì phải liên đới bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Chính phủ quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm do hệ thống trí tuệ nhân tạo gây ra.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Điều 30. Nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo

1. Nội dung quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo bao gồm:

- a) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình, văn bản quy phạm pháp luật về trí tuệ nhân tạo;
- b) Ban hành, tổ chức thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về trí tuệ nhân tạo;
- c) Quản lý, điều phối, phát triển hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia;
- d) Quản lý, giám sát hoạt động trí tuệ nhân tạo;
- đ) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật; thống kê, báo cáo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về trí tuệ nhân tạo;
- e) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về trí tuệ nhân tạo.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo:

- a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo;
- b) Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo trên phạm vi cả nước;
- c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo tại địa phương.

Điều 31. Nguyên tắc cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của Luật này có trách nhiệm bảo đảm bí mật thông tin và dữ liệu, bí mật kinh doanh được cung cấp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bao gồm hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu huấn luyện, mã nguồn và thuật toán theo quy định của pháp luật.

2. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu phải bảo đảm sự cần thiết, tương xứng, phù hợp với phạm vi, mục đích và nội dung của hoạt động quản lý nhà nước.

3. Thông tin, dữ liệu cung cấp phải được bảo đảm an toàn, bảo mật theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Hợp tác quốc tế

1. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ, quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Nhà nước khuyến khích hợp tác quốc tế về chia sẻ hạ tầng tính toán hiệu năng cao, dữ liệu, nhân lực, nghiên cứu khoa học và công nhận kết quả đánh giá sự phù hợp theo quy định của Luật này.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Bãi bỏ một số chương, điều, khoản, điểm của Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15

Bãi bỏ khoản 9 Điều 3, khoản 7 Điều 4, khoản 6 Điều 12, điểm đ khoản 2 Điều 34 và Chương IV của Luật Công nghiệp công nghệ số.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2026, trừ các nội dung liên quan quy định tại Điều 35 của Luật này.

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hệ thống trí tuệ nhân tạo đã được đưa vào hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, nhà cung cấp và bên triển khai có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tuân thủ theo quy định của Luật này trong thời hạn sau đây:

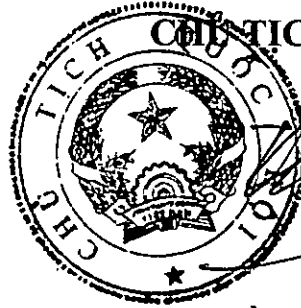
a) 18 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực y tế, giáo dục và tài chính;

b) 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành đối với các hệ thống

trí tuệ nhân tạo không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, hệ thống trí tuệ nhân tạo được tiếp tục hoạt động, trừ trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo xác định hệ thống có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì có quyền yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025_{vu}✓



Trần Thanh Mẫn